

ĐỒ QUANG - CHÍNH

Sử, Địa Đệ Nhất

VIỆT SỬ
THÊ-GIỚI SỬ
ĐỊA-LÝ



VIỆT-SỬ — THẾ-GIỚI-SỬ — ĐỊA-LÝ
ĐỆ-NHẤT ABCD

— Dùng cho Thí-sinh Tú-tài II thi viết

ĐỖ - QUANG - CHÍNH

GIÁO-SƯ ; SỬ-ĐỊA

Trường Nguyễn-bá-Tông



TOÁT YẾU
VIỆT-SỬ — THẾ-GIỚI-SỬ
ĐỊA-LÝ
ĐỆ NHẤT ABCD

Ấn-bản 66 - 67

IN LẦN THỨ NĂM

Đã sửa chữa lại

ĐƯỜNG SÁNG XUẤT-BẢN

55/14, đường Phát-Diệm — Saigon

LỜI NÓI ĐẦU

Mục-dịch tập Toát-yếu này là đề ra những điểm chính của mỗi bài đề các thí-sinh để học và có thể theo đó viết bài trong các khóa thi Tú-tài II.

Sau khi học bài Sử-Địa, thí-sinh nên cố-gắng tìm hiểu nguyên-nhân, hậu-quả, ảnh-hưởng, tương-quan, đặc-điểm, điều-kiện thuận-lợi và bất-lợi... của những sự-kIỆN.

Cuối mỗi phần Sử-Địa, chúng tôi nêu ra một số câu hỏi giáo-khoa, để giúp thí-sinh suy-luận. Tuy nhiên, nếu chỉ căn-cứ vào những câu hỏi đó mà học bài thì không đủ, nhưng thí-sinh phải học mọi bài, để có thể trả lời được nhiều câu hỏi.

Lần xuất-bản thứ năm này, chúng tôi đã cố gắng sưu-tầm những tài-liệu kinh-tế mới nhất để thay vào những tài-liệu cũ. Chính những tài-liệu đó sẽ cho người ta thấy sự tiến-triển hay thụt lùi của nền kinh-tế một quốc-gia.

19-3-1966

SOẠN-GIẢ

CHƯƠNG-TRÌNH VIỆT-SỬ

Từ năm 1884 đến nay

Dành cho Lớp Đệ Nhất ABCD

— Cách thi-hành hòa-ước 1884.

— Chính-sách của Pháp ở Việt-Nam : Tô-chức chính-trị, hành-chính, kinh-tế, tài-chính, quân-sự, giáo-dục.

— Những cuộc tranh-đấu chống Pháp :

Phong-trào Cần-vương — Phong-trào Văn-thân (Phan-đình-Phùng — Nguyễn-thiện-Thuật — Hoàng-hoa-Thám) — Phong-trào Duy-Tân và Đông-du — Phan-bội-Châu — Phan-chu-Trinh — Đông-Kinh Nghĩa-Thục. Những cuộc bạo-động và khởi-nghĩa sau khi Đông-Kinh Nghĩa-Thục tan rã.

Nguyễn-thái-Học và Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng

— Xã-hội Việt-Nam trong thời Pháp-thuộc.

— Việt-Nam trong thời đại-chiến thứ hai 1939-1945 — Nhật-Bản lập căn-cứ ở Đông-Dương — Cuộc đảo-chính 9-3-1945.

— Cao-trào tranh-thủ độc-lập và thống-nhất — Những cuộc thương-thuyết Việt-Pháp — Các hiệp-định.

PHẦN THỨ NHẤT

VIỆT-SỬ

- Chương I.* Việt-Nam dưới thời Pháp-thuộc.
- Chương II.* Việt-Nam tranh-đấu độc-lập
thời-kỳ thứ nhất (1884-1930).
- Chương III.* Việt-Nam tranh-đấu độc-lập
thời-kỳ thứ hai (1930-1945).
- Chương IV.* Việt-Nam tranh-đấu độc-lập
thời-kỳ thứ ba (1945-1954).

CHƯƠNG I

VIỆT-NAM DƯỚI THỜI PHÁP-THUỘC

Sau khi ký Hòa-ước 1862, một phần đất Việt-Nam tức là ba tỉnh Tiền-Giang đã trở thành thuộc-địa của Pháp. Mấy chục năm sau, người Pháp lại chiếm toàn-thê đất đai của Việt-Nam, biến Việt-Nam thành xứ bảo-hộ của Pháp. Kể từ năm 1884, người Pháp chính-thức cai-trị Việt-Nam và bắt đầu lấy nền văn-minh của họ thay thế hoàn-toàn nền văn-minh Việt-Nam. Pháp đã lập một chế-độ chính-trị và một hệ-thống hành chính ở Việt-Nam khác hẳn với tồ-chức của Triều-đình Huế. Người Pháp đã đưa vào Việt-Nam những tồ-chức mới lạ về Tư-pháp, Quân-sự, Văn-học v.v...

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Pháp thi-hành hòa-ước 1884.
- II. Tồ-chức chính-trị.
- III. Tồ-chức hành-chính.
- IV. Tồ-chức tư-pháp.
- V. Tồ-chức quân-đội.
- VI. Tồ-chức kinh-tế.
- VII. Tồ-chức tài-chính.
- VIII. Tồ-chức giáo-dục.
- IX. Xã-hội Việt-Nam dưới thời Pháp-thuộc.
- X. Xã-hội Việt-Nam bị thay đổi.

I. PHÁP THI-HÀNH HÒA-ƯỚC 1884

1. NỘI-DUNG HÒA-ƯỚC 1884

a) Về chính-trị.

Nước Việt-Nam phải nhận quyền bảo-hộ của Pháp. Nước Pháp sẽ đại-diện Việt-Nam về tất cả những việc đối-ngoại (Điều 1).

Một vị Khâm-sứ đại-diện chính-phủ Pháp, sẽ có phận-sự thay mặt Việt-Nam về những công việc đối-ngoại và tổ-chức công cuộc bảo-hộ của Pháp ở Việt-Nam. Vị Khâm-sứ sẽ đặt trụ-sở tại Huế (Điều 5). Tại các tỉnh Bắc-kỳ, nếu chính-phủ Pháp nhận thấy đâu cần phải đặt vị Chánh-sứ, thì sẽ đặt. Các vị này đều ở dưới quyền vị Khâm-sứ (Điều 6).

b) Kinh-tế, giao-thông.

Tại Trung-kỳ, các quan Bộ vẫn trực-tiếp thu thuế. Tại Bắc-kỳ, các vị Chánh-sứ sẽ hiệp-lực với các quan Bộ để cùng lo việc thu thuế (Điều 11). Ngành quan-thuế trên toàn-quốc sẽ đặt dưới quyền người Pháp (Điều 12).

Sẽ thiết-lập một đường điện-tín từ Sài-gòn tới Hà-nội (Điều 9). Công-dân Pháp hoặc những người bảo-hộ của Pháp, có thể di-chuyên trên toàn xứ Bắc-kỳ và tại các hải-cảng Trung-kỳ (Điều 13).

2. PHÁP THI-HÀNH TRÁI VỚI HÒA-ƯỚC 1884

a) Việc lập Tòa Thống-Sứ.

Người Pháp nhận thấy các Chánh-sứ Bắc-kỳ cũng phải trực-thuộc vị Khâm-sứ ở Huế (do Sắc-lệnh 1-9-1884), sẽ có nhiều trắc-trở không thể vượt qua được. Vì vậy ngày 27-1-1884, chính-phủ Pháp phải đặt một vị Thống-sứ Bắc-kỳ, một vị Thống-sứ Trung-kỳ (trái hòa-ước 1884). Hai vị này đặt dưới quyền vị Khâm-sứ ở Huế. Người được cử làm Khâm-sứ đầu tiên theo hệ-thống hành-chánh mới này là ông Paul Bert (27-1-1886).

b) Việc lập phủ Toàn-quyền.

Không những nước Pháp đã lập Tòa Thống-sứ Bắc-kỳ và Trung-kỳ trái với hòa-ước 1884, mà sau này Pháp còn đặt ra Phủ Toàn-quyền nữa.

Theo lời đề-nghị của Khâm-sứ Paul Bert, Pháp quyết-định lập Liên-hiệp Đông-Dương gồm các xứ Bắc, Trung, Nam-kỳ, Cam-Bốt (năm 1899-1900 thêm hai xứ Lào và Quảng-Châu-Loan). Tất cả những xứ trên đây do viên Toàn-quyền chỉ-huy. Người Pháp giữ chức Toàn-quyền đầu tiên là ông Constans (16-11-1887 đến 21-4-1888) ; tiếp đến là các ông Richaud, Piquet, Lanessan, Rousseau, Paul Doumer (1897-1902) v.v...

c) **Đòi nhượng thành phố.**

Năm 1888, người Pháp đòi vua Việt-Nam phải ký giấy nhượng đất cho Pháp ba thành-phố : Hà-nội, Hải-phòng, Đà-nẵng.

d) **Phế-lập các vua.**

Vào năm 1889, 1907, 1916, người Pháp tự-ý phế-lập vua Thành-Thái, Duy-Tân, Khải-Định.

e) **Chức Kinh-lược Bắc-kỳ và Hội-dồng Phụ-chính.**

Năm 1886, Pháp tự ý lập chức Kinh-lược Bắc-kỳ với mục-đích giảm quyền-hành Triều-đình Huế tại Bắc-kỳ và có người giúp Pháp trị-an ở đó. Năm 1897, Pháp bãi bỏ hẳn chức Kinh-lược để hoàn-toàn nắm quyền ở Bắc-kỳ.

Pháp cũng bãi bỏ Hội-dồng Phụ-chính năm 1897 và thay thế bằng Hội-dồng Nội-các, do viên Khâm-sứ Huế làm chủ-tịch.

f) **Thuế má.**

Năm 1898, Pháp hoàn-toàn kiểm-soát thuế-má, tài-chính ở Trung-kỳ và được quyền chiếm-hữu tài-sản ở miền Trung.

II. TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

1. THÀNH-LẬP LIÊN-HIỆP ĐÔNG-DƯƠNG

a) **Giai-đoạn I.**

Sau khi người Pháp chiếm Nam-kỳ biển miền này thành đất thuộc-địa của họ, đứng đầu cai-trị là một viên Thống-đốc. Vị này phải trực-thuộc bộ Hải-quân và Thuộc-địa Pháp cho tới năm 1887. Khi người Pháp chiếm đất Cam-Bốt, họ đặt tại Nam-Vang một viên Khâm-sứ để cai-trị, nhưng viên Khâm-sứ này phải dưới quyền ông Thống-đốc Nam-kỳ.

Năm 1884, nước Pháp chính-thức đặt nền bảo-hộ ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ. Đứng đầu hai xứ này là một viên Khâm-sứ ở Huế. Ông Khâm-sứ Huế lại trực-thuộc bộ Ngoại-giao Pháp.

b) Giai-đoạn II.

Năm 1887, một sắc-lệnh của Tổng-Thống Pháp đặt tất cả các xứ Đông-Dương thuộc Pháp dưới sự chỉ-huy của một ông Toàn-quyền. Hồi ấy Đông-Dương Pháp gồm Bắc, Trung, Nam-kỳ và Cam-Bốt ; đến năm 1899-1900 thêm hai xứ Lào và Quảng-Châu-Loan. Kể từ năm 1887, Pháp lập ra *Liên-hiệp Đông-Dương* và các xứ trong Liên-hiệp Đông-Dương đều đặt dưới quyền bộ Thuộc-địa Pháp.

Năm 1889, chính-phủ Pháp đặt bốn vị đại-diện cho mình tại bốn miền Bắc, Trung, Nam-kỳ, Cam-Bốt, và cho họ có quyền ngang nhau. Tất cả phải trực-thuộc ông Toàn-quyền.

2. NHỮNG CƠ-QUAN CAO-CẤP LIÊN-HIỆP ĐÔNG-DƯƠNG

a) Ông Toàn-quyền.

Ông là người đại-diện Pháp cai-trị Đông-Dương. Theo sắc-lệnh năm 1891 và 1911, Tổng-Thống Pháp trao cho Toàn-quyền việc hành-pháp cùng nhiều quyền rộng rãi về lập-pháp, tư-pháp ở Đông-Dương. Ông Toàn-quyền phải chịu trách-nhiệm trực-tiếp với bộ Thuộc-địa.

b) Hội-đồng Chính-phủ.

Được lập ra để giúp Toàn-quyền những việc quan-trọng. Mỗi năm họp ít nhất một lần :

1. *Nhiệm-vụ* : Trình-bày ý-kiến liên-hệ tới mọi vấn-đề mà Toàn-quyền bàn hỏi ; soạn-thảo ngân-sách Đông-Dương và địa-phương.

2. *Thành-phần Hội-đồng* :

- | | |
|---------------------------|-------------------------------------|
| — Toàn-quyền. | — Chủ-tịch Hội-đồng Quản-hạt. |
| — Tổng Thư-ký Toàn-quyền. | — Các Chủ-tịch phòng Thương-mại. |
| — Tổng-Tư-lệnh Quân-đội. | — Các Chủ-tịch phòng Canh-nông. |
| — Tư-lệnh Hải-quân. | — Nghị-si Nam-kỳ tại Hạ-nghị-viện. |
| — Thống-đốc Nam-Kỳ. | — 2 đại-diện cao-cấp người V.N. |
| — Các Thống-sứ. | — 1 đại-diện cao-cấp người Cam-Bốt. |
| — Các Giám-đốc Nha. | — 1 đại-diện cao-cấp người Lào. |

c) **Hội-Đồng Kinh-tế và Tài-chính.**

Lập năm 1928 gồm 28 người Pháp và 23 người địa-phương. Có nhiệm-vụ quyết-định các thứ thuế gián-thu và bàn-luận về các vấn-đề kinh-tài.

d) **Hội-đồng Quốc-phòng.**

Có nhiệm-vụ xem xét mọi vấn-đề liên-hệ tới việc phòng-thủ Đông-Dương.

e) **Thượng Hội-đồng Vệ-sinh.**

Lo về vấn-đề y-tế. Trực-tiếp giúp ý-kiến cho Tổng Thanh-tra Y-tế.

III. TỔ-CHỨC HÀNH-CHÍNH

1. TỔ-CHỨC HÀNH-CHÍNH TRUNG-ƯƠNG

a) **Văn-phòng phủ Toàn-quyền.**

Ông Toàn-quyền có một Tổng Thư-ký (thường gọi là Phó Toàn-quyền) giúp việc trực-tiếp và thay thế khi ông vắng mặt. Văn-phòng có bàn giấy : Chính-trị, Hành-chính, Quân-sự, Nhân-viên. Sau hết, trong văn-phòng Toàn-quyền còn có phòng Bí-thư.

b) **Những cơ-quan trung-ương.**

Do các Giám-đốc và Tổng Thanh-tra điều-khiển :

- | | |
|------------------------|--------------------------------|
| — Giám-đốc Tài-chính. | — Giám-đốc Tư-pháp Hành-chính |
| — Giám-đốc Giáo-dục. | — Tổng Giám-đốc Ngân-kho. |
| — Giám-đốc Quan-thuế. | — Tổng Thanh-tra Công-chính. |
| — Giám-đốc Kinh-tế-vụ. | — Tổng Thanh-tra Y-tế. |
| — Giám-đốc Bru-điện. | — Tổng Thanh-tra Nông-lâm-mục. |

2. TỔ-CHỨC HÀNH-CHÍNH ĐỊA-PHƯƠNG

a) **Tại Nam-kỳ.**

Tòa Thống-đốc Nam-kỳ đặt tại Sài-gòn. Ông Thống-đốc (dưới quyền ông Toàn-quyền) có một Hội-đồng Quản-hạt lo về ngân-sách thuộc-địa Nam-kỳ. Ngoài ra, có Hội-đồng Tư-mật gồm chính Thống-đốc (Chủ-tịch), Tư-lệnh quân-đội Nam-kỳ và Cam-Bốt, Tư-lệnh Hải-quân, vị Chương-lý...

Tại mỗi xã ở Nam-kỳ có 12 kỳ-hào được bầu ra lập thành Hội-tề. Trên xã có Tổng, nhiều Tổng hợp thành Quận, nhiều Quận thành Tỉnh (có 20 tỉnh).

b) Tại Bắc-kỳ.

Vị Thống-sứ Bắc-kỳ cũng đặt dưới quyền vị Toàn-quyền. Giúp việc Thống-sứ có một Hội-đồng Bảo-hộ, mà chính ông là Chủ-tịch. Hội-đồng gồm có Tổng Tư-lệnh quân-đội, Tư-lệnh Hải-quân, Giám-đốc Hành-chính, một đại-diện của mỗi Hội-đồng thương-mại Hà-nội, Hải-phòng, hai vị kỳ-hào Việt-Nam do vị Toàn-quyền bổ-nhiệm, vị Chánh Văn-phòng (cũng gọi là Phó Thống-sứ) của Thống-sứ là thư-ký của Hội-đồng. Khi cần, Hội-đồng có thể biến thành Tòa-án Hành-chính. Ngoài ra còn có Hội-đồng quyền-lợi Kinh-tài Pháp và Viện Dân-biểu (chỉ có quyền tư-vấn).

Tại Bắc-kỳ, không được bầu Nghị-sĩ vào Hạ Nghị-viện Pháp và không có Hội-đồng quản-hạt, vì Bắc-Kỳ là đất bảo-hộ.

c) Tại Trung-kỳ.

Từ năm 1987, vị Khâm-sứ Trung-kỳ giữ luôn trách-nhiệm Chủ-tịch Hội-đồng Nội-các. Trung-kỳ cũng có một Hội-đồng Bảo-hộ như Bắc-kỳ.

Trung-kỳ có một phòng Thương-mãi và Nông-nghiệp hỗn-hợp đặt dưới quyền Tòa-án Hành-chính Bắc-kỳ. Trung-kỳ cũng như Bắc-kỳ được cử một người vào Hội-đồng tối-cao thuộc-địa (Conseil supérieur des colonies).

IV. TỔ-CHỨC TƯ-PHÁP

1. THÀNH-LẬP TƯ-PHÁP

Sở Tư-pháp Đông-Dương bắt nguồn từ năm 1864, tức là sau khi Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông được 2 năm ; sau đó, sở Tư-pháp được cải-tiến dần dần qua các Sắc-lệnh năm 1919, 1921 và 1927.

Sở Tư-pháp Đông-Dương dưới quyền chỉ-huy của một ông Giám-đốc, thuộc quyền tối-cao của Toàn-quyền. Viên Giám-đốc thường được lựa chọn trong số các ông Chánh Nhất hoặc các ông Chương-lý tại thuộc-địa. Viên Giám-đốc Tư-pháp có quyền trên toàn cõi Đông-Dương, được coi như một Bộ-trưởng Tư-pháp trong các nước độc-lập.

2. TỔ-CHỨC TÒA ÁN

Ở Đông-Dương có hai loại Tòa-án : Tòa-án Pháp và Tòa-án « bản xứ » (trong số này có Tòa-án Việt).

a) Tòa-án Pháp.

Tòa-án này xử án người Pháp và người ngoại-quốc ở Đông-Dương theo luật nước Pháp. Ngoài ra, những vụ án chỉ liên-hệ giữa người Việt với nhau tại Nam-Kỳ (xử theo bộ « Dân-luật Giản-yếu »), tại Hà-nội, Hải-phòng và Đà-nẵng thì xử theo luật địa-phương. Tòa-án Pháp có hai cấp :

1. *Tòa Sơ-thẩm* : Vào năm 1932, có tất cả 15 Tòa tại những nơi sau đây : Sài-gòn, Hà-nội, Hải-phòng, Mỹ-tho, Vinh-long, Cần-thơ, Nam-vang, Đà-nẵng, Bạc-liêu, Bến-tre, Châu-đốc, Long-xuyên, Rạch-giá, Sóc-trăng và Trà-vinh.

2. *Tòa Thượng-thẩm* : Mỗi tòa Thượng-thẩm gồm : 1 Chánh Nhất, 2 Chánh-án phòng, 11 Cố-vấn (Tòa Sài-gòn), 9 Cố-vấn (Tòa Hà-nội), 1 Chánh Lục-sự, và nhiều Tham-tá Lục-sự. Trong Công-tổ-viện có : 1 Chương-lý, 3 Phó Chương-lý và 3 Tham-lý (Sài-gòn), 2 Tham-lý (Hà-nội).

Có 3 tòa Thượng-thẩm : một Tòa ở Sài-gòn có quyền ở Nam-kỳ, Cao-Mên, Nam-Lào và Nam Trung-kỳ ; một tòa ở Hà-nội có quyền ở Bắc-Lào, Bắc-Kỳ và Bắc Trung-kỳ ; một tòa Thượng-thẩm Đông-Dương có quyền trên các công-dân, thần-dân của Pháp tại Trung-Hoa và Thái-Lan.

b) Tòa-án Việt.

Tại Nam-kỳ không có Tòa-án Việt. Còn ở Bắc và Trung-kỳ, Tòa-án Việt chỉ được xử những vụ liên-can giữa người Việt với nhau ở ngoài ba thành-phố Hà-nội, Hải-phòng và Đà-nẵng. Riêng ở Trung-kỳ, các vị Thẩm-phán xét xử theo luật Gia-Long theo bộ « Hoàng-Việt Trung-kỳ Hộ-luật », theo các Dụ của nhà vua và theo tập-quán trong xứ.

Tại Bắc-kỳ, xét xử theo bộ « Bắc-kỳ Dân-luật » và tổ-chức Tòa-án hoàn-toàn hơn ở Trung-kỳ, vì có đủ các Tòa từ đệ I cấp tới đệ II và đệ III cấp. Tuy gọi là Tòa-án Việt, nhưng ở Tòa đệ II cấp và đệ III cấp, viên Chánh-Án vẫn là người Pháp.

Tòa đệ I cấp do các Tri-phủ, Tri-huyện, Tri-châu phụ-trách. Tòa đệ II

cấp gồm một viên Chánh-án là quan Chánh-sứ Pháp, một Phụ-thâm, một Chánh Lục-sự và Dự-thâm là người Việt. Tòa đệ III cấp, ghế Chánh-án dành cho viên Chánh Nhất tòa Thượng-thâm Pháp, một Thâm-phán người Pháp và một Phụ-thâm là người Việt.

V. TỔ-CHỨC QUÂN-ĐỘI

1. VIỆC MỘ-BINH

Khi lấy người gia-nhập quân-đội, chính-quyền buộc những người Việt phải có từ 22 tuổi trở lên (tính theo tuổi Việt-Nam). Việc nhập-ngũ có hai cách :

a) Tuyển-binh.

Khi chính-quyền cần lấy lính thì tại mỗi làng, xã, ông Lý-trưởng phải tìm cho đủ số đề nộp lên cấp trên. Thời-hạn gọi nhập-ngũ là 4 năm. Chỉ có những thứ người sau đây được miễn :

1. Người đó cần cho gia-đình (gia-đình 1 con trai).
2. Người giữ trật-tự cho khu mình ở.
3. Sinh-viên Đại-học hoặc người có bằng Tú-tài, Phò-thông.
4. Những người giúp việc cho các thương-gia và kỹ-nghệ-gia Pháp.

b) Tình-nguyện.

Người dân có thể xin nhập-ngũ từng hạn 4, 5 hoặc 6 năm ; sau đó, họ có thể tái-đăng từ 3 đến 5 năm. Riêng ở Bắc-kỳ, người dân có thể tự-ý xin nhập-ngũ 3 năm ; hết hạn, có thể xin tái tắng 1 đến 3 năm.

2. BINH-CHỦNG

a) Bộ-binh.

Gồm có một Sư-đoàn Trung-Bắc-kỳ, một Lữ-đoàn Thông, một Sư-đoàn Nam-kỳ — Cam-Bốt và một số Tiểu-đoàn Lê-Dương... Tổng-số quân-đội tới 30.000, phần lớn là bộ-binh « bản-xứ », tục gọi là lính « khổ đở ».

Các bộ Tham-mưu Sư-đoàn :

1. Bộ Tham-mưu Sư-đoàn Trung-Bắc-kỳ đóng tại Hà-nội. Sư-đoàn này gồm hai Lữ-đoàn : 1 đóng ở Hải-phòng và 1 ở Bắc-ninh.

2. Bộ Tham-mưu Sư-đoàn Nam-kỳ — Cao-Mên đóng tại Sài-gòn. Sư-đoàn này gồm : Trung-đoàn bộ-binh thuộc-địa 11, Trung-đoàn bộ-binh Việt, Tiểu-đoàn bộ-binh Mên, phân-đội Nam-Trung-kỳ.

3. Bộ Tham-mưu Lữ-đoàn Thông đóng ở Thông (Sơn-tây) ; Lữ-đoàn gồm : Trung-đoàn bộ-binh 1, Trung-đoàn bộ-binh 4.

Đề phụ-lực quân-đội chiến-đấu, ở Bắc còn có lính « khố xanh », ở Trung có lính « khố vàng ». Tổng-số gồm 12 ngàn người.

b) Không-quân.

Vào năm 1929, Đông-Dương có hai phi-đội : một ở Bắc-kỳ và một ở Nam-kỳ. Mỗi phi-đội có : phi-cơ (chừng 30 chiếc cũ), thủy-phi-cơ, tàu lướt và xe hơi.

c) Hải-quân.

Vị Tư-lệnh Hải-quân Đông-Dương vừa tùy thuộc viên Toàn-quyền vừa tùy thuộc Bộ Hải-quân Pháp. Dưới quyền viên Tư-lệnh, có Công-binh xưởng và lực-lượng Hải-quân. Về lực-lượng Hải-quân gồm có ba tuần-dương-hạm nhỏ, hai pháo-hạm, một phân-đội thủy-phi-cơ, một phân-đội tiêm-thủy-đỉnh.

VI. TỔ-CHỨC KINH-TẾ

1. CÁC GIAI-ĐOẠN KINH-TẾ Ở VIỆT-NAM

a) Từ năm 1862-1918.

Khi người Pháp chiếm Nam-kỳ rồi, nhà cầm-quyền Pháp ban không đất đai cho những người Pháp, có khi lấy cả đất của những người bỏ chạy (tản-cư) vì chiến-tranh, hay đất của người Mọi. Về xuất, nhập-cảng, người Pháp cũng giữ độc-quyền. Người Pháp còn lập Công-ty khai mỏ than Bắc-Kỳ (1888), lập nhà máy sợi tại Nam-Định, Hải-phòng (1907), nhà máy xi-măng tại Hải-phòng (1899) và mở đồn-diễn cao-su từ năm 1907.

b) Từ năm 1918-1930.

Trong thời-kỳ này, kinh-tế ở Việt-Nam *thịnh nhất*. Con số hùn vốn đã lên tới 744 triệu quan từ năm 1924-1929. Đồn-diễn cao-su cũng tăng

từ 30.000 mẫu năm 1924 lên 126 ngàn mẫu (1929), trong số đó 97.000 mẫu ở Nam-kỳ. Riêng người Âu-châu cày cấy trên 300.000 mẫu lúa năm 1931.

e) Từ năm 1930-1939.

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới cũng ảnh-hưởng nhiều tới Việt-Nam, một xứ sản-xuất nguyên-liệu và ngũ-cốc. Từ năm 1930-1938, các nhà tư-bản ở Đông-Dương bị thiếu hụt 896 triệu quan (một năm 109 triệu).

2. ĐẶC-ĐIỂM KINH-TẾ Ở VIỆT-NAM

a) Sản-xuất nguyên-liệu và nông-sản.

Nền kỹ-nghệ ở Việt-Nam còn kém cỏi ; vì thế, số sản-xuất về kỹ-nghệ chỉ có 13%. Riêng về nông-sản, hải-sản chiếm tới 72%. Vào năm 1938, Đông-Dương sản-xuất 6.310.000 tấn gạo.

b) Hoạt-động kinh-tế cổ-truyền và tân-tiến.

Một đảng người dân Việt tiếp-tục sản-xuất theo lối cũ ; một đảng, người Âu-Châu dùng phương-pháp mới-mẻ để sản-xuất, làm cho hai thứ sản-xuất không đều. Về phương-diện sản-xuất, lối hoạt-động kinh-tế tân-tiến cũng đã chiếm một địa-vị lớn, như năm 1938 sản-xuất trên 60 ngàn tấn cao-su.

c) Sự chênh-lệch giữa các giai-cấp (năm 1931) :

Số người	Hạng người	Tiền lời mỗi năm
13.400	1 người Âu lời một năm	5.000\$00
10.000	1 quân-nhân Âu lời 1 năm	600\$00
9.000	1 đại phú-gia Việt lời 1 năm	6.000\$00
820.000	1 ng. Việt trung-lưu lời 1 năm	168\$00
9.600.000	1 ng. Việt nghèo lời 1 năm	49\$00

Theo con số ghi lại trên đây, ta thấy ngay sự chênh-lệch giữa số người nghèo Việt-Nam và người giàu Việt-Nam hoặc Âu-Châu. Số người túng cực này đều thuộc hai loại người sản-xuất : Nông-dân sản-xuất lúa gạo và công-nhân hầm mỏ, cao-su. Chính quyền Pháp không bao giờ có chủ-ý

thực sự cải-tiến đời sống kinh-tế dân nghèo. Do đó, dân nghèo không hy-vọng thoát khỏi cảnh nghèo túng. Sau cuộc cách-mạng 1945, chính Cộng-sản đã lợi-dụng tình-trạng này để củng-cố địa-vị của họ.

VII. TỔ-CHỨC TÀI-CHÍNH

1. CÁC CƠ-QUAN TÀI-CHÍNH

Các cơ-quan tài-chính ở Đông-Dương bị kiểm-soát, trực-tiếp hoặc gián-tiếp do sở Kiểm-tra Tài-chính của Phủ Toàn-quyền. Có ba cơ-quan lớn sau đây :

a) Kho bạc.

Đứng đầu kho bạc Đông-Dương là một ông Tổng-chi, còn tại mỗi xứ (Bắc, Trung-kỳ...) có ông Phó-chi, ở mỗi tỉnh lại có viên Chánh-thâu.

b) Nha Thương-chính.

Nha Thương-chính có nhiệm-vụ thu thuế thương-chính và thuế gián-thu. Tại Nam-kỳ, có một viên Phó Giám-đốc Nha Thương-chính ; ở Bắc-kỳ cũng thế. Riêng tại Trung-kỳ và Cam-Bốt lại do một viên Chủ-sự lo về thương-chính.

c) Cơ-quan phát-hành tiền-tệ.

Ngay từ năm 1862, « Comptoir National d'Escompte » đã lập ở Sài-gòn một chi-nhánh ; đến năm 1875, Ngân-hàng Đông-Dương thay thế tổ-chức trên ; cùng năm đó, ngân-hàng này được quyền phát-hành tiền-tệ. Năm 1905, ông Toàn-quyền chỉ dành cho Ngân-hàng Đông-Dương được quyền đúc tiền, vì trước đây người thường dân cũng được phép đúc đồng bạc. Ngân-hàng Đông-Dương được quyền phát-hành giấy bạc đến năm 1952 thì hết.

Ngân-hàng Đông-Dương có 21 chi-nhánh tại Đông-Dương và các nơi : Ấn-Dộ Pháp, Tân Calédonie, Tahiti, Somalis, Thái-Lan, Hương-Cảng, Tân-Gia-Ba và Trung-Hoa.

2. TIỀN-TỆ VÀ THUẾ MÁ

a) Tiền-tệ.

Khi Nam-kỳ bắt đầu thuộc Pháp, thì đoàn quân viễn-chinh Pháp đem tiêu đồng bạc Mỹ-Tây-Cơ và Tây-Ban-Nha.

Đến năm 1878, Bộ-trưởng Hải-quân và Thuộc-địa Pháp cho lưu-hành ở Nam-kỳ một thứ đồng bạc nặng 27 phân 215. Năm 1895, Pháp ấn-định đồng bạc Đông-Dương nặng 27 phân. Kể từ năm 1885 đến 1930, Đông-Dương theo ngân bản-vị ; từ năm 1930 trở đi chuyển sang kim bản-vị. Đồng bạc Đông-Dương phụ-thuộc vào đồng phật-lãng Pháp mãi đến khi người Pháp phải rời bỏ hẳn Việt-Nam (Ngân-hàng Quốc-Gia Việt-Nam được thành-lập và tổ-chức từ 31-12-1954).

b) Thuế má.

Từ khi người Pháp sang cai-trị, đặt ra nhiều thứ thuế, và mỗi nơi lại khác nhau. Có mấy loại thuế đặc-biệt sau đây :

1. Thuế điền-thờ của người Âu-Châu và Trung-Hoa.
2. Thuế điền-thờ của người Việt-Nam ở Bắc, Trung và Nam:
3. Thuế thân người Việt-Nam từ 18 — 60 tuổi (đàn ông).
4. Thuế gia-đình binh-si.
5. Thuế môn bài : chợ, thuyền bè, kiếm-lâm, cầm đồ...
6. Thuế thương-chính, trước-bạ, bưu-chính...
7. Thuế thân người ngoại-quốc tại mỗi miền khác nhau :
 - Bắc-kỳ : từ 1\$00 đến 88\$00.
 - Nam-kỳ : từ 10\$00 đến 400\$00.

VIII. TỔ-CHỨC GIÁO-DỤC

1. TRƯỜNG TIỂU-HỌC VÀ TRUNG-HỌC

a) Trường học Pháp (enseignement franco-indochinois).

Những trường này dạy theo đúng chương-trình như ở Pháp. Về loại này, Pháp tổ-chức từ Tiểu-học đến Trung-học đệ I và đệ II cấp. Mục-đích là dành cho người Pháp học. Một số rất ít người Việt được học. Những trường trên được thiết-lập tại Hà-nội, Hải-phòng, Sài-gòn, Đà-lạt. Năm 1932, có 4,990 học-sinh.

b) Trường học Việt-Pháp (enseignement franco-indigène)

1. Trường sơ-cấp: Mục-đích là để cứu-vãn dân chúng khỏi mù chữ. Những trường này được tổ-chức tại các xã, gọi là trường hương học. Học-sinh trường sơ-cấp cũng học Pháp-văn sơ-sài. Khi đi thi, thí-sinh muốn thi thêm Pháp-văn cũng được. Năm 1932, có 332.112 học-sinh.

2. Trường học « cò-diền » Đông-Dương (enseignement classique indochinois): Về loại này có 3 cấp: Tiểu-học, Trung-học đệ nhất cấp, Trung-học đệ nhị cấp:

— Tiểu-học: 5 năm.

— Trung-học đệ nhất cấp: cũng gọi là Cao-đẳng Tiểu-học, gồm 4 năm: Cuối năm thứ tư, học-sinh thi bằng Cao-đẳng Tiểu-học Pháp-Việt (Diplôme de fin d'études primaires supérieures franco-indigènes).

— Trung-học đệ nhị cấp: Lúc ban đầu Trung-học đệ nhị cấp gồm 2 năm. Từ năm 1930, học-sinh phải học 3 năm ở đệ nhị cấp. Cũng từ năm 1930, Pháp bắt đầu mở khóa thi Tú-tài loại mới. Năm 1932, số học-sinh Trung-học đệ nhị cấp ở trường Bưởi (Hà-nội) và trường Pétrus Ký (Sài-gòn) chỉ được 298 người.

2. TRƯỜNG CHUYÊN-NGHIỆP VÀ ĐẠI-HỌC

a) Trường Chuyên-nghiep.

Gồm các trường Kỹ-nghệ thực-hành, Mỹ-nghệ thực-hành (Huế, Sài-gòn, Hà-nội, Hải-phòng, Gia-định, Nam-vang, Vạn-tượng), trường Thực-nghiệp (Bắc-ninh, Cao-bằng). Tại Sơn-la cũng mở một trường Thực-nghiệp cho người Thái. Tổng-số học-sinh năm 1932 là 1.941. Năm 1933, mở thêm một ban Thương-mại ở trường trung-học Bảo-hộ Hà-nội và ở trường Pétrus Ký Sài-gòn.

b) Trường Đại-học.

Ngày 17-4-1918, Toàn-quyền Albert Sarraut lập trường Đại-học Hà-nội. Sắc-lệnh 7-1-1919 (đời Toàn-quyền Albert Sarraut) thiết-lập một Chức-chỉ Năng-lực Lý-Hóa-Nhiên. Năm 1919, trường Đại-học Đông-Dương gồm có: trường Thú-y, trường Luật và Hành-chính, Sư-phạm, Nông-lâm, Công-chính, Thương-mại.

Sắc-lệnh 18-5-1921 thiết-lập trường Y-khoa và Dược-khoa. Vào năm 1932, số sinh-viên Y-khoa và Dược-khoa được 248, số sinh-viên Luật-khoa được 39. Tổng-cộng các ban : 658 sinh-viên.

Năm 1931, trường Cao-đẳng Đông-Dương được thay bằng trường Cao-đẳng Luật-học. Năm 1933, bắt đầu mở năm I cho ban Cử-nhân Luật.

IX. XÃ-HỘI VIỆT-NAM THỜI PHÁP-THUỘC

1. DÂN QUÊ VÀ LAO-ĐỘNG KỸ-NGHỆ

a) Giới Dân quê.

90% dân Việt sống ở đồng-quê. Tại Bắc và Trung-kỳ, việc phân-phối ruộng đất khác Nam-kỳ, và các cấp-bậc điền-chủ cũng khác nhau. Dân quê lại phải mượn tiền với số lời cao : Bắc, Trung từ 3 — 10% một tháng, tại Nam-kỳ có khi 1% một ngày. Vì thế, năm 1926, Pháp lập ra Nông-tín-cuộc, cho vay 10% lãi một năm.

b) Giới Lao-động kỹ-nghệ.

Giới lao-động kỹ-nghệ xuất-hiện rõ-rệt từ 1890 - 1919. Khoảng năm 1914, có chừng 55.000 nhân-công trong 200 xưởng. Năm 1920, có 221.052 thợ ; nguyên tại các mỏ đã chiếm 53.240.

Người thợ phải làm việc 11 giờ mỗi ngày. Vào năm 1936, khi Quốc-hội Pháp ra luật làm việc 40 giờ một tuần, thì ở Việt-Nam có cuộc đình-công của 50.000 thợ. Năm 1937, một người đàn bà mỗi ngày kiếm được 19 xu, người thợ chuyên-môn : 63 xu.

2. GIỚI TRUNG-LƯU, THƯỢNG-LƯU, TRÍ-THỨC

a) Giới Trung-lưu.

Gồm những nhà tiểu-công-nghệ : đan thúng rỏ, chạm-trò, dệt, thêu, họa. Ta có thể kể được 218.000 người. Ngoài ra, còn có các nhà tiểu-thương, trung điền-chủ, quản-lý, công-chức hạng dưới. Pháp cố-gắng dùng nhiều phương-sách để mở-mang giới trung-lưu, ngõ hầu làm cân cân cho xã-hội.

b) Giới Thượng-lưu.

Giới thượng-lưu Việt-Nam gồm một số các nhà vận-tải, chủ nhà in, đại thương-gia, kỹ-nghệ gia. Thực ra, giới thượng-lưu Việt-Nam hầu hết là *đại điền-chủ*.

Ta nhìn mấy con số dưới đây thì rõ :

Hạng điền chủ	Số người	%	Ruộng	%
Tiểu điền-chủ (dưới 5 mẫu)	1.776.000	94,8	1.225.000 ha	28,5
Trung điền-chủ (từ 5-50 mẫu)	92.150	4,9	1.210.000 ha	28,1
Đại điền-chủ (từ 50 mẫu trở lên)	6.530	0,3	1.355.000 ha	31,5

Năm 1930, số người nộp thuế môn-bài với giá biểu trên 450\$ (thương-gia, kỹ-nghệ, giới thượng-lưu) ở các miền như sau :

Xứ	người Âu-Châu	Trung-Hoa	Việt-Nam
Bắc	96	8	2
Nam	126	10	0

Như vậy, giới thượng-lưu Việt-Nam hầu hết là đại điền-chủ. Số đông đại điền-chủ là người ở Nam-kỳ. Nguyên tại miền Nam có 6.300 đại điền-chủ, còn Bắc-kỳ có 180 và Trung-kỳ có 50.

e) Giới Trí-thức.

Nhóm người này nằm trong giới trung-lưu và thượng-lưu. Trước khi người Pháp đặt nền đô-hộ ở Việt-Nam thì nhóm trí-thức là các nhà nho-học. Từ năm 1915 (tại Bắc-kỳ) và 1918 (tại Trung-kỳ), người Pháp bãi bỏ việc thi Hương, thi Hội, thì con em giới trung-lưu và thượng-lưu phải chuyển sang chương-trình Âu-học để có đủ năng-lực phụng-sự cho xã-hội mới ở Việt-Nam. Chính đám người trí-thức mới mẻ trên đây là một trong những nguồn động-lực chống Pháp sau này.

X. XÃ-HỘI VIỆT-NAM BỊ THAY ĐỔI

Sau khi người Pháp chiếm Việt-Nam, họ đã dùng mọi phương-thế để biến-đổi xã-hội Việt-Nam cho phù-hợp với mục-dịch xâm-lăng. Những sự thay đổi này do nhiều nguyên-nhân và có nhiều kết-quả. Sau đây, chúng ta tìm hiểu những nguyên-nhân và kết-quả chính.

1. NGUYÊN-NHÂN SỰ THAY ĐỔI

a) Nguyên-nhân chính-trị.

Đây là nguyên-nhân quan-trọng nhất. Nguyên-nhân chính-trị là yếu-tố quyết-liệt trong việc thay đổi xã-hội Việt-Nam. Đó là việc người Pháp dùng võ-lực xâm-chiếm Việt-Nam, biến nước ta thành xứ lệ-thuộc vào họ. Khi đã trở thành thuộc-địa, những cơ-cấu chính-trị trong xã-hội Việt-Nam phải thay đổi thế nào, hầu có ích-lợi cho việc cai-trị của người Pháp.

b) Nguyên-nhân kinh-tế.

Nước Việt-Nam có một nền kinh-tế chậm-tiến. Tình-trạng này trở nên bất lợi cho Pháp. Vì vậy, người Pháp muốn thu được nhiều lợi, cần phải cải-tiến trạng-thái kinh-tế Việt-Nam, bằng cách khai-thác nhiều hầm-mỏ, lập các đồn-điền cao-su, trà, cà-phê và kiến-tạo một số xưởng máy kỹ-nghệ. Đó là nguyên-nhân kinh-tế thay đổi xã-hội Việt-Nam.

c) Nguyên-nhân văn-hóa.

Nếu người Pháp chỉ thay đổi kinh-tế, chính-trị, mà không thay đổi văn-hóa, thì những sự thay đổi đó không có nền tảng vững chắc. Nên; việc đem văn-hóa Pháp thay thế cho văn-hóa Việt-Nam là điều cần-thiết. Nhờ đó, người Pháp hướng-dẫn dễ-dàng xã-hội Việt-Nam theo tinh-thần Pháp.

2. KẾT-QUẢ SỰ THAY ĐỔI

Những cuộc thay đổi lớn lao này, đem lợi-ích cho Việt-Nam thì ít, mà đem lợi cho Pháp thì nhiều. Tất cả cuộc thay đổi trong xã-hội Việt-Nam thời Pháp thuộc, đã gây ra những thiệt-hại sau này cho Việt-Nam :

a) **Người Việt-Nam phải phục-vụ Pháp.**

1. *Về chính-trị* : Trong các ngành chính-trị, hành-chính, người Pháp đều đứng đầu nắm vận-mệnh xã-hội Việt-Nam. Tuy phía Việt-Nam còn có Triều-đình và tại các tỉnh có quan Tổng-đốc, nhưng giữ một trách-nhiệm hoàn-toàn lệ thuộc Pháp. Những người Việt-Nam ở trong các cơ-sở hành-chính chỉ có những chức-vụ bé nhỏ, hoàn-toàn phải tuân-lệnh và phục-vụ người Pháp.

2. *Về kinh-tế* : Các đồn-điền, nhà máy được thiết-lập không phải để làm giàu cho xã-hội Việt-Nam. Mục-đích là để khai-thác nguyên-liệu đem về Pháp, hoặc sản-xuất những đồ thường dùng. Ngoài ra, người Pháp chủ ý dùng Việt-Nam làm thị-trường tiêu-thụ hàng hóa của họ.

b) **Gây chia rẽ giữa người Việt-Nam.**

Cách tổ-chức xã-hội Việt-Nam thời Pháp, chia thành giai-cấp hưởng-thụ và phục-vụ. Người Việt nào trung-thành với Pháp được chính-quyền thực-dân ban nhiều đặc-ân. Còn dân chúng không được người Pháp thực tâm cải-tiến, nên bị thiệt thòi nhiều.

Hơn nữa, tổ-chức chính-trị, kinh-tế của Pháp ở nước ta, đã chia người Việt thành nhiều giai-cấp khác biệt, gây bất lợi cho cuộc tranh-đấu độc-lập thống nhất nước ta sau này.

CHƯƠNG II

VIỆT-NAM TRANH-ĐẤU ĐỘC-LẬP THỜI-KỲ THỨ NHẤT (1884-1930)

Từ khi người Pháp bắt đầu đem quân sang chiếm Việt-Nam, thì không những triều-đình Việt-Nam tỏ-chức chống Pháp, mà còn có cả những phong-trào lẻ tẻ chống Pháp do các tư-nhân hoặc đảng-phái gây ra. Tuy những cuộc chống Pháp này không thành-công, nhưng cũng đã tỏ cho người Pháp biết khi-phách dân-tộc Việt-Nam. Từ năm 1884-1900 là các phong-trào Cần-vương và Văn-thân do vua Hàm-Nghi và các ông Tôn-thất-Thuyết, Phan-đình-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, Đinh-công-Tráng, Hoàng-hoa-Thám chỉ-huy; còn từ năm 1900-1930 do các ông Phan-bội-Châu, Phan-chu-Trinh, Đội Cấn Lương-ngọc-Quyển, Nguyễn-thái-Học... khởi xướng.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Phong-trào Cần-vương.
- II. Phan-đình-Phùng chống Pháp.
- III. Nguyễn-thiện-Thuật và Đinh-công-Tráng chống Pháp.
- IV. Hoàng-hoa-Thám chống Pháp.
- V. Phong-trào Đông-Du với Phan-bội-Châu.
- VI. Phong-trào Duy-Tân với Phan-châu-Trinh.
- VII. Đông-Kinh Nghĩa-Thục.
- VIII. Việt-Nam Quang-Phục Hội khởi nghĩa.
- IX. Cuộc khởi-nghĩa ở Thái-Nguyên.
- X. Mưu-sát Merlin.
- XI. Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng.

I. PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG

1. PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG SỎI.NÓI

a) Giai-đoạn thứ nhất.

Khi Pháp đem quân chiếm Gia-định hồi năm 1861, một số người Việt tự-ý đứng ra lãnh-đạo nhân-dân địa-phương chống Pháp. Trong số này có các ông Trương-công-Định, Nguyễn-trung-Trực và Nguyễn-hữu-Huân. Tuy bên ngoài, vua Tự-Đức không chấp-thuận hành-động của các ông, nhưng thực sự Ngài vẫn mong các ông thành-công trong việc chống Pháp. Chính nhóm người này đã mở đầu cho Phong-trào Cần-vương cứu quốc.

b) Giai-đoạn thứ hai : biên-cử 4-7-1885.

1. *Nguyên-nhân* : Năm 1883, vua Tự-Đức băng-hà, hoàng-gia gặp cơn khùng-hoảng : từ năm 1883 — 1885 có 4 vua thay nhau lên ngôi. Việc phế-lập 4 vua Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Phúc, Hàm-Nghi do hai Phụ-chánh Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường chủ-mưu. Hai ông này lại quyết-định dùng võ-lực chống Pháp, đầu giữa Việt-Pháp đã ký hai hòa-trước 1883, 1884. Thấy thái-độ của hai ông Phụ-chánh, nên tướng Pháp là De Courcy quyết đem quân vào Huế để bắt ông Thuyết và Tường đầu hàng hoàn-toàn. Vì thế, đêm 4-7-1885 (23-5 Ất-Dậu) ông Thuyết ra lệnh tấn-công quân của De Courcy đóng tại Mang-Cá.

2. *Hậu-quả* : Đến sáng ngày 5-7-1885 quân Pháp phản-công, chiếm được kinh-thành Huế. Tôn-thất-Thuyết, vua Hàm-Nghi và các quan chạy trốn. Kinh-thành Huế bị Pháp tàn-phá, lính Việt chết tới 1.500. Tôn-thất-Thuyết đưa vua Hàm-Nghi chạy ra Quảng-trị, lưu ở thành Tân-sở được 10 ngày rồi lần trốn sang Lào, qua đèo Qui-hợp về Ấu-sơn. Tại triều-đình Huế, người Pháp lập vua Đồng-Khánh lên ngôi (14-9-1885) thay thế vua Hàm-Nghi đã trốn. Chính ngày vua Đồng-Khánh lên ngôi, thì tại Ấu-sơn vua Hàm-Nghi cùng Tôn-thất-Thuyết ra bài hịch CẦN-VƯƠNG. Đây mới thực sự là một Phong-trào Cần-vương do chính vua Hàm-Nghi và Tôn-thất-Thuyết cầm đầu.

c) Giai-đoạn thứ ba.

Do bài hịch Cần-vương của Tôn-thất-Thuyết (thay lời vua Hàm-Nghi nói với quốc dân) mà tại nhiều tỉnh ở Bắc và Trung, các sĩ-phu đứng lên cứu nguy đất nước. Chúng ta có thể kể ra những vị sau đây : Tống-duy-Tân (Thanh-hóa), Lê-Trực (Quảng-bình), Nguyễn-Huệ (Quảng-nam), Lê-trung-Đĩnh (Quảng-ngãi), Đinh-công-Tráng (Ba-đình), Nguyễn-thiện-Thuật (Bãi-sậy), Phan-đình-Phùng (Nghệ-tĩnh), Hoàng-hoa-Thám (Yên-thế).

2. PHONG-TRÀO CẦN-VƯƠNG THẤT-BẠI

a) Vua Hàm-Nghi bị bắt.

Ngày 1-11-1888, Trương-quang-Ngọc và Nguyễn-tinh-Đình mang 20 tên Mitrông thuộc các làng Thanh-lạng và Thanh-cước, vác nổ, grom, dáo lên phía Chà-mạc, nơi vua Hàm-Nghi trú ẩn. Vì bị Ngọc và Đình làm phản bắt ngờ, nên vua Hàm-Nghi cùng đoàn tùy-tùng bị bắt nộp cho Pháp. Từ đó, Phong-trào Cần-vương tan dần, mặc dầu ông Tôn-thất-Thuyết có sang Trung-Hoa cầu viện, nhưng không kết-quả. Sau này, ông Thuyết cũng chết tại Trung-Hoa.

b) Phong-trào Văn-thân thay thế phong-trào Cần-vương.

Sau khi vua Hàm-Nghi bị bắt, một số sĩ-phu chán nản ; tuy nhiên, cũng còn một ít người chống Pháp như các ông Phan-đình-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, Hoàng-hoa-Thám tiếp-tục cứu quốc. Từ giai-đoạn này, chúng ta gọi là Phong-trào Văn-thân vì hầu hết các lãnh-tụ đều là Văn-thân (văn-học tấn-thân).

II. PHAN-ĐÌNH-PHÙNG CHỐNG PHÁP

(PHONG-TRÀO VĂN-THÂN)

1. PHAN-ĐÌNH-PHÙNG KHỞI-NGHĨA CHỐNG PHÁP

a) Quảng đời trước khi chống Pháp.

Ông là con của Phan-đình-Tuyền, sinh năm 1847 ở làng Đông-thái tỉnh Hà-tĩnh. Năm 29 tuổi ông đậu Cử-nhân, qua năm sau đậu Đình-nguyên Tiến-sĩ. Liên đó ông nhận chức Tri-phủ Yên-Khánh (Ninh-bình) rồi được

làm Ngự-sử. Năm 1883, vì ông phản-kháng hai quan Phụ-chánh Tôn-thất-Thuyết và Nguyễn-văn-Tường về việc tống giam vua Dục-Đức nên ông bị bỏ tù rồi bị lột hết chức-tước.

b) Theo phong-trào Cần-Vương.

Sau khi kinh-thành Huế thất-thủ, vua Hàm-nghi bỏ chạy trốn, rồi ban bố hịch Cần-vương cứu-quốc. Lúc đó, ông Phan-dình-Phùng đến bái-yết vua và xin hết sức giúp vua trong giai-đoạn này. Vua Hàm-Nghi liền phong cho ông chức Tán-ly quân-vụ, Thống-tướng các đạo nghĩa-quân. Từ đây, ông kéo cờ khởi-nghĩa ngay ở quê ông. Hoạt-động chống Pháp chưa được một năm thì bị quân Pháp đánh tan cơ-sở, nên ông phải tạm ngừng chống Pháp bằng võ-lực đề ra Bắc gặp các nhà chí-sĩ.

2. PHAN-ĐÌNH-PHÙNG THẮNG, BẠI

a) Phan-dình-Phùng thắng Pháp.

Trong lúc ông Phan-dình-Phùng ở ngoài Bắc thì Cao-Thắng là tay phải của ông, vẫn hoạt-động chống Pháp ở Hà-tĩnh. Chính ông Thắng đã thu-thập các thợ rèn đúc 200 khẩu súng và mộ chừng 400 quân.

Năm 1889, ông Phan-dình-Phùng ở Bắc về, thì nghĩa-quân đã khá mạnh. Ông lại ra lệnh bắt Trương-quang-Ngọc là người đã nộp vua Hàm-Nghi cho Pháp và bắt cả Tuần-phủ Đinh-nho-Quang. Từ khi ông trở về Trung, thì ở vùng Thanh, Bình, Nghệ, Tĩnh đều rải-rác có đồn quân của ông. Thời đó, chính Hoàng-cao-Khải là người giúp việc đắc-lực cho Pháp đã nhiều lần khuyên ông về hàng, nhưng ông không chịu. Hoạt-động của nghĩa-quân khá mạnh, nên Pháp phải tìm đủ cách để dẹp cho yên.

b) Phan-dình-Phùng thất bại.

Từ khi tướng Cao-Thắng bị chết (1893) ở trận Nghệ-An, lực-lượng nghĩa-quân sút hẳn. Hoàng-cao-Khải lúc đó làm Kinh-lược Bắc-kỳ, khuyên Phan-dình-Phùng về hàng, nhưng ông không chịu.

Tháng 10-1895, ông Phan-dình-Phùng về núi Quạt, thân hình liệt-nhược và bị bệnh ly trầm-trọng. Đến ngày 13-11-1895, ông tắt thở. Tổng-đốc Nguyễn-Thân, người có nhiệm-vụ trị-an từ Huế tới Nghệ-an, tìm được

mồ ông Phan, truyền khai quật lên, rồi đổ dầu đốt xương thịt ông ra tro. Sau đó, Nguyễn-Thân trộn tro ấy vào thuốc súng bắn xuống La-giang. Tướng Nguyễn-Trạch, Nguyễn-Mậu cùng 21 chiến-sĩ của ông Phan bị Pháp chém đầu.

III. NGUYỄN-THIỆN-THUART VÀ ĐINH-CÔNG-TRÁNG CHỐNG PHÁP

(PHONG-TRÀO VĂN-THÂN)

1. NGUYỄN-THIỆN-THUART CHỐNG PHÁP

a) Hoạt-dộng.

Năm 1883, ông Thuật cho quân đánh Hải-dương. Tới năm 1886, thế-lực của ông Thuật đã mạnh-mẽ suốt từ Hưng-yên tới Hải-dương lên Bắc-ninh, Phủ-lạng-thương. Quân ông Thuật đánh thành Tuyên-quang, song bị thua phải rút lui sang Tàu. Sau khi Đờng-Quê ở vùng Bãi-sậy chết, thì ông Thuật về nước giữ vùng Bãi-sậy. Khi ông chỉ-huy Bãi-sậy lần thứ hai, những cuộc xung-kích với quân Pháp lại xảy ra.

b) Thất bại.

Từ ngày một số quân-sĩ bỏ Bãi-sậy ra về, ông Thuật biết là Bãi-sậy rất nguy hiểm, nên gọi Đốc-Tịch ở Hai-sông (Hải-dương), Lưu-Kỳ ở Lục-nam về cứu Bãi-sậy. Nhưng trước khi Đốc-Tịch về tới Bãi-sậy thì phải ra hàng Hoàng-cao-Khải (1889), còn Lưu-Kỳ giao-tranh với Pháp rồi cũng tử trận (1892) với hai Thiếu-tá Pháp : Bonneau và Charpentier.

Khi hai ông Đốc-Tịch và Lưu-Kỳ bại trận rồi ông Thuật bị mất hẳn lực-lượng. Bãi-sậy chỉ còn chừng 100 quân. Ông Thuật được ông Khải dụ về hàng, nhưng ông không chịu. Kỳ cuối thời ở Bãi-sậy, ông Thuật yếu mệt. Đến năm 1897, Bãi-sậy mới bị Pháp đánh tan, còn ông Thuật phải trốn sang Trung-Hoa.

2. ĐINH-CÔNG-TRÁNG CHỐNG PHÁP

a) Hoạt-dộng.

Năm 1885, ông Cai-tổng Đinh-công-Tráng (quê ở tỉnh Hà-nam) xây chiến-lũy Ba-đình bao-bọc ba làng Hậu-thịnh, Mỹ-kê, Thượng-thọ ở tỉnh

Thanh-hóa. Chiến-lũy này rất lợi-hại, đã làm cho Pháp gặp nhiều khó-khăn trong việc giao-thông từ Bắc vào Trung. Nam quân lúc đó chỉ có độ 600 người, khí-giới thô-sơ. Buổi đầu quân Pháp khinh địch; sau bị nhiều trận mất người hại của, họ mới cố-gắng mang lực-lượng hùng-hậu tấn-công Ba-đình.

Tuy nhiên, các tướng Metzinger, Dodds và Đại-úy Joffre (sau này là Thống-chế) vẫn chưa phá nôi Ba-đình của Đinh-công-Tráng.

b) Thất-bại.

Mặc dầu thời này Pháp phải đánh phá nghĩa-quân của Phan-đình-Phùng, Nguyễn-thiện-Thuật, nhưng vẫn luôn luôn tìm cách diệt tan Ba-đình. Năm 1887, Pháp lại cho quân xung-phong vào Ba-đình nhưng bị thiệt-hại mất 50 lính và 4 sĩ-quan. Sau đó, Đại-tá Brissaud dẫn 3.530 quân đến bao vây Ba-đình trong mấy ngày liền, rồi phá tan được Ba-đình, làm Đinh-công-Tráng phải chạy tới Nghệ-an, và bị trúng đạn chết (5-10-1887).

IV. HOÀNG-HOA-THẨM CHỐNG PHÁP

(PHONG-TRÀO VĂN-THÂN)

1. HOÀNG-HOA-THẨM KHỞI-NGHĨA

a) Thân-thẻ Hoàng-hoa-Thẩm.

Họ thực của Thẩm là Trương-văn-Thẩm, con Trương-văn-Minh, ở thôn Lang-trung (Yên-thế). Năm 18 tuổi, ông lập gia-đình và sinh cậu trai tức Cả Trọng. Năm 21 tuổi, ông nhập đoàn nghĩa-binh của Lãnh-binh Bắc-ninh Trần-quang-Soạn để chống Pháp. Hồi 23 tuổi, ông theo cha nuôi là Ba-Phúc đi Vân-Nam vận-động nghĩa-binh, rồi sau đó lại về giúp việc cho Cai-Kinh ở Lạng-sơn. Cai-Kinh phong cho Thẩm làm Đề-đốc, nên người ta quen gọi là Đề-Thẩm.

b) Đề-Thẩm khởi-nghĩa.

Năm 1888, Cai-Kinh bị giết ở Lạng-sơn, Đề-Thẩm liền tập-hợp nghĩa-quân đánh Võ-giang, Quế-dương, Hiệp-hòa... Quân Pháp phải vẽ hình Đề-Thẩm treo các nơi và trao giải thưởng cho ai lấy được đầu Đề-Thẩm.

2. HOẠT-ĐỘNG QUÂN-SỰ CỦA ĐỀ-THÁM

a) Từ 1889-1909.

Tháng tư 1889, Đề-Thám (có 500 tay súng) làm lễ khao-binh, rồi chia quân chiếm các vùng Phủ-lạng-thương, Vinh-phúc-yên, Thái-nguyên, Bắc-giang, lấy Yên-thế làm căn-cứ.

Năm 1890, quân Đề-Thám bị quân Pháp tiến đánh ở Yên-thế, làm Thám phải rút quân. Hai năm sau lại bị Pháp bao vây lần nữa, nhưng nghĩa-quân cũng rút lui được, sau khi đôi bên thiệt hại nặng. Qua cuộc chiến-thắng quân Pháp ở Hữu-thế năm 1894, Thám cho xây đắp đồn lũy kiên-cố ở Yên-thế. Chính Đại-tá Grimaud đem quân đi dẹp, nhưng không thành-công.

Thấy còn yếu thế, năm 1894, ông Thám xin Đức Giám-mục Valesco làm trung-gian đầu hàng. Pháp biết Thám không thật lòng, nên được ít lâu, sai Đại-tá Galliéni và Lê-Hoan đi dẹp nghĩa-quân của Thám. Năm 1897, Thám lại cầu hòa, nhưng vẫn ngấm ngấm tổ-chức các cơ-sở nghĩa quân ở Hà-nội, Hà-đông, Phủ-lạng-thương... Năm 1908, ông dự vào việc tổ-chức đầu độc Pháp ở Hà-nội, đề đánh Pháp, nhưng không thành công.

b) Từ 1909-1913.

Từ 1909, Pháp huy-động lực-lượng tấn-công Đề-Thám. Quân của Thám tan rã, một phần bị chết, một phần ra hàng: Lý-Thu, Đề-Bào, Hai Huân ra hàng; còn trệt lại Đề-Thám, Cô Ba và Cả Dinh. Pháp tầm-nã ráo-riết, làm cho ông phải lẩn trốn vất vả. Tháng 10-1909, Cả Dinh lại ra hàng Lê-Hoan. Ngày 10-1-1913, Lương-Tam-Kỳ (theo Pháp) phái ba tên bộ hạ vào rừng Thượng-yên, nơi Đề-Thám ẩn náu. Ba tên này tự nhận là người của phong-trào cách-mạng Trung-Hoa gọi đến giúp Thám... Tuy Đề-Thám có nghi-ngờ, nhưng chưa kịp đối phó thì đêm 9-2-1913, Đề-Thám bị bọn này chặt đầu nộp cho Pháp. (Cũng có nơi nói Đề-Thám không bị chết trong dịp này).

Hoàng-hoa-Thám mất đi, đảng Nghĩa-Hưng hay phong-trào Cần-vương Yên-thế cũng chết theo. Sở dĩ phong-trào Cần-vương, Văn-thân

tan rã là vì quá thiên về quân-sự, bỏ rơi công-tác chính-trị. Chính ĐỀ-Thám cũng mắc phải bệnh này. Giả như ĐỀ-Thám biết lợi-dụng lòng phẫn-uất của dân miền Thượng-du đối với Pháp thì ĐỀ-Thám có thể nuôi-dưỡng cuộc chống Pháp được lâu dài hơn.

V. PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU VỚI PHAN-BỘI-CHÂU

1. TIỂU-SỬ PHAN-BỘI-CHÂU

a) Trước khi hoạt-động cách-mạng.

Phan-bội-Châu tự Hải-Thu, húy Bội-Châu, sau này lấy hiệu là Sào-Nam-Tử, sinh năm 1867, tại xã Đông-liệt, tỉnh Nghệ-an. Hồi 7 tuổi, cụ đã có chút tâm-tình yêu nước ; tới lúc vua Hàm-Nghi bỏ chạy trốn, cụ tổ-chức « Học-sinh nghĩa-dũng đội » nhưng bị tan rã mau chóng. Cụ phải lần tránh, rồi tiếp-tục việc học. Năm 1900, cụ đỗ Giải-nguyên trường Nghệ. Bài của cụ cả bốn kỳ được phê tru-hạng.

b) Chính-thức hoạt-động cách-mạng.

Tuy đậu Giải-nguyên, song cụ không chịu ra làm quan ; cụ liền đi chu-du Nam-Bắc để gặp các chí-sĩ Việt-Nam. Trong dịp này, cụ gặp Hoàng-hoa-Thám, Nguyễn-thượng-Hiền và các Linh-mục Thông, Tuyền, Ngọc ở Vinh. Ngoài ra, cụ còn gặp Lư-vinh-Phúc, Nguyễn-thiện-Thuật và Tăng-bạt-Hồ. Chính Tăng-bạt-Hồ là người đầu tiên (mới từ Nhật về) giúp cụ lập Phong-trào Đông-Du và đưa cụ sang Nhật năm 1905.

2. PHAN-BỘI-CHÂU LẬP DUY-TÂN HỘI VÀ MỞ PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU

a) Lập Duy-Tân Hội.

Năm 1904, cụ đã liên-kết được một số người, liền mở hội-nghị tại nhà cụ Tiểu-la, có hơn 20 người tham-dự. Trong phiên-hợp này, các chí-sĩ đồng-ý lập ra *Duy-Tân Hội* (một đảng cách-mạng) và bầu Cường-Đề làm Chủ-hội. Trong lúc đầu, Duy-Tân Hội phải hoạt-động về 3 điểm : chiêu-nạp

đảng-viên và kiếm tiền cho đảng, sưu-tầm tài-liệu, cầu-viên ngoại-bang. Đến năm 1906, Duy-Tân Hội có cơ-sở vững chắc ở Nhật và có mục-đích rõ ràng hơn. Năm 1912, Duy-Tân Hội được thay bằng tên Việt-Nam Quang-Phục-Hội và chủ-trương sẽ thiết-lập một nước Việt-Nam Cộng-Hòa.

b) Mở Phong-trào Đông-Du.

Năm 1905, ông Tăng-bạt-Hồ mới ở Nhật về thì gặp cụ Châu. Ông Hồ liền đưa Phan-bội-Châu qua Nhật để gặp Lương-khải-Siêu, Khuyển-Dương-Nghị, Đại-Ôi Trọng-Tín, Tôn-Văn... Khuyển-Dương-Nghị khuyên cụ Châu nên đưa Cường-Đề và các học-sinh V.N. sang Nhật du học. Thế là cụ Châu bí-mật về V.N. đem Cường-Đề đi Nhật và viết tập « Hải-Ngoại Huyết-Thư » để khuyến-khích thanh-niên V.N. sang Nhật du học.

Từ năm 1907-1908, có tới 200 học-sinh V.N. trốn qua Nhật gia-nhập phong-trào Đông-Du. Đề giúp cho học-sinh V.N. ở Nhật, cụ lập ra « Công-Hiến-Hội » gồm 4 cơ-quan : Kinh-tế bộ, Kỳ-luật bộ, Giao-tế bộ, Văn-thư bộ. Phong-trào Đông-Du đang tiến-hành tốt đẹp, thì năm 1908, Nhật theo lời yêu cầu của Pháp trục-xuất mọi người V.N. Do đấy, phong-trào Đông-Du tan rã. Cụ Châu và Cường-Đề cũng phải rời khỏi Nhật. Năm 1912, cụ Châu tới Quảng-Châu ; về sau đi viết báo ở Hàng-châu. Năm 1925, cụ bị Pháp bắt ở Thượng-hải, rồi giải về V.N. Cụ bị kết án chung-thân cấm-cổ, nhưng sau được giảm, chỉ bị an-trí ở Thuận-hóa. Cụ chết năm 1940.

VI. PHONG-TRÀO DUY-TÂN VỚI PHAN-CHÂU-TRINH

1. TIỂU-SỬ PHAN-CHÂU-TRINH

a) Trước khi hoạt-dộng cách-mạng.

Phan-châu-Trinh họ Phan, húy Châu-Trinh, hiệu Hy-Mã, biệt hiệu Tây-Hồ, sinh năm 1871 tại làng Tân-lộc, huyện Tiên-phước, phủ Tam-kỳ, tỉnh Quảng-nam. Lúc thiếu thời, cụ đã có tính cương-trực thông-minh, hiếu-học. Năm 1900, cụ thi Hương, đậu Cử-phân. Năm sau, cụ lại đi thi, đỗ Phó-bảng. Sau khi đậu 3 tháng, cụ được bổ làm Hành-tầu, tức là một thuộc-viên ở các Bộ thường dành cho các ông khoa-mục mới. Cụ vốn ham đọc sách báo từ Trung-Hoa đưa tới, nên cụ hiểu khá nhiều tình-hình chính-trị và học-thuyết cách-mạng Âu-Mỹ.

b) Chính-thức hoạt-dộng cách-mạng.

Từ năm 1904, cụ từ chức Hành-tầu, rồi cùng với cụ Huỳnh-thúc-Kháng, Trần-quý-Cáp chu-du Bắc-Nam đề gặp các chí-si : Hồ-tá-Bang, Nghè Tập-Xuyên, Ngô-đức-Kế, Lê-Võ, Võ-văn-Bá, Lương-văn-Can, Đào-nguyên-Phổ... Đi tới đâu, cụ cũng đề-xướng tân-học và công-kích đám hủ nho. Năm 1906, cụ quyết sang Nhật gặp cụ Phan-bội-Châu. Trong dịp ở Nhật, cụ Phan-châu-Trinh bắt đồng ý-kiến với cụ Phan-bội-Châu về *chế-độ* chính-trị V.N. và *cách* tranh-đấu độc-lập. Cụ bỏ Nhật về V.N. hoạt-dộng cách-mạng công-khai, mở ra phong-trào *Duy-Tân*.

2. KHỞI-XƯƠNG PHONG-TRÀO DUY-TÂN

a) Mục-dịch Duy-Tân.

Phong-trào Duy-Tân khác với Duy-Tân Hội của cụ Phan-bội-Châu, vì *phong-trào* Duy-Tân hoạt-dộng công-khai, còn Duy-Tân Hội là một *đảng bí-mật*, chủ-trương dùng võ-lực lật đổ chính-quyền Pháp ở Đông-Dương. Mục-dịch Phong-trào Duy-Tân :

1. *Chính-trị* : Buôi đầu tạm ôn-hòa với Pháp đề đánh đổ nền quân-chủ V.N. và lập nền Cộng-hòa, sau đó sẽ lật đổ Pháp, nhưng không bạo-động.
2. *Văn-học* : Bỏ lối học từ chương. Khuyến-khích học quốc-ngữ và các khoa-học.
3. *Xã-hội* : Bỏ kiêu mặc áo dài, búi tóc... Dân-chúng sẽ mặc Âu-phục, cắt tóc vắn, giảm bớt những tục-lệ cũ rích.
4. *Kinh-tế* : Lập các thương-đoàn, mở kỹ-nghệ...

b) Phong-trào Duy-Tân hoạt-dộng.

Năm 1907, cụ Phan-châu-Trinh công-khai diễn-thuyết ở Đông-Kinh Nghĩa-Thực và ở một vài nơi gần Hà-nội. Năm 1908, hàng vạn dân-chúng Quảng-nam kéo nhau đến Tòa-Sứ xin giảm bớt thuế. Đoàn biểu-tình cắt tóc vắn vây quanh Tòa-Sứ làm cho lính phải bắn chết mấy người rồi mới chịu giải-tán.

Phong-trào này lan rộng tới các tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên. Các quan triều-đình Huế liền đồ tội cho cụ Trinh và xúi Pháp bắt. Do đấy, cụ Trinh bị bắt, đày ra Côn-lôn. Năm 1910, cụ được ân-xá, sau đi Pháp. Năm 1922, vua Khải-định sang Pháp, cụ liền gửi thư cho vua Khải-Định kể ra 7 tội của nhà vua. Năm 1925, cụ Phan-châu-Trinh về Sài-gòn và vẫn còn diễn-thuyết về việc duy-tân đất nước. Năm sau, cụ chết tại Sài-gòn.

VII. ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC

1. ĐÔNG-ĐÌNH NGHĨA-THỰC RA ĐỜI

a) Sáng-lập viên Đông-Kinh Nghĩa-Thực.

Lập năm 1907 tại số 4 Hàng Đào, Hà-nội. Cụ Phan-bội-Châu, Phan-châu-Trinh không trực-tiếp sáng-lập và điều-khiển, trường chỉ có những chí-sĩ sau đây sáng-lập và điều-khiển thực-sự :

1. Ông *Lương-văn-Can*, sinh 1857 tại Hà-đông, đậu Cử-nhân hồi 21 tuổi, buôn bán tại số nhà 4 Hàng Đào, Hà-nội. Ông là *Thục-trưởng* Đông-Kinh Nghĩa-Thực. Năm 1914, bị Pháp bắt đi an-trí tại Nam-vang và 1924 được trở về Hà-nội rồi chết 1927.

2. Ông *Nguyễn-thương-Hiền*, 17 tuổi đậu Cử-Nhân, năm sau đậu Đình-nguyên, dạy tại trường. Năm 1908, ông sang Nhật gặp cụ Châu. Về sau tạm trú ở Trung-Hoa và ăn-tu tại một chùa ở Hàng-Châu.

3. Ông *Nguyễn-Quyền*, giữ chức *Học-giám* và giữ sổ sách về các khoản thu, tiêu trong trường.

Ngoài ba chí-sĩ trên đây, còn một số người trực-tiếp tham-dự như : Dương-bá-Trạc, Ngô-đức-Kế, Đào-nguyên-Phổ, Hoàng-tăng-Bí, Trần-tán Bình, Vũ-Trác...

b) Mục-dịch Đông-Kinh Nghĩa-Thực.

Đây là một tổ-chức cách-mạng lấy hình-thức một trường học do các nhân-sĩ V.N. điều-khiển. Chương-trình là giáo-hóa nhân-tâm để kêu gọi lòng ái-quốc toàn dân. Ngoài mục-dịch dạy văn-học, nung nấu lòng ái-quốc, Đông-Kinh Nghĩa-Thực còn là cơ-quan làm tiền bằng nhiều phương-pháp, để cung-cấp cho số học-sinh Việt-Nam đang ở Nhật.

2. HOẠT-ĐỘNG CỦA ĐÔNG-KINH NGHĨA-THỰC

a) Việc giáo-huấn.

Trường không chú-trọng đến việc dạy thơ phú cho học-sinh, mà chỉ nhằm dạy Sinh-ngữ, Khoa-học, Sử-Địa. Trường dạy 3 thứ tiếng: Việt, Hán, Pháp. Thực ra, lúc ấy học-sinh còn kém, nên trình-độ học-lực không đáng coi là quan-trọng. Trong khi dạy học thường đề-cao tinh-thần ái-quốc. Trường soạn sách giáo-khoa, những bài ca khuyến học-sinh đề phát cho học-sinh và dân-chúng. Thịnh-thoảng thường tổ-chức những cuộc diễn-thuyết về các vấn-đề văn-hóa, khoa-học...

b) Việc duy-tân.

Đông-Kinh Nghĩa-Thực cũng theo tư-tưởng của Phan-châu-Trinh, bài trừ hủ-tục, khuyến dân mặc Âu-phục, cắt tóc văn và khuếch-trương kỹ-nghệ, thương-mại. Chính cụ Phan-châu-Trinh đã diễn-thuyết tại trường về vấn-đề duy-tân.

c) Trường bị đóng cửa.

Buổi đầu, chính-quyền Pháp cho phép mở trường; sau này, người Pháp thấy trường có xu-hướng bạo-động và gửi tiền cho Phan-bội-Châu, nên cuối tháng 12-1907, Pháp đóng cửa trường. Như vậy, trường hoạt-động được 9 tháng, nhưng ảnh-hưởng lan tràn tới miền Nam Việt-Nam. Một số người bị bắt đi đày ở Côn-lôn, hoặc an-tri tại Nam-vang.

VIII. VIỆT-NAM QUANG-PHỤC HỘI KHỞI-NGHĨA

1. VIỆT-NAM QUANG-PHỤC HỘI KHỞI-NGHĨA LẦN THỨ NHẤT

a) Thành-lập Quang-phục Hội.

Sau khi tới Nhật, cụ Phan-bội-Châu chấn-chỉnh *Duy-Tân Hội* với mục-dích đánh đờ Pháp và kiến-lập nền quân-chủ lập-hiến. Đến năm 1912, cụ Phan-bội-Châu (đã bỏ Nhật sang Trung-Hoa) lại biến *Duy-Tân Hội* ra *Việt-Nam Quang-Phục Hội*. Hội này do Cường-Đề làm chủ hội, Linh-mục Mai-lão-Bạng làm ủy-viên kinh-tế, có 3 cơ-quan chính: Tổng-vụ bộ, Bình-ng nghị bộ và Chấp-hành bộ. Cụ Phan cũng cho in sách bàn đến những điều quan-trọng của hội, tức là về tôn-chỉ, kỷ-luật, kế-hoạch.

b) Việt-Nam Quang-Phục Hội bạo-dộng.

Năm 1913, đảng Việt-Nam Quang-Phục Hội ra lệnh cho ông Nguyễn-vân-Tráng ném bom giết Tuần-phủ Nguyễn-duy-Hàn ở Thái-bình. Năm 1913, đảng được Đại-sứ Đức và Áo ở Thái-Lan giúp-đỡ đề chống Pháp. Hai năm sau, đảng V.N.Q.P.H. ở Quảng-ngãi quyết-định đảo-chính, nhờ quân-đội từ ngoại quốc kéo về: một lối từ Mông-tự đến Yên-bái, một lối từ Long-châu đến Lạng-sơn, một đoàn khác từ Bắc Thái-Lan kéo qua Lào về Lai-châu. Cuộc khởi-nghĩa này không thành-công, vì ba đoàn quân kéo về đều bị Pháp đánh tan vào ngày 4-2-1915.

2. VUA DUY-TÂN CÙNG V.N.Q.P.H. KHỞI-NGHĨA LẦN THỨ HAI

a) Kế-hoạch khởi-nghĩa.

Sau khi được vua Duy-Tân chấp-thuận, V.N.Q.P.H. lại quyết-định khởi-nghĩa lần thứ hai vào ngày 3-5-1916 theo kế-hoạch như sau :

1. Tổng phát-dộng khởi-nghĩa ở các Tỉnh. Huế sẽ nổ súng báo hiệu cho các miền Bình-Trị biết.
2. Huy-dộng các đạo quân cùng nhân-dân chiếm kinh-đô.
3. Chiếm Đà-nẵng đề liên-lạc với Đức-phô.
4. Nếu thất-bại, đạo quân Quảng-nam rút vào núi Ba-nà, Quảng-ngãi rút về miền Gió-Rút, Bình-định rút vào Gia-lai.
5. Ở Huế, cuộc khởi-nghĩa do Trần-cao-Vân và Thái-Phiên lãnh-đạo.

b) Việt-Nam Quang-Phục Hội thất-bại.

Đầu tiên là âm-mưu khởi-nghĩa ở Quảng-ngãi bị lộ. Vì thế, trước mấy ngày đã định, binh lính V.N. bị tước khí-giới và bị tổng giam. Thành-phố được thiết quân-luật. Nhiều người bị bắt, 14 người bị chém trong đó có Lê-Ngưng. Hơn 200 người bị án khổ-sai và đày đi Côn-lôn.

Ở Quảng-nam cũng bị vỡ-lỡ trước ngày khởi-nghĩa, vì ông Nguyễn-Đình làm phản. Cuộc bạo-dộng ở Hội-an, Đà-nẵng cũng thất-bại theo. Hơn 100 người bị chém và nhiều người bị đày đi Côn-lôn.

Ở Huế, Tòa Thống-Sứ được tin sắp xảy bạo-động nên đề phòng cẩn-thận. Tuy thế, Trần-cao-Vân và Thái-Phiên không biết việc đã bại lộ ; đến đêm 3-5-1916, hai ông cứ đến cửa Hòa-Bình để đón vua Duy-Tân. Vua Duy-Tân vừa ra khỏi hoàng-thành liền bị bắt, rồi bị nhốt vào đồn Mang-Cá cùng với Thái-Phiên. Ông Trần-cao-Vân cũng bị bắt. Ngày 17-5-1916, ông Vân và Phiên bị chém, còn vua Duy-Tân bị đày ở đảo Réunion tại Phi-Châu. Sau vụ này, V.N.Q.P.H. hầu như bị tan.

IX. KHỞI-NGHĨA Ở THÁI-NGUYÊN NĂM 1917

I. ĐOÀN QUÂN CÁCH-MẠNG CHIẾM THÁI-NGUYÊN

a) Thành-lập đoàn « Thái-Nguyên Quang-phục Quân ».

Sau nhiều cuộc tiếp-xúc bí-mật với chi-sĩ Lương-ngọc-Quyến, các ông Đội Cấn, Giá, Trường và Xuyên (thuộc đoàn lính Khố Xanh Pháp ở Thái-nguyên) liền quyết-định khởi-nghĩa ở Thái-nguyên đêm 29-8-1917. Vào 12 giờ đêm 29-8-1917, quân cách-mạng bắt đầu bắn chết Giám-binh Noel. Liền đó, ông Đội Cấn cho thối kèn triệu-tập anh em binh-sĩ Việt-Nam trong hàng ngũ Pháp. Tất cả trại lính có 175 người, thì được 135 người theo đoàn Cách-mạng đánh Pháp, với danh hiệu là THÁI-NGUYÊN QUANG-PHỤC QUÂN.

b) Quân Cách-mạng thắng Pháp ở Thái-nguyên.

Việc quan-trọng cho quân Cách-mạng trong khi đảo-chính Pháp là đoàn Cách-mạng đi phá đê-lao, giải-phóng cho ngót 200 anh em chính-trị phạm, trong số đó có ông Lương-ngọc-Quyến. Tối sáng ngày 30-8, phần lớn tinh-lực Thái-nguyên đã lọt vào tay Nghĩa-quân. Anh em Cách-mạng, dưới quyền chỉ-huy của ông Đội Cấn, chia nhau canh gác các công sở và tuần-phòng trong phố. Ngoài cổng trại quân, treo tấm biều-ngữ « Nam-binh Phục-quốc Nghĩa-quân ». Ngay lúc nửa đêm khởi-bình, Đội Cấn với danh-nghĩa Đại Đô-Đốc, cho ra đời một bản Tuyên-ngôn ; tới sáng, ông lại công-bố một bản Tuyên-ngôn khác, trong đó ông khuyên toàn-dân hãy hợp-lực cùng Nghĩa-quân chống Pháp.

2. ĐOÀN QUÂN CÁCH-MẠNG BỊ PHÁP ĐÀN-ÁP

a) Quân Pháp tấn-công Nghĩa-quân.

Quân Cách-mạng làm chủ tình-hình ở Thái-nguyên được 7 ngày thì quân Pháp từ Hà-nội kéo lên tấn-công ò-ạt. Vì đoàn Nghĩa-quân gồm 300 người hầu hết là binh-sĩ trong hàng ngũ Pháp, nên cũng chiến-đấu tài giỏi. Vì thế, hai ngày đầu Pháp bị tổn thương khá nặng. Đợt xung-phong nào cũng bị quân Cách-mạng đánh bật ra, không thể nào vào trong tỉnh-ly được. Về sau Pháp tăng-cường hơn 500 lính, có cả trọng-pháo, nên đã đuổi quân Cách-mạng khỏi tỉnh-ly.

b) Quân Pháp tiêu-diệt Nghĩa-quân.

Khi Nghĩa-quân rút khỏi tỉnh, ông Lương-ngọc-Quyển vì bị tê chân không đi được, nên đành tự-tử để Pháp khỏi bắt sống. Trên đường rút lui, Đội Cận đem quân về Sơn-tây, Hòa-bình, rồi định đem quân tới Yên-thế. Số quân Cách-mạng mỗi ngày bớt dần, vì bị chết hay bị bắt. Vào hồi tháng 1-1918, Đội Cận chỉ còn có 4 Nghĩa-quân bên cạnh. Thấy việc không thành, Đội Cận tự bắn súng vào bụng chết. Cuộc khởi-nghĩa ở Thái-nguyên thất-bại.

X. MƯU-SÁT MERLIN

1. PHẠM-HỒNG-THÁI MƯU-SÁT TOÀN-QUYÊN MERLIN

a) Cơ-hội ám-sát.

Tháng 5-1924, Toàn-quyền Đông-Dương là Merlin sang Nhật công-cán. Khi bỏ Nhật về, ông qua Hương-Cảng và Quảng-Châu. Mặc dầu ngày giờ Merlin đi công-cán được giữ bí-mật, nhưng các nhà Cách-mạng Việt-Nam ở Quảng-Châu, Thượng-hải đều biết. Khi từ Nhật về Quảng-Châu, Merlin đi tàu quân-sự và sẽ dùng bữa tối tại khách-sạn Victoria ở Sa-diện (Shameen — Quảng-Đông) vào lúc 19 giờ ngày 19-6-1924.

b) Mưu-sát Merlin.

Người giữ trách-nhiệm mưu-sát Merlin chính là Phạm-hồng-Thái. Liệt-sĩ Thái đã bí-mật lập kế-hoạch với Lê-tán-Anh trong việc giết Merlin. Dụng-cụ ám-sát ông Thái mang theo, là 2 quả tạc-đạn và 2 khẩu súng

lục. Khi xe của Merlin vừa tới cửa khách-sạn Victoria, thì liệt-sĩ Thái cũng đi tới như một khách dự tiệc. Đúng 19 giờ, Phạm-hồng-Thái tung 2 quả tạc đạn vào bàn ăn, rồi bỏ chạy. Toàn-quyền Merlin không chết mà chỉ gây thiệt mạng cho hai ông bà Lãnh-sự Pháp, hai ông bà Giám-đốc Ngân-hàng Pháp và Giám-đốc bệnh-viện Pháp ở Quảng-Châu.

Vừa khi có tiếng súng nổ, thì Sa-diện là tô-giới ngoại-quốc ở Quảng-Châu cạnh Châu-giang, liền ở trong giới-nghiêm. Lúc đó, liệt-sĩ chạy trốn tới cửa cầu (bắc qua sông vào Sa-diện) thì bị cảnh-sát chặn lại. Phạm-hồng-Thái liền rút súng lục trong túi ra, bắn hai phát, rồi gieo mình xuống Châu-giang tự-tử. Ngày 20-6-1924, xác ông được vớt lên.

2. SAU VỤ MURU.SÁT ÔNG MERLIN

a) Người Pháp, Trung-Hoa đối với vụ này.

Mấy tuần lễ sau cuộc mưu-sát Merlin, viên Lãnh-sự Pháp ở Bắc-Kinh giao-thiệp với nhà cầm-quyền Quảng-Đông, yêu-cầu trục-xuất hết mọi người Việt-Nam và bồi-thường thiệt-hại. Nhưng Hồ-hán-Dân là Tỉnh-trưởng Quảng-Đông trả lời: "Việc này xảy ra trong tô-giới của Anh, Pháp, nên Trung-Hoa không chịu trách-nhiệm; từ đây về sau, Chính-phủ Pháp muốn cho những việc nguy-hiêm đó không phát-sinh, hãy xin cảnh-sát Trung-Hoa vào tô-giới bảo-vệ giúp". Cuối năm 1924, nhà cầm-quyền Quảng-Châu muốn đề cao liệt-sĩ Thái, nên trao cho các chí-sĩ Việt-Nam tại đó 3.000 đồng đề dời mộ liệt-sĩ đến một núi nhỏ trước Hoàng-hoa-Cương (nơi chôn 72 liệt-sĩ Trung-Hoa).

b) Ảnh-hưởng vụ mưu-sát.

Các nhà Cách-mạng V.N. ở Quảng-Châu và đảng Việt-Nam Quang-Phục Hội như chết đi sống lại do vụ ám-sát Merlin. Từ đó, các chí-sĩ lại hăng-hái hoạt-động và được phe Tôn-Văn kính-nể. Thừa dịp này, cụ Phan-bội-Châu cùng với Nguyễn-hải-Thần đi gặp ngay Tưởng-giới-Thạch, lúc đó là Hiệu-trưởng Quan-quân Học-hiệu Hoàng-Phổ và xin Tưởng cho gửi các thanh-niên Việt-Nam vào học. Chính Tưởng-giới-Thạch cùng Lý-tề-Thâm (Giám-học Hoàng-Phổ) cùng khuyên cụ Châu xây-dựng lại đảng Cách-mạng V.N.Q.P.H. và đổi tên ra Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng (giống tổ-chức Trung-Hoa Quốc-Dân-Đảng). Không may, năm 1925 cụ Châu bị Pháp bắt ở Thượng-Hải làm cho các nhà Cách-mạng Quốc-gia đều nản lòng.

XI. VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG

1. LÃNH-TỤ ĐẢNG : NGUYỄN-THÁI-HỌC

Ông Nguyễn-thái-Học sinh năm 1904 tại làng Thờ-tang, phủ Vinh-trường, tỉnh Vinh-yên. Thân sinh là ông Nguyễn-văn-Hách, một nhà tiểu nông. Buồi đầu, ông học chữ Hán, sau học ở trường tỉnh Vinh-yên. Tốt nghiệp rồi, ông Học vào trường Sư-phạm ở Hà-nội, về sau có học ở trường Thương-mại. Thời ông học ở trường Thương-mại, làm quen với tổ-chức « Nam-Đồng thư-xã ». Nhờ đó, ông gặp nhiều người có chí-hướng cách-mạng rồi cùng nhau lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng. Ông Nguyễn-thái-Học được bầu làm lãnh-tụ đảng. Ông làm cách-mạng chính-thức được 3 năm (1927 — 1930) ; đến khi vụ Yên-bái thất bại, ông bị bắt và bị xử-tử năm 1930.

2. SỰ THÀNH-LẬP VÀ ĐƯỜNG LỐI V.N.Q.D.Đ.

a) Thành-lập V.N.Q.D.Đ.

Từ đầu năm 1926, ông Phạm-tuấn-Tài, Phạm-quế-Lâm và Hoàng-phạm-Trần (Nhượng-Tống) lập nhà xuất-bản « Nam-Đồng thư-xã » để truyền-bá tư-tưởng cách-mạng cho đồng-bào. Ông Phạm-tuấn-Tài viết sách tuyên-tuyên chủ-nghĩa Tam-dân, nên được nhiều người ưa đọc. Nhưng qua ít lâu, người Pháp tịch-thu sách của « Nam-Đồng thư-xã ». Tổ-chức trên đã thu hút được một số nhà trí-thức, trong ấy có Nguyễn-thái-Học, Cao-hữu-Tạo, Nguyễn-ngọc-Sơn. Ngày 25-12-1927, nhóm này chính-thức thành-lập Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng.

b) Đường lối V.N.Q.D.Đ.

Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng theo đường lối của Quốc-Dân-Đảng Trung-Hoa. Họ theo chủ-nghĩa Tam-dân của Tôn-Văn. Họ dự-định cướp chính-quyền bằng phương-pháp tuyên-truyền, bạo-dộng, khủng-bố, nổi-loạn lẻ tẻ, để rồi lật đổ chính-quyền Pháp ở Việt-Nam. Họ sửa-soạn lập một chính-thề Việt-Nam Cộng-Hòa và lập 5 viện : Tối-cao Pháp-viện, Hành-chính viện, Lập-pháp viện, Khảo-thí viện và Giám-sát viện. Về phương-diện tổ-chức đảng, họ cũng theo tổ-chức của Quốc-Dân-Đảng Trung-Hoa.

3. HOẠT-ĐỘNG CỦA VIỆT-NAM QUỐC-DÂN-ĐẢNG

a) Củng-cố và phát-triển.

Ngay từ buổi đầu, ông Học đã được bầu làm lãnh-tụ của đảng. Năm 1928, ông gửi sang Thái-Lan một phái-đoàn ba người, đề tuyên-truyền cho Việt-kiều tại đó. Nhưng V.N.Q.D.Đ. không thành-công, vì tại Thái, đảng Thanh-niên của ông Nguyễn-ái-Quốc hoạt-động khá mạnh.

Tại Nam-Kỳ, V.N.Q.D.Đ. đã lập được 6 tiểu-tò. Tại Bắc và Trung-Kỳ, V.N.Q.D.Đ. thu lượm được nhiều kết-quả hơn. Vào năm 1929, ở Bắc đã có 120 tiểu-tò, gồm 1.500 đảng-viên, trong số có 120 hạ si-quan.

b) Cuộc khởi-nghĩa tại Yên-bái.

Ngày 9-2-1929, V.N.Q.D.Đ. cho người ám-sát Bazin, một người đứng ra mộ phu di Nam-Kỳ và Nouvelles-Hébrides. Sau cuộc ám-sát này, tới 200 đảng-viên bị bắt, nhưng ông Học và ông Nguyễn-khác-Nhu trốn được.

Dầu đảng có bị Pháp tàn hại, nhưng đảng-trưởng Nguyễn-thái-Học cũng họp các đảng-viên cao-cấp lại, đề chuẩn-bị chiếm Yên-bái vào ngày 10-2-1930 và mấy tỉnh khác. Đúng 1 giờ đêm 10-2, V.N.Q.D.Đ. cướp Yên-bái, nhưng đến sáng có quân Pháp tiếp-viện, nên Q.D.Đ. phải rút lui. Trong khoảng từ 10 đến 15-2-1930, V.N.Q.D.Đ. còn nổi dậy ở Hưng-hóa, Sơn-tây, Bắc-ninh, Hải-dương, Hà-nội, nhưng không thành công. Ông Học, Phó-dức-Chính, Đoàn-trần-Nghiệp (Ký-Con) bị Pháp bắt. Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng tan rã.

Ngày 28-3-1930, Hội-Đồng Đê-Hình họp ở Yên-bái khép án 10 người khồ-sai hữu-hạn, 34 người khồ sai chung-thân, 50 người bị đày và 40 người tử-hình ; trong số tử-hình có Nguyễn-thái-Học. Ngày 17-6-1930, ông Học cùng với 12 đồng-chí bị xử chém tại Yên-bái. Riêng cô Giang (coi như vợ ông Học) sau khi bí-mật dự cuộc xử-tử ông Học, trở về Đồng-Vệ (Vinh-tường) tự-tử bằng súng lục.

TRUNG - HOA

LÀO - CAI

TUYÊN - QUANG

YÊN - THẾ

LANG - SƠN

MÔNG - CÁI

YÊN - BAI

BẮC - NINH

HẢI - ĐƯƠNG

HẢI - PHÒNG

HANOI

BỒI SƠN

THANH - HÓA

LÀO

HÀ - TĨNH

ĐÔNG

S. Giangk

QUẢNG - BÌNH

HẢI

S. Bék

QUẢNG - TRÍ

HUẾ

THÁI - LAN

QUẢNG - NAM

S. Cửu - long

QUẢNG - NGÃI

CAM - BỐT

CAM - RANH

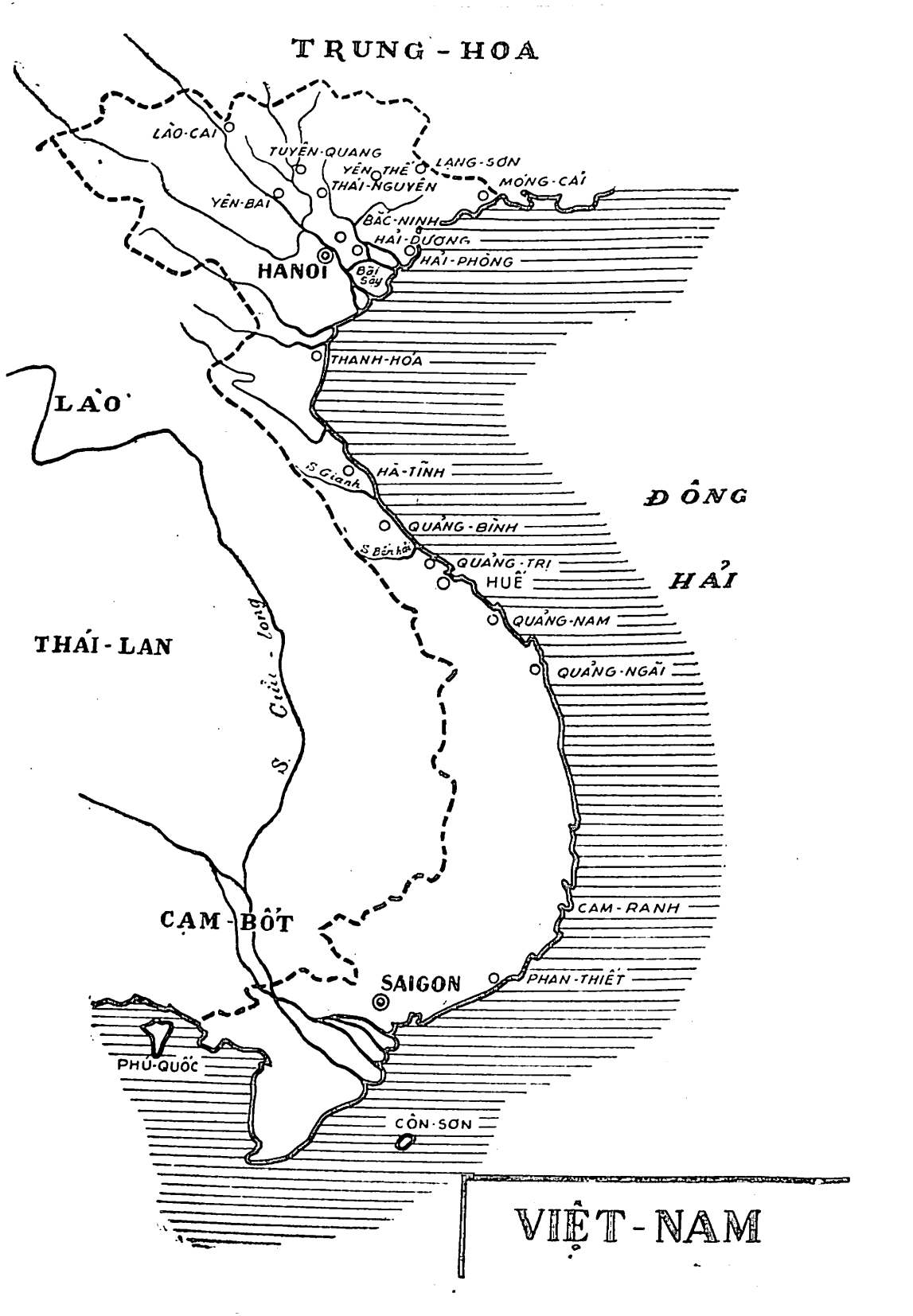
SAIGON

PHAN - THIẾT

PHÙ - QUỐC

CÔN - SƠN

VIỆT - NAM



VIỆT-NAM TRANH-ĐẤU ĐỘC-LẬP
THỜI-KỲ THỨ HAI
(1930 — 1945)

Những năm về trước, cuộc tranh-đấu độc-lập do các nhà ái-quốc khởi-xướng không thành-công, vì cuộc tranh-đấu có tính-cách lẻ-tẻ, vội-vàng thiếu kinh-nghiệm, thiếu phương-pháp... Từ năm 1930 - 1945, cuộc tranh-đấu độc-lập tuy không thắng-lợi, nhưng nó cũng đã thu được nhiều kết-quả hơn thời-kỳ thứ nhất.

Trong thời-kỳ này, một nhóm tranh-đấu mạnh-mẽ là Đông-Dương Cộng-Sản Đảng. Ngoài ra từ năm 1940 khi quân Nhật chiếm Việt-Nam rồi, cũng có một số đảng-phái đứng ra chống Pháp. Tới khi cuộc đại-chiến II kết-liệu ở Á-Châu, nhân-dân Việt-Nam cũng đứng dậy chống Pháp mạnh-mẽ, làm cho cuộc tranh-đấu độc-lập trở thành một cao-trào, rồi cứ thế mà tiến cho tới khi tranh-thủ được hoàn-toàn độc-lập.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Đông-Dương Cộng-Sản Đảng.
- II. Nhật lập căn-cứ ở Đông-Dương
- III. Cuộc đảo-chính 9-3.1945.
- IV. Cao-trào tranh-thủ độc lập phát-khởi.

I. ĐÔNG-DƯƠNG CỘNG-SẢN ĐẢNG

ĐỨNG ĐẦU MẶT TRẬN VIỆT-MINH

1. THÀNH-LẬP ĐÔNG-DƯƠNG CỘNG-SẢN ĐẢNG

a) Người lãnh-đạo.

Người sáng-lập Đông-Dương Cộng-Sản Đảng là ông Nguyễn-văn-Cung, sinh năm 1890 tại huyện Nam-đàn, Nghệ-an. Năm 1911, ông phải bỏ Việt-Nam, trốn ra ngoại-quốc. Đến năm 1919, ông về ở Ba-Lê, đổi tên là Nguyễn-ái-Quốc, rồi sau sang Trung-Hoa (1924) làm thông-ngôn cho phái-bộ Borodine (Nga) tại Quảng-Châu. Năm 1943, vì một hoàn-cảnh đặc-biệt, ông lấy tên là Hồ-chí-Minh. Hiện nay, ông Hồ-chí-Minh chỉ-huy Cộng-sản ở miền Bắc Việt-Nam.

b) Đông-Dương Cộng-Sản Đảng ra đời.

Năm 1924, ông Lý-Thụy tức Hồ-chí-Minh, cùng với cụ Phan-bội-Châu, ông N. Roy (Ấn) và nhiều nhà ái-quốc Đại-Hàn lập Liên-đoàn Dân-tộc Bị-trị (gọi là *A-tế-A áp-bức nhược-tiêu dân-tộc*). Tới khi cụ Châu bị bắt, Lý-Thụy cùng với Hồ-tùng-Mậu lập ra *Việt-Nam Thanh-Niên Cách-Mạng Đồng-Chí Hội*. Đến năm 1929, V.N.T.N.C.M.Đ.C.H. chia rẽ, phân ra hai đảng: *Đông-Dương Cộng-Sản Đảng* và *An-Nam Cộng-Sản Đảng*; đồng thời đảng Tân-Việt tự biến ra *Đông-Dương Liên-Đoàn Cộng-Sản*.

Vì cả ba đảng Cộng-Sản cùng có một mục-đích, cùng hoạt-động ở Đông-Dương, nên năm 1930 ông Lý-Thụy thống-nhất ba đảng lại, gọi là **ĐÔNG-DƯƠNG CỘNG-SẢN ĐẢNG**.

2. HOẠT-ĐỘNG CỦA ĐÔNG-DƯƠNG CỘNG-SẢN ĐẢNG

a) Từ năm 1925 — 1931.

Ngay khi vừa lập đảng, ông Lý-Thụy đã gửi một số thanh-niên mới ở Việt-Nam sang Trung-Hoa, nhập học trường võ-bị Hoàng-Phổ do Tưởng-giới-Thạch làm Giám-đốc. Năm 1927, đảng Cộng-Sản của ông Lý-Thụy bị Tưởng-giới-Thạch đàn áp.

Bốn năm sau, Đ.D.C.S.Đ. được Đệ-Tam Quốc-tể công-nhận. Lúc ấy, họ đã có 1.500 đảng-viên và 100.000 nông-dân, thợ-thuyền trong tay. Cộng-Sản cũng đã chỉ-huy cuộc biểu-tình của 20.000 nông-dân ở huyện

Nam-đàn (1930). Sau vụ này, Lý-Thụy bị bắt giam ít lâu ở Hương-Cảng. Từ đó, hoạt-động của Cộng-sản giảm bớt nhiều.

b) Từ năm 1936 — 1945.

Năm 1936, chính-phủ Bình-dân Pháp ra đời. Đ.D.C.S.Đ. lại được hoạt-động dẽ-dàng ở Việt-Nam. Năm 1941, Đ.D.C.S.Đ. lập ra mặt trận Việt-Minh (Việt-Nam Độc-lập Đồng-minh). Sau khi cướp chính-quyền, Đ.D.C.S.Đ. tự tuyên-bố giải-tán đề an lòng phe Quốc-gia nhưng vẫn hoạt-động mạnh. Trong dịp Đại-hội Đ.D.C.S.Đ. họp lần thứ hai tại một vùng Việt-Bắc ngày 11-2-1951, đã đổi tên là Đảng Lao-Động. Từ đó tới nay, Đ.D.C.S.Đ. vẫn giữ tên là Đảng Lao-Động và ngày nay đang cai-trị miền Bắc Việt-Nam.

II. NHẬT LẬP CĂN-CỨ Ở ĐÔNG-DƯƠNG

1. QUÂN-ĐỘI NHẬT XÂM-CHIẾM ĐÔNG-DƯƠNG

a) Nguyên-nhân vụ quân Nhật tới Đông-Dương.

1. *Ngăn cản Hoa-Kỳ viện-trợ Trung-Hoa* : Từ năm 1937, Trung-Nhật chiến-tranh, Tưởng-giới-Thạch thua Nhật, phải rút về Trùng-Khánh. Trong khi đó, Hoa-Kỳ vẫn viện-trợ quân-cụ cho Trung-Hoa theo đường Hải-phòng — Lào-cai — Vân-nam — Trùng-Khánh.

2. *Ngăn cản quân Trung-Hoa đóng tại biên-giới Việt-Hoa* : Tuy quân Nhật đã chiếm được Quảng-Đông, nhưng quân Trung-Hoa núp ở biên-giới Việt-Hoa thường phá rối Nhật.

3. *Dùng Đông-Dương làm bàn đạp đánh Đông-Nam-Á* : Ý định của Nhật là phải thôn-tính cả vùng Đông-Nam-Á ; muốn thế, cần đem quân vào Đông-Dương để làm bàn đạp đánh đi phía Nam.

b) Nhật đóng quân ở Đông-Dương.

Vì những nguyên-nhân chính trên đây, nên cuối tháng 6-1940, Nhật gửi tối-hậu thư cho Toàn-quyền Catroux đòi đóng cửa biên-giới Việt-Hoa và gửi phái-đoàn Nhật tới kiểm-soát. Sau đó, Trưởng phái-đoàn Nhật là ông Tây-Nguyên (Nishihara) còn đòi Pháp phải để quân Nhật vào Đông-Dương và được sử-dụng một số sân bay ở Đông-Dương. Pháp cứ khất lần, chưa

dám trả lời dứt khoát. Ngày 3-9, Nhật yêu cầu Pháp một lần nữa đề quân Nhật vào Đông-Dương.

Đến ngày 22-9-1940, hiệp-ước Pháp-Nhật được ký-kết. Theo đó, Nhật có quyền đóng quân tại ít địa-điểm phía trái sông Hồng-hà, và được đem quân vào Hải-phòng. Giữa lúc hiệp-ước Pháp-Nhật được ký-kết, thì một Sư-đoàn Nhật từ Quảng-tây xuống Lạng-sơn. Đến năm 1941, Pháp lại ưng cho Nhật đem quân đóng ở Sài-gòn và Cam-Ranh, với số 40.000 người.

2. HOẠT-ĐỘNG CỦA NHẬT TẠI VIỆT-NAM

a) Tuyên-truyền về Nhật.

Ngay từ khi mới xâm-nhập Việt-Nam, Nhật đã cố-gắng tuyên-truyền khối Đại-Đông-Á. Họ lập một phòng thông-tin tại trụ-sở Phái-bộ Ngoại-giao Nhật. Họ tuyên-truyền những thắng-lợi của họ ở Trân-Châu-Cảng, Hương-Cảng, Manille, Tân-Gia-Ba và xuất-bản tuần-báo « Tân-Á ». Từ 1942, Nhật công-khai chống-báng người da trắng.

b) Nâng-dỡ các giáo-phái Cao-Đài, Hòa-Hảo.

Vào năm 1941, Nhật muốn trực-tiếp nâng-dỡ Cao-Đài, Hòa-Hảo để chống Pháp, song không thành tựu. Cũng vào năm 1941, Pháp bắt ông Phạm-công-Tắc giam ở Comores, còn ông Huỳnh-phú-Sồ bị giam lỏng tại Bạc-liêu. Năm 1942, Nhật cứu ông Sồ đưa về Sài-gòn. Cuối tháng 2-1943, Kempeitai (Sở Công-an Nhật) ở Đông-Dương giúp Trần-quang-Vinh (Cao Đài) lập một đội quân và tới năm 1944, binh-sĩ của ông Vinh lên tới 3.000. Nhờ sự nâng đỡ của Nhật, vào cuối 1945, ông Vinh và nhóm Cao-Đài sửa soạn lập « Ủy-ban chuẩn-bị nền độc-lập Việt-Nam ».

III. CUỘC ĐẢO-CHÍNH 9-3-1945

1. ĐẢO-CHÍNH ĐÊM 9-3-1945

a) Nguyên-nhân cuộc đảo-chính.

Mùa hè 1943, mặt trận Thái-Bình-Dương có lợi cho phe Đồng-Minh, vì quân Nhật cứ phải rút lui dần về phía nước họ. Ngày 18-7-44, Nhật mất đảo Saipan, làm cho nội-các tướng Đông-Điều (Tojo) bị đở

Cũng vào thời-kỳ này, quân của De Gaulle đã về tới Ba-Lê. Người Pháp thấy Nhật thua, liền sửa soạn mạnh hơn đề tái chiếm Đông-Dương. Ngày 12-9-44, Tướng Mordant được cử làm Tổng Đại-biêu chính-phủ Pháp ở Đông-Dương. Rồi ngày 6-12-44, một phiên hội-đồng về Đông-Dương được nhóm họp đề liên-lạc với chính-phủ Trùng-Khánh và bộ Tham-mưu quân Đồng-Minh ở Đông-Nam-Á.

Từ cuối 1944, Nhật thấy đã đến lúc dùng võ-lực đề lật đổ hẳn Pháp ở Việt-Nam vì tình hình quân-sự Thái-Bình-Dương. Nhật đã biết rõ mọi mưu-định của Pháp. Vì thế, *Nhật phải hành-động gấp rút*, đề cản số quân Pháp còn lại ở Đông-Dương. Hơn nữa, Nhật sợ *Hoa-Kỳ đề bộ lên bờ biển Việt-Nam*, nên họ ra lệnh chiếm trường bay Quảng-tây và đưa thêm một Sư-đoàn vào Bắc-Kỳ đề sửa soạn đảo-chính Pháp.

b) Đảo-chính 9-3-1945.

Hồi 19 giờ đêm 9-3-1945, Đại-sứ Matsumoto trao cho Toàn-quyền Decoux ở Sài-gòn một tối-hậu-thư, đòi Pháp phải đặt Quân-lực Pháp ở Đông-Dương dưới quyền Nhật hoàn toàn. Ông Decoux không ưng-thuận, nên đúng 20 giờ đêm 9-3, Nhật tấn-công quân Pháp. Pháp yếu thế, chống cự không quá 22 giờ thì xin hàng. Tướng Mordant, Ayné bị bắt.

2. KẾT-QUẢ CUỘC ĐÀO-CHÍNH

a) Việt-Nam độc-lập.

Giữa đêm đảo-chính thì vua Bảo-Đại lại đi săn. Chiều ngày 10, Đại-sứ Nhật là Yokoyama tới gặp Bảo-Đại, đề yêu cầu vua cùng cộng-tác với Nhật lập khối Đại-Đông-Á. Bảo-Đại và Phạm-Quỳnh ưng-thuận. Ngày 11-3, vua Bảo-Đại và Cơ-mật viện tuyên-bố bãi bỏ mọi hiệp-ước bảo-hộ Pháp, và từ đây *Việt-Nam hoàn-toàn độc-lập*. Vua cũng tuyên-bố sẵn-sàng theo mọi chương-trình do khối Đại-Đông-Á đề ra. Ngày 19-3, Cơ-mật viện từ chức.

b) Chính-phủ Trần-trọng-Kim ra đời.

Ngày 17-4, vua Bảo-Đại mời cụ Trần-trọng-Kim lập Nội-các và cụ đã ưng-thuận. Chính-phủ Kim lúc đó biết rằng Đồng-Minh sẽ thắng trong một ngày rất gần, nên cần phải tuyên-truyền cho dân hiểu biết tình-trạng chính-trị nước nhà, đề khi Nhật bỏ Việt-Nam, dân Việt-Nam sẽ tự làm chủ hoàn-toàn. Tuy nhiên, nhân dân không ủng-hộ chính-phủ Kim, vì chính-phủ này dựa vào Nhật.

IV. CAO-TRÀO TRANH-THỦ ĐỘC-LẬP PHÁT-KHỞI

1. CUỘC KHỞI-NGHĨA THÁNG 8-1945

a) Cuộc khởi-nghĩa tại Hà-nội 19-8-1945.

Sau khi Hoa-Kỳ thả bom nguyên-tử xuống đất Nhật, mặt trận Việt-Minh quyết-định cầm-đầu cuộc khởi-nghĩa chống Nhật, giành độc-lập. Ngày 15-8-1945, nhà cầm-quyền ở Hà-nội loan tin nước Nhật đầu hàng Đổng-Minh. Ngày 17-8-1945, chính-phủ Kim tô-chức một cuộc biểu-tình ở Hà-nội ; Việt-Minh liền nắm cơ-hội, tung cờ đỏ sao vàng vào đoàn người biểu-tình, rồi dẫn đạo cuộc biểu-tình. Đến ngày 19-8-45, Việt-Minh chiếm xong Hà-nội. Lúc ấy nhân-dân đã bị V.M. tuyên-truyền nhiều, nên ùa theo V.M. ; vì thế mà Việt-Minh nắm được dân chúng.

b) Khởi-nghĩa ở Huế và Sài-gòn.

Tại Huế, vua Bảo-Đại thấy phong-trào Cách-mạng do Việt-Minh lãnh-đạo lên cao quá, nên đành thoái-vị, nhường quyền cầm đầu quốc-gia cho mặt trận Việt-Minh.

Riêng ở Sài-gòn, Trần-văn-Giàu thuộc mặt trận Việt-Minh, cũng khôn khéo lừa gạt phe Quốc-gia, đứng ra chỉ-huy cuộc khởi-nghĩa, rồi lập « Ủy ban Chấp-hành Lâm-thời Nam-Bộ ».

2. QUÂN PHÁP TRỞ LẠI VIỆT-NAM ĐỆP CAO-TRÀO TRANH-THỦ ĐỘC-LẬP

a) Pháp quân trở lại Nam, Trung-Bộ.

Ngày 22-8-1945, Pháp thả dù một số người xuống Tây-ninh, trong số đó có Đại-tá Cédille giữ chức-vụ « Ủy-viên Cộng-hòa Pháp ở miền Nam » Sau đó, quân Pháp theo quân Anh (đến trước khí-giới Nhật) vào Sài-gòn,

đề dèp cao-trào tranh-thủ độc-lập ở đây. Ngày 23-9-1945; quân Pháp ngang nhiên chiếm các sở Công-an, Cảnh-sát, Ngân-khố, Tòa Đô-sảnh. Thế là chiến-tranh Việt-Pháp ở Nam-Bộ bắt đầu. Mặc dầu tướng Gracey (Anh) đã đứng ra giàn xếp, nhưng không thành-công. Ủy-ban Hành-chính Nam-Bộ chịu rút ra ngoại ô. Quân Pháp từ Sài-gòn đem quân chiếm Thủ-dầu-Một, Biên-hòa, Tây-ninh, Mỹ-tho, Vinh-long, Nha-trang, Ban-mê-Thuật. Chỉ trong 4 tháng trời mà 35.000 quân Pháp dưới quyền chỉ-huy của Đại-tướng Leclerc, đã chiếm xong các thành-phố quan-trọng từ Nha-trang vào.

b) Pháp quân trở lại Bắc-Bộ.

Tháng 8-1945, ông Sainteny đến Hà-nội với chức-vụ « Ủy-viên Cộng-hòa Pháp ở miền Bắc ». Dần dần tình-hình chính-trị ở Hà-nội trở nên thuận-lợi cho Pháp, nên sau khi ông Sainteny đã điều-đình với chính-phủ Hồ-chí-Minh (bị yếu-thế quá), quân Pháp lại bắt đầu vào Hà-nội (hồi tháng 3-1946). Tới ngày xảy ra cuộc kháng-chiến Việt-Pháp (19-12-1946), Pháp hoàn-toàn làm chủ Hà-nội và các tỉnh lớn ở Bắc-Bộ, còn Việt-Minh rút lui về miền quê... để chống Pháp.

c) Pháp thất-bại hoàn-toàn.

Từ đó cuộc chiến-tranh giữa Pháp-Việt kéo dài cho tới khi có hiệp-định đình-chiến Genève. Về phía Việt-Nam, cầm đầu cuộc kháng chiến lại là Việt-Minh Cộng-Sản, lấy danh-nghĩa tranh-đấu độc-lập để chống Pháp, hầu củng-cố chủ-nghĩa C.S. ở Việt-Nam. Về phía Pháp, tự nhận một mình không thể đương đầu với đối-phương ; hơn nữa, không thể giữ chế-độ thuộc-địa theo hình-thức cũ, nên từ năm 1948 đã phải dùng lá bài Bảo-Đại để chống Việt-Cộng, duy-trì chủ-quyền Pháp ở Việt-Nam. Kết cục Pháp không thành-công ; hơn nữa, còn bị thiệt-hại nặng. Từ năm 1945-1954, Pháp tiêu-hao vô-ích ở Đông-Dương 3.030 tỷ quan, chết 92 ngàn người trong đoàn quân Pháp. Tính ra mỗi ngày quân-đội Viễn-chinh Pháp tiêu một-tỷ-quan. Ngoài ra, tới 30 ngàn tù-binh Pháp đã bị Việt-Cộng giữ. Về số cán bộ, trong 9 năm chiến-tranh, Pháp thiệt 800 sĩ-quan xuất-thân ở trường võ-bị Saint-Cyr.

CHƯƠNG IV

VIỆT-NAM TRANH-ĐẤU ĐỘC-LẬP THỜI-KỲ THỨ BA (1945-1954)

Vào thời này, có hai phái tranh-đấu độc-lập khác nhau : Phái Cộng-Sản đội lối ái-quốc dành độc-lập, đề tuyên-truyền chủ-nghĩa của họ ; phái Quốc-gia tranh-đấu độc-lập đề mưu hạnh-phúc cho nhân-dân Việt-Nam. Phái Cộng-Sản buổi đầu tranh-đấu với Pháp bằng chính-trị qua các hiệp-định 6-3-46 và 14-9-46, rồi đến thời-kỳ dùng võ-lực (1946-1954). Phái Quốc-Gia tranh-đấu với Pháp bằng chính-trị nhiều hơn, qua các hiệp-định từ 1948-1955. Cuối năm 1954, cả hai phái chớ ; Pháp thành-công, nhưng đất nước chưa thống-nhất, vì miền Bắc do Cộng n cầm đầu, còn miền Nam do phái Quốc-Gia lãnh-đạo.

Muốn hiểu biết cuộc tranh-đấu độc-lập thời nay, chúng ta sẽ bàn đến các hiệp-ước giữa Việt-Pháp và những hoàn-cảnh chính-trị, quân-sự chung-quanh thời-kỳ có các hiệp-ước.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Hiệp-định sơ-bộ 6-3-1946
- II. Tạm-ước 14-9-1946
- III. Sơ-ước Hạ-Long 5-6-1948
- IV. Hiệp-định Élysée 8-3-1949
- V. Hiệp-ước Độc-lập và Liên-kết 4-6-1954
- VI. Thỏa-hiệp Genève 20-7-1954.

I. HIỆP-ĐỊNH SƠ-BỘ 6-3-1946

1. TÌNH-HÌNH CHÍNH-TRỊ GIỮA VIỆT-PHÁP

a) Nguyên-nhân hiệp-định.

Từ ngày 12 đến 15-10-1945, ông Sainteny và ông Léon Pignon đã đến gặp hai ông Nguyễn-hải-Thần và Vinh-Thụy (Bảo-Đại), và biết hai ông không đủ thế-lực làm đại-diện cho Việt-Nam. Vì thế, ông Sainteny phải cố-gắng giao-thiệp với ông Hồ-chí-Minh.

Về phía ông HỒ đã nhận thấy tình-hình nội-bộ nguy-ngập, vì các đảng phái Quốc-gia cũng mạnh mẽ, nhất là có sự ủng-hộ của bộ Tham-mưu Trung-hoa ở Hà-nội, nên cần phải điều-định ngay với Pháp để giữ địa-vị. Sau nhiều cuộc tiếp xúc giữa Sainteny và ông HỒ, Việt-Minh cho ra đời bản thông-cáo như sau: "giữa HỒ Chủ-tịch và Sainteny đã có cuộc gặp gỡ thân-thiện và có thể đi đến một thỏa-hiệp chính-thức giữa Việt-Pháp".

b) Thương-thuyết giữa Pháp-Hoa.

Pháp biết rõ, muốn đem quân vào Bắc-Bộ, còn cần phải điều-định với Trung-Hoa, vì quân Trung-Hoa đang kiểm-soát từ vĩ-tuyến 16 trở lên. Sau khi Cao-ủy D'Argenlieu đã sang Trùng-Khánh điều-định với Tưởng-giới-Thạch về việc này, thì đến ngày 28-2-1946, Pháp đã ký với Trung-Hoa tại Trùng-Khánh một hiệp-ước. Theo hiệp-ước này, Pháp sẽ được thay thế quân Trung-Hoa vào Bắc-Bộ, và phải nhường nhiều quyền-lợi cho Trung-Hoa ở Đông-Dương.

2. HIỆP-ĐỊNH SƠ-BỘ 6-3 RA ĐỜI

a) Trước ngày ký hiệp-định.

Phần đông các sĩ-quan trong Bộ Tham-Mưu Trung-Hoa ở Hà-nội trước đây hoàn-toàn ủng-hộ phe Quốc-Gia, chống lại Việt-Minh, nhưng tới gần ngày ký hiệp-định 6-3, thì họ lại quay ra ủng-hộ Việt-Minh và cố gắng giúp Việt-Minh ký hiệp-định với Pháp, đồng thời họ bỏ rơi phái Quốc-Gia.

b) Nội-dung hiệp-định 6-3.

Nhờ có các sĩ-quan trong Bộ Tham-Mưu Trung-Hoa ở Hà-nội ủng-hộ, nên Việt-Minh đã ký với Pháp hồi 16 giờ ngày 6-3-1946 một bản hiệp-định sơ-bộ. Trong khi ký hiệp-định, có quan-sát viên Anh, Pháp, Trung-Hoa, Hoa-Kỳ, chứng-kiến. Theo hiệp-định này, Pháp công-nhận nước Việt-

Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa là một quốc-gia tự-do trong khối Liên-bang Đông-Dương. Việt-Nam có chính-phủ riêng, nghị-viện riêng, quân-đội riêng và nền tài-chính riêng. Về việc hợp-nhất ba kỳ, Pháp cam-kết thừa-nhận những quyết-định của nhân-dân trực-tiếp phán-quyết. Nước Việt-Nam phải tiếp-nhận quân-đội Pháp; về số quân-đội Pháp đóng ở Việt-Nam cũng được quy-định bằng một phụ-ước. Ngoài ra, phái-đoàn Việt-Pháp cũng nhấn mạnh rằng, cần phải mở ngay một cuộc điều-đình chính-thức để giải-quyết các vấn-đề liên-hệ đôi bên.

II. TẠM-ƯỚC 14-9-1946

1. HỘI-NHỊ ĐÀ-LẠT

a) Nguyên-nhân hội-nghị Đà-lạt.

Quân-đội Việt ở Nam-Bộ không công-nhận cho Hiệp-định 6-3 được thi-hành từ vi-tuyển 16 trở vào, nên họ vẫn chống Pháp mạnh-mẽ. Còn về việc quân-đội Pháp ở Việt-Nam, tướng Salan đã bàn định xong với ông Giáp ngày 3-4-1946. Nhưng quân Trung-Hoa nhất-định phá rối cuộc liên-hiệp Việt-Pháp, và gây nhiều mâu-thuẫn giữa đôi bên. Do đấy, Cao-ủy D'Argenlieu thấy cần phải mở Hội-nghị gấp rút với ông Hồ tại Việt-Nam trước khi có Hội-nghị chính-thức tại Ba-Lê.

b) Hội-nghị Đà-lạt khai-mạc.

Cao-ủy D'Argenlieu đã thành-công trong việc đòi ông Hồ phải mở Hội-nghị Đà-lạt trước khi đi Pháp. Hội-nghị định họp ngày 14-4-46, song mãi tới 17 mới khai-mạc. Đang khi hội-nghị, thì tướng Nguyễn-Bình ở Nam-Bộ thúc quân đánh Pháp; về phía Pháp lại sửa-soạn lập Chính-phủ Nam-Kỳ tự-trị (thành-lập 16-5-46). Hội-nghị Đà-lạt tan vỡ vào ngày 12-5-46. Dầu vậy, sau này hội-nghị Fontainebleau cũng được thành hình, như hai chính-phủ Việt-Pháp đã định.

2. HỘI-NHỊ FONTAINEBLEAU

a) Hội-nghị khai-mạc.

Sau khi phái-đoàn Việt-Nam tới Pháp đến ngày 6-7 bắt đầu khai hội. Hội-nghị đề ra chương-trình nghị-sự như sau :

1. Vấn-đề Việt-Nam trong Liên-Hiệp-Pháp ;
2. Soạn-thảo quy-chế Liên-bang Đông-Dương ;
3. Vấn-đề thống-nhất Việt-Nam ;
4. Vấn-đề kinh-tế ;
5. Dự-thảo hiệp-định.

Trong lúc ông Hồ đi Pháp, phe Quốc-Gia ở nhà hoạt-động dữ dội. Cao-ủy D'Argenlieu lại muốn phá hội-nghị, nên triệu-tập Hội-đồng tại Đà-lạt ngày 1-8-46 gồm các đại-biêu Lào, Mên, Trung-Kỳ, Cao-Nguyên] Mọi đề khai-sinh cho Liên-bang Đông-Dương. Do đấy, vấn-đề thống-nhất Việt-Nam bị bế-tắc tại hội-nghị Fontainebleau.

Tại hội-nghị, hai phái-đoàn không thu được kết-quả gì, còn ông Hồ lo sợ Việt-Minh ở nhà sẽ bị phe Quốc-Gia lật đò, nên cũng vội vã tạm ký với Marius Moutet một bản tạm-ước (14-9) đề mau mau về nước.

b) Tạm ước 14-9-46.

Đại-khái tạm-ước 14-9 như sau :

« Dân Pháp ở trên đất Việt-Nam được hưởng đủ mọi quyền tự-do dân-chủ như dân Việt-Nam. Dân Việt-Nam ở Pháp cũng thế. Hai chính-phủ sẽ thỏa-thuận chấm dứt những cuộc xung-đột ở Nam và Trung-Bộ. Hai chính-phủ sẽ cố tương-trợ theo hiệp-định sơ-bộ 6-3-1946 và sẽ cố-gắng mở lại hội-nghị Fontainebleau vào tháng 1-1947.

III. SƠ-ƯỚC HẠ-LONG 5-6-1948

1. ÔNG BẢO-ĐẠI NHẬN LỜI THƯƠNG-THUYẾT VỚI PHÁP

a) Ông Bảo-Đại trở lại trường chính-trị.

Từ 4-1946, ông Bảo-Đại sống ở Hương-Cảng. Trong khi đó, Pháp nhận thấy không thể hòa-hiệp với ông Hồ được, nên cần tìm một người khác, người ấy là Bảo-Đại. Phái Quốc-Gia ở Sài-gòn (ngày 22-8-47) cũng gửi một bức thư cho Bảo-Đại yêu cầu ông ra lãnh-đạo Quốc-Gia, thương-thuyết với Pháp. Ngày 18-9-47, ông Bảo-Đại tuyên-bố nhận lời thương-thuyết với Pháp. Từ ngày 7 đến 13-1-48, Cao-ủy Bollaert gặp Bảo-Đại năm lần tại Genève, đề yêu-cầu ông làm đại-diện Việt-Nam điều-định với Pháp.

b) Ông Bảo-Đại tìm người lập chính-phủ.

Ý ông Bảo-Đại là muốn lập một chính-phủ gồm nhiều người Trung và Nam-Bộ. Ông Nguyễn-văn-Xuân được ông Bảo-Đại mời đứng ra lập chính-phủ và được ông Bảo-Đại tán-thành những ý-kiến của ông Xuân về thành-phần chính-phủ. Sau đó, Thủ-tướng Xuân cũng được chừng 40 người cao cấp, đại-diện cho phái Quốc-Gia ủng-hộ ông lập chính-phủ trung-ương lâm-thời. Ngày 27-5-48, ông giới-thiệu tân chính-phủ với ông Bảo-Đại ở Hương-Cảng. Cùng ngày đó, chính-phủ Pháp tỏ ra hài lòng với tân chính-phủ Quốc-Gia.

2. SƠ-ƯỚC HẠ-LONG RA ĐỜI

a) Trước khi có sơ-ước.

Ngày 31-5-48, phát-ngôn-viên của Bảo-Đại cho hay rằng :

1. Ông Bảo-Đại coi việc lập tân chính-phủ này như là giai-đoạn đầu đề thương-thuyết với Pháp.
2. Ông Bảo-Đại chỉ trở về Việt-Nam khi nào Việt-Nam được Pháp công-nhận là một quốc-gia độc-lập, thống-nhất.
3. Tân chính-phủ Quốc-gia và ông Bảo-Đại sẽ cộng-tác mật-thiết để cùng hoạt-động cho Quốc-gia.

b) Sơ-ước Hạ-long.

Ông Bollaert cố-gắng thuyết-phục Bảo-Đại ký vào sơ-ước đã sửa-soạn từ lâu. Thoạt tiên, ông Bảo-Đại không nhận. Sau cùng, ông Bảo-Đại đề cho Thủ-tướng Xuân chính-thức ký sơ-ước với Bollaert, còn ông chỉ phó-thự. Thế là ngày 5-6-48, hai ông Nguyễn-văn-Xuân và Bollaert cùng ký trên chiến-hạm Duguay-Trouin ở vịnh Hạ-long một sơ-ước. Thực ra, sơ-ước này coi như là bản tuyên-ngôn chung Việt-Pháp.

Theo bản tuyên-ngôn đó, Pháp long-trọng công-nhận Việt-Nam độc-lập, song Việt-Nam phải chịu nhận ở trong Liên-Hiệp-Pháp. Sau bản tuyên-ngôn này, sẽ sửa-soạn để ký một hiệp-ước chính-thức giữa hai nhà lãnh-đạo tối-cao Việt-Pháp.

IV. HIỆP-ĐỊNH ÉLYSÉE

PHÁP TRẢ NAM-KỲ CHO VIỆT-NAM

1. HIỆP-ĐỊNH ÉLYSÉE RA ĐỜI

a) Nguyên-nhân hiệp-định.

Đầu năm 1949, Pháp thấy rõ Mao-trạch-Đông đương thắng Tưởng-giới-Thạch, nên cần phải ký hiệp-định với phe Quốc-gia Việt-Nam để làm bức tường chống Việt-Minh (có Trung-Cộng giúp đỡ). Ông Bảo-Đại thấy Pháp lâm vào ngõ bí, nên cố lợi-dụng cơ-hội để điều-đinh với Pháp, nhất là từ khi ông Queuille thành-lập chính-phủ Pháp. Hơn nữa, Anh và Hoa-Kỳ cũng muốn cho Pháp ký hiệp-định với Bảo-Đại. Vì thế, ngày 8-3-49, giữa Bảo-Đại và Tổng-thống Pháp Vincent Auriol ký một hiệp-định chính-thức tại điện Élysée.

b) Hiệp-định Élysée gồm mấy điểm chính sau đây :

1. Pháp công-nhận Việt-Nam độc-lập ; vấn-đề thống-nhất sẽ do một cuộc trưng-cầu dân-y giải-quyết sau.
2. Về ngoại-giao, Việt-Nam phải hợp-tác với Pháp ; Việt-Nam chỉ được trực-tiếp gửi Đại-sứ ở Thái-lan, Ấn, Trung-Hoa hay Vatican.
3. Việt-Nam có quân-đội riêng, nhưng quân-đội Liên-Hiệp-Pháp cũng được đóng tại Việt-Nam.
4. Việt-Nam phải mời các cố-vấn, chuyên-viên Pháp trước tiên khi cần đến.
5. Việt-Nam phải bảo-đảm các xí-nghiệp, tài-sản, trường-học Pháp.
6. Việt-Nam sẽ liên-kết với các quốc-gia Đông-Dương về chế-độ tiền-tệ, kinh-tế, quan-thuế.

2. PHÁP TRẢ NAM-KỲ CHO VIỆT-NAM

a) Thông-diệp của Tổng-thống Pháp về vấn-đề thống-nhất Việt-Nam.

Cùng ngày 8-3-49, ông Vincent Auriol gửi cho ông Bảo-Đại một thông-diệp giải-thích về vấn-đề thống-nhất và ngoại-giao của Việt-Nam. Về việc

sát-nhập Nam-kỳ vào Việt-Nam, ông Auriol cho hay rằng, nếu Hội-đồng lãnh-thờ Nam-kỳ biểu-quyết việc sát-nhập Nam-kỳ vào Việt-Nam, thì Quốc-hội Pháp có thể phê-chuẩn quyết-định đó.

b) Đạo-luật 3-6-1949.

Ngày 10-4-1949, chừng 700 người Pháp và ngót 1.000 người Việt hội-hợp thành Hội-đồng Nam-kỳ và ngày 23-4, họ đã biểu-quyết sát-nhập Nam-kỳ vào Việt-Nam. Tới ngày 3-6-1949, Pháp ra một đạo-luật phê-chuẩn cho Nam-kỳ trở lại Việt-Nam.

V. HIỆP-ƯỚC ĐỘC-LẬP VÀ LIÊN-KẾT 4-6-1954

1. NGUYÊN-NHÂN HAI HIỆP-ƯỚC

a) Tình-hình chính-trị.

Các nước Liên-kết ở Đông-Dương, nhất là Cam-Bốt và Việt-Nam không hài lòng về thái-độ mập mờ của Pháp đối với mình. Từ năm 1953, ông Sihanouk lại châm ngòi cho một cuộc sôi-nổi về chính-trị ở Cam-Bốt và Việt-Nam.

Tại Việt-Nam, hồi đó Thủ-tướng Tâm cũng phải chiều lòng nhân-dân cho mở một Hội-nghị toàn-quốc ở Sài-gòn từ ngày 9 đến 12-10-1953, sau bản tuyên-ngôn của Laniel 3-7-53. Tất cả có tới hai trăm Đại-biểu các giới và địa-phương tới họp, đề bàn về vấn-đề độc-lập Việt-Nam. Qua ba ngày họp, Hội-nghị quyết-định hai điều :

1. Việt-Nam phải độc-lập hoàn-toàn theo quốc-tế công-pháp.
2. Việt-Nam không gia-nhập Liên-Hiệp-Pháp với hình-thức hiện tại.

b) Tình-hình quân-sự.

Từ ngày chiến-tranh Đại-Hàn bùng nổ (25-6-50) đến ngày ký hiệp-ước đình-chiến ở Bàn-Môn-Điểm (26-7-53), Trung-Cộng viện-trợ nhiều khí-giới cho Việt-Cộng. Nhờ đó mà vào tháng 5-53, Việt-Cộng đã có chừng 300.000 quân và 80.000 dân công. Vậy nên Pháp phải cố-gắng tìm cách chống lại với lực-lượng Việt-Cộng.

Hồi ấy Thủ-tướng Laniel và tướng Navarre (Tổng Tư-lệnh ở Đông-Dương) định rằng : năm 1953-1954 quân-đội Pháp giữ thế-thủ, năm 1954-1955 sẽ tấn-công Việt-Cộng. Nhưng muốn đánh Việt-Cộng có hiệu-lực, ông Laniel đòi :

1. Ngoại-quốc phải viện-trợ thêm.
2. Trả độc-lập hoàn-toàn cho các Quốc-gia Liên-kết.
3. Tìm cách điều-đinh với đối-phương.

2. HAI HIỆP-ƯỚC RA ĐỜI

Tháng 10-1953, tại Tòa Đô-sảnh Sài-gòn có cuộc Hội-nghị toàn-quốc. Hội-nghị này gồm các vị Đại-diện nhân-dân, chính-đảng, đoàn-thể v.v... của Việt-Nam do Thủ-tướng Nguyễn-văn-Tâm triệu-tập. Mục-đích của Hội-nghị là quyết-định về việc liên-lạc giữa Việt-Pháp. Sau Hội-nghị này, Việt-Nam gửi một phái-đoàn đi Pháp điều-đinh và đã ký với Pháp hai hiệp-ước sau đây :

a) Hiệp-ước Độc-lập.

Nước Pháp công-nhận nước Việt-Nam là một quốc-gia hoàn-toàn độc-lập và đầy đủ chủ-quyền, với mọi thẩm-quyền theo quốc-tế công-pháp. Nước Việt-Nam thay thế nước Pháp trong mọi quyền-hành và nghĩa-vụ, quy-định tại các hiệp-ước quốc-tế hay các hiệp-ước mà Pháp đã ký-kết cho Việt-Nam hoặc nhân-danh Việt-Nam, hoặc tại các hiệp-ước mà nước Pháp đã ký-kết nhân-danh Đông-Pháp trong giới-hạn các văn-kiện đó liên-hệ tới Việt-Nam.

b) Hiệp-ước Liên-kết.

Nói đến việc Việt-Pháp tự-do liên-kết trong khối Liên-Hiệp-Pháp. Hai nước sẽ nhận phối-hợp nỗ-lực và điều-hòa chính-sách trong những việc liên-can đến quyền-lợi chung, theo nguyên-tắc bình-đẳng giữa hai quốc-gia độc-lập.

Cả hai hiệp-ước được Thủ-tướng Việt-Nam là Bửu-Lộc và Thủ-tướng Pháp Laniel kiểm-phê ngày 4-6-1954.

VI. THỎA-HIỆP GENÈVE 20-7-1954

1. HỘI-NHỊ GENÈVE

Hội-nghị họp tại Genève (Thụy-Si) từ ngày 8-5 đến 21-7-1954, đề bàn về vấn-đề ngừng chiến trên toàn cõi Đông-Dương. Hội-nghị có đại-biêu các nước sau đây tham-dự : Việt-Nam Quốc-gia, Việt-Nam Dân-chủ Cộng-hòa, Cam-Bốt, Lào, Anh, Hoa-Kỳ, Nga, Pháp, Trung-Cộng. Trong hai ngày 20 và 21-7-1954 đã có những thỏa-hiệp đình-chiến sau đây về Việt-Nam, Cam-Bốt và Lào.

a) Thỏa-hiệp ngừng chiến ở Việt-Nam.

Thỏa-hiệp này ký giữa Bộ Tư-Lệnh Pháp-Việt và Bộ Tư-lệnh quân-đội Nhân-dân Việt-Nam. Thỏa-hiệp gồm có 6 chương :

1. *Chương thứ nhất* : Ấn-định đường phân chia ranh-giới tạm-thời và vùng phi quân-sự : vĩ-tuyến 17.

2. *Chương thứ nhì* : Ấn-định những nguyên-tắc và thể-thức thi-hành thỏa-hiệp.

3. *Chương thứ ba* : Ấn-định về việc cấm tuyên thềm quân-đội, nhân-viên quân-sự, quân-trang, vũ-khí, và thiết-lập căn-cứ quân-sự.

4. *Chương thứ tư* : Ấn-định về tù-binh và thường dân bị bắt giam.

5. *Chương thứ năm* : Những điều-khoản linh-tinh.

6. *Chương thứ sáu* : Ủy-ban hỗn-hợp và Ủy-hội Quốc-tế Kiểm-soát Đình-chiến ở Việt-Nam.

b) Thỏa-hiệp ngừng chiến ở Cam-Bốt và Lào.

1. *Về Cam-Bốt* : Thỏa-hiệp ký giữa Bộ Tư-lệnh Hoàng-gia Khmer và Bộ Tư-lệnh quân-đội Nhân-dân Việt-Nam. Thỏa-hiệp bàn về năm điểm chính : *ngưng bắn, rút lui các lực-lượng quân-sự, căn-cứ quân-sự, kiểm-soát, thi-hành thỏa-hiệp.*

2. *Về Lào* : Thỏa-hiệp ký giữa Bộ Tư-lệnh Pháp-Lào và Bộ Tư-lệnh Quân-đội Nhân-dân Việt-Nam. Thỏa-hiệp bàn về năm điểm chính : *tản-cư các lực-lượng quân-sự, tiếp-viện quân, hai căn-cứ quân-sự Sêno và một trong thung-lũng Cửu-long, tập-hợp, tù-binh kiểm-soát.*

2. THÁI-ĐỘ CỦA PHÁI-ĐOÀN VIỆT-NAM TỰ-DO VÀ HẬU-QUẢ CỦA THỎA-HIỆP GENÈVE

a) Thái-độ Phái-đoàn Việt-Nam Tự-Do.

1. *Tuyên-ngôn lập-trường.* Phái-đoàn đã đưa ra đề-nghị nhằm thực-hiện một cuộc đình-chiến, mà lãnh-thủ Việt-Nam không bị phân chia, dù chỉ là tạm thời, bằng cách giải-giới các lực-lượng chiến-đấu, sau khi rút về khu-vực đóng quân của mỗi bên và có Liên-Hiệp-Quốc kiểm-soát tạm-thời. Sau đó, sẽ có tổng-tuyên-cử tự-do trong trật-tự, hòa-bình.

2. *Phản-đối thỏa-hiệp về Việt-Nam.* Phái-đoàn Việt-Nam long-trọng phản-đối cách ký-kết thỏa-hiệp cùng những điều-khoản không tôn-trọng nguyên-vọng chính-đáng của dân-tộc Việt-Nam. Chính-phủ Quốc-gia Việt-Nam dành cho mình quyền tự-do hành-động, đề bảo-vệ quyền thiêng-liêng của dân-tộc, trong công-cuộc thống-nhất, độc-lập và tự-do cho xứ-sở.

b) Hậu-quả Thỏa-hiệp Genève.

1. *Việt-Nam bị phân đôi:* Theo Thỏa-hiệp Genève, nước Việt-Nam bị phân đôi: từ vĩ-tuyến 17 trở lên do Việt-cộng cai-trị, từ vĩ-tuyến 17 trở xuống là Việt-Nam Tự-Do. Thế là nước Việt-Nam ở trong tình-cảnh chia phân như Đại-Hàn và Đức. Việc thống-nhất hai miền trong hòa-bình và dân-chủ rất khó khăn, vì thái-độ và chính-sách độc-tài, đàn-áp của Việt-Cộng.

2. *Phong-trào di-cư:* Thỏa-hiệp Genève cho phép dân Việt-Nam được tự-do chọn sống ở Việt-Nam Tự-Do hay trong vùng Việt-Cộng. Vì vậy, nhiều người ở Bắc không thể sống với Cộng-sản, nên đã di-cư vào miền Nam. Dù Cộng-sản tìm hết cách ngăn-cản cuộc di tìm tự-do của người Bắc, cũng đã có gần 1 triệu người di-cư vào miền Nam.

3. *Lực-lượng bị chia xé:* Tổng-số dân Việt-Nam hiện nay được 30 triệu người, nhưng vì đất nước bị chia thành hai miền chống đối nhau, nên số người cũng phân đôi: Bắc có 16 triệu, Nam 14 triệu. Lực-lượng dân-số bị phân đôi, nên mọi hoạt-động kinh-tế, chính-trị cũng theo đó mà chia hai, giảm-sút hẳn sức mạnh của toàn dân Việt-Nam.

CHƯƠNG I

Việt-Nam dưới thời Pháp-thuộc

- BÀI I —**
1. *Cách thi-hành hòa-ước 1884 : người Pháp vi-phạm hòa-ước 1884 về phương-diện hành-chánh và tài-chánh.*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1964)
 2. *Vì những nguyên-nhân nào, Pháp đã tự ý phế lập các vua Việt-Nam trái với hòa-ước 1884 ?*
 3. *Pháp đặt ra chức Kinh-lược Bắc-Kỳ năm nào, để làm gì và về sau tại sao lại bãi bỏ chức ấy ?*
(Tú-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1963)
- II —**
4. *Mục-đích của Pháp trong việc lập Liên-hiệp Đông-Dương ?*
 5. *Ở trong Liên-hiệp Đông-Dương, tinh-thần quốc-gia dân-tộc Việt-Nam thiệt-hại thế nào về phương-diện đối nội và đối ngoại ?*
- III —**
6. *Tại sao Nam-Kỳ được bầu cử một nghị-sĩ vào Hạ nghị-viện Pháp ? Điều-kiện quan-trọng nhất để được đi bầu ?*
- IV —**
7. *Tại sao Nam-kỳ không có tòa-án Việt ?*
- V —**
8. *Tại sao Pháp đặt quân ở Bắc-Kỳ nhiều hơn Nam-Kỳ ?*
- VI —**
9. *Pháp nhằm những mục-đích nào trong việc điều-hành kinh-tế ở Việt-Nam ?*
 10. *Kinh-tế Việt-Nam bị lệ-thuộc chặt-chẽ vào nước Pháp, gây những hậu-quả nào cho Việt-Nam ?*
 11. *Tại sao Pháp chỉ muốn Việt-Nam sản-xuất nguyên-liệu ?*
- VIII —**
12. *Mục-đích của Pháp trong việc giáo-dục dân Việt-Nam ?*
 13. *Việt-Nam lệ-thuộc chặt-chẽ vào văn-hóa Pháp, đưa lại những thiệt-hại nào cho Việt-Nam và những lợi-ích nào cho Pháp ?*

14. Trong thời-kỳ Pháp-thuộc, người Pháp áp-dụng chính-sách giáo-dục nào và tổ-chức nền học-chính như thế nào tại Việt-Nam ?

(Tú-tài II, Ban CD, khóa I năm 1963).

- IX — 15. Trong xã-hội Việt-Nam thời Pháp-thuộc, hệ-thống giá-trị xếp đặt theo những mục-tiêu nào ?

16. Tìm ra mấy điểm dị-biệt quan-trọng về xã-hội Việt-Nam thời Pháp-thuộc và Việt-Nam Cộng-Hòa hiện nay ?

17. Nếp sống của người Pháp ở Việt-Nam đã gây những ảnh-hưởng nào cho xã-hội Việt-Nam ?

CHƯƠNG II

Việt-Nam tranh-đấu Độc-lập Từ năm 1884 đến 1930

- Bài I — 18. Nguyên-nhân phong-trào Cần-vương ?

19. Kết-quả phong-trào Cần-vương ?

20. Những điểm dị-biệt chính giữa phong-trào Cần-vương và Văn-thân ?

21. Tại sao phong-trào Cần-vương thất-bại ?

22. Kê những nguyên-nhân và hậu-quả của cuộc đánh úp quân Pháp tại Huế đêm 4-7-1885.

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1963)

- II — 23. Nguyên-nhân phong-trào Văn-thân ?

24. Kết-quả phong-trào Văn-thân ?

25. Nguyên-nhân thất-bại trong việc chống Pháp của Phan-đình-Phùng ?

26. Công-cuộc kháng-chiến của Phan-đình-Phùng.

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1964)

- IV — 27. Tóm lược tiểu-sử và thành-tích chống Pháp của Hoàng-hoa-Thám.

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1963)

- V — 28: Nguyên-nhân phong-trào Đông-Du ?

29. Kết-quả phong-trào Đông-Du ?

30. Phan-bội-Châu và phong-trào Đông-Du.

(Tú-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1964)

31. *Đề tranh-đấu dành độc-lập Việt-Nam, cụ Phan-bội-Châu muốn vận-dụng những phương-tiên nào ?*
32. *Tại sao từ năm 1912; cụ Phan-bội-Châu lại muốn thiết-lập Việt-Nam Cộng-Hòa Dân-Quốc ?*
33. *Vai trò của Cường-Đề trong phong-trào Đông-Du ?*

Bài VI — 34. *Những điểm dị-đồng giữa hai phong-trào Đông-Du và Duy-Tân?*

35. *Nguyên-nhân phong-trào Duy-Tân ?*
36. *Kết-quả phong-trào Duy-Tân ?*
37. *Sự bất đồng ý-kiến giữa Phan-bội-Châu và Phan-châu-Trinh về đường lối cách-mạng ?*
38. *Phong-trào Duy-Tân do ai khởi-xướng ? Nhằm mục-đích gì và hoạt-động như thế nào ?*

(Tứ-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1963)

VII — 39. *Nguyên-nhân Đông-Kinh Nghĩa-thục ?*

40. *Đông-Kinh Nghĩa-thục : mục-đích, tổ-chức, ảnh-hưởng.*

(Tứ-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1964)

41. *Kết-quả Đông-Kinh Nghĩa-thục ?*

VIII — 42. *Tại sao vào năm 1913, Đại-sứ Đức, Áo ở Xiêm lại sẵn-sàng giúp Việt-Nam Quang-Phục Hội chống Pháp ?*

IX — 43. *Nguyên-nhân cuộc khởi-nghĩa Thái-Nguyên ?*

44. *Vai-trò của ông Lương-ngọc-Quyến trong cuộc khởi-nghĩa Thái-Nguyên ?*

XI — 45. *Nguyên-nhân cuộc khởi-nghĩa Yên-bái ?*

46. *Trình-bày những điểm dị-biệt giữa Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng với phong-trào Đông-Du ?*
47. *Việt-Nam Quốc-Dân Đảng chủ-trương thiết-lập chế-độ chính-trị nào ở Việt-Nam ?*

CHƯƠNG III

Việt-Nam tranh-dấu Độc-lập
Từ năm 1930 đến 1945

- Bài I — 48.** *Đông-Dương Cộng-Sản Đảng đã che giấu bộ mặt thực của mình bằng cách nào ? Chứng-minh bằng sự-kiện lịch-sử.*
- 49.** *Đông-Dương Cộng-Sản Đảng có nhằm mục-đích chính là tranh-dấu độc-lập cho Tờ-Quốc ? Tại sao ?*
- II — 50.** *Nguyên-nhân việc Nhật lập căn-cứ ở Đông-Dương ?*
- 51.** *Kề những giai-đoạn Nhật đem quân vào Đông-Dương từ năm 1940-1941.*
- 52.** *Tại sao Nhật nâng-đỡ các giáo-phái và các nhà cách-mạng Việt-Nam vào khoảng 1940-1945 ?*
- 53.** *Thuyết Đại-Đông-Á là gì ?*
- III — 54.** *Nguyên-nhân cuộc đảo-chính 9-3-1945 ?*
- 55.** *Bộ mặt Việt-Nam biến-đổi thế nào sau cuộc đảo-chính 9-3-1945?*
- IV — 56.** *Nguyên-nhân cuộc biến-chuyển 19-8-1945 ?*
- 57.** *Vụ biến-chuyển 19-8-1945 đã đem lại những điều lợi-hại nào cho Việt-Nam ?*
- 58.** *Tại sao người Pháp phải điều-dinh với Anh và Trung-Hoa để được đem quân vào Việt-Nam ?*
- 59.** *Phản-ứng của dân Việt-Nam trước cuộc xâm-lãng của Pháp ?*

CHƯƠNG IV

Việt-Nam tranh-đấu Độc-lập
Từ năm 1945 đến 1954

- Bài I — 60. *Liên-bang Đông-Dương theo nghĩa của hiệp-định 6-3-1946 có khác với Liên-Bang Đông-Dương theo nghĩa bản tuyên-ngôn ngày 24-3-1945 của De Gaulle ?*
61. *Nguyên-nhân hiệp-định 6-3-1946 ?*
62. *Hiệp-định 6-3-1946 đem lợi-ích nào cho Pháp ?*
63. *Hiệp-định 6-3-1946 đem lợi-ích nào cho Việt-Cộng ?*
- II — 64. *Nguyên-nhân hội-nghị Fontainebleau 1946 ?*
65. *Những vấn-đề quan-trọng nào được bàn ở Hội-nghị Fontainebleau ?*
66. *Tại sao phái-đoàn Việt-Cộng phải bỏ giờ Hội-nghị để trở về Việt-Nam một cách gấp rút ?*
- III — 67. *Pháp nhằm những lợi-ích nào khi yêu-cầu ông Bảo-Đại đứng ra lãnh-đạo phái Quốc-Gia ?*
- VI — 68. *Nguyên-nhân hiệp-định Élysée ?*
69. *Tới khi nào Pháp công-nhận cho Nam-Kỳ được chính-thức trở lại sát-nhập với Việt-Nam ?*
- V — 70. *Nguyên-nhân chính-trị của hai hiệp-ước Độc-lập và Liên-kết ?*
71. *Nguyên-nhân quân-sự của hai hiệp-ước Độc-lập và Liên-kết ?*
72. *Tại sao hiệp-định Élysée đã công-nhận Việt-Nam Độc-lập, nay giữa Việt và Pháp còn phải ký thêm hiệp-ước Độc-lập nữa ?*
73. *Nguyên-nhân thỏa-hiệp Genève ?*
74. *Hậu-quả thỏa-hiệp Genève về Việt-Nam ?*

PHẦN THỨ HAI

THẾ-GIỚI-SỬ

- Chương I.* Các cường-quốc Á-châu :
Trung-Hoa, Nhật-Bản, Ấn-Độ.
- Chương II.* Những khó-khăn của các cường-quốc :
Hoa-Kỳ, Anh, Pháp (giữa hai trận thế-chiến).
- Chương III.* Các chế-độ độc-tài :
Cộng-Sản, Phát-Xít, Quốc-Xã.
- Chương IV.* Hai trận thế-chiến :
1914 — 1918 và 1939 — 1945
- Chương V.* Những cuộc tiến-triển hiện-thời

CHƯƠNG-TRÌNH THẾ-GIỚI-SỬ

Từ năm 1914 đến nay

Dành cho Lớp Đệ Nhất ABCD

- *Trung-Hoa từ cuộc Cách-mạng Tân-Hợi.*
- *Nhật-Bản sau thời Minh-Trị — Sự bành-trướng của Đế-quốc Nhật.*
- *Ấn-Độ : Phong-trào đấu-tranh dành độc-lập.*
- *Thế-giới đại-chiến thứ nhất (1914-1918) : Nguyên-nhân — Hậu-quả — Hội Quốc-Liên.*
- *Các cường-quốc giữa hai đại-chiến (sơ-lược) : Những khó-khăn của Anh, Pháp, Hoa-Kỳ — Cuộc khủng-hoảng kinh-tế năm 1929 — Các chế-độ độc-tài (Cộng-Sản, Quốc-Xã, Phát-Xít).*
- *Thế-giới đại-chiến thứ hai (1939-1945). Nguyên-nhân — Hậu-quả — Tờ-chức Liên-Hiệp-Quốc.*
- *Sự giải-phóng các dân-tộc bị-trị (sơ-lược).*
- *Nền văn-minh hiện-tại : Tính-chất chung — Khoa-học — Triết-học — Văn-nghệ.*

CHƯƠNG I

CÁC CƯỜNG-QUỐC Á-CHÂU : TRUNG-HOA, NHẬT-BẢN, ẤN-ĐỘ

Á-Châu rộng 44.000.000 csv với 1.650 triệu dân, nhưng lại bị Âu-Châu cai-trị, dù Âu-Châu chỉ rộng 10.000.000 csv và có 545 triệu dân. Hầu hết các nước Á-Châu đã bị Âu-Châu cai-trị. Thực ra đầu thế-kỷ XX, ở Á-Châu có nước Nhật-Bản đáng gọi là cường-quốc. Còn nước Trung-Hoa tuy không mất độc-lập nhưng lại nhu-nhược. Qua trận thế-chiến II, Á-Châu có thêm một cường-quốc khác là Ấn-Độ.

Ngày nay, Á-Châu đã tự giải-phóng, đập đổ quyền-lực đô-hộ của Âu-Châu. Nhưng trong các nước Á-Châu, có ba nước đáng chú-trọng hơn cả, hiện đang dẫn đầu Á-Châu để cạnh-tranh với Âu-Châu là TRUNG-HOA, NHẬT-BẢN, ẤN-ĐỘ.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Trung-Hoa : Từ cuộc cách-mạng Tân-Hợi đến khi thống-nhất.
- II. Trung-Hoa Dân-quốc thời Tưởng-giới-Thạch.
- III. Nhật-Bản sau thời Minh-Trị và thời bành-trướng đế-quốc.
- IV. Nhật-Bản bại trận.
- V. Phong-trào tranh-đấu giành độc-lập của Ấn-Độ.
- VI. Liên-hiệp Ấn-Độ ngày nay.

TRUNG-HOÀ : TỪ CUỘC CÁCH-MẠNG TÂN-HỢI ĐẾN KHI THỐNG-NHẤT

1. CUỘC CÁCH-MẠNG TÂN-HỢI

a) Nguyên-nhân Cách-mạng.

Từ năm 1644, nhà Mãn Thanh bắt đầu thống-trị nước Trung-Hoa, theo chế-độ quân-chủ độc-đoán, không chịu cải-tiến nhân-dân, khuếch-trương kỹ-nghệ, thương-mại đúng mức. Vào thế-kỷ 19, nước Trung-Hoa dưới quyền nhà Thanh quá yếu thế, đã bị Âu-Châu nạt-nộ, đòi ký các hiệp-ước bất-bình-dẳng từ (1842-1901) dành nhiều quyền-lợi kinh-tế cho họ. Hơn nữa, năm 1894-1895, nước Nhật lại chiến-thắng Trung-Hoa một cách oanh-liệt.

Tất cả những nguyên-nhân đó, thúc đẩy các nhà trí-thức Trung-Hoa phải tìm cách lật đổ nhà Mãn Thanh, đưa nước Trung-Hoa ra khỏi vòng áp-bức của các Cường-quốc và dẫn dắt nhân-dân trên đường tiến-bộ. Vì thế ông Tôn-Văn cầm đầu phong-trào chống đối này. Ngày 10-10-1911 (năm Tân-hợi), Tôn-Văn và các đồng-chí khởi-sự một cuộc cách-mạng lớn lao.

b) Diễn-biến cách-mạng Tân-Hợi.

Từ tháng 11-1894, Tôn-Văn (1866-1925) lập hội Hưng-Trung, chủ-trương Cách-mạng cấp-tiến, lật đổ Mãn Thanh. Vào năm 1898 và 1900, Tôn-Văn đã định khởi-nghĩa ở Quảng-Châu hai lần, nhưng không thành-công. Sau đó, Tôn-Văn liên-kết với các tổ-chức ái-quốc Trung-Hoa (Hoa-Hưng và Quang-Phục), lập thành Đồng-minh hội.

Đầu năm 1911, quân Cách-mạng khởi-nghĩa ở Quảng-Châu, nhưng bị bại, làm 72 liệt-sĩ bị chết. Tới 10-10-1911 (năm Tân-Hợi) cuộc Cách-mạng khởi-xướng từ Vũ-Xương. Năm 1912, vua Phổ-Nghi phải thoái-vị. Nhà Mãn Thanh bị lật đổ. Viên-thế-Khải được phe Cách-mạng nhường cho làm Tổng-thống lâm-thời.

2. CÁCH-MẠNG TÂN-HỢI CHƯA THÀNH-CÔNG

a) Viên-thế-Khải lập Đế-chế.

Viên-thế-Khải ngầm bành-trướng thế-lực, diệt đảng viên Cách-Mạng, sai bộ-hạ vận-động lập đế-chế. Năm 1915, Viên-thế-Khải được Quốc-dân

Đại-biêu Đại-Hội tôn làm Hoàng-đế. Lập tức các tỉnh Hoa-Nam phản-đối. Năm 1916, Viên chết, Lê-nguyên-Hồng được cử làm Tổng-Thống.

b) Hai chính-phủ Nam-Bắc.

Từ năm 1916, Trung-Hoa gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc cách-mạng. Ông Đoàn-kỳ-Thụy lãnh-đạo phái Bắc đưa Phùng-quốc-Chương lên chức Tổng-Thống, còn phái Nam do ông Lê-nguyên-Hồng cầm đầu.

Khi thấy Hoa-Bắc rơi vào tay bọn quân-phiệt, năm 1918, Tôn-Văn liên lập chính-phủ ở Nam-Kinh. Từ đây giữa Nam-Bắc đối nghịch nhau rõ-rệt. Hai phía đều có chính-phủ, nghị-viện. Nhưng trong thực-tế, chỉ có chính-phủ Bắc-Kinh được ngoại-quốc công-nhận, còn chính-phủ Quảng-Châu thì được Nga-Sô ủng-hộ. Nói cho đúng ra, không phải là hai chính-phủ Nam Bắc đánh nhau, mà chỉ có các phái tranh quyền nhau. Ta thấy phái An-Huy, Trúc-Lệ, Phụng-Thiên đánh nhau nhiều lần. Mãi tới năm 1926, Trương-giới-Thạch mới thống-nhất được Trung-Hoa, tức là sau khi Tôn-Văn từ-trần được một năm (1925).

3. NGƯỜI LÃNH-ĐẠO CÁCH-MẠNG : TÔN-VĂN

a) Tiểu-sử Tôn-Văn.

Tôn-Văn tự là Dật-Tiên, hiệu Trung-Sơn, sinh năm 1866 tại một làng gần Quảng-Châu. Trong thời-gian khởi-nghĩa Thái-Bình, cha ông được ảnh-hưởng tư-tưởng của Hồng-tú-Toàn; ông cũng là cháu một cụ Đồ có gia-nhập trực-tiếp đảng Thái-Bình. Năm 1879, người anh cả của ông ở Hạ-uy-Di, đưa ông sang đó học. Ông học ở trường một Cha Sở tại Honolulu. Về sau, ông đậu Y-khoa Bác-si tại Hương-Cảng. Từ năm 1894, ông lập ra Hội Hưng-Trung, làm Cách-mạng và là chủ chốt cuộc Cách-mạng Tân-Hội. Ngày 12-3-1925, ông chết tại Bắc-Kinh.

b) Đường lối chính-trị của Tôn-Văn.

1. *Tam-dân chủ-nghĩa* : Tôn-văn liên-hiệp với các hội ái-quốc, lập thành Quốc-Dân-Đảng, ông nêu cao chủ-nghĩa Tam-dân : *dân-tộc, dân-sinh, dân-quyền*, tức là dân Trung-Hoa cai-trị Trung-Hoa, dân Trung-Hoa phải tiến về kinh-tế, kỹ-nghệ, nông-nghiệp và dân có quyền tham-dự vào việc nước.

2. *Đối ngoại* : Trong trận thế-chiến I, Trung-Hoa gia-nhập hàng-ngũ Đồng-Minh chống Đức, nhưng vì bất-bình với Đồng-Minh, Trung-Hoa không công-nhận Hòa-ước Versailles. Sau đó, Tôn-Văn liên-kết với Nga-Sô, yêu cầu Nga cử cố-vấn quân-sự sang Quảng-Châu và tổ-chức lại Quốc-Dân-Đảng để thống-nhất nước Trung-Hoa.

II. TRUNG-HOA DÂN-QUỐC THỜI TƯỚNG-GIỚI-THẠCH

1. TƯỚNG-GIỚI-THẠCH THỐNG-NHẤT VÀ KIẾN-THIỆT TRUNG-HOA

a) Thống-nhất Trung-Hoa.

Năm 1925, Tướng-giới-Thạch (sinh 1887) được cử làm Tổng Tư-lệnh đem quân đi Bắc-phạt. Hồi đó ở Trung-Hoa có nhiều thứ quân-dội khác nhau do nhiều người chỉ-huy, vì Trung-Hoa chia ra làm nhiều khu tự-trị, mỗi khu có một Đốc-quân tự-do cai-quản: Ông *Ngô-bội-Phu* chiếm dọc đường xe hỏa Kim-Hán, các tỉnh Hồ-Nam, Hồ-Bắc, Hà-Nam; *Tôn-truyền-Phương* chiếm Giang-Tô, An-Huy, Chiết-Giang, Phúc-Kiến, Giang-Tây; *Trương-tác-Lâm* chiếm Sơn-Đông, Trực-Lệ và Đông Tam-Tỉnh; *Diệm-tích-Sơn* chiếm Sơn-Tây... Nhưng nhờ sức mạnh của Quốc-Dân-Đảng, họ Tướng đã thống-nhất được Trung-Hoa từ tháng 12 năm 1926, diệt được phái Tôn-truyền-Phương, Ngô-bội-Phu...

b) Kiến-thiết Trung-Hoa.

Từ năm 1927, Tướng tuyệt-giao với Nga-Sô, đặt đảng Trung-Cộng ra ngoài vòng pháp-luật. Ở Trung-Hoa hồi ấy chỉ có một Đảng chính-trị là Quốc-Dân-Đảng. Năm 1937, số đảng-viên lên tới 1.600.000.

Họ Tướng lo khuếch-trương kỹ-nghệ, thương-mại, cải-tiến nông-nghiệp. Về kỹ-nghệ, ông đặt kế-hoạch tứ-niên, cấp vốn cho các nhà tư-bản, mở-mang xưởng đúc vũ-khí, dệt vải. Về thương-mại, ông cho đặt kế-hoạch nhị-thập-niên, để đắp 35.000 cây số đường giao-thông.

c) Phong-trào Tân-sinh-hoạt.

Ngoài việc chủ-trương canh-tân Trung-Hoa về chính-trị, kinh-tế, Tướng-giới-Thạch còn lập ra phong-trào Tân-sinh-hoạt, mục-dịch canh-tân Trung-Hoa về phương-diện xã-hội. Để đạt mục-dịch trên, cần phải cải-tạo tư-tưởng và tục-lệ cổ-hủ của dân. Tướng-giới-Thạch trao cho phụ-nhân là Tổng-mỹ-Linh phụ-trách phong-trào. Phong-trào Tân-sinh-hoạt dựa trên nguyên-tắc căn-bản Tam-dân chủ-nghĩa. Phong-trào này cấm dân không được khạc nhổ xuống đất, không được hút thuốc phiện, không được khiêu-vũ, không được ăn uống xa-xỉ. bãi bỏ tục-lệ lỗi-thời...

2. TƯỜNG-GIỚI-THẠCH CHỐNG NHẬT VÀ CỘNG-SẢN

a) Chống Nhật.

Năm 1931, Nhật chiếm Mãn-Châu xong, lại có tham-vọng đem 5 tỉnh Hoa-Bắc (70 triệu dân) tách ra khỏi Trung-Hoa, đề lập một quốc-gia độc-lập, nhưng Nhật không thành-tựu, vì Tưởng đối phó mạnh mẽ.

Khi cuộc Trung-Nhật chiến-tranh phát-khởi (7-7-1937), Tưởng phải áp-dụng chiến-thuật " tiêu-thò kháng-chiến " và rút quân về đóng ở Trùng-Khánh. Từ năm 1941, công cuộc chống Nhật của Tưởng đã có hiệu-quả. Từ hồi đó coi như Nhật không chiếm thêm được ở Trung-Hoa. Năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng-Minh, phải rút quân khỏi Trung-Hoa và trả Mãn-Châu, Đài-Loan cho Trung-Hoa.

b) Chống Cộng.

Sau khi họ Tưởng bị bắt cóc ở Diên-An (12-12-1936), ông bị bó buộc phải liên-kết với Cộng đề chống Nhật. Sau thế chiến II, giữa Quốc-Cộng lại xung-đột dữ-dội. Qua bốn năm trưng-tàn, Tưởng bị thất-bại, phải chạy ra Đài-Loan (1949), còn Mao-trạch-Đông (sinh 1893) lãnh-đạo lực-địa Trung-Hoa, đưa dân Trung-Hoa vào vòng Cộng-Sản.

III. NHẬT-BẢN SAU THỜI MINH-TRỊ VÀ THỜI BÀNH-TRƯỞNG ĐẾ-QUỐC

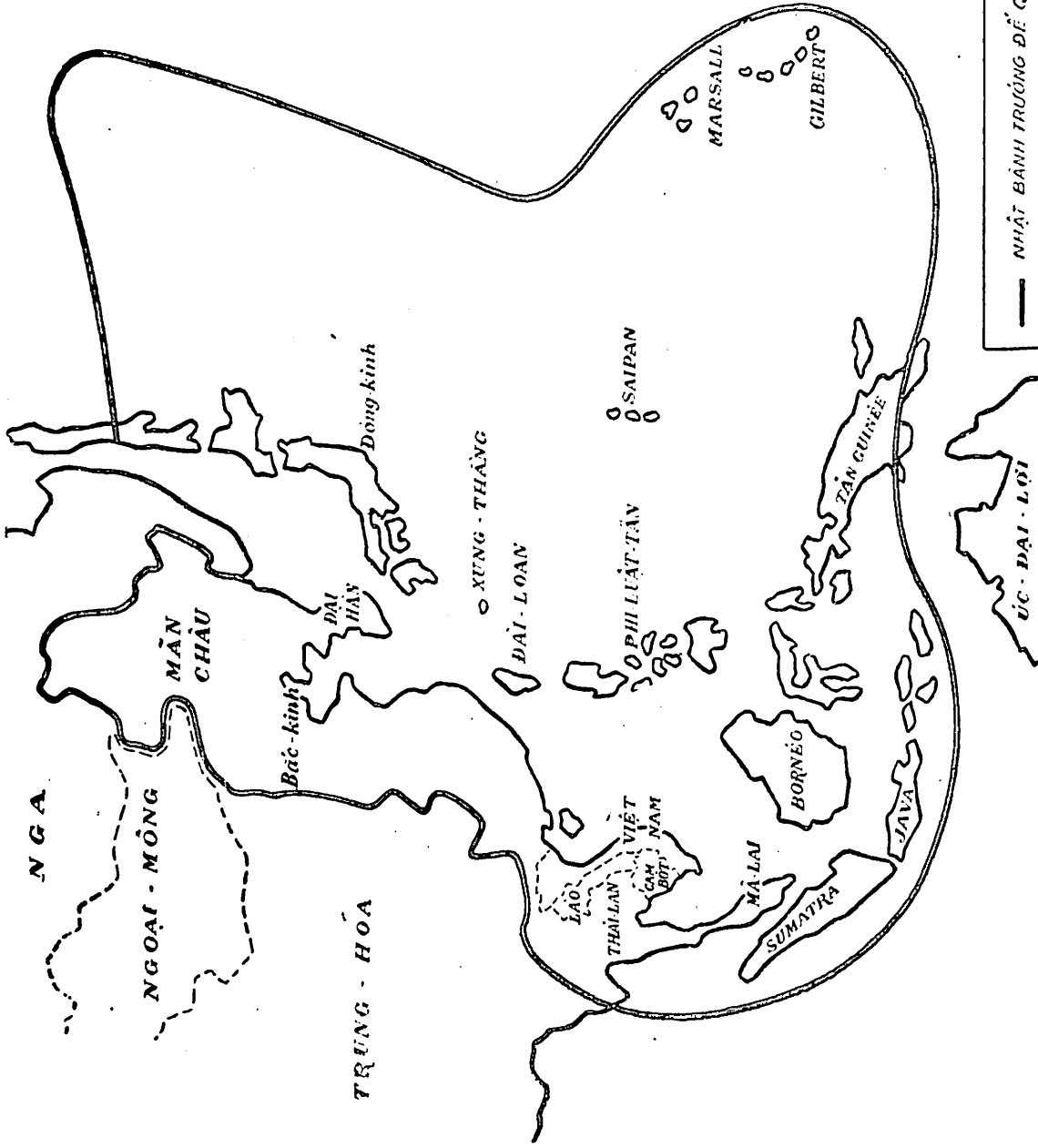
1. TÌNH-HÌNH XÃ-HỘI, CHÍNH-TRỊ NHẬT SAU THỜI MINH-TRỊ

a) Tình-hình xã-hội : nạn nhân-mãn.

Dân-số Nhật tăng rất mạnh: năm 1914: 54 triệu; 1938: 70 triệu. Nhật không đủ lúa gạo cung-cấp cho dân. Trung-bình mỗi năm phải nhập-cảng gạo tốn tới 600 triệu hoa-viên. Đề giải-quyết nạn nhân-mãn, có phe chính-trị muốn dùng võ-lực chiếm đóng miền lục-địa, có phe lại muốn giải-quyết ôn-hòa hơn.

b) Tình-hình chính-trị Nhật.

1. Từ năm 1914 - 1922: Nhân dịp thế-chiến I bùng nổ, Nhật liền



HẠ - UY - DI
 Trán châu - cang
 (7.12.1941)

— NHẬT BÀNH TRƯỚNG ĐỂ QUỐC TỬ 1895 ĐẾN 1942

tuyên-chiến với Đức, rồi đem quân chiếm tô-địa Giao-Châu của Đức ở Trung-Hoa và một số quần-đảo của Đức ở Thái-Bình-Dương. Cũng trong dịp này (năm 1915) Nhật giao cho Viên-thế-Khải « 21 điều yêu cầu », đòi Trung-Hoa phải đặt Nam Mãn-Châu, Phúc-Kiến, Sơn-Đông nằm trong vùng ảnh-hưởng của Nhật và yêu cầu Trung-Hoa không được cho một nước nào khác có thêm căn-cứ ven biển Trung-Hoa. Tại vùng Tây-Bá-Lợi-Á, Nhật gửi 70.000 quân sang đây, sau khi được Anh, Pháp và Hoa-Kỳ chấp-thuận.

2. Từ năm 1922-1931 : Nhật có một chính-sách ôn-hòa, mềm dẻo với Trung-Hoa. Nhưng năm 1932, phái quân-nhân lên cầm quyền, thay đổi hẳn chính-sách. *Đối nội* : phái quân-nhân và các Hội-kín khủng-bố chính-khách nào tỏ ra nhu-nhược trong việc giao-thiệp với Trung-Hoa. *Đối ngoại* : phái quân-nhân cố tình gây-hấn với Trung-Hoa để chiếm Mãn-Châu. Mục-đích chiếm Mãn-Châu của Nhật là tìm nguyên-liệu và từ Mãn-Châu Nhật sẽ chiếm dần xuống phía Nam Trung-Hoa.

2. THỜI KỲ NHẬT BÀNH-TRƯỚNG ĐẾ-QUỐC

a) Chiếm Mãn-Châu, Trung-Hoa.

Nhân dịp đường sắt của Nhật gần Thâm-Dương bị phá hoại, Nhật liền xua quân tấn-công Thâm-Dương. Chỉ qua 6 tuần lễ, Nhật chiếm xong Mãn-Châu (1931), đặt nền đô-hộ tại đó.

Chiếm xong Mãn-Châu, Nhật chuẩn-bị đánh Trung-Hoa. Nhân vụ xung-đột ở Lư-Cầu-Kiều, cách Bắc-Kinh về phía Tây-Nam 25 cây số, Nhật đem quân chiếm Hoa-Bắc (7-7-1937), rồi chiếm Hoa-Nam (1938). Nhờ chiến-thuật du-kích, tính đến tháng 5 năm 1940, chính-phủ Tưởng-giới-Thạch còn kiểm-soát được 638 thành phố.

b) Gây chiến ở Thái-Bình-Dương.

Sau khi chiếm Đông-Dương (22-9-1940), Nhật gây chiến ở Thái-Bình-Dương và các nước Đông-Nam-Á. Trong cuộc chiến-tranh này, Nhật đã thắng nhanh chóng. Chiếm Trân-Châu-Cảng rồi (1941), Nhật chiếm luôn đảo Guam, Wake, Hương-Cảng, Phi-Luật-Tân, Mã-Lai, Tân-Gia-Ba, Indonesia, Miến-Điện, Tân Guinée. Qua bốn tháng trời, Nhật đã đặt dưới quyền mình 8 triệu cây số vuông và 450 triệu người.

IV. NHẬT-BẢN BẠI TRẬN

1. NƯỚC NHẬT ĐẦU HÀNG ĐỒNG-MINH

a) Hai quả bom nguyên-tử.

Vào giữa năm 1942, quân Đồng-Minh đã được tăng-cường ở Thái-Bình-Dương và cũng từ đó, quân Nhật yếu dần. Ngày 6-8-45, Hoa-Kỳ thả bom nguyên-tử xuống Quảng-Đảo (Hiroshima) rồi ngày 9-8-45 lại thả quả thứ hai xuống Trường-Kỳ (Nagasaki), làm cho Nhật bị yếu thế hẳn.

b) Nhật xin đầu hàng.

Sau khi hai quả bom nguyên-tử nổ trên đất Nhật, ngày 14-8-1945, Nhật chính-thức xin đầu hàng. Ngày 2-9, bản hiệp-ước đình-chiến được ký-kết trên chiến-hạm Missouri tại vịnh Đông-Kinh. Từ khi tham dự đại-chiến II, số quân Nhật bị tử-trận là 1.219.000 người. Nguyên từ 1-7-1945 đến 15-8-1945, Nhật bị Đồng-Minh hạ 11.375 phi-cơ.

2. NƯỚC NHẬT SAU KHI ĐẦU HÀNG

a) Quân-đội Hoa-Kỳ chiếm đóng Nhật.

Ngày 28-8-1945, Hoa-Kỳ cho đổ bộ lên Đông-Kinh 40 ngàn quân để giải-giáp quân-đội Nhật. Sau khi thất trận, quyền-hành trong nước lọt vào tay Hoa-Kỳ mà đại-tướng Mac Arthur là đại-diện. Tới 28-4-1952, ngày thi-hành hòa-ước Cựu-Kim-Sơn, Nhật mới được giải-phóng và lại trở thành một quốc-gia độc-lập hoàn-toàn.

b) Hiến-pháp 1946.

Ngày 3-11-1946, Tướng Mac Arthur công-bố một Hiến-pháp mới cho Nhật. *Quyền hành-pháp* thuộc nhà vua. Nhà vua sẽ bổ-nhiệm Thủ-tướng. Trong thực-tế, chính-phủ Nhật điều-khiển mọi việc trong nước và chịu trách-nhiệm trước Quốc-hội. Ta có thể nói được, nhiệm-vụ và quyền-lợi Nhật-Hoàng tương-tợ như nhiệm-vụ Nữ-hoàng Anh-Quốc.

Quyền lập-pháp thuộc hai viện : viện Dân-biêu với nhiệm-kỳ là 4 năm, viện Cố-vấn với nhiệm-kỳ 6 năm. Việc lập-pháp đều do hai viện phụ-trách, song viện Dân-biêu có nhiều quyền-lợi hơn về ngân-sách.

Hiện nay, Nhật-Bản lại giữ một địa-vị quan-trọng ở Á-Đông và đang cạnh-tranh kinh-tế với các nước Âu-Mỹ.

V. PHONG-TRÀO TRANH-ĐẤU DÀNH ĐỘC-LẬP CỦA ẤN-ĐỘ

1. CÁC GIAI-ĐOẠN CỦA PHONG-TRÀO

a) Lính Cipayes chống Anh.

Khi ông Clive cai-trị ở Ấn-Độ, đã tổ-chức được một đạo-quân Cipayes gồm 190.000 người. Năm 1856, vì Anh chiếm miền Aoudh (hiện nay thuộc Tiểu-bang Uttar Pradesh) và dùng mõ heo lau súng (người Hời ghét heo), nên từ ngày 10-5-1857 đám lính Cipayes nổi dậy ở Bengale, Đê-Li, Aoudh, Bombay và lan tràn khắp miền Bắc-Ấn.

Cuộc tranh-đấu này chưa chính-thức là tranh-đấu độc-lập cho toàn dân Ấn, nhưng nó là bước đầu tổ sự đoàn-kết của một lớp người Ấn muốn chống lại Anh. Vì thiếu tổ-chức, nên đến năm 1858 người Anh đã dẹp yên.

b) Dân Ấn dùng võ-lực chống Anh.

Kể từ đầu thế-kỷ XX, ở miền Ấn-Độ có một Phong-trào Quốc-gia Ấn (miền Ấn gồm 584 Tiểu-quốc khác nhau). Dân Ấn nhận thấy phải đoàn-kết để lập một Quốc-gia Ấn-Độ. Trong trận thế-chiến I, Anh lo sợ Ấn nổi loạn, nên hứa-hẹn trao trả cho Ấn nhiều quyền-lợi, nhưng sau này người Anh đã không thực-hiện. Vì thế, năm 1919, dân Ấn phẫn-nộ biểu-tình. Lính Anh liền bắt hai nhà lãnh-tụ Kitchlen và Satyapal. Việc này làm dân chúng càng bức-tức, nên họ đi đốt ngân-hàng và nhiều cơ-sở, giết một si-quan Anh. Do đấy, người Anh càng dùng những biện-pháp gắt-gao để dẹp phong-trào tranh-đấu của người Ấn.

c) Dân Ấn dùng chính-sách bất hợp-tác chống Anh.

Lãnh-tụ của phong-trào này là ông Gandhi (Cam-Đja). Chính-sách bất hợp-tác của Gandhi là : người Ấn không nhận chức-tước của Anh, không mua hàng-hóa Anh... Tuy ông Gandhi bị người Anh bắt mấy lần, nhưng nhờ cuộc tranh-đấu này, mà năm 1935, Anh trao cho Ấn một Hiến-pháp, theo đó Ấn được quyền tự-trị.

2. TIỂU-SỬ ÔNG GANDHI

a) Trước thời làm chính-trị.

Ông Gandhi sinh ngày 2-10-1869 tại Kathiavar. Thân-sinh Gandhi giữ chức Thủ-tướng Tiểu-quốc Porbandar trong 25 năm. Hời 19 tuổi, Gandhi học bên Anh-quốc. Đến năm 23 tuổi, ngài trở về Ấn-Độ làm trạng-sur. Năm 1893, ngài đổi sang làm việc ở Nam-Phi.

b) Thời-kỳ hoạt-dộng chính-trị.

Ở Nam-phi được một năm, Ngài bỏ nghề trạng-sư để bắt đầu hoạt-dộng chính-trị. Sau đó, Ngài về Ấn-Độ nêu ra chính-sách tranh-dấu bất bạo-dộng. Từ năm 1908 — 1942, Ngài bị ngồi tù 4 lần vì hoạt-dộng cho nền độc-lập Ấn-Độ. Chính-sách của Gandhi được nhiều người Ấn theo. Quy-tắc tu-thân của Gandhi là : trong-sạch, sáng-suốt, tự-chủ, không ham danh-lợi, yêu người. Ngài đã tuyệt-thực nhiều lần để phản-đối người Anh.

Chiều 30-1-1948, Gandhi bị ám-sát do ông Godse 36 tuổi, vì ông Godse phản-đối Gandhi đã bằng lòng phân chia hai nước Ấn-Độ và Hồi-Quốc. Tuy Ngài đã chết, nhưng dân Ấn-Độ không thể quên ơn Ngài.

2. ẤN-ĐỘ DÀNH ĐƯỢC ĐỘC-LẬP

a) Nước Ấn-Độ.

Sau nhiều cuộc hội-hop giữa Anh — Ấn, năm 1945 Anh mới chịu lập cho Ấn một quy-chế mới. Nhờ sự cương-quyết của phó vương Mountbatten; đạo-luật cho Ấn độc-lập đã được chính-phủ Anh công-bố 7-1947, và đến ngày 15-8-1947. Anh chính-thức trao quyền độc-lập cho Ấn. Ngày 26-1-1950, Ấn-Độ công-bố Hiến-pháp và trở thành nước Cộng-Hòa. Đầu năm 1965, Ấn-Độ có 471 triệu dân.

b) Thành-lập Hồi-Quốc.

Ở miền Ấn-Độ có hai lớp người theo hai thứ tôn-giáo lớn khác nhau : Ấn-giáo và Hồi-giáo. Vì thế, số người theo đạo Hồi-giáo nhất-định tách ra khỏi Ấn và tự lập thành Hồi-quốc ngày nay. Đầu năm 1965, Hồi-quốc có 101 triệu dân.

VI. LIÊN-HIỆP ẤN-ĐỘ NGÀY NAY

1. CHÍNH-QUYỀN TẠI LIÊN-HIỆP ẤN

a) Chính-quyền trung-ương.

1. *Quyền lập-pháp* : Thuộc hai viện : Hội-đồng Liên-hiệp và Nhân-dân Nghị-viện. Hội-đồng Liên-hiệp không quá 250 người và Nhân-dân Nghị-viện không quá 500 người.

2. *Quyền hành-pháp* : Trên cùng có Tổng-thống do các nghị-sĩ thuộc hai Viện chính-quyền Trung-ương, và Tiểu-bang bầu trong 5 năm. Tổng-thống bổ-nhiệm Thủ-tướng còn các Tổng-trưởng cũng do Tổng-thống cử, dựa theo ý-kiến Thủ-tướng. Các vị Tổng-trưởng phải chịu trách-nhiệm liên-đối trước Nhân-dân Nghị-viện.

3. *Quyền tư-pháp* : Thuộc Tối-cao Pháp-viện, gồm có một Chưởng-ly và không quá 10 vị Thâm-phán do Tổng-thống bổ-nhiệm.

b) *Chính-quyền tại các Tiểu-bang.*

1. *Quyền lập-pháp* : Do Nghị-viện các Tiểu-bang cầm đầu. Hiện nay trong số 16 Tiểu-bang Ấn, có 10 Tiểu-bang theo chế-độ lưỡng-viện, còn 6 Tiểu-bang theo chế-độ nhất-viện.

2. *Quyền hành-pháp* : Thuộc vị Thống-đốc do Tổng-thống Liên-hiệp bổ-nhiệm trong 5 năm, và một Hội-đồng Bộ-trưởng.

3. *Quyền tư-pháp* : Mỗi Tiểu-bang có một Tòa Thượng-thâm, gồm một Chánh-án và một số Thâm-phán.

2. TÌNH-HÌNH CHÍNH-TRỊ VÀ KINH-TẾ ẤN-ĐỘ

a) *Tình-hình chính-trị.*

Nước Ấn-Độ tuy mới được giải-phóng sau trận thế-chiến II, nhưng đã giữ vai-trò chính-trị khá quan-trọng trên thế-giới. Sánh với các thuộc-địa mới độc-lập, thì Ấn-Độ là quốc-gia được hai khối Dân-chủ và Cộng-sản kính nể nhất. Sở dĩ Ấn-Độ có địa-vị trên thế-giới như ta thấy ngày nay là nhờ mấy diềm sau này :

1. *Tinh-thần hợp-tác quốc-tế.*

2. *Tinh-thần giao-hảo tốt đẹp giữa Anh và Ấn.*

b) *Tình-hình kinh-tế, xã-hội.*

Kế-hoạch 5 năm bắt đầu được thi-hành từ năm 1951. Mục-tiêu kế-hoạch này là tăng-gia sản-xuất nông-nghiệp và điện-lực trong nước. Nhờ kế-hoạch này mà lợi-tức quốc-gia đã tăng 17,5% và lợi-tức cá-nhân tăng 11%. Về *Xã-hội* : Ấn phải cải-tổ dần dần 570.000 làng xã và các cơ-cấu xã-hội lỗi thời.

c) *Hiện nay Ấn có 16 Tiểu-bang.*

Từ đầu năm 1957, các Tiểu-bang được cải-tổ lại, làm cho một số Tiểu-bang bị thay đổi ranh-giới như : Assam, Orissa, Uttar Pradesh, Jammu Kashmir ; ngoài ra, thêm tiểu-bang mới Kerala, thuộc Tây-Nam Ấn (gồm Travancore, Cochin). Hiện nay, Ấn có 16 Tiểu-bang : Andhra Pradesh, Assam, Bihar, Gujarat Kerela, Madhya Pradesh, Madras, Maharashtra, Mysore, Orissa, Punjab, Rajasthan, Uttar Pradesh, Tây Bengal, Jammu Kashmir và Himachal Pradesh.

CHƯƠNG II

NHỮNG KHÓ-KHĂN CỦA CÁC CƯỜNG-QUỐC: HOA-KỲ, ANH, PHÁP (giữa hai trận thế-chiến)

Giữa hai trận thế-chiến, các cường-quốc Hoa-Kỳ, Anh, Pháp không những phải giải-quyết những khó-khăn về kinh-tế, chính-trị tại chính-quốc mà còn phải đương đầu với những khó-khăn chính-trị quốc-tế và tại các thuộc-quốc.

Ngoài ra, năm 1929 thế-giới gặp cơn khủng-hoảng kinh-tế lớn lao nhất. Cơn khủng-hoảng này đã từ Hoa-Kỳ lan tràn sang Âu, Á, Phi-Châu và gây ra những khó-khăn gián-tiếp về chính-trị tại nhiều nước, trong số đó có Hoa-Kỳ, Anh, Pháp.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Những khó-khăn kinh-tế của Hoa-Kỳ.
- II. Những khó-khăn chính-trị của Hoa-Kỳ.
- III. Những khó-khăn của Anh tại chính-quốc.
- IV. Những khó-khăn của Anh tại các thuộc-quốc.
- V. Những khó-khăn của Pháp tại chính-quốc.
- VI. Những khó-khăn của Pháp tại các thuộc-quốc.
- VII. Khủng-hoảng kinh-tế thế-giới 1929.

I. KHÓ-KHĂN KINH-TẾ CỦA HOA-KỲ : KHỦNG-HOẢNG KINH-TẾ

1. CUỘC KHỦNG-HOẢNG KINH-TẾ

a) Nguyên-nhân và tình-hình khủng-hoảng.

Vì Hoa-Kỳ sản-xuất dư thừa và thiếu thị-trường, nên xảy ra khủng-hoảng. Cuộc khủng-hoảng kinh-tế khởi sự từ ngày 22-10-1929 tại Nữu-Uớc, rồi lan-tràn khắp nước Hoa-Kỳ và trên thế-giới. Ở Hoa-kỳ số người thất-nghiệp tăng lên tới 12 triệu. Trong số thất-nghiệp, có cả kiến-trúc sư, trạng-sư, bác-sĩ. Bọn người thất-nghiệp nhiều khi phải nằm ngủ trên vỉa hè hay dưới những túp lều làm bằng gỗ thùng. Tuy nhiên, bọn họ không dám nổi loạn, vì sợ cảnh-bình võ-trang, vì thiếu đoàn-kết, thiếu lòng hiếu-chiến.

b) Người giải-quyết : Ông Roosevelt.

Roosevelt sinh năm 1882. Mới 28 tuổi, ông đã đắc-cử Thượng-nghị-sĩ Tiểu-bang Nữu-Uớc. Năm 1913, ông được Tổng-thống Wilson mời làm Thứ-trưởng Hải-quân Hoa-Kỳ. Năm 1928 và 1930, ông được bầu làm Thống-đốc Nữu-Uớc hai lần. Từ năm 1932-1945, ông được bầu làm Tổng-thống Hoa-Kỳ 4 khóa liền. Ngày 12-4-1945, ông chết vì bệnh, đang khi còn giữ trách-nhiệm Tổng-thống. Ông là người đơn-sơ, quảng-đại, ý-chí, biết nhìn xa và có tài lợi-khẩu (Trong dịp bầu cử Tổng-thống 1932, ông Roosevelt thuộc đảng Dân-chủ được 23 triệu phiếu, còn ông Hoover thuộc đảng Cộng-hòa chỉ có 16 triệu phiếu).

c) Kế-hoạch : Tân chính-sách kinh-tế.

Năm 1932, Roosevelt vừa lên làm Tổng-thống, liền giải-quyết ngay nạn kinh-tế khủng-hoảng, bằng cách họp các nhà chuyên-môn kinh-tế thành một bộ "Tham-muru" (Brain Trust) nghiên-cứu tình-hình, lập *Tân chính-sách kinh-tế*. Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1933, Tổng-thống Roosevelt ra ba đạo-luật quan-trọng về tài-chính, canh-nông, kỹ-nghệ :

1. *Về tài-chính* : Ngày 10-3-1933, Roosevelt ký đạo-luật về Ngân-hàng (Emergency Banking Act). Chính-phủ bảo-đảm số tồn-khoản gửi trong các ngân-hàng, kiểm-soát hối-đoái, bỏ kim-bản-vị, cấm xuất-cảng vàng, hạ giá đồng Mỹ-kim xuống 40%.

2. *Về canh-nông* : Cùng năm 1933, đạo-luật Chính-dồn Nông-nghiệp được ban-hành (Agricultural Adjustment Act), mục-dịch lập Nông-phổ Ngân-hàng, Nông-tín cuộc. Chính-phủ còn tìm cách hạn-chế việc sản-xuất bông, thuốc lá, lúa mì.

3. *Về kỹ-nghệ* : Đạo-luật về Phục-hưng Kỹ-nghệ Quốc-gia (National Industrial Recovery Act) giúp cho việc phân chia các công việc một cách hợp-lý, tăng lương cho thợ thuyền, giảm số giờ làm việc. Đạo-luật này còn cho phép thợ thuyền tổ-chức nghiệp-đoàn để bênh-vực quyền-lợi mình.

2. HẬU-QUẢ CỦA TÂN CHÍNH-SÁCH KINH-TẾ

a) Những người phản-đối.

Việc áp-dụng đạo-luật kỹ-nghệ gây ra nhiều cuộc tranh-tụng về lao-động và đình-công. Ngoài ra, chính Tòa-án Tối-cao (gồm 9 Thẩm-phán Liên-bang) lại tuyên-bố những đạo-luật trên đây bất hợp hiến. May nhờ những phương-pháp gián-tiếp, Roosevelt đã cứu-vãn được những đạo-luật đó.

b) Những kết-quả.

Ngay năm 1934, mức sản-xuất đã tăng từ 65,5 tới 72,3% và đến năm 1937 tình-trạng sản-xuất trở lại hồi 1929. Nhờ có kết-quả lớn lao đó mà dân Hoa-Kỳ biết ơn Roosevelt và năm 1936 ông được tái-cử.

II. NHỮNG KHÓ-KHĂN CHÍNH-TRỊ CỦA HOA-KỲ: CẠNH TRANH Ở ÂU-CHÂU VÀ Á-ĐÔNG

1. KHÔNG CÔNG-NHẬN HÒA-ƯỚC VERSAILLES

a) Thượng-nghị-viện bác bỏ hòa-ước Versailles.

Sau trận thế-chiến I, nước Đức, Áo thua Anh, Pháp, Hoa-Kỳ, nên chịu ký hòa-ước tại Versailles ngày 28-6-1919. Theo nguyên-tắc, các hòa-ước phải được nghị-viện chấp-thuận mới được thi-hành. Riêng hòa-ước Versailles lại không được 2/3 nghị-sĩ tại Thượng-nghị-viện Hoa-Kỳ chấp-thuận. Thế là Hoa-Kỳ đã tham-dự vào thế-chiến I, đã thắng Đức, nhưng lại không nhận hòa-ước Versailles.

b) **Hậu-quả do việc Hoa-Kỳ bác bỏ hòa-ước Versailles.**

Hậu-quả quan-trọng nhất là Hoa-Kỳ đứng ngoài hội Quốc-Liên (thành-lập năm 1919) làm cho hội Quốc-Liên sau này suy yếu, không có thể giá đối với Quốc-tế. Một hậu-quả khác là cô-lập nước Pháp, không trực-tiếp liên-kết với Pháp, mà lại cộng-tác với Đức, làm cho Pháp đầu đã thắng Đức, nhưng vẫn sợ nước Đức báo thù.

2. THỜI-KỲ ĐẢNG CỘNG-HÒA NĂM CHÍNH-QUYỀN (1920-1932)

a) **Mở hội-nghị Hoa-thịnh-Đốn (1921).**

1. *Lý-do thúc-đây Hoa-Kỳ mở hội-nghị* : Bề ngoài, Hoa-Kỳ muốn yêu-cầu các cường-quốc giảm bớt về hải-quân để tránh chiến-tranh, nhưng bề trong, Hoa-Kỳ có mục-dịch chính là kìm hãm hải-quân của Nhật đang cạnh-tranh với Hoa-Kỳ ở Thái-Bình-Dương.

2. *Kết-quả của hội-nghị* : Sau cuộc hội-nghị này, các cường-quốc thuận theo quyết-định về số trọng-tải tối-đa như sau :

Hoa-Kỳ	: 525.000 tấn	Pháp	: 175.000 tấn
Anh	: 525.000 tấn	Ý	: 175.000 tấn
Nhật	: 317.000 tấn		

b) **Hoa-Kỳ đối với nước Đức.**

Hoa-Kỳ không chấp-thuận hòa-ước Versailles, lại còn ký một hiệp-ước riêng với Đức ngày 25-8-1921. Hoa-Kỳ chủ-ý nâng-dỡ Đức với mục-dịch sau đây :

1. *Về xã-hội* : Không nâng-dỡ Đức, mà để Đức nghèo nàn, sẽ bị bọn Bôn-Sơ-Vích quấy rối dân Đức dễ-dàng. Nếu cố-gắng giúp Đức phục-hồi các cơ-sở kinh-tế, giáo-dục, Đức có thể tự-lập nhanh chóng sau cuộc chiến-bại 1918.

2. *Về chính-trị* : Làm cho Đức mạnh để cạnh-tranh với Pháp ở Âu-Châu. Nếu ở lục-địa Âu-Châu, chỉ riêng nước Pháp mạnh mẽ, thì ảnh-hưởng của Hoa-Kỳ khó bành-trướng tại đây.

3. *Về kinh-tế* : Hoa-Kỳ sẽ nhờ dịp này để đem hàng-hóa sang thị-trường Đức nhiều hơn, mong cạnh-tranh với Anh và Pháp ; hơn nữa còn có thêm dịp bán cho cả Âu-Châu. Nhất là hồi ấy, sau trận thế-chiến I, kỹ-nghệ Âu-Châu chưa kịp phục-hồi, mà sức tăng-gia sản-xuất của Hoa-Kỳ lại cứ theo đà năm 1918 mà tiến.

III. NHỮNG KHÓ-KHĂN CỦA ANH TẠI CHÍNH-QUỐC

1. VẤN-ĐỀ KINH-TẾ, TÀI-CHÍNH, XÃ-HỘI

a) Nguyên-nhân khó-khăn.

Cuộc khủng-hoảng kinh-tế thế-giới đã từ Hoa-Kỳ lan-tràn nhanh chóng sang nước Anh, gây cho Anh một lớp người thất-nghiệp lớn lao. Năm 1929, nước Anh có trên một triệu người thất-nghiệp, nhưng hai năm sau đã lên tới 2 triệu 6. Do đấy, mọi công việc sản-xuất ngưng trệ, thị-trường tài-chính cũng bị sa-sút do sự sụp-đổ nhiều ngân-hàng Đức, Áo.

b) Mac Donald giải-quyết cơn khó-khăn.

Năm 1929, Mac Donald lên lập chính-phủ vào lúc bắt đầu có cuộc kinh-tế khủng-hoảng, nên gặp phải nhiều khó-khăn. Để giải-quyết những khó-khăn trên, năm 1931, Mac Donald quyết-định như sau :

1. *Lập chính-phủ Liên-liệp* : Chính-phủ này gồm 5 người thuộc đảng Lao-động, 6 thuộc Tự-do, 8 thuộc Bảo-thủ. Nhờ có chính-phủ Liên-liệp này, mọi quyết-định được dân chúng tuân-hành hơn.

2. *Bỏ kim-bản-vị* : Làm giá hàng hạ từ 30 — 40%.

3. *Canh-tân kỹ-nghệ* : Áp-dụng phương-pháp tối-tân trong ngành kỹ-nghệ và hủy bỏ tự-do mậu-dịch.

2. VẤN-ĐỀ CHÍNH-TRỊ, DÒNG-TỘC

a) Nguyên-nhân vấn-dề.

Đầu năm 1936, vua George V băng-hà ; thế-tử lên ngôi sẽ là Edouard VIII và sẽ được phong vương vào tháng 5 năm 1937, Edouard VIII lại muốn kết-hôn với bà Wallis Simpson là người Hoa-Kỳ đã ly-dị hai lần nhưng luật Anh-giáo không cho phép. Nhà vua cứ quyết-định sẽ cưới bà Simpson ; do vậy, dân Anh rất xôn-xao về vụ này. Tại nhiều nhà thờ, người ta cầu nguyện cho vua bỏ ý-định trên như là cầu cho vua khi gặp nguy-tử.

b) Giải-quyết cơn khó-khẩn.

Về vấn-đề này, Thủ-tướng Baldwin chống lại vua, còn ông Attlee và Churchill lại muốn tìm cách giúp vua. Sau cùng Edouard VIII xin thoái-vị, rồi nhường ngôi cho em là George VI (1895-1952). Qua vụ này, Thủ-tướng Baldwin từ chức, ông Neville Chamberlain ra lập chính-phủ.

IV. NHỮNG KHÓ-KHĂN CỦA ANH TẠI CÁC THUỘC-QUỐC

1. NƯỚC ÁI-NHÌ-LAN VÀ AI-CẬP

a) Nước Ái-Nhì-Lan.

Vào giữa thế-kỷ XIX, xảy ra ba vấn-đề khó-khẩn ở Ái-Nhì-Lan, tức là vấn-đề *tôn-giáo*, *ruộng đất* và *chính-trị*. Quan-trọng nhất là về chính-trị, vì Ái-Nhì-Lan luôn luôn đòi Anh-quốc phải cho họ độc-lập. Mãi đến năm 1914, Hạ Nghị-viện Anh mới chấp-thuận cho Ái-Nhì-Lan tự-trị, song miền Ulster vẫn thuộc đất Anh.

Sau đó, Ái-nhì-Lan còn tranh-đấu mạnh hơn nữa, đòi thống-nhất hoàn toàn. Đến năm 1921, Anh chỉ công-nhận cho Ái-Nhì-Lan *hoàn-toàn tự-trị*, mỗi năm phải nộp cho Anh 5 triệu bảng thuế. Năm 1931, ông De Valera làm Tổng-thống Ái-Nhì-Lan đòi cho Ái độc-lập. Sau nhiều cuộc thương-thuyết, tới năm 1937, Anh nhận cho Ái-nhì-Lan *hoàn-toàn độc-lập*. Hiện nay, Ái-Nhì-Lan không ở trong khối Liên-Hiệp-Anh.

b) Nước Ai-Cập.

Vào đầu thế-kỷ XX, Ai-Cập là một quốc-gia Hồi-giáo có 15 triệu dân. Kể từ năm 1918, phong-trào quốc-gia Ai-Cập dưới quyền chỉ-huy của luật-sư Zagloul Pacha hoạt-động mạnh-mẽ. Bốn năm sau (1922), nước Anh phải công-nhận cho Ai-Cập độc-lập tạm-thời. Từ đó, vị Giáo-chủ Ai-Cập lên làm vua, với tên mới là Fouad I. Năm 1936, vua Fouad I băng-hà, con là Farouk I lên ngôi, vừa đúng 16 tuổi. Cùng năm 1936, hiệp-ước Luân-Đôn mới công-nhận Ai-Cập *hoàn-hoàn độc-lập*, nước Anh chỉ còn giữ quyền-lợi đặc-biệt ở kênh Suez và hai nước Anh — Ai cùng cai-trị xứ Soudan.

2. VÙNG TRUNG-ĐÔNG VÀ ẤN-ĐỘ

a) Vùng Trung-Đông.

Tại *Palestine*, Anh tạm chia cho người Do-Thái 1/3 đất đai, còn người Á-Rập 2/3, để tránh cuộc xích-mịch giữa hai dân-tộc. Ở *Irak* và *Ba-Tur*, Anh cũng lo liệu hai nước trên được độc-lập (*Irak* : năm 1930 ; *Ba-Tur* : năm 1932) mà vẫn còn phải chịu ảnh-hưởng của Anh.

b) Ấn-Độ.

Chính Ấn-Độ gây nhiều khó-khăn cho Anh hơn cả. Về phương-diện chính-trị, từ sau trận thế-chiến I, các nhà trí-thức Ấn-Độ quyết-tâm hiệp-lực tranh-đấu để thành-lập một nước Ấn-Độ có đầy-đủ chủ-quyền đối-nội và đối-ngoại theo quốc-tế công-pháp. Dầu phần đông dân Ấn sẵn-sàng theo thuyết tranh-đấu bất bạo-động của Thánh Gandhi, nhưng vẫn là một mối lo-ngại lớn cho Anh.

Những hoạt-động chính-trị của các lãnh-tụ Ấn và sự tổ-chức đảng Quốc-đại Ấn do Gandhi lãnh-đạo càng ngày càng gây ra nhiều sự khó-khăn cho người Anh. Sau cuộc thất-bại ở Hội-nghị Bàn Tròn năm 1930-1932, người Anh phải chấp-nhận cho Ấn hưởng một quy-chế rộng-rãi : một Hiến-pháp được ban-hành trong năm 1935 cho phép Ấn thành-lập nghị-viện và tổ-chức các cơ-cấu hành-chính các tỉnh. Chế-độ này bị trở ngại vì đại-chiến thứ hai bùng nổ. Tới năm 1947, Anh phải cho Ấn-Độ độc-lập.

V. NHỮNG KHÓ-KHĂN CỦA PHÁP TẠI CHÍNH-QUỐC

1. VẤN-ĐỀ KINH-TẾ, TÀI-CHÍNH, XÃ-HỘI

a) Nguyên-nhân khó-khăn.

Cũng như ở Anh, cuộc khủng-hoảng kinh-tế, tài-chánh Pháp bắt đầu từ Hoa-Kỳ tràn sang. Thực ra cuộc khủng-hoảng ở Pháp không bùng nổ mạnh mẽ ngay năm 1929 như ở Anh, mà mãi đến năm 1931 mới gây nhiều thiệt-hại cho Pháp.

b) Hậu-quả khủng-hoảng kinh-tế, tài-chánh.

Tại Pháp, cuộc khủng-hoảng kinh-tế bắt đầu làm cho giá rượu và lúa mì hạ rất nhanh. Vì thế, chính-phủ phải hạn-chế sản-xuất về thực-phẩm ngay. Tiếp đến, nhiều ngành kỹ-nghệ Pháp cũng phải ngừng việc. Do đấy mức xuất-cảng năm 1931 bị giảm từ 50 tỷ quan xuống 32 tỷ và mức nhập-cảng cũng hạ từ 52 xuống 29 tỷ. Nhiều nhà ngân-hàng bị vỡ nợ. Ngân-quỹ Pháp năm 1933 thiếu hụt 10 tỷ quan. Vì vấn-đề kinh-tế, tài-chính, phát-sinh ra nhiều cuộc khủng-hoảng chính-trị.

2. VẤN-ĐỀ CHÍNH-TRỊ

a) Tả đảng Liên-minh (Cartel) cầm quyền.

Năm 1924, Tả đảng Liên-minh lập chính-phủ; thay thế cho các đảng Hữu. Nhưng kể từ năm 1930, nhiều nội-các kế-tiếp nhau sụp đổ. Trong thời kinh-tế khủng-hoảng, có chính-phủ vừa lên được một ngày bị đổ.

b) Mặt trận Bình-dân cầm-quyền.

Năm 1936, các đảng Cực Tả (Xã-hội, Xã-hội Cấp-tiến và Cộng-Sản) thành-lập Mặt trận Bình-dân. Ông Léon Blum, lãnh-tụ đảng Xã-hội lập chính-phủ. Thời này, chính-phủ cũng gặp những khó-khẩn do thái-độ của phe Cộng-Sản, do sự bất kiên-nhẫn của giới lao-động và mối lo sợ của phe tư-bản gây ra. Tuy nhiên, Léon Blum cũng thực-hiện được mấy điều sau đây: tuần lễ làm việc 40 giờ, một năm 40 ngày nghỉ có lương, tăng lương công-chức, thợ thuyền và cải-tổ chương-trình trung-học.

Năm 1937, Léon Blum bị lật đổ, ông Chautemps lập chính-phủ được 9 tháng. Sau đấy, Léon Blum lại lên làm Thủ-tướng vừa được một tháng (tháng 3-4 năm 1938) thì bị đổ; ông Daladier thay thế Léon Blum cầm đầu chính-phủ đến khi Pháp sửa-soạn đầu hàng Đức. Từ 1938 — 1940 là thời-gian rối loạn nhất của Pháp kể từ năm 1905 trở đi. Vì một đảng Pháp phải đối-phó với Đức, Ý, Nga (phản Pháp); đảng khác tại Đông-Dương, quân Nhật thừa cơ Pháp thua Đức, liền đem quân uy-hiếp Đông-Dương.

VI. NHỮNG KHÓ-KHĂN CỦA PHÁP TẠI CÁC THUỘC-QUỐC

1. CÁC NƯỚC THUỘC VÙNG TRUNG-ĐÔNG

a) Nước Syrie.

Theo Hòa-ước Sèvres (11-8-1920), nước Thổ-Nhi-Kỳ vì bại trận, nên phải nhường cho Anh cai-trị miền Palestine, Transjordanie và Mésopotamie, còn Pháp được ủy-quyền cai-trị miền Syrie, Liban.

Vì hai cường-quốc Anh, Pháp cùng đứng cạnh nhau ở Trung-Đông, nên xảy ra nhiều cuộc tranh dành ảnh-hưởng. Nước Anh muốn đẩy Pháp khỏi Trung-Đông để đặt cả miền Hồi-giáo này dưới quyền Anh; vì thế, năm 1920, Anh đã xúi lãnh-tự Hồi-giáo Fayçal I lên làm vua xứ Syrie. Thấy thế, Pháp liền phái tướng Gouraud đem 70.000 quân tới Damas (thủ-đô Syrie) đánh đuổi vua Fayçal I (năm 1921, Anh lại đặt Fayçal I làm vua xứ Irak). Sau đó, Pháp còn phải tiếp-tục bình-định Syrie; mãi đến năm 1936, Pháp mới tạm yên tâm về Syrie.

b) Nước Liban.

Năm 1920, Pháp lập ra nước Cộng-hòa Liban, thủ-đô là Beyrouth. Mục-dịch của Pháp là chia miền Syrie để dễ cai-trị hơn và có thêm một "quốc-gia" cạnh-tranh với các miền ở Trung-Đông thuộc Anh. Tuy Liban là một nước Cộng-hòa, nhưng kể từ năm 1936 mới tạm gọi được là quốc-gia và đến năm 1943, Pháp mới cho Liban độc-lập.

2. TẠI ĐÔNG-DƯƠNG VÀ BẮC PHI

a) Tại Đông-Dương.

Từ cuộc thế-chiến I đến thế-chiến II, ở Việt-Nam có nhiều phong-trào nổi lên chống Pháp. Những cuộc khởi-nghĩa của Việt-Nam Quang-Phục Hội, Đội Cấn, Quốc-Dân-Đảng... đã làm cho Pháp phải hao tổn rất nhiều. Tuy nhiên, Pháp cũng tạm dẹp yên được những vụ đó. (Về các phong-trào chống Pháp, xin coi trong phần Việt-Sử cuốn sách này).

b) Nước Maroc.

Xứ này bị Pháp bảo-hộ từ năm 1912. Năm 1925, ông Abd el Krim (chết tháng 2-1963) từ miền Rif (đất Maroc dưới quyền Tây-Ban-Nha) kéo quân vào đất Maroc của Pháp, đề đuổi Pháp ra khỏi Maroc, Pháp phải gửi Thống-chế Pétain sang Maroc chống với quân Cách-mạng. Năm 1926, Abd el Krim phải đầu hàng Pháp. Đến năm 1933, nghĩa-quân Maroc bị dẹp yên.

c) Nước Algérie.

Pháp đã chiếm toàn xứ Algérie qua ba giai-đoạn vào các năm 1837, 1844 và 1871. Sau trận thế-chiến I, phong-trào quốc-gia Algérie nổi dậy mạnh mẽ, làm Pháp bắt giam nhiều nhà lãnh-tụ cách-mạng.

d) Nước Tunisie.

Năm 1881, Pháp đặt bảo-hộ ở Tunisie theo hòa-ước Bardo. Đến sau trận thế-chiến I, dân Tunisie chống Pháp, đòi độc-lập. Tại đây, Pháp bị thiệt-hại khá nhiều do đảng Tân Destour của Tunisie gây ra.

VII. KHỦNG-HOẢNG KINH-TẾ THẾ-GIỚI 1929

1. PHÁT-SINH CUỘC KHỦNG-HOẢNG KINH-TẾ

a) Nguyên-nhân.

Có thể quy về mấy nguyên-nhân chính sau đây :

1. *Kỹ-nghệ Âu-Châu đã phục-hồi* : Sau trận thế-chiến I, kỹ-nghệ Âu-Châu dần dần được phục-hồi nhờ Hoa-Kỳ giúp. Ta thấy từ năm 1921-1928, Hoa-Kỳ cho các nước bị chiến-tranh tàn phá vay 8.500 triệu Mỹ-kim (quá một nửa dành cho Âu-Châu). Nhờ đó, kỹ-nghệ Âu-Châu dần dần đủ cung-cấp nhu-cầu cho mình và không cần phải mua hàng của Hoa-Kỳ nữa.

2. *Sản-xuất dư thừa* : Tới năm 1929, kỹ-nghệ Âu-Châu sản-xuất dư-thừa, nhưng lại không có thị-trường tiêu-thụ, vì tại chính Âu-Châu, các nước đều sản-xuất nhiều, nên không bán cho nước khác được. Hồi ấy, Hoa-Kỳ lại theo đà sẵn có, cũng sản-xuất nhiều, nhưng lại không có nơi tiêu-thụ.

b) Cuộc khủng-hoảng lan-trần.

Bắt đầu từ Hoa-Kỳ, cuộc khủng-hoảng lan tràn sang các nước Âu-Châu và hầu hết các nước trên thế-giới. Nước Áo, Hung, Hy-Lạp, Bảo, Anh, Pháp đều gặp nạn khủng-hoảng kinh-tế, trừ Nga-Sô. Ngay ở Á-Châu, các nước Nhật, Trung-Hoa và Việt-Nam cũng không thoát khỏi.

2. HÌNH-THỨC VÀ HẬU-QUẢ CUỘC KHỦNG-HOẢNG

a) Hình-thức khủng-hoảng.

Cuộc khủng-hoảng bắt đầu từ khu-vực tài-chính, rồi dần dần biến ra nhiều hình-thức sau đây :

1. *Giá hàng hạ* : Năm 1929, giá hàng là 100 thì năm 1932 ở Anh chỉ còn 67, ở Pháp và Hoa-Kỳ còn 68, ở Đức còn 70. Kể từ năm 1929-1932, hàng hóa hạ xuống 1/3, riêng về nguyên-liệu hạ xuống 1/2.

2. *Giá chứng-khoán hạ* : Tại Hoa-Kỳ, giá chứng-khoán năm 1932 chỉ bằng 1/4 năm 1929, riêng ở Pháp còn được 1/2.

b) Hậu-quả cuộc khủng-hoảng.

1. *Giảm bớt sản-xuất* : Năm 1932, nền kỹ-nghệ thế-giới bị giảm 38% sánh với năm 1929. Tại Đức và Hoa-Kỳ, mức sản-xuất bị giảm 1/2.

2. *Nạn thất nghiệp* : Ở Đức : 6 triệu người ; Anh : 3 triệu ; Hoa-Kỳ : 12 triệu. Tổng-cộng ở Âu-Mỹ có từ 30 đến 40 triệu, chưa kể ở Á-Châu.

3. *Thương-mại sa sút* : Năm 1929, sự trao đổi thương-mại quốc-tế được trên 5.000 triệu Mỹ-kim ; đến năm 1933, còn ngót 2.000 triệu.

Nạn khủng-hoảng kinh-tế làm các xí-nghiệp đóng cửa, nông-nghiệp đình-trệ, các ngân-hàng sa sút, gây nên một lớp người thất-nghiệp. Nhiều nơi xếp lúa mì, ngô, bông, cà-phê lại rồi đốt đi, giữa lúc đó có nhiều người vẫn khổ-cực, đói khát.

CHƯƠNG III

CÁC CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI: CỘNG-SẢN, PHÁT-XÍT, QUỐC-XÃ

Trận thế-chiến I chưa kết-liệu, thì chế-độ độc-tài Cộng-Sản đã được thành-lập ở Nga năm 1917. Đến năm 1922, chế-độ độc-tài Phát-Xít do Mussolini cầm đầu, lại phát-sinh ở Ý. Mười một năm sau, tức 1933, Hitler lại thành-công trong việc lập chế-độ độc-tài Quốc-Xã ở Đức.

Cả ba chế-độ độc-tài Cộng-Sản, Phát-Xít, Quốc-Xã đã gây nhiều tai-hại về luân-lý, tôn-giáo, xã-hội và chính-trị cho Nga, Ý, Đức và cả thế-giới. Năm 1945, hai chế-độ Phát-Xít, Quốc-Xã bị tan rã, nhưng ngày nay chế-độ độc-tài Cộng-Sản vẫn còn hoành-hành ở Nga, và đe dọa nền hòa-bình thế-giới.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Chủ-nghĩa Cộng-Sản thực-hiện ở Nga.
- II. Nước Nga dưới chế-độ độc-tài Cộng-Sản.
- III. Chủ-nghĩa Phát-Xít này sinh ở Ý.
- IV. Nước Ý dưới chế-độ độc-tài Phát-Xít.
- V. Chủ-nghĩa Quốc-Xã này sinh ở Đức.
- VI. Nước Đức dưới chế-độ độc-tài Quốc-Xã.

I. CHỦ-NGHĨA CỘNG-SẢN THỰC-HIỆN Ở NGA

1. CÁCH-MẠNG 1917 ĐƯA CHỦ-NGHĨA CỘNG-SẢN VÀO NGA

a) Nguyên-nhân Cách-mạng vô-sản 1917.

1. Sau khi Nga thua Nhật trong trận chiến 1904 — 1905, các đảng Xã-hội, Bôn-Sơ-Vích... phản-đối Nga-Hoàng Nicolas II mạnh-mẽ hơn.

2. Dân chúng đòi tự-do, dân-chủ, chống lại Nga-Hoàng.

3. Tháng 3-1917, vua Nicolas II thoái-vị. Sau đó chính-phủ lâm-thời Lvov và Kerenski thay thế đều thất-bại, vì bị Cộng-Sản Bôn-Sơ-Vích phá rối.

b) Cách-mạng vô-sản bùng nổ.

Đảng Bôn-Sơ-Vích hoạt-động có hiệu-quả, vì được nhiều giai-cấp bất-mãn với chế-độ cũ ủng-hộ. Nhờ vậy, Cộng-Sản đảo-chính ngày 6, 7-11-1917 (lịch Âu-Châu) tại Nga do Lénine cầm đầu.

c) Cộng-Sản nắm quyền ở Nga.

Sau khi nắm chính-quyền, Lénine ký hòa-trước Brest-Litovsk với Đức (26-11-1917). Năm 1918, Lénine lập Quốc-hội lập-hiến, nhưng vì đảng Bôn-Sơ-Vích của Lénine không được đa-số, nên ông giải-tán Quốc-hội.

Lénine muốn củng-cố chính-quyền cách-mạng vô-sản, ông đã diệt các người đối-lập như Dénikine, Alexeieff... Công này nhờ ở đạo Hồng-quân do Trotsky tổ-chức (năm 1918: 500 ngàn quân; năm 1920: 5 triệu). Trong thời cách-mạng này, Cộng-Sản Nga đã làm chết 6 triệu người; ngoài ra còn có 5 triệu rưỡi nông-dân bị đói và trên 7 triệu thợ thất-nghiệp. Nhân dịp cách-mạng, 27 triệu dân và 870.000 csv tách rời khỏi Nga để trở thành một số quốc-gia nhỏ (Ba-Lan, Phần-Lan, Lithuanie, Lettonie, Estonie).

2. CHỦ-NGHĨA CỘNG-SẢN Ở NGA

c) Phương-diện tôn-giáo.

Cộng-Sản không nhận có Thượng-Đế, không nhận những gì linh-thiên,

mà chỉ nhận có vật-chất. Vì vậy, Cộng-Sản ở Nga tìm mọi cách bài trừ tôn-giáo, dầu bề ngoài vẫn tuyên-bố tự-do tín-ngưỡng.

b) Phương-diện kinh-tế, xã-hội.

Cộng-Sản chủ-trương giai-cấp đấu-tranh, bài bỏ tư-hữu tài-sản. Thực ra chỉ có dân là khổ; còn cấp lãnh-đạo vẫn giàu có. Hiện nay ở Nga có 930 nhà triệu-phú chính-thức, trong số đó có ông Mikoyan và Thống-chế Boudienny.

c) Phương-diện chính-trị.

Sau khi tạm dẹp yên đối-phương, Lénine mở hội-nghị Đệ-Tam Quốc-Tế (3-1919) tại Mạc-Tur-Khoa ; hội-nghị lấy tên là Cộng-Sản Quốc-Tế (Komintern = Kommunist International), mục-đích *lật đổ các chính-phủ tư-sản ngoại-quốc*.

II. NƯỚC NGÀ DƯỚI CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI CỘNG-SẢN

1. PHƯƠNG-DIỆN CHÍNH-TRỊ

a) Chính-trị đỏi-nội.

1. *Thời Lénine* : Ngày 30-12-1922, Lénine lập Liên-bang Sô-Viết (SSSR) gồm các xứ Cộng-hòa : Nga, Tây Bá-Lợi-Á, Bạch-Nga, Caucasic, Ukraine và một số miền Tự-Trị khác. Hai năm sau, Lénine lại ban-hành Hiến-pháp mới. Theo Hiến-pháp này, quyền *Hành-chính* trao cho các Ủy-viên nhân-dân ; quyền *Lập-pháp* trao cho Chủ-tịch đoàn (27 người), Hội-Nghị Sô-Viết (1.600 người) và Ủy-ban Chấp-hành Trung-ương (gồm 588 người thuộc hai viện : Liên-bang và Dân-tộc).

2. *Thời Staline* : Năm 1924, Lénine chết, Staline thay thế. Đề giữ vững chủ-trương Cộng-Sản của mình, Staline đã lật đổ phái Tả Trotsky (1927) và phái Hữu. Năm 1936, Staline ban-hành Hiến-pháp mới. Từ đó chính-quyền Trung-ương gồm các Ủy-viên nhân-dân, Chủ-tịch đoàn và Hội nghị tối-cao Sô-Viết.

b) Chính-trị đối-ngoại.

Sau khi Lénine chết, Staline mới chính-thức đặt lại giây liên-lạc với các nước tư-sản. Năm 1934, Nga gia-nhập Hội Quốc-Liên rồi năm sau ký hiệp-ước với Pháp. Trong trận thế-chiến II, buổi đầu Nga liên-minh với Đức, nhưng sau lại gia-nhập phe Đồng-Minh đánh Đức, Ý, Nhật. Qua thế-chiến II, Nga-Sô dẫn đầu khối Cộng-Sản thế-giới và trở nên địch-thủ của các nước dân-chủ, thực sự, vì Nga-Sô luôn luôn tìm cách gieo rắc chủ-nghĩa Cộng-Sản và gây ảnh-hưởng chính-trị, kinh-tế, nhất là tại các nước vừa được độc-lập.

2. PHƯƠNG-DIỆN KINH-TẾ

a) Tân chính-trị kinh-tế.

Năm 1921, Lénine lập kế-hoạch *Tân chính-trị kinh-tế*. Mục-đích của kế-hoạch là kiến-thiết Nga sau cuộc thế-chiến I, sau cuộc cách-mạng Vô-sản và chỉ-huy nền kinh-tế, chính-trị theo đường lối Các-Mác. Kế-hoạch này gồm mấy điểm sau đây :

1. Tái-lập tự-do kinh-tế cho nông-dân và tiểu thương-gia.

2. Kêu gọi đến sáng-kiến của tư-bản.

3. Thay thế Cơ-Quan Công-an Tchekas địa-phương bằng tổ-chức Công-an Guépéou. Cơ-quan này không những hoạt-động trong nước mà còn hoạt-động ở ngoại-quốc, để gây dựng các tổ-chức Cộng-Sản.

b) Bốn kế-hoạch ngũ-niên.

Dưới chế-độ độc-tài Cộng-Sản, dân Nga phải theo lệnh Staline thi hành bốn kế-hoạch ngũ-niên, từ năm 1928-1951, theo nhu-cầu xứ-sở :

1. *Đệ nhất kế-hoạch ngũ-niên* : mở kỹ-nghệ nặng và nông-nghiệp.

2. *Đệ nhị kế-hoạch ngũ-niên* : tăng mực sản-xuất thực-phẩm, nâng cao đời sống cần-lao.

3. *Đệ tam kế-hoạch ngũ-niên* : kỹ-nghệ quốc-phòng.

4. *Đệ tứ kế-hoạch ngũ-niên* : trùng-tu những miền bị chiến-tranh tàn-phá.

III. CHỦ-NGHĨA PHÁT-XÍT NÀY SINH Ở Ý

1. ĐẢNG PHÁT-XÍT Ý RA ĐỜI

a) Nguyên-nhân đảng Phát-Xít Ý.

Trong trận thế-chiến I, dân Ý bị chết 650 ngàn, bị thương 1 triệu 5 và nhiều cơ-sở kỹ-nghệ bị tàn phá. Do đấy, giá hàng-hóa thực-phẩm tăng rất nhanh, dân chúng biều-tình, công-nhân đình-công. Cộng-Sản quấy rối mạnh hơn. Trước tình-thế rối-loạn, năm 1919, Mussolini liền lập ra đảng Phát-Xít tại Milan. Đảng này tiến-triển mau lẹ vì liên-kết được giới tư-bản và tất cả những người đối-ngịch với chế-độ chính-trị Ý thời đó. Đảng viên Phát-Xít mang y-phục đen, do các sĩ-quan chỉ-huy. Số đảng-viên tăng nhanh, năm 1919 : 500 đảng-viên ; năm 1921 : 31 ngàn đảng-viên.

b) Đảng Phát-Xít cầm quyền.

Đảng Phát-Xít của Mussolini mỗi ngày thêm mạnh, làm cho Thủ-trưởng Gioliti và Facta đều phải rút lui. Ý-hoàng Emmanuel III đành phải mời Mussolini lập nội-các vào ngày 29-10-1922. Liền đó 100.000 người Phát-Xít tiến vào La-Mã mừng cuộc thắng trận của Phát-Xít, mà không phải gây đổ máu. Sau cuộc tổng-tuyên cử 1923, đảng Phát-Xít chiếm 406 ghế trong số 535 ghế tại Quốc-hội. Từ đó, đảng Phát-Xít dưới quyền Mussolini hoàn-toàn chỉ-huy nước Ý cho đến năm 1943.

2. CHỦ-NGHĨA PHÁT-XÍT Ý

Chủ-nghĩa Phát-Xít được bắt nguồn do ảnh-hưởng của Sorel (lý-thuyết gia về nghiệp-đoàn), của các nghiệp-đoàn cách-mạng, và nhà triết-học Ý Gentile (muốn cải-tổ lại nước Ý). Ngoài ra, nó còn bắt nguồn trong lịch-sử La-Mã oanh-liệt xưa, muốn đưa nước Ý trở về thời cường-thịnh đế-quốc La-Mã. Chủ-nghĩa Phát-Xít có mấy điểm quan-trọng sau đây :

a) Phương-diện xã-hội, quốc-gia.

Đối với quốc-gia, con người không còn giá-trị, vì họ phải sống cho quốc-gia, chỉ được nghĩ đến quyền-lợi quốc-gia và phải từ bỏ lợi ích riêng. Quốc-gia này phải có một lãnh-tụ đủ khả-năng tập-trung mọi quyền-hành trong tay.

b) Phương-diện chính-trị.

Người dân Ý phải cố-gắng vận-dụng mọi khả-năng để đưa nước Ý lên bậc nhất thế-giới và phải phục-hồi lại đế-quốc La-Mã uy-hùng ngày xưa. Chính-tư-tưởng chính-trị này đã chi-phối con người Mussolini và đảng Phát-Xít. Do vậy, ngay từ năm 1935, Mussolini đã gây rối loạn ở Bắc-Phi, và khi thế-chiến II bùng nổ, Ý quyết tìm cách giữ vùng Bắc-Phi để làm bàn đạp tiến đánh Trung-Đông.

IV. NƯỚC Ý DƯỚI CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI PHÁT-XÍT

1. PHƯƠNG-DIỆN CHÍNH-TRỊ

a) Chính-trị đối-nội.

Mussolini, nhà lãnh-tụ (Duce) tập-trung mọi quyền-hành trong tay, nhà vua chỉ còn là đại-diện quốc-gia. Thượng-nghị-viện gồm toàn những người thân-tín của Đảng Phát-Xít, còn Phòng Dân-biểu đến năm 1938 cũng bị bãi bỏ, thay thế bằng Phòng Phát-Xít (Hạ-nghị-viện). Những người này coi như là cố-vấn chính-phủ.

Mussolini có toàn quyền bổ-nhiệm, cách chức các Bộ-trưởng, ông cũng là Bộ-trưởng các Nghiệp-đoàn và Tổng Thư-ký đảng Phát-Xít. Ông tìm cách diệt-trừ đối-phương để mọi quyền-hành về tay các đảng-viên Phát-Xít.

b) Chính-trị đối-ngoại.

1. Đối với Tòa-thánh Vatican : Sau khi lên cầm quyền, Mussolini cố-gắng thỏa-hiệp với Tòa-thánh Vatican. Nhờ những cuộc dàn xếp đôi bên, năm 1929 thỏa-hiệp Ý — Vatican được ký-kết. Theo thỏa-hiệp này, Đức Giáo-Hoàng có đầy đủ chủ quyền ở Vatican. Hàng năm, chính-phủ Ý còn phải bồi-thường cho Vatican 750 triệu tiền Ý. Đức Giáo-Hoàng cũng chính-thức công-nhận chính-phủ Ý có toàn quyền trên đất Ý.

2. Mussolini gây chiến-tranh : Năm 1924, nhà độc-tài Phát-Xít chiếm miền Fiume, năm 1935 chiếm xứ Ethiopie, năm 1939 chiếm nước Albanie.

Tới khi thế-chiến II vừa phát-khởi, Ý đứng trung-lập, nhưng sau khi Pháp hàng Đức (23-6-1940), Ý liền đem quân đánh Hy-Lạp, uy-hiệp Ai-Cập. Tháng 7-1943, một cuộc cách-mạng xảy ra ở La-Mã làm Mussolini bị bắt, vua Emmanuel III thoái-vị, nước Ý bước sang chế-độ Cộng-hòa.

2. PHƯƠNG-DIỆN GIÁO-DỤC, KINH-TẾ

a) Giáo-dục.

Mussolini ra lệnh cho các thanh thiếu-niên Ý từ 18 đến 21 tuổi phải gia-nhập đoàn-thề Phát-Xít. Các thanh thiếu-niên phải tập sống chung, quen thi-hành mệnh-lệnh hơn là suy-nghĩ. Mussolini muốn cho dân-số Ý vào năm 1950 phải được 60 triệu (Thực ra năm 1961, Ý mới có 50 triệu dân).

b) Kinh-tế.

Chế-độ Phát-Xít Ý cố-gắng tăng mức sản-xuất lúa mì : năm 1925 : 50 triệu tạ, năm 1933 : 81 triệu tạ. Ngoài ra, Ý làm nhiều đường bộ, tăng-cường hỏa-xa, điện-lực để khuếch-trương kinh-tế.

V. CHỦ-NGHĨA QUỐC-XÃ NẢY SINH Ở ĐỨC

1. ĐẢNG QUỐC XÃ ĐỨC RA ĐỜI

a) Nguyên-nhân đảng Quốc-Xã Đức.

Sau trận thế-chiến I, nước Đức gặp phải cơn khủng-hoảng tài-chính lớn-lao, vì năm 1918 một đồng Mỹ-kim bằng 4 đồng Marks Đức, nhưng 5 năm sau, 1 Mỹ-kim bằng 4 tỷ 2 Marks Đức. Vì vậy, trong nước xảy ra nhiều cuộc nổi loạn.

Nhân lúc tình-thế rối-riêng, ông Anton Drexler lập ra đảng *Lao-động* (năm 1918), có cả Đại-úy Roehm và ông Hitler (1889 — 1945) tham-gia. Dần dần Hitler lấn quyền Drexler, đổi tên đảng Lao-Động ra Đảng *Quốc-Xã Lao-Động Đức*. Dựa vào sức mạnh của đảng, năm 1923 Hitler mở cuộc đảo-chính ở Munich, nhưng không thành-công. Hitler bị bắt giam mấy tháng. Trong thời-kỳ ở ngục, ông soạn-thảo cuốn *Mein Kampf* và kế-hoạch chiến-đấu sau này cho đảng Quốc-Xã.

b) Đảng Quốc-xã cầm-quyền.

Vào năm 1931 — 1932, ở Đức có bốn Mặt trận (Đảng) cạnh-tranh nhau dữ-dội, tức là : mặt trận *Sắt, Xám, Đỏ* và mặt trận *Nâu* của Hitler. Năm 1932, có cuộc bầu Tổng-Thống, nên các đảng càng hoạt-động mạnh hơn. Kết-quả Thống-chế Hindenburg được 50% phiếu, còn Hitler được 40% phiếu (13 triệu rưỡi phiếu).

Hindenburg làm Tổng-thống, mời ông Von Papen lập nội-các, nhưng bị thất-bại. Đầu năm 1933, ông phải mời Hitler làm Thủ-tướng. Hitler nhận lời vào lập chính-phủ. Cùng năm 1933, Quốc-hội Đức (Reichstag) chấp-thuận cho Hitler có toàn-quyền trong bốn năm. Thế là từ đó, Đảng Quốc-Xã của Hitler nắm toàn-quyền ở Đức, còn mặt trận *Đỏ* (Cộng-Sản) và các đối-phương khác đều bị đàn-áp. Tới năm 1934, Tổng-thống Hindenburg chết, Hitler kiêm-nhiệm cả chức Tổng-thống và được gọi là Quốc-trưởng.

2. CHỦ-NGHĨA QUỐC-XÃ ĐỨC

Chủ-nghĩa Quốc-Xã đã được một số Đảng-viên Quốc-Xã trình-bày như : Rosenberg, Ley, Goebbels và nhất là được Hitler ghi trong cuốn « Cuộc chiến-đấu của tôi » (Mein Kampf). Chủ-nghĩa Quốc-Xã có mấy điểm chính sau đây :

a) Phương-diện xã-hội quốc-gia.

Quốc-Xã cho rằng chỉ có chủng-tộc *Aryenne* (Đức) là chủng-tộc văn-minh hơn cả, vì đám người này có tinh-thần nhiệm-vụ, kỷ-luật và phục-vụ công-ích. Chủng-tộc Đức phải vượt trên mọi chủng-tộc và cai-trị các thứ người khác.

Quốc-Xã cũng phản-đối cả thuyết Vô-Sản của Cộng-Sản vì họ không còn chủ-trương có quốc-gia và thẳng tay tiêu-diệt sáu triệu người Do-Thái.

b) Phương-diện kinh-tế, tôn-giáo.

Quốc-Xã muốn tồ-chức kinh-tế quốc-gia chỉ-huy, nên phản-đối chủ-nghĩa Tư-bản Quốc-tế. Về tôn-giáo, Quốc-Xã chống với Công-giáo.

VI. NƯỚC ĐỨC DƯỚI CHẾ-ĐỘ ĐỘC-TÀI QUỐC-XÃ

1. PHƯƠNG-DIỆN CHÍNH-TRỊ

a) Chính-trị đối-nội.

Trong cuộc trưng-cầu dân-ý năm 1934 do Quốc-Xã tổ-chức, có đến 89% dân Đức tán-thành chế-độ chính-trị mới như sau :

1. Lãnh-tụ : Quốc-gia Đức chỉ có một lãnh-tụ là Quốc-trưởng (Reichsfuhrer). Vị Quốc-trưởng đó là Hitler nắm mọi quyền-hành.

2. Danh-từ Đế-Tam Reich dùng để chỉ cho nước Đức mới.

3. Bãi bỏ hẳn chính-thề Đại-nghị.

4. Quốc-gia Đức chỉ có một đảng Quốc-Xã, một dân-tộc Đức. Các nghị-viện và chính-phủ tại các Tiều-bang đều bị bãi bỏ. Mọi quyền-hành tập-trung vào chính-quyền Trung-ương.

b) Chính-trị đối-ngoại.

Nước Đức dưới chế-độ Quốc-Xã, chủ-trương thuyết chủng-tộc: tự cho mình đáng cai-trị thế-giới, vì thế nhà độc-tài Áo Nâu Hitler tìm cách thực-hiện điều sau đây :

1. *Quốc-Xã Đức chuẩn-bị gây chiến* : Về quân-đội, Hitler tăng rất mau : Năm 1936, Đức có 1.500.000 quân ; khi xảy ra chiến-tranh có thể huy-động 13.000.000 quân. Ngân-sách quốc-phòng chiếm 90 tỷ Marks. Từ năm 1933, Hitler xé hòa-ước Versailles, rút tên nước Đức ra khỏi hội Quốc-Liên. Năm 1936, Đức — Ý liên-kết với nhau, năm sau trục Bá-Linh — La-Mã — Đông-Kinh được thành-lập. Nền hòa-bình thế-giới bị đe-dọa.

2. *Quốc-Xã Đức gây chiến-tranh* : Năm 1938, Đức thôn-tính Áo, Tiệp-Khắc. Tới ngày 1-9-1939, Đức tấn-công Ba-Lan, rồi đánh luôn Anh, Pháp, Bỉ... Trong bốn năm đầu, Đức thắng đối-phương mạnh-mẽ. Tới ngày 7-5-1945, Đức đầu hàng Đồng-Minh vô điều-kiện. Hitler tự-sát và chế-độ độc-tài Quốc-Xã cũng tan.

2. PHƯƠNG-DIỆN GIÁO-DỤC, KINH-TẾ, XÃ-HỘI

a) Giáo-dục.

Quốc-Xã muốn tác-thành một kiểu người Đức mới. Để đạt mục-đích trên, Quốc-Xã bó-buộc thanh thiếu-niên gia-nhập các đoàn-thề mới. Họ sẽ được tập quen với đời sống ngoài trời và cuộc sống đoàn-thề. Họ chỉ cần ghi sâu vào tâm-trí điều này: *tin-tưởng vào Quốc-trưởng, vào chủng-tộc, Quốc-gia Đức* và coi thường mọi điều trái nghịch.

b) Kinh-tế, xã-hội.

Về *kinh-tế*, Quốc-Xã tổ-chức ra một khuôn-khò tập-đoàn, mục-đích đặt nền kinh-tế hoàn-toàn vào chính-phủ, tức là quốc-hữu-hóa kinh-tế. Về *xã-hội*, Quốc-Xã bãi bỏ Nghiệp-đoàn Đức (mặc dầu họ có 4 triệu đoàn-viên và mỗi năm thu lợi 184 triệu Marks), lập ra Công-đoàn do nhà nước chỉ-huy. Sau cùng, Quốc-Xã bỏ cả quyền đình-công của thợ-thuyền.

CHƯƠNG IV

HAI TRẬN THẾ-CHIẾN : 1914-1918 và 1939-1945

Vào thế-kỷ XX, khoa-học được tiến-phát nhanh chóng nhờ cái đà của thế-kỷ XIX. Nhưng giá-trị của nó lại giảm bớt vì hai biến-chuyển lớn nhất vào thời đầu thế-kỷ XX, tức là hai cuộc thế-chiến. Về lý-thuyết, các triết-gia và các nhà xã-hội đều nêu cao giá-trị con người. Nhưng trong thực-tế, chiến-tranh tàn-ác đã quá khinh-thường con người, vì đã làm cho 8 triệu người chết trong trận thế-chiến I và trên 70 triệu người chết trong trận thế-chiến II.

Sau hai cuộc thế-chiến, người ta lại cố-gắng lập hai hội « hòa-bình » tức là Hội Quốc-Liên và Liên-Hiệp-Quốc với mục-đích duy-trì hòa-bình thế-giới.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Nguyên-nhân, đặc-tính thế-chiến I.
- II. Hậu-quả thế-chiến I.
- III. Hội Quốc-Liên.
- IV. Nguyên-nhân thế-chiến II.
- V. Hậu-quả thế-chiến II.
- VI. Liên-Hiệp-Quốc.

I. NGUYÊN-NHÂN, ĐẶC-TÍNH THẾ-CHIẾN I

1914 — 1918

1. NGUYÊN-NHÂN THẾ-CHIẾN I

a) Nguyên-nhân gián-tiếp.

Từ năm 1871, Bismack làm Thủ-tướng Đức; tìm hết cách bành-trướng thế-lực, nuôi tham-vọng bá-chủ Âu-Châu. Thấy Đức tăng quân-lực, các nước cũng phải theo. Hai hội-nghị ở La Haye (1897, 1907) bàn đến việc tài-binh, nhưng không thành-công. Đến năm 1907, Tam-quốc Liên-hiệp ra đời (Triple entente) gồm Anh, Pháp, Nga, đề đối phó với Tam-quốc Liên-minh (Triple alliance) của Đức, Áo, Ý (thực ra, năm 1902, Pháp — Ý đã ký một mật-ước trung-lập). Tình hình Âu-Châu 1905 đến 1913 còn bị căng thẳng vì những cuộc xung-đột giữa Áo — Nga ở vùng Ba-Nhi-Cán và Pháp — Đức ở các thuộc-địa.

b) Nguyên-nhân trực-tiếp.

François Ferdinand, Hoàng-tử Áo đi kinh-lý các tỉnh biên-giới, và bị hội-kín « Hắc-thủ » của Serbie ám-sát (28-6-1914). Áo liền thừa dịp tuyên-chiến với Serbie ngày 28-7-1914. Thế rồi ngày 1-8, Đức (liên-minh với Áo) khai-chiến với Nga (Nga liên-minh với Serbie), ngày 3-8 lại khai-chiến với Pháp; ngày 4-8 Anh khai-chiến với Đức; còn Ý và Bồ-đào-đá đứng trung-lập. Chiến-tranh kéo dài tới ngày 11-11-1918 là ngày Đức chịu ký hàng Đồng-Minh.

2. ĐẶC-TÍNH THẾ-CHIẾN I

a) Chiến-tranh thế-giới.

Vì nhiều nước tham-dự chiến-tranh :

1. Ngày 23-8-1914 : Nhật vào phe Anh, Pháp ; Thổ-Nhi-Kỳ vào phe Đức (tháng 10).

2. Năm 1915 : Ý tuyên-chiến với Đức, Áo ; còn Bồ-Gia-Lợi liên-kết với Đức, Áo.

3. Năm 1916 : Bồ và Bồ đứng vào phe Anh, Pháp.

4. Năm 1917 : Hoa-Kỳ, Hy-Lạp, Ba-Tây, Trung-Hoa tuyên-chiến với Đức.

b) Chiến-tranh toàn-diện.

Các quốc-gia tham-chiến huy-động mọi phương-tiện. Tại tiền-tuyến cũng như ở hậu-phương, toàn-dân phải tham-chiến. Đức dùng cả hơi ngạt và còn định áp-dụng chiến-tranh vi-trùng. Về phía nhân-sự, các nước đã huy-động toàn quân chiến-đấu. Riêng phe Đức, Áo (có 115 triệu dân) nhưng đã huy-động 17 triệu quân (kể cả quân ở thuộc-dịa). Nước Nga huy-động 25 triệu quân sẵn-sàng chiến-đấu (năm 1914, mới dùng 8 triệu quân). Nước Pháp cũng ứng chiến với 1.800.000 quân.

II. HẬU-QUẢ THẾ-CHIẾN THỨ NHẤT

1. HẬU-QUẢ KINH-TẾ, XÃ-HỘI

a) Kinh-tế bị tàn-phá.

Sau khi chiếm Bỉ và miền Bắc Pháp, quân-đội Đức đốt phá đô-thị, đồng lúa, phá máy bơm nước, làm các mỏ than miền Ardennes bị ngập, không khai-khàn được. Tàu ngầm Đức đánh phá nhiều tàu buôn làm thiệt-hại hàng tỷ quan hàng-hóa. Do chiến-tranh này, mà kinh-tế Hoa-Kỳ bành-trướng ở Âu-Châu và Nhật bành-trướng ở Cực-Đông, gây thiệt hại cho các đế-quốc Âu-Châu.

b) Thiệt-hại về nhân-mạng.

Trước thế-chiến, chưa có một trận chiến-tranh nào gây nhiều thiệt-hại về nhân-mạng như chiến-tranh này. Vì thế-chiến I đã giết trên 8 triệu người và làm cho 20 triệu người tàn-tật :

Đức :	1.950.000 người chết	Ý :	533.000 người chết
Nga :	1.700.000 người chết	Serbie :	322.000 người chết
Pháp :	1.457.000 người chết	Lỗ :	158.000 người chết
Âo-Hung :	1.047.000 người chết	Bảo :	49.000 người chết
Auh :	1.010.000 người chết	Bỉ :	42.000 người chết

Những người bị thiệt-mạng này phần đông là thanh-niên từ 18-35 tuổi ; hơn nữa, số người tri-thức bị thiệt-mạng tương-đối lại nhiều hơn. Sau cuộc chiến-tranh, người ta tưởng sẽ không bao giờ xảy ra nữa, nhưng vì mối hăn-thù giữa nhân-loại vẫn còn sâu đậm và lòng ham lợi càng nhiều hơn, nên chiến-tranh thế-giới II lại bùng nổ 20 năm sau.

2. HẬU-QUẢ CHÍNH-TRỊ

Sau khi Đức hàng Đồng-Minh, hội-nghị Hòa-bình họp tại Ba-Lê từ tháng 1-1919 ; vì các nước thắng trận bất-đồng ý-kiến, nên sau một nửa năm mới ký được những hòa-ước sau :

a) Hòa-ước Versailles (28-6-1919).

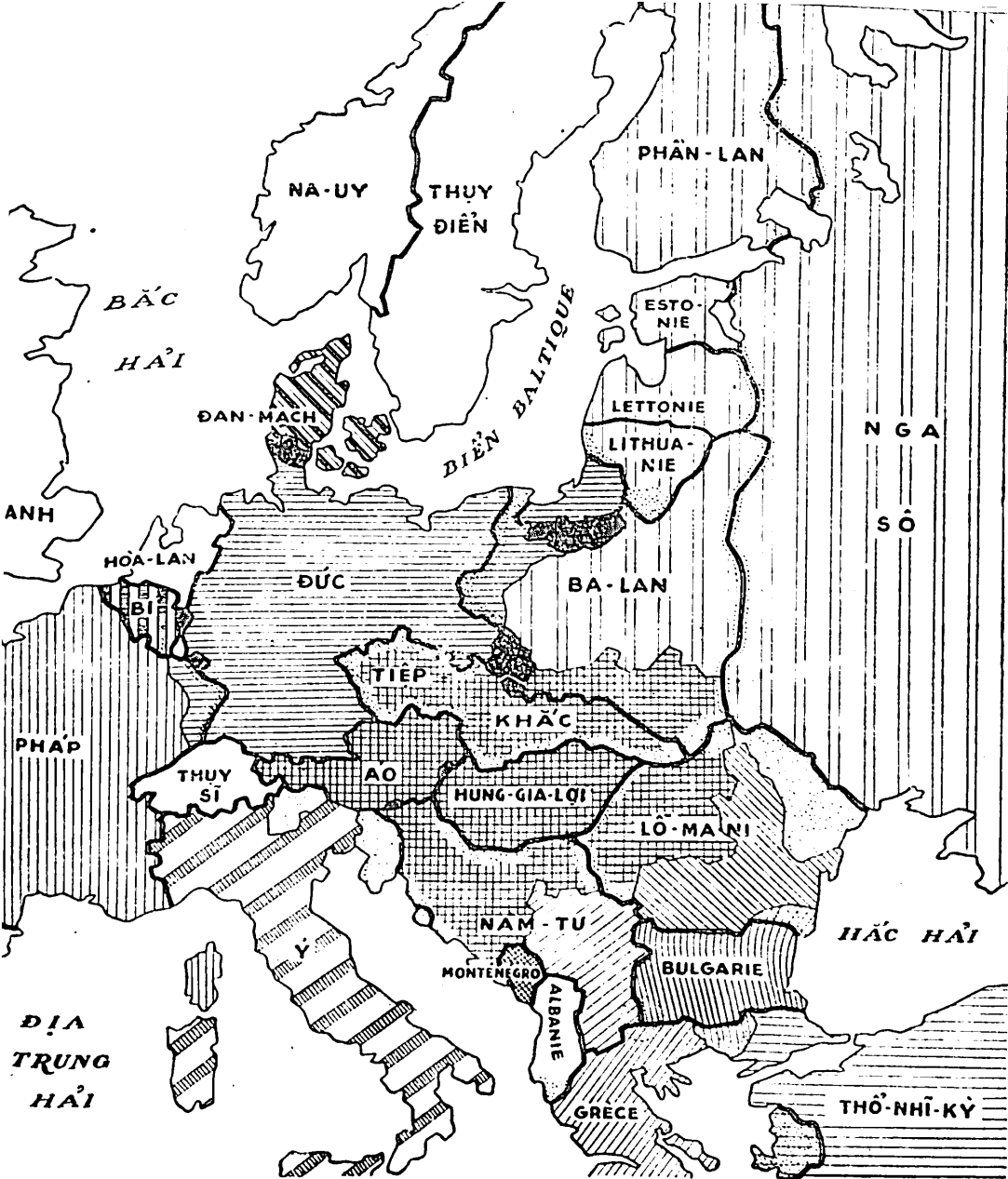
1. *Về lãnh-thô* : Đức phải trả hai quận Alsace và Lorraine cho Pháp, nhường Eupen và Malmidy cho Bỉ. Hạt Sarre do hội Quốc-Liên cai-trị trong 15 năm. Dantzig trở thành hải-cảng tự-do. Các thuộc-địa Đức do hội Quốc-Liên ủy-nhiệm cho các cường-quốc thắng trận cai-trị.

2. *Quân-đội* : Đức không được có quân-đội, súng đại-bác hạng nặng, phi-cơ chiến-đấu. Số quân-đội an-ninh không được quá 100.000.

3. *Chiến-phí* : Đức sẽ phải bồi thường chiến-phí cho các nước thắng trận. Các nước bại-trận phải công-nhận mình đã gây chiến.

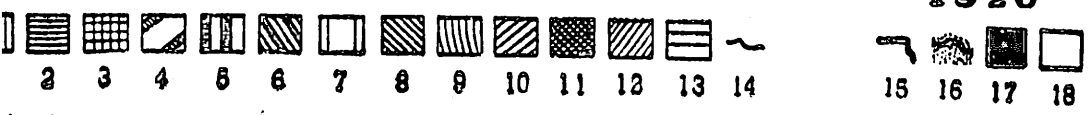
b) Các hòa-ước khác.

Hòa-ước *Saint Germain* (10-9-1919) và *Trianon* (4-6-1920) cắt đế-quốc Áo ra làm hai : Áo, Hung. Ngoài ra, còn lập các nước Tiệp, Nam-Tư, Ba-Lan. Hòa-ước *Neully* (27-11-1919) đòi Bảo-Gia-Lợi phải cắt miền Dobroudja cho Lỗ, phải bồi thường 2.500.000 quan tiền vàng và chỉ được phép có 25.000 quân. Hòa-ước *Sèvres* (11-8-1920) đòi Thổ nhường Thrace cho Hi-Lạp, và phải công-nhận các miền Palestine, Transjordanie, Mésopotamie thuộc quyền Anh ; Syrie, Liban thuộc quyền Pháp.



1914

1920



- 1. Pháp.
- 2. Đức.
- 3. Áo Hung.
- 4. Ý.
- 5. Bi.
- 6. Đan-Mạch.
- 7. Nga.
- 8. Lô-Ma-Ni.
- 9. Bào-Serbie.
- 11. Montenegro.
- 12. Hy-lạp.
- 13. Thổ.
- 14. Biên-giới 1914.
- 15. Biên-giới 1920.
- 16. Lãnh-thò tranh-chấp 1919-20.
- 17. Lãnh-thò trung-cầu dân-ý.
- 18. Lãnh-thò không thay đổi.

III. HỘI QUỐC-LIÊN

1. MỤC-ĐÍCH, NGUYÊN-TẮC VÀ CÁC CƠ-QUAN

a) Mục-dịch Hội Quốc-Liên.

Được thành-lập ngày 10-1-1920 do sáng-kiến của Tổng-thống Hoa-Kỳ Wilson, Hội Quốc-Liên có hai mục-dịch :

1. Khuếch-trương sự hợp-tác giữa các dân-tộc trong mọi lãnh-vực.
2. Bảo-vệ hòa-bình và an-ninh thế-giới.

b) Nguyên-tắc hành-động.

1. Hội đề-phòng những cuộc tranh-chấp quốc-tế bằng cách đòi hội-viên phải cam-đoan tôn-trọng lãnh-thờ và nền chính-trị hiện-hữu của các quốc-gia.

2. Hội phải dẹp tan các cuộc chiến-tranh.

3. Hội phải hành-động đề khuếch-trương văn-hóa và tiến-bộ xã-hội trên thế-giới.

c) Các cơ-quan Hội Quốc-Liên.

1. Đại hội-đồng mỗi năm họp một lần tại Genève. Mỗi hội-viên chỉ có một phiếu, và bình-đẳng về mọi phương-diện.

2. Hội-nghị : mỗi năm họp ba lần, gồm có 6 hội-viên vĩnh-viễn (trước 4, sau có 6) và một số hội-viên do hội-nghị bầu ra.

3. Ban Thư-ký thường-trực phụ-trách về hành-chính.

4. Tòa-án quốc-tế họp vĩnh-viễn ở La Haye.

5. Các Văn-Phòng quốc-tế : Mỗi phòng phụ-trách riêng về một vấn-đề. Quan-trọng nhất là Văn-phòng Quốc-tế Lao-động.

2. ƯU, KHUYẾT-ĐIỂM CỦA HỘI QUỐC-LIÊN.

a) Ưu-diểm.

Hội đã tập-hợp được lần đầu tiên một số khá lớn các quốc-gia, đề cùng chung bảo-vệ hòa-bình. Từ 1930 trở về trước : Hội đã giải-quyết được 37 vụ tranh-chấp, tổ-chức Hội-nghị Locarno 1925 và năm 1928, 60 quốc-gia họp tại Ba-Lê cam-đoan đặt chiến-tranh ngoài vòng pháp-luật.

b) Khuyết-diểm.

Hội thiếu quân-đội, nên không đủ uy-thể cho các nước xâm-lãng kính sợ. Ngay khi Hội mới được thành-lập, nhiều người đã hoài-nghi về hoạt-động của Hội, vì chính Hoa-Kỳ lại không chịu gia-nhập Hội. Sau khi Ý chiếm Fiume và Nhật chiếm Mãn-Châu, thì uy-tín của Hội mất hẳn. Nhật, Đức tự ý rút tên khỏi Hội năm 1933, Ý cũng rút lui khỏi Hội năm 1936.

Ngày 31-7-1947, Hội Quốc-Liên họp lần cuối cùng và tuyên-bố giải-tán.

IV. NGUYÊN-NHÂN THẾ-CHIẾN II

1. NGUYÊN-NHÂN GIÁN-TIẾP

a) Mâu-thuẫn giữa các cường-quốc.

Ngay trong hội-nghị Hòa-bình Ba-Lê, bốn cường-quốc Hoa-Kỳ, Anh, Pháp, Ý đã có những chủ-trương phản-nghịch nhau. Vì vậy, sau nhiều cuộc tranh-luận, mãi tới ngày 7-5-1919, Hòa-ước Versailles mới được đại-diện các nước tạm thời chấp-nhận.

Hoa-Kỳ không chịu gia-nhập Hội Quốc-Liên, lại còn ký một hiệp-ước riêng với Đức. Vấn-đề bồi-thường chiến-phí cũng gay-go giữa Anh, Pháp, Hoa-Kỳ ; mãi tới năm 1921, Hội-nghị Luân-Đôn mới giải-quyết xong.

b) Thất-bại của Hội-nghị Tàì-binh.

Năm 1925, Hội Quốc-Liên đã triệu-tập Hội-nghị Tàì-binh. Ngày 2-2-1932, đại-biêu của 62 quốc-gia họp tại Genève đòi các nước phải giảm bớt quân-lực ; nhưng Đức, Nhật không thi-hành.

2. NGUYÊN-NHÂN TRỰC-TIẾP

a) Ở Đông-Á.

Nhật đem quân chiếm Mãn-Châu năm 1931, bắt-chấp luật-lệ của Hội Quốc-Liên. Năm 1933, đại-biêu Nhật được lệnh Thiên-Hoàng rút tên khỏi Hội Quốc-Liên. Sau đó, Nhật đem quân chiếm đóng chính Trung-Hoa suốt từ 1937-1945.

b) Ở Phi-Châu.

Năm 1935, Mussolini cho quân đi đánh Éthiopie. Vua Hailé Sélsié trốn sang Anh và kiện Ý tại Hội Quốc-Liên. Anh đề-nghị trừng phạt Ý về phương-diện kinh-tế, nhưng Pháp lại không muốn thi-hành. Sau vụ này, Ý rút lui khỏi Hội Quốc-Liên.

c) Ở Âu-Châu.

Năm 1933, Hitler xé hòa-ước Versailles. Năm 1938, Đức chiếm Áo, rồi chiếm vùng Sudètes của Tiệp. Sau đó, mở hội-nghị ở Munich (30-9-1938) ; trong hội-nghị, Anh, Pháp phải vui lòng cho Đức sát-nhập miền Sudètes vào Đức. Năm 1939, miền Bohême và Moravie bị đặt dưới quyền bảo-hộ của Đức. Sở dĩ Hitler dám làm mạnh như vậy là vì Pháp, Anh đã không đủ sức cản Đức từ lâu.

Sau khi Đức chiếm Tiệp-Khắc và Memel, Ý chiếm Albanie, hai nước Pháp, Anh liền quyết liên-minh với Ba-Lan, Lỗ và Nga để chống Đức. Nhưng ngày 23-8-1939, Đức, Nga lại ký hiệp-ước bất xâm-phạm lãnh-thò đôi bên. Đường lối này, Nga và Đức đã thi-hành từ năm 1870 mà mục-đích gần như giống nhau.

Sau khi đã chuẩn-bị xong, vào lúc 5 giờ 45 ngày 1-9-1939, Hitler ra lệnh tấn-công Ba-Lan. Ngày 2-9-1939, Anh, Pháp đứng về phía Ba-Lan, tuyên-chiến với Đức. Thế-giới chiến-tranh lại bùng nổ !

V. HẬU-QUẢ THẾ-CHIẾN THỨ HAI

1. SƠ-LƯỢC TRẬN CHIẾN

Buổi đầu phe Trục (Đức, Ý, Nhật) thắng đối-phương ở khắp nơi : từ mặt trận Âu-Châu đến Á-Phi. Tháng 6-1941, Đức xé hiệp-ước với Nga, rồi quay đánh Nga gần tới Mạc-Tư-Khoa. Ngày 7-12-1941, Nhật cũng mở màn trận thế-chiến ở Trân-Châu-Cảng. Nhưng từ năm 1942, phe Đồng-Minh phản-công mạnh mẽ trên các mặt trận.

a) Mặt trận Phi-Châu.

Năm 1942, quân Đồng-Minh do tướng Eisenhower chỉ-huy, chiếm Algérie, Maroc, Tunisie. Gần 300.000 quân Đức, Ý bị bắt và chết.

b) Mặt trận Âu-Châu.

Tháng 7-1943, Anh-Mỹ đổ bộ lên Sicile ; gần một năm sau, thủ-đô Ý lọt vào tay Anh-Mỹ. Quân Nga cũng dần dần đánh đuổi quân Đức mạnh hơn. Tới đầu năm 1945, Nga chiếm được Varsovie. Từ 6-6-1944, Đồng-minh cho đổ bộ ngót 3 triệu quân lên miền Normandie (Pháp) rồi đánh đuổi Đức ra khỏi Pháp. Ngày 7-5-1945, Đức hàng Đồng-Minh vô điều-kiện.

c) Mặt trận Á-Châu.

Cuối năm 1942, hải-quân Hoa-Kỳ tấn-công các đảo Salomons, Tân Guinée, Marshall. Đầu năm 1945, Mac Arthur đổ bộ lên Phi-Luật-Tân. Quân Nhật phải lùi dần. Sau khi hai quả bom nguyên-tử nổ ở Quảng-Đào (Hiroshima) và Trường-Kỳ (Nagasaki) thì Nhật chính-thức xin hàng Đồng-Minh (14-8-1945).

2. HẬU-QUẢ KINH-TẾ, XÃ-HỘI

a) Về kinh-tế.

Thực ra, không thể lượng rõ được số tài-sản bị tàn-phá. Riêng hai thành-phố Quảng-Đào, Trường-Kỳ của Nhật và Coventry của Anh bị phá hoàn-toàn. Nguyên nước Pháp trong ngót một năm trời chiến-tranh thiệt 5.000 tỷ quan, còn Hoa-Kỳ tổn 340 tỷ Mỹ-kim, số tàu bị đắm 40 triệu tấn. Sau thế chiến II, cán cân kinh-tế thế-giới bị lệch, vì sức sản-xuất quá nhiều trong thời chiến còn lại. Do đấy, các quốc-gia kỹ-nghệ phải tìm cách bảo-vệ thị-trường quốc-nội và khuếch-trương thị-trường ngoại-quốc.

b) Về xã-hội.

Trận thế-chiến II tỏ rõ sức tiến vật-chất của nhân-loại. Nhưng nó đã tạo ra sự chênh-lệch hoàn-toàn và những hậu-quả không thể đo lường được giữa đời sống luân-lý và đời sống vật-chất ; vì nó đã vi-phạm những nguyên-tắc về quyền-lợi, nghĩa-vụ và đã dùng sức mạnh để giải-quyết mọi vấn-đề. Sự thiệt-hại về nhân-mạng lại càng lớn lao : riêng Trung-Hoa (từ 1931-1945) chết tới 30 triệu người, nếu kể cả thế-giới chết tới 70 triệu người.

Nga-sô : 17 triệu (7 triệu quân, 10 triệu dân)

Đức : 5 triệu (4 triệu quân, 1 triệu dân)

Nhật : 1.219.000 quân

Pháp : 620.000 quân

Hoa-Kỳ : 360.000 quân

Anh : 260.000 (200.000 quân, 60.000 dân).

3. HẬU-QUẢ CHÍNH-TRỊ

a) Nước Đức và Nhật.

Sau khi bại trận, nước Đức bị phân làm hai : Đông-Đức do Nga, Ba-Lan cai-trị ; còn Tây-Đức dành cho ba nước Hoa-Kỳ, Anh, Pháp. Riêng nước Nhật đặt dưới quyền cai-trị của Hoa-Kỳ, và lãnh-thổ Nhật bị thu hẹp vào bốn đảo chính.

b) Các nước Đông-Âu.

Ba nước Esthonie, Lettonie và Lithuanie bị sát-nhập vào Liên-bang Nga-Sô. Cộng-Sản Nga đặt ảnh hưởng hoàn-toàn ở Đông-Âu và cố-gắng chiếm dần thế-giới về cho mình.

c) Cộng-Sản bành-trướng.

Vì Cộng-Sản còn muốn gây chiến-tranh và xâm-chiếm nhiều nơi, nên người ta phải lập khối Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương, Phòng-thủ Đông-Nam-Á, Liên-minh Bagdad, Minh-ước Trung-Tâm (Central Treaty Organisation), Liên-minh Anzus v.v... và cố-gắng giữ vững Liên-Hiệp-Quốc để bảo-vệ hòa-bình thế-giới.

VI. LIÊN-HIỆP-QUỐC

1. MỤC-ĐÍCH VÀ NGUYÊN-TẮC HÀNH-ĐỘNG

a) Mục-đích.

1. Bảo-toàn hòa-bình và an-ninh Quốc-tế.
2. Khuếch-trương sự bang-giao giữa các dân-tộc.
3. Thực-hiện sự hiệp-trợ quốc-tế bằng cách giải-quyết những vấn-đề quốc-tế về kinh-tế, xã-hội, văn-hóa hoặc nhân-sinh...
4. Liên-Hiệp-Quốc sẽ là trung-tâm điểm điều-hòa cố-gắng của các quốc-gia cho ăn nhip với nhau...

b) Nguyên-tắc hành-động.

1. Tồ-chức Liên-Hiệp-Quốc trên nguyên-tắc chủ-quyền bình-đẳng giữa các hội-viên.
2. Các hội-viên thi-hành đúng Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc.
3. Các nước hội-viên không dùng võ-lực xâm-chiếm các lãnh-thò.
4. Khi xảy ra những vụ tranh-chấp, các hội-viên phải giải-quyết bằng phương-pháp hòa-bình trước.
5. Các nước hội-viên phải hiệp-lực với Liên-Hiệp-Quốc v.v...

2. HỘI-VIÊN LIÊN-HIỆP-QUỐC

a) Nguyên-thủy hội-viên.

Nguyên-thủy hội-viên là tất cả những nước đã dự hội-nghị Cựu-Kim-Son ngày 26-6-1945 hay đã ký vào bản "tuyên-ngôn Liên-Hiệp-Quốc" (có 51 quốc-gia). Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc được thi-hành từ 24-10-1945.

b) Thường hội-viên : 117 quốc-gia.

Các nước khác có thể gia-nhập Liên-Hiệp-Quốc, nhưng phải được Hội đồng Bảo-an xét và tán-thành, rồi Đại hội-đồng quyết-định (đầu năm 1966 có 117 quốc-gia hội-viên). Hiện nay, những nước sau này không phải là hội-viên : Đức, Cao-Ly, Việt-Nam, Thụy-Si, Trung-Cộng ; riêng Indonesia tự ý rút tên khỏi L. H. Q ngày 7-1-1965.

CHƯƠNG V

NHỮNG CUỘC TIẾN-TRIỂN HIỆN THỜI

Về phương-diện chính-trị, có một điều đáng mừng là các dân-tộc bị-trị đã ý-thức được sứ-mạng của mình, nên đã vận-dụng mọi phương-tiện để tranh-đấu nền độc-lập. Đây là cuộc tiến-triển lớn-lao cho Á-Châu và Phi-Châu. Cả hai Châu này đương vùng dậy để cùng sát cánh với Âu-Mỹ xây-dựng thế-giới.

Về phương-diện khoa-học, văn-nghệ, lại cũng tiến rất xa. Những phát-minh kỳ lạ sau thế-chiến I và II đã làm đảo lộn cuộc sống và làm con người văn-minh thế-kỷ XX khác xa con người thế-kỷ XIX.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Sự giải-phóng các dân-tộc bị-trị.
- II. Tính-chất chung nền văn-minh hiện-đại và tiến-triển của khoa-học.
- III. Triết-học và Văn-nghệ.

I. SỰ GIẢI-PHÓNG CÁC DÂN-TỘC BỊ-TRỊ

1. TÌNH-HÌNH CÁC DÂN-TỘC BỊ-TRỊ SAU HAI TRẬN THẾ-CHIẾN

a) Sau trận thế-chiến I.

1. Về phía dân bị trị : Các thuộc-địa nhất là thuộc-địa Anh, Pháp đều bị thế-chiến I lay động mạnh mẽ, bởi vì họ phải cộng-tác với « mẫu-quốc » về phương-diện kinh-tế, quân-sự để đem thắng-lợi về cho « mẫu-quốc ». Dầu vậy, « mẫu-quốc » không chịu giải-phóng họ như lời hứa.

2. Về phía « mẫu-quốc » : Họ nghĩ rằng, các dân thuộc-địa chưa đủ lực tự-trị, nên cần phải có mặt của họ ở đó, để mở mang văn-hóa, kinh-tế. Nhất là sau thế-chiến I, các « mẫu-quốc » cần phục-hồi kinh-tế, nên lại khai-thác nhiều nguyên-liệu và thu-dụng nhân-công của thuộc-địa. Nhiều nhà sử-học cho rằng, cuộc thực-dân của người da trắng thời này còn gay-gắt hơn thế-kỷ XIX. Do đấy, các dân thuộc-địa lại nung nấu lòng ái-quốc mạnh hơn và tăng thêm lòng thù oán người da trắng.

b) Sau trận thế-chiến II.

1. Về phía dân bị trị : Sau trận thế-chiến II, các phong-trào quốc-gia ở Á-Châu đã chín mùi. Kể từ năm 1945, nhiều dân-tộc Á-Phi đã tranh-đấu độc-lập (Phi-Châu chậm hơn Á-Châu). Nói được, ở thuộc-địa nào cũng có phong-trào đòi độc-lập. Sở-di phong-trào độc-lập Á-Đông mạnh hơn Phi-Châu là nhờ sức mạnh của Nhật đã quật đổ Anh, Pháp, Hòa-Lan... tại Á-Đông. Từ hồi ấy, dân Á-Đông tin-tưởng vào sức mạnh của mình và biết rõ ác-tâm cùng thực-lực của « mẫu-quốc ». Vì thế, họ sẵn-sàng theo Nhật để đánh đuổi người da trắng.

2. Về phía « mẫu-quốc » : Khi lâm chiến-tranh, các nước Đồng-Minh cũng hứa giải-phóng các thuộc-quốc. Chính Hiến-chương Đại-Tây-Dương đã ghi điều này. Tới khi chiến-tranh kết-liệu, nhiều nước Đồng-Minh không thi-hành lời hứa. Đến lúc Mao-Trạch-Đông¹ toàn-thắng Trung-Hoa, các nước Đồng-Minh mới dâm lo sợ.

2. CÁC DÂN-TỘC BỊ TRỊ TỰ THOÁT ÁCH ĐÔ-HỘ

a) Phương-tiện giải-phóng.

Không phải Tây-phương hữu-ý giải-phóng hoàn-toàn các thuộc-quốc, nhưng vì tình-hình không cho phép giữ chế-độ thuộc-địa nữa, nên họ mới chịu. Thực ra, hầu hết các thuộc-địa đã phải dùng võ-lực, hy-sinh xương máu mới thoát ách người da trắng.

b) Các dân-tộc giải-phóng sau thế-chiến II.

1. Á-Châu :

Ấn-Độ	Đại-Hàn	Li-Ban	Phi-Luật-Tân
A-Phú-Hãn	Hồi-Quốc	Maldives (đảo)	Sikkim
Bhoutan	Indonesia	Mã-Lai-Á	Syrie
Cam-Bốt	Jordanie	Miến-Điện	Tân-Gia-Ba
Chypre	Koweit	Népal	Tích-lan
Do-Thái	Lào	Oman	Việt-Nam
			Yemen

2. Phi-Châu :

Algérie	Gambia	Maroc	Somalia
Bechuanaland	Ghana	Mauritanie	Soudan
Burundi	Guinée	Niger	Tanzania
Cameroun	Haute-Volta	Nigeria	Tchad
Congo-Brazza	Kenya	Ouganda	Togo
Congo-Leo	Libye	Rhodesia	Trung-Phi
Côte d'Ivoire	Malawi	Rwanda	Tunisie
Dahomey	Malagasy	Sénégal	Zambia
Gabon	Mali	Sierra Leone	

3. Mỹ-Châu : Honduras Anh, Jamaïque, Trinidad-Tobago.

4. Địa-Trung-Hải : Malte.

II. TÍNH-CHẤT CHUNG NỀN VĂN-MINH HIỆN-ĐẠI VÀ TIẾN-TRIỂN CỦA KHOA-HỌC

1. TÍNH-CHẤT CHUNG NỀN VĂN-MINH HIỆN-ĐẠI

a) Thế-kỷ XX là thế-kỷ cơ-khí.

Từ giữa thế-kỷ XIX, kỹ-nghệ phát-triển nhờ có máy-móc. Sang thế-

kỷ XX, không những máy-móc giúp nhiều cho kỹ-nghệ mà còn giúp nhiều mặt khác nữa : khảo-cứu, giao-thông, tài-chính v.v... Hiện nay, một quốc-gia nào giàu, mạnh, gây được nhiều ảnh-hưởng, tất phải là quốc-gia dồi-dào về máy-móc. Trong nhiều xưởng máy, người thợ chỉ còn là dụng-cụ.

b) Con người thế-kỷ XX sinh-hoạt vội-vã.

Tại những nước càng có nhiều máy-móc, và những máy-móc tự-động càng tối-tân, thì con người càng sinh-hoạt vội-vã hơn. Cách giao-thông thế-kỷ này càng tiến-triển rất nhanh :

1. Tốc-lực xe hơi (xe đua) : năm 1911 : 212 cs, 1964 : 863 cs.

2. Tốc-lực máy bay : 1919 : 243 cs; 1964 : 8.720 cs (phi-cơ hòa-tiến X — 15 A — 2).

3. Tiềm-thủy-dính nguyên-tử Triton, dài 137 th, lặn ngầm với tốc-độ 20 hải-lý. Năm 1960, tàu này đã lặn 84 ngày liền, đi vòng trái đất 66.788 cs.

c) Tinh-cách đại-chúng của nền văn-minh hiện-đại.

Báo-chí, đài phát-thanh, rạp chiếu bóng làm con người mất cá-tính và hòa mình vào đại-chúng. Tất cả những phương-tiện tuyên-truyền, giải-trí trên đây chỉ cốt làm thỏa thích lòng hiếu-kỳ và ước-vọng quá nhiều của con người.

d) Nhân-phẩm được đề-cáo hơn.

Thời này tự-do, nhân-phẩm được chú-trọng hơn, song đôi khi người ta cũng lạm-dụng đi quá đà. Cuộc sống trong xã-hội cũng bớt chệnh-lệch hơn giữa các giai-cấp.

e) Tinh huynh-đệ quốc-tế.

Sau thế-chiến I, có Hội Quốc-Liên và sau thế-chiến II có Liên-Hiệp-Quốc cùng nhiều tổ-chức quốc-tế khác, giúp cho các dân-tộc gần gũi nhau hơn, bằng những cuộc tương-trợ và Hội-nghị quốc-tế. Năm 1880, có 20 cuộc hội-nghị quốc-tế. Năm 1954 có 1084 hội-nghị quốc-tế.

2. TIẾN-TRIỂN VỀ KHOA-HỌC

a) Vật-lý-học.

Nhờ thuyết « tương-đối » của Einstein, thuyết « quanta » của Max Planck, thuyết « cơ-học ba-động » (mécanique ondulatoire) của Louis de Broglie mà khoa vật-lý tiến mạnh. Cũng nhờ sự khảo-cứu đầu hết của

Marie mà sau này các nhà bác-học Laurence, Anderson, Bethe v.v... đã lợi-dụng được sức mạnh của nguyên-tử-lực.

b) Thiên-văn và Địa-cầu Vật-lý-học.

1. *Thiên-văn* : Nhờ đài thiên-văn tối-tân, năm 1925, người ta biết, ngoài Galaxie (sông ngân-hà) còn có nhiều « galaxies » khác mà cái gần nhất cũng xa trái đất 800.000 năm ánh-sáng. Từ cuối năm 1957, người ta lại phóng lên không-trung các vệ-tinh nhân-tạo Sputniks I, II, III, Explorateur, Pionnier, Atlas, Discoverer, giúp cho nhân-loại biết được nhiều điều mới lạ. Năm 1961 — 1962, các ông Titow (7-8-1961), Gagarine (12-4-1961), Glenn (20-2-1962), Carpenter (25-5-1962) Gordon Cooper (15-5-1963) đã ngồi trên phi-thuyền bay vòng quỹ-đạo trái đất với tốc-độ gần 8 cây số 1 giây. Riêng Cooper đã bay 22 vòng quỹ-đạo trái đất, mỗi vòng hết 88 phút. Tới năm 1965, Nga và Hoa-Kỳ đã phóng phi-thuyền lên không-gian có hai phi-hành-gia. Tháng 12-1965, Hoa-Kỳ đã thành-công về việc các phi-hành-gia gặp nhau trên không-gian.

2. *Địa-cầu vật-lý* : Về khoa này, thực ra chưa khám-phá thêm nhiều nguyên-tắc mới, nhưng khu-vực hoạt-động rộng-rãi hơn vì nhu-cầu quặng mỏ, dầu hỏa v.v...

b) Hóa-học, Y-học.

1. *Hóa-học* : Cùng với Vật-lý-học, Hóa-học cũng tiến mau. Hóa-học đang là khoa-học định-tính và mô-tả (qualitative et descriptive) trở nên một khoa thiên về định-lượng và giải-thích (quantitative et explicative).

2. *Y-học* : Người ta cho rằng : từ 1925 đến nay, y-học tiến nhiều hơn từ lúc có loài người đến đầu thế-kỷ XX. Giới y-sĩ cũng chuyên-môn từng cơ-quan, từng thứ bệnh và cũng nhờ máy móc tối-tân, người ta đạt nhiều kết-quả lạ-lùng. Thời nay có nhiều bác-sĩ nổi tiếng như : Calmette, Guérin, Waksman, Paul Muller, Roux...

3. BIẾN-ĐỔI ĐỜI SỐNG HÀNG NGÀY

Chắc chắn sức tăng-gia sản-xuất dụng-cụ vừa tiện, vừa rẻ, đẹp, đã nâng cao mức sống vật-chất của nhân-loại hơn trước. Tại Hoa-Kỳ vào năm 1910, trung-bình một giờ, người thợ có thể kiếm được (tính theo lúa mì) 5kg8, đến năm 1946 được 20kg. Việc sáng-chế ra máy móc đã đổi cuộc sống con người thế-kỷ XX.

Nhân-loại ngày nay bớt phải dùng sức lao-động nhờ có máy móc, nhưng nó lại làm căng thẳng trí-óc nhân-loại khá nhiều. Trước đây con người là « nô-lệ » vật-chất, song hiện giờ con người vẫn-minh lại là « nô-lệ » trí-não do sự sử-dụng máy móc (nhất là loại tự-động) tạo ra.

III. TRIẾT-HỌC VÀ VĂN-NGHỆ

1. TRIẾT-HỌC THẾ-KỶ XX

Các triết-gia thế-kỷ XX theo nhiều khuynh-hướng triết-học khác nhau, nhưng chúng ta có thể quy vào hai thứ :

a) Triết-học giản-lược vào khoa-học.

Thứ triết-học này không phải chỉ gồm các nhà luận-lý-học, song còn có cả những nhà toán-học, vật-lý-học và sinh-vật-học. Họ muốn rằng giữa triết-học và khoa-học phải có sự liên-lạc chặt chẽ. Nhà triết-học M. Lalande trong cuốn « La Dissolution opposée à l'évolution », triết-gia M. Meyerson trong cuốn « l'Explication dans les sciences » và « le Cheminement de la pensée » đã muốn *đồng nhất* triết-học với khoa-học. Cả đến ông Léon Brunschvicg trong cuốn « le Progrès de la conscience » cũng cho rằng : mọi quan-niệm triết-học được ấn-định do sự nhận-thức khoa-học.

b) Triết-học nhân-gian.

Loại triết-học này được phát-triển do Jaspers và Heidegger ở Đức và J. P. Sartre ở Pháp vào giữa hai cuộc thế-chiến. Người ta thường gọi là thứ triết-học *hiện-sinh*. Mục đích là tìm hiểu con người thực-tại, như người ta hiện sống với tất cả hoàn-cảnh vây quanh.

2. VĂN-NGHỆ THẾ-KỶ XX

a) Văn-chương hiện nay (bàn tới mấy nước lớn)

1. *Văn-chương Ý* : Sau thế-chiến II, người ta thấy ở Ý nổi dậy phong-trào văn-chương mà trước đây bị Mussolini cấm. Phong-trào này trình-bày những khổn-khở của xứ Ý. Ta thấy có Carlo Levi, Elio Vittorini Zavattini, Silone...

2. *Văn-chương Anh* : Sau 1945, văn-chương Anh tiến chậm hơn Ý, Pháp, có tính cách tự-do và tra bàn đến đau khổ do thời-cuộc gây ra. Các tác-giả : George Orwell, John Wain, Kingsley Amis.

3. *Văn-chương Hoa-Kỳ* : Thích tả những xóm nhà nhỏ bé tại các thành-phố lớn như : Nữu-Uớc, Chicago, mà tại đây có nhiều thứ người ngoại-quốc ở. Về loại này có các ông Nelson Algren, Bellow.

4. *Văn-chương Pháp* : Một số sách báo Pháp trình-bày con người đã bị hòa lẫn vào thực-tế xã-hội và sinh-hoạt theo nhịp sống do cuộc biến-đổi vật-chất tạo ra. Trong thế-kỷ XX, ta thấy có các ông Paul Morand, Marcel Proust, André Gide, Giraudoux, Daniel Rops, François Mauriac, Bernanos...

b) Nghệ-thuật.

1. *Chớp bóng* : Từ năm 1919 - 1924, chớp bóng trở thành nghệ-thuật. Từ 1929-1934 là thời chớp-bóng thịnh-hành nhất ở Hoa-Kỳ. Ngày nay, nước Nhật sản-xuất nhiều phim nhất thế-giới (1958 : 450 phim).

2. *Âm-nhạc* : Ảnh-hưởng của Igor Stravinski (nhà sáng-tác đại-tài) đã xâm-nhập vào giới nhạc-sĩ Âu-châu khá sâu — Về nhạc Jazz cũng được phổ-biến do Armstrong và Sydney Bécet.

3. *Hội-họa* : Nổi nhất là lối *họa khối* (cubisme) ; có các ông Picasso, Brapue, Lhote. Về *họa màu* có Dunoyer de Segonzac nổi tiếng.

3. TÔN-GIÁO THẾ-KỶ XX

a) Tinh-trạng chung.

Đời sống tôn-giáo nhân-loại thế-kỷ XX tiến-triển chậm sánh với đời sống kỹ-thuật. Tuy nhiên, cuộc tiến-triển có phần chắc chắn và sâu xa hơn thế-kỷ XVII, XVIII, XIX. Cuộc lan-tràn chủ-nghĩa Cộng-Sản vô-thần hiện nay làm tê liệt hoạt-động tôn-giáo tại các vùng Cộng-Sản.

b) Các loại tôn-giáo.

Tại Âu-Mỹ và Trung Nam Phi-Châu, Thiên-Chúa giáo vẫn còn nhiều ảnh-hưởng. Về Tam-giáo, khu-vực ảnh-hưởng vẫn là ở Đông-Á. Riêng về Hồi-giáo ngoài các dân-tộc Bắc-Phi và Trung-Đông, sau thế-chiến II, phát-sinh một quốc-gia Hồi-giáo là Hồi-quốc. Tinh-thần đạo của Hồi-giáo ngày nay cũng khác một phần ngày xưa.

CHƯƠNG I

TRUNG-HOÀ, NHẬT-BẢN, ẤN-ĐỘ

- Bài I — 1. Nguyên-nhân cách-mạng Tân-Hợi ?
2. Giải-thích chủ-nghĩa Tam-Dân của Tôn-Văn.
 3. Tại sao năm 1923 Tôn-Văn lại nhờ Nga-Sô gửi chuyên-viên giúp ông ?
 4. Nước Nhật có ủng-hộ cách-mạng Tân-Hợi không ? Chứng minh.
 5. Nhắc qua tiểu-sử Tôn-Văn.
 6. Các cường-quốc Âu-Mỹ có thái-độ nào đối với cuộc cách-mạng Tân-Hợi ?
 7. Tôn-Văn và chủ-nghĩa Tam-Dân.

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1964)

- II — 8. Hiến-pháp 1936 của Trung-Hoa ấn-định thể nào về các cơ-quan tối-cao của quốc-gia ?
9. Ông Trương-giới-Thạch đã chống Cộng-Sản thế nào ?
 10. Phong-trào Tân-sinh-hoạt ở Trung-Hoa nhằm mục-đích gì ? Dựa trên những nguyên-tắc căn-bản nào và được phồn-biến như thế nào ?

(Tú-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1963)

- III — 11. Nguyên-nhân và hậu-quả việc Nhật xâm-chiếm Mãn-Châu năm 1931 ?
12. Tại sao Nhật lập ra một nước Mãn-Châu (Mãn-Châu quốc) ?
- IV — 13. Sau khi quân Nhật đầu hàng, nước nào thực sự cai-trị Nhật-Bản ?

14. Cuộc xung-đột Trung-Nhật từ 1931 đến đệ nhị thế-chiến.

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1964)

15. Tại sao năm 1945 Nga không đem quân chiếm đóng ở Nhật ?
16. Đến năm nào nước Nhật được trả lại nền độc-lập ? Tại sao ?
- Bài V — 17.** Kề qua việc dân Ấn thi-hành chính-sách bất bạo-động chống Anh.
18. Thánh Gandhi chủ-trương thế nào trong cuộc tranh-đấu dành độc-lập ?
19. Nguyên-nhân thành-lập Hồi-quốc ?
- VI — 20.** Đại-cương tình-hình chính-trị Ấn-Độ từ năm 1950 trở đi ?
21. Hiện nay Ấn-Độ có bao nhiêu tiểu-bang chính-thức ? Hãy kể tên ba tiểu-bang trong số các tiểu-bang.

CHƯƠNG II

KHÓ-KHĂN CỦA HOA-KỲ, ANH, PHÁP

- Bài I — 22.** Tại sao việc hạ giá đồng Mỹ-kim có thể là một trong những kế-hoạch giải-quyết nạn khủng-hoảng kinh-tế ?
23. Cuộc khủng-hoảng kinh-tế tại Hoa-Kỳ năm 1929 có những nguyên-nhân nào và đã được giải-quyết như thế nào ?
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1963)
- II — 24.** Tại sao có hội-nghị Hoa-thịnh-Đốn năm 1921 ?
25. Liên sau trận thế-chiến I, Hoa-Kỳ nâng đỡ Đức với mục-đích gì ?
26. Những điểm chính của chính-sách đối-ngoại của Hoa-Kỳ trong thời-gian đảng Cộng-Hòa nắm quyền (1920-1932) ?
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1963)
- IV — 27.** Nước Ái-Nhi-Lan bất-bình với Anh về những phương-diện nào ?
28. Nước Anh giữa hai thế-chiến.
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1964)

Bài V — 29. So-sánh hai cách giải-quyết nạn kinh-tế khủng-hoảng ở Pháp và ở Anh.

30. Nước Pháp phải gặp những khó khăn nào giữa hai thế-chiến (1919-1939).

(Tú-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1964)

VI. — 31. Tại sao Pháp và Anh được cai-trị miền Trung-Đông sau thế-chiến I?

32. Nguyên-nhân cuộc cạnh-tranh giữa Anh và Pháp ở Trung-Đông?

VII — 33. Tại sao cuộc khủng-hoảng kinh-tế 1929 có ảnh-hưởng ở Đông-Dương Pháp?

CHƯƠNG III

NGA, Ý, ĐỨC

Bài I — 34. Nguyên-nhân cách-mạng vô-sản Nga năm 1917?

35. Hậu-quả gần và xa do cuộc cách-mạng vô-sản Nga?

II — 36. Sơ-lược những cơ-quan tối-cao của Nga-sô theo Hiến-pháp 1936?

37. Tại sao năm 1921, Lénine lập tân kế-hoạch chính-trị kinh-tế?

III — 38. Hậu-quả do đảng Phát-Xít cầm quyền ở Ý?

39. Mục-dịch của Mussolini trong việc dùng chính-sách độc-tài cai-trị Ý?

IV — 40. Tại sao năm 1929 nước Ý ký thỏa-hiệp với nước Vatican?

41. Tại sao nước Ý không bị các nước Đồng-Minh cai-trị sau khi thế-chiến I kết-liệu?

V — 42. Hậu-quả do đảng Quốc-Xã cầm quyền ở Đức?

VI — 43. Mục-dịch của Hitler khi gây thế-chiến II?

CHƯƠNG IV

HAI TRẬN THẾ-CHIẾN

Bài I — 44. Nguyên-nhân trực-tiếp đại-chiến thứ nhất ?

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1963)

II — 45. Kê những hậu-quả về mọi phương-diện của thế-giới đại-chiến thứ nhất (1914-1918).

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1963)

III — 46. Nguyên-nhân thành-lập Hội Quốc-Liên ?

47. Mục-đích chính của Hội Quốc-Liên ?

48. Tại sao Hội Quốc-Liên yếu-nhược ?

IV — 49. Nguyên-nhân Đệ-nhị Thế-chiến ?

(Tú-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1964)

VI — 50. Nguyên-nhân thành-lập Liên-Hiệp-Quốc.

51. Hãy kê tên 10 quốc-gia Á-Châu và 10 quốc-gia Âu-Châu có chân trong Liên-Hiệp-Quốc.

52. Kê ra một số hành-động của Liên-Hiệp-Quốc để bảo-vệ hòa-bình thế-giới.

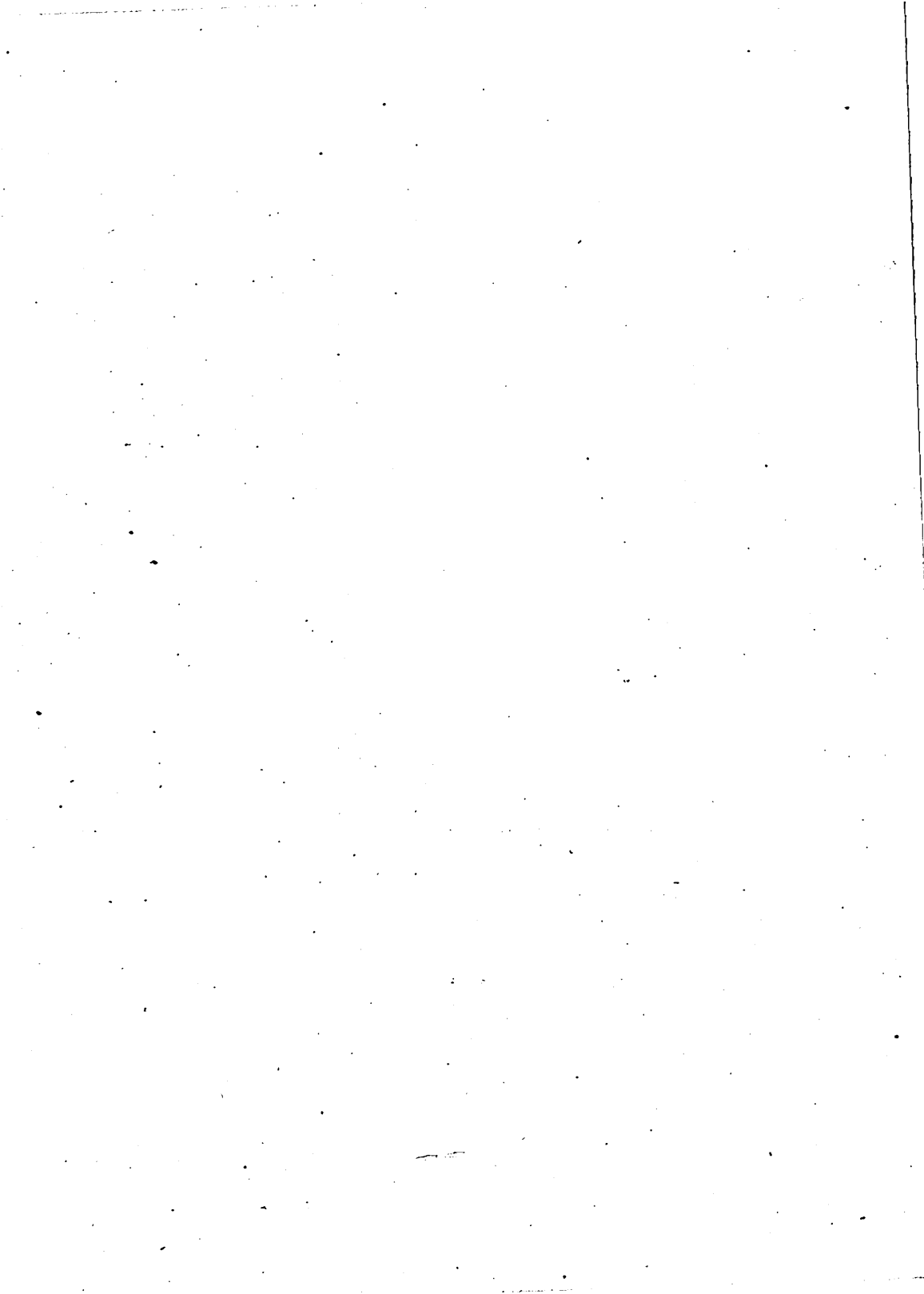
53. Mục-đích của Liên-Hiệp-Quốc

(Tú-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1963)

PHẦN THỨ BA

ĐỊA-LÝ

- Chương I.* Nước Trung-Hoa
- Chương II.* Nước Nhật-Bản
- Chương III.* Nước Ấn-Độ
- Chương IV.* Nước Hoa-Kỳ
- Chương V.* Nước Nga
- Chương VI.* Nước Đức
- Chương VII.* Nước Anh
- Chương VIII.* Nước Pháp
- Chương IX.* Nước Úc-Đại-Lợi



CHƯƠNG-TRÌNH ĐỊA-LÝ

Từ năm 1914 đến nay
Dành cho Lớp Đệ Nhất ABCD

KINH-TẾ CÁC CƯỜNG-QUỐC :

TRUNG-HOA

NHẬT-BẢN

ẤN-ĐỘ

HOA-KỲ

NGA-SÔ

ĐỨC-QUỐC

ANH-QUỐC

PHÁP-QUỐC

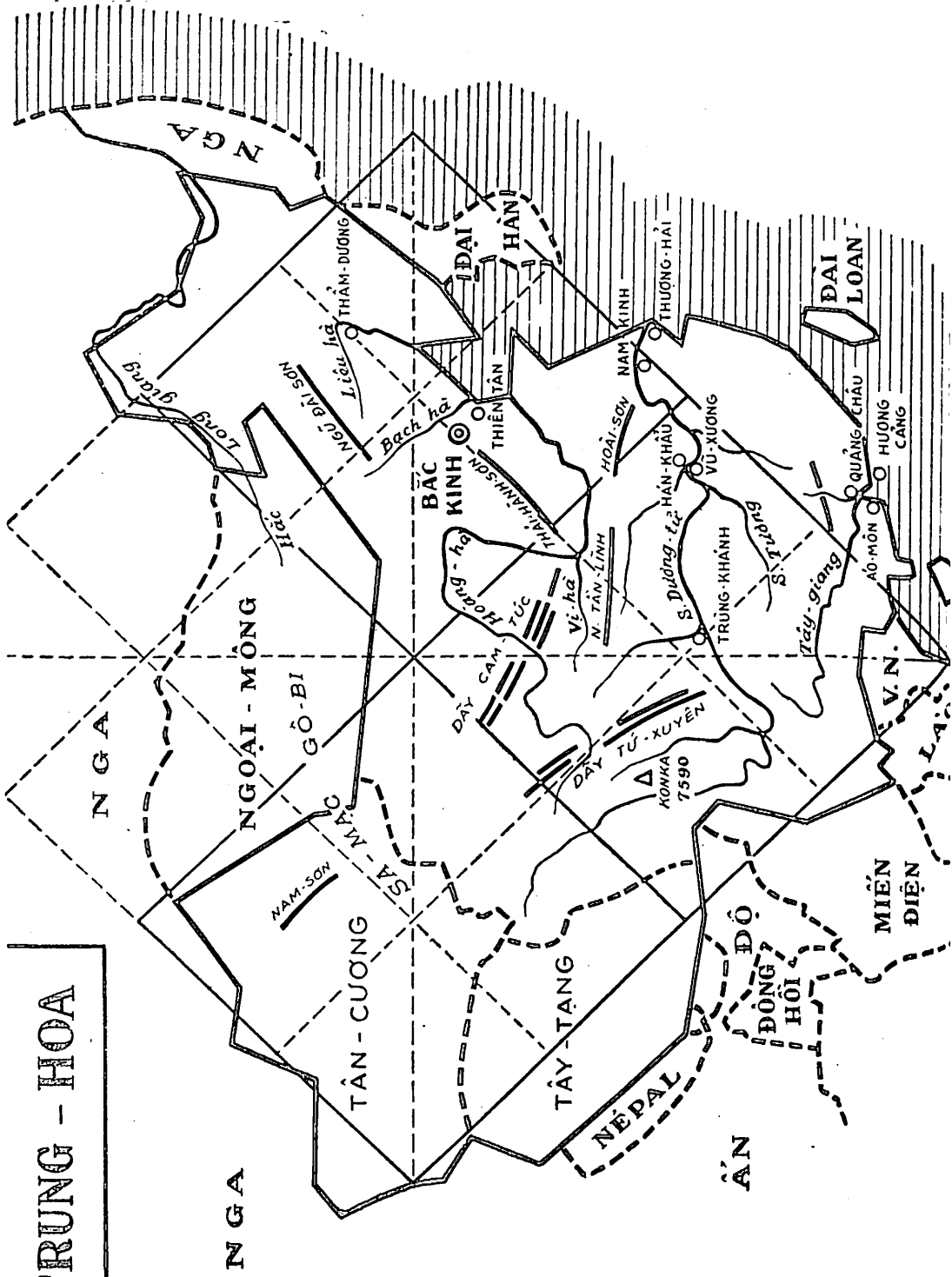
ÚC-ĐẠI-LỢI

Xin lưu-ý :

Đề các bạn học-sinh có thể vẽ được bản-đồ cách dễ-dàng, chúng tôi xin trình-bày cách vẽ bản-đồ mỗi nước. Những bản-đồ này được vẽ căn-cứ trên các ô vuông lớn.

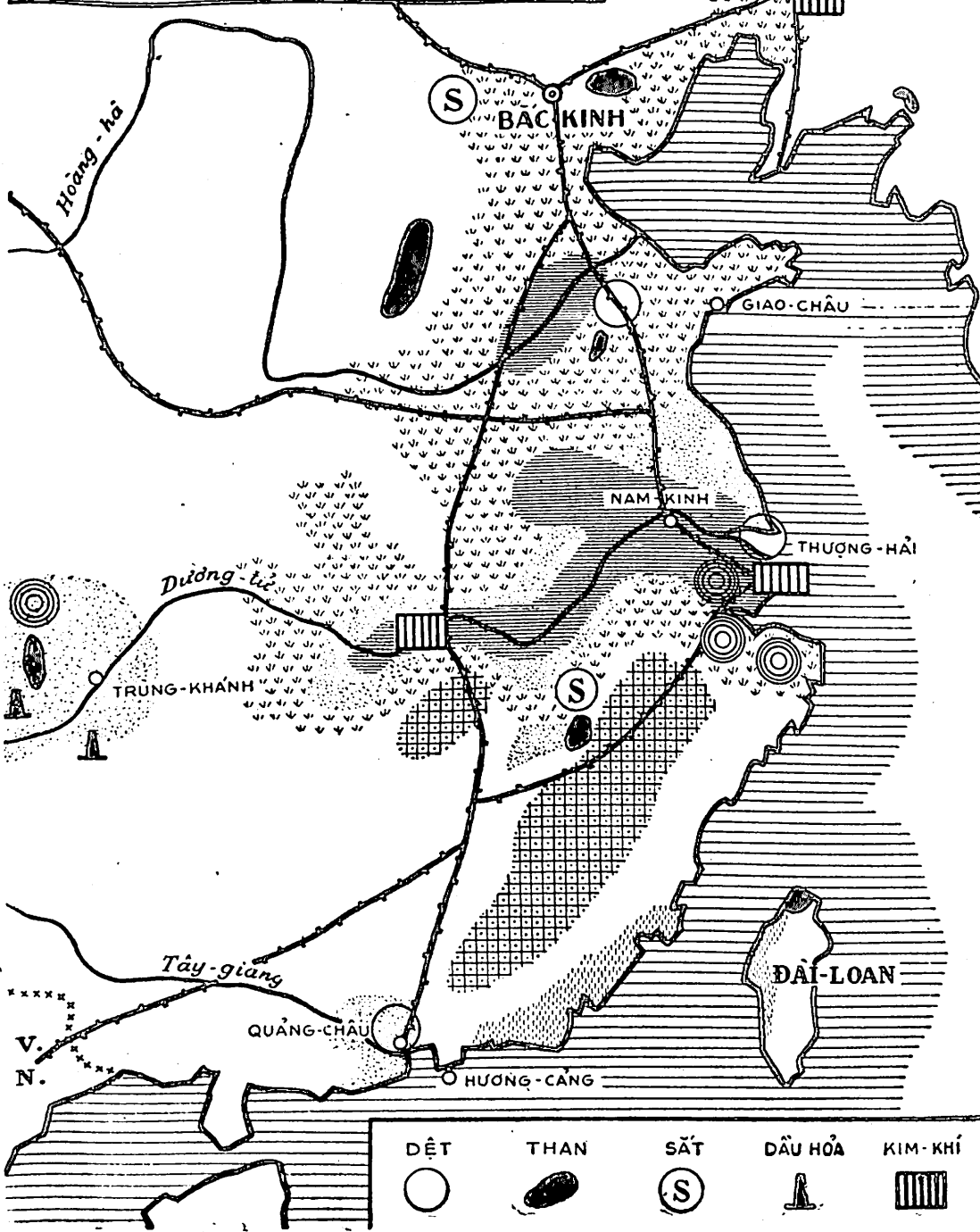
SOẠN-GIÁ

TRUNG - HOA



TRUNG-HOÀ

LŨA MÌ GAO BÔNG TRÀ TƠ MÍA HỎA XÁ



DỆT



THAN



SẮT



DẦU HỎA



KIM-KHÍ



CHƯƠNG I

NƯỚC TRUNG-HOA

Trung-Hoa là nước rộng 10 triệu csv, gồm chính đất Trung-Hoa và những miền phụ-cận. Đế-Quốc Trung-Hoa trước đây có 18 tỉnh và 4 miền phụ-cận là : Tây-Tạng, Tân-Cương, Mông-Cổ và Mãn-Châu. Thực ra, chính đất Trung-Hoa ăn từ Vạn-lý Trường-thành ở phía Bắc, dãy núi từ tỉnh Tứ-Xuyên, Vân-Nam ở phía Tây và biên-giới Việt-Nam ở phía Nam.

Nền kinh-tế ở hai miền Bắc Nam Trung-Hoa khác nhau nhiều. Ở Bắc trồng lúa mì, dâu và hầm than ; ở Nam trồng lúa gạo, trà, dâu. Còn phía Đông là bờ biển thì có nhiều thành-phố, xưởng kỹ-nghệ lớn và nhiều hải-cảng quan-trọng.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, chăn nuôi, quặng mỏ, nguồn năng-lực.
- IV. Kỹ-nghệ, thương-mại, giao-thông.
- V. Đảo Đài-Loan.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

1. ĐỊA-ĐIỆN TRUNG-HOA

a) Phía Đông-Nam.

Phía Đông-Nam kể từ cửa sông Dương-Tử đến biên-giới Bắc Việt-Nam. Đây là miền nhiều đồi, cao trung-bình từ 500 đến 800 thước, có ngọn cao tới 1.500 thước. Phía Tây Trung-Hoa có núi Konka cao 7.590 thước.

b) Bình-nguyên Dương-Tử-Giang.

Nằm ở giữa Trung-Hoa. Bình-nguyên này quan-trọng vào hạng nhất ở Trung-Hoa vì những lý-do sau đây :

1. *Đất đai phì-nhiều* : Lắm sông, hồ nhỏ (15% diện-tích bình-nguyên). Hơn nữa còn có 150.000 cs kênh lưu-thông. Đất đai được tận-dụng vào việc trồng lúa, dâu, bông, lạc, thuốc.

2. *Dân-cư* : Mật-độ trung-bình là 200, có nơi tới 400 (ở Trung-châu) tại đảo Sùng-Minh (700 csv) có tới 850.000 dân.

3. *Thương-mại* : Tàu trọng-tải 3.000 tấn có thể đi tới Nghi-Xương và tàu trọng-tải 5.000 tấn có thể tới Hán-Khâu. Nhờ sông Dương-Tử, hàng-hóa nhập-cảng có thể đưa vào nội-địa Trung-Hoa rất nhiều.

4. *Các tỉnh lớn* : Dọc theo sông Dương-Tử, có các tỉnh lớn : Trùng-Khánh, Trường-Sa, Hán-Khâu, Nam-Kinh, Thượng-Hải.

c) Phía Bắc.

1. *Miền Hoàng-hà* : Có lớp hoàng-thổ (loess) dày tới 100 thước, lợi cho việc trồng cây.

2. *Miền Sơn-dông* : Miền này trù-phú, tới 2/3 đất đai trồng cây.

3. *Cao-nguyên phía Tây* : Gồm các tỉnh Sơn-Tây, Thiềm-Tây, Cam-Túc nằm giữa miền Sơn-Đông và Trung-Á. Tại đây có nhiều lớp đất đỏ, nhưng vì ít mưa nên việc trồng cây cũng kém. Ở về phía Mông-Cồ có vùng sa-mạc Gobi.

2. KHÍ-HẬU, THẢO-MỘC

a) Khí-hậu.

Hoa-Nam thuộc miền nhiệt-đới, mùa đông ít lạnh, còn Hoa-Bắc về mùa đông giá lạnh.

1. Tháng nóng ở Bắc-Kinh : + 40° ; tháng lạnh : - 20°
2. Tháng nóng ở Quảng-Châu : + 28° ; tháng lạnh : + 12°5

b) Thảo-mộc.

Phía Bắc Mông-Cồ và sa-mạc Gobi có những thứ thảo-mộc khác miền Tây-Tạng và Mãn-Châu. Thực ra thảo-mộc ở Mãn-Châu là thứ chuyên-tiếp giữa thảo-mộc Trung-Hoa và Tây-Bá-Lợi. Ở Mãn-Châu có loại cây Nhân-sâm dùng làm thuốc.

3. SÔNG NGÒI TRUNG-HOA

a) Hắc-Long-Giang.

Dài 4.400 cs, bắt nguồn từ dãy núi Lablonovoi, chảy qua Nertchinsk, rồi chảy ra bề Okhotsk. Sông này chia cắt ranh-giới Tây-Bá-Lợi-Á với Mãn-Châu theo hiệp-định Nertchinsk năm 1689.

b) Hoàng-Hà.

Dài 5.000 cs, Hoàng-Hà bắt nguồn từ Tây-Khang trên núi cao 4.800 thước, qua Cam-Túc, Sơn-Tây, Thiềm-Tây mang nhiều đất bùn màu vàng, chảy ra tỉnh Sơn-Đông rồi ra bề Hoàng-Hà ít phụ-lưu, ít cửa sông, ít hồ chứa nước, khúc quặt đốc, vì thế hay có nạn vỡ đê.

c) Dương-Tử.

Dài 5.080 cs, phát-nguyên từ Tây-Khang qua Tứ-Xuyên, Hồ-Bắc, An-Huy, Giang-Tô rồi chảy ra bề. Lưu-lượng 30.000 thước khối. Có thể lưu-thông từ Nghi-Xương ra cửa sông (coi lại phần *Bình-Nguyên Dương-Tử-Giang* ở đầu bài này).

d) Tây-Giang.

Dài 2.000 cs, phát-nguyên từ Vân-Nam qua Quý-Châu, Quảng-Tây, Quảng-Đông rồi chảy ra bề qua Quảng-Châu. Có thể lưu-thông từ Quý-Châu ra bề.

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ TRUNG-HOA

Dân số Trung-Hoa trên 720 triệu người, sống trên mảnh đất 9.500.000 csv. Riêng vùng Mãn-Châu có tới 47 triệu dân ; vùng Tân-Cương 2 triệu csv và 4 triệu dân ; Tây-Tạng 1 triệu csv và 1,3 triệu dân ; Nội Mông-Cồ có 6 triệu dân. Mật-độ trung-bình 76. Mỗi năm Trung-Hoa tăng 12 triệu dân ; có tới 2/5 dân-số dưới 18 tuổi. Dân Trung-Hoa tuy đông-đúc, nhưng hay bị tai-ương làm thiệt-mạng hàng triệu người :

Năm 1853 : chết 30 triệu do cuộc khởi-nghĩa Thái-Bình..

Năm 1888 : chết 2 triệu vì nước sông Hoàng-Hà.

Năm 1921 : chết 30 vạn vì động đất ở Cam-Túc.

Năm 1931 : chết 1 triệu vì nước sông Dương-Tử.

Năm 1945 : chết 30 triệu (kể từ khi chiến-tranh với Nhật).

Dân chúng thường ở làng quê (85%) giữ các nghi-lễ tôn-giáo, tập-tục do cha ông truyền lại. Trong các thời biến-loạn, người ta cũng có di-cư từ phía Bắc xuống phía Nam. Nhưng đời sống nông-nghiệp và làng xã vẫn là nền tảng cuộc sinh-hoạt của họ. Từ khi Cộng-Sản cai-trị, họ đã dùng nhiều phương-pháp để canh-tân người dân Trung-Hoa theo lẽ-lối Cộng-Sản.

2. CHÙNG-TỘC TRUNG-HOA

Người ta không biết rõ nguồn gốc người Trung-Hoa, nhưng có thể cho rằng người Trung-Hoa thuộc giống Mông-Cồ. Giống này còn tồn-tại ở Hoa-Nam nhiều hơn ở Hoa-Bắc. Ở miền Bình-nguyên Dương-Tử vào thế-kỷ I có giống người Thái. Hiện nay ở vùng Quý-Châu, Vân-Nam có nhiều người Thái, Lolo và Mán. Mấy thứ người này có đôi phần giống người Tây-Tạng. Trong số 720 triệu người Trung-Hoa, có tới 37 triệu là người Mông-Cồ, Thồ v.v...

3. THÀNH-PHỐ VÀ TỈNH TRUNG-HOA

Có tám thành-phố dân-số trên 2 triệu người : Hán-Khâu, Nam-Kinh, Trùng-Khánh, Quảng-Châu, Thâm-Dương, Thiên-Tân, Bắc-Kinh (7 triệu dân) và Thượng-Hải. Riêng thành-phố Thượng-Hải có trên 8 triệu dân. Dầu vậy, dân-số ở thành-thị chỉ có 15% tổng-số dân Trung-Hoa.

III. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, QUẶNG MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI

a) Đặc-diểm Canh-nông.

Trung-Hoa là xứ nông-nghiệp, vì tới 85% dân chúng làm ruộng. Đất Trung-Hoa rộng rãi và có nhiều miền khí-hậu khác nhau, nên người ta có thể trồng được nhiều loại cây. Thường thường ở Hoa-Nam chuyên trồng lúa gạo, nhất là hai bên sông Dương-Tử, còn ở Hoa-Bắc lại trồng lúa mì. Diện-tích trồng lúa mì cũng rộng bằng diện-tích trồng lúa gạo, nhưng năng-xuất kém hơn. Cơ-khí-hóa nông-nghiệp còn kém (mới có 100.000 máy cày).

1. Lúa gạo : thứ nhất thế-giới (83 triệu tấn năm 1962)
2. Lúa mì : 20 triệu tấn năm 1962 ; phải mua thêm 782 triệu Mỹ-kim.
3. Bông : thứ ba thế-giới (1 triệu 5 tấn).
4. Ngô : 7,5 triệu tấn.
5. Dày, gai : Ở Mãn-Châu.
6. Trà : Ở Phúc-Kiến, Chiết-Giang, Vân-Nam.
7. Vừng : thứ nhất thế-giới.
8. Mía : thứ ba thế-giới.
9. Đậu : thứ nhất thế-giới.

b) Chăn-nuôi.

Khá quan-trọng.

- | | | |
|---------------|------------------|-------------------------|
| 1. Bò | : 18 triệu con ; | |
| 2. Cừu, chiên | : 11 triệu con ; | 4. Ngựa : 2 triệu con ; |
| 3. Trâu | : 9 triệu con ; | 5. Lừa : 9 triệu con. |

2. QUẶNG-MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

a) Quặng-mỏ.

Còn nhiều mỏ chưa khai-thác.

1. Sắt : Ở rải rác. Mỗi năm 1 triệu tấn.
2. Kẽm : Thứ năm thế-giới. Ở Vân-Nam.
3. Vàng : Có ít ở vùng Mãn-Châu.
4. Bạc : Không đủ dùng trong nước.

b) Nguồn năng-lực.

Trung-Hoa là xứ giàu vào bậc nhất thế-giới về than, nhưng lại chưa khai-thác cho đủ nhu-cầu. Tại Sơn-đông, Nhiệt-hà, Mãn-Châu là những miền có nhiều than nhất. Theo thống-kê 1962 (kém hơn năm 1960) :

1. Than : 240 triệu tấn (1/2 ở Mãn-Châu) còn lại ở Sơn-tây, Hán-Khâu v.v...
2. Dầu hỏa : 6.000.000 tấn. Ở Cam-túc và vùng lân-cận.
3. Điện-lực : 30 tỷ Kwh.

IV. KỸ-NGHỆ, THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

1. KỸ-NGHỆ TRUNG-HOA

Những thứ kỹ-nghệ cổ-truyền của Trung-Hoa là : đồ gốm, lụa, chạm trổ. Những thứ này vẫn còn thịnh-hành. Ở đây, chúng ta trình-bày mấy loại kỹ-nghệ quan-trọng nhất của Trung-Hoa.

a) Kỹ-nghệ dệt.

Kỹ-nghệ dệt ở Thượng-hải, Nam-kinh, Hán-khâu, Thiên-tân chiếm 3/4 số sản-xuất trong nước. Riêng về tơ lụa lại còn thịnh-hành ở Chiết-giang, Sơn-đông, Quảng-đông, Tứ-xuyên, Thanh-đảo. Hiện nay mới mở một số xưởng dệt ở phía Bắc (Tế-nam gần cửa sông Hoàng-hà). Năm 1963, một công-nhân xưởng dệt Tế-nam chỉ lĩnh có 18 mỹ-kim một tháng.

b) Kỹ-nghệ luyện-kim.

Trung-tâm luyện-kim đáng kể nhất là Hàm-dương, Thâm-dương, Thượng-hải, Hán-khâu. Nói cách chung, kỹ-nghệ luyện-kim mới tiến : 8 triệu tấn thép năm 1962. Tại Vân-nam có xưởng kềm. Vào thời Nhật chiếm đóng Trung-Hoa, kỹ-nghệ luyện-kim lại phát-triển mạnh ở Trùng-Khánh, Côn-Minh. Tại Mãn-Châu, người Nhật đã gắng công kỹ-nghệ-hóa từ 1932 — 1945 : khai-thác than, sắt, dầu hỏa và xây-dựng những trung-tâm luyện-kim quan-trọng tại Thâm-dương và An-đông.

2. THƯƠNG-MẠI TRUNG-HOA

a) Nội-thương.

Người dân Trung-Hoa buôn bán với nhau về lúa gạo, sợi và bạc. Thường thường họ họp nhau thành những hội buôn để giao-thương trong và ngoài nước.

b) Ngoại-thương và hải-cảng.

Nền ngoại-thương còn kém cỏi. Trung-Hoa (kể cả Đài-Loan) buôn bán với : Nhật, Hoa-Kỳ, Indonesia, Thái-Lan, Anh, Đức, Pháp, Việt-Nam... Ngoại-thương Trung-Hoa hoạt-động mạnh ở các hải-cảng : Thượng-hải, Đại-liên, Thiên-tân, Thanh-đảo. Ngày nay, Trung-Cộng lấy Hương-cảng làm địa-điểm ngoại-thương trung-gian với các nước Dân-chủ.

1. *Xuất-cảng* : Vải, lụa, đồ sứ, trà.
2. *Nhập-cảng* : Máy móc, dầu hỏa của các nước Cộng-Sản.

3. GIAO-THÔNG TRUNG-HOA

a) Đường bộ.

Đường nhựa ở Trung-Hoa còn quá ít ỏi. Thường thường chỉ có đường đất do nhân-công địa-phương làm. Ở Trung-Hoa có 21 đường lớn. Tất cả có 400.000 cs đường bộ và 250.000 xe hơi.

b) Đường sông.

Chỉ có 4.000 cs có thể lưu-thông tốt. Con kênh quan-trọng nhất dài 4.000 cs, từ Hàng-châu đến Thiên-tân. Thường thường ở Hoa-nam dùng đường thủy nhiều.

c) Đường sắt.

36.000 cs (23.000 cs ở Mãn-Châu). Kể từ năm 1900, bắt đầu khuếch-trương về đường sắt. Từ năm 1952-1960 tăng 10.000 cs.

V. ĐẢO ĐÀI-LOAN

1. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

a) Địa-diện Đài-Loan.

Đảo Đài-Loan rộng 36.000 csv, ở trong biển Trung-Hoa, cách tỉnh Phúc-Kiến 150 cs. Đài-Loan là đảo có nhiều núi cao (30 ngọn cao trên 3.000 thước). Đài-Loan có 13 đảo ở sát bên, ngoài ra còn có quần-đảo Bành-hồ (64 đảo).

b) Khí-hậu, thảo-mộc.

Khí-hậu nóng, ẩm-thấp, nắng có mưa lớn. Ở đây cũng hay xảy ra nạn động đất nhẹ. Về thảo-mộc : tre, cây chương-não, cây trúc-bá.

2. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

a) Lịch-sử Đài-Loan.

Cuối thế-kỷ thứ XVII, nhà Mãn-Thanh chiếm Đài-Loan, sát nhập vào Trung-Hoa. Năm 1895, Đài-Loan bị nhượng cho Nhật ; đến khi Nhật thất-bại (1945) lại trả về Trung-Hoa. Từ cuối năm 1949, ông Tưởng-giới-Thạch đem quân ra trú đóng ở đây.

b) Dân-cư.

Năm 1946, dân số chừng 6 triệu ; đến nay, những người ở lục-địa t ốn ra thêm 6 triệu. Tổng-cộng trên 12 triệu, mật-dộ 330. Đài-Bắc là thủ-dô, có trên 1 triệu dân-cư. Thổ-dân ở đây chừng 180 ngàn ; ngoài ra hầu hết là người ở tỉnh Phúc-Kiến đã tới đây từ ba thế-kỷ. Ngày nay 95% trẻ em được đi học. Trên mười chín phần trăm gia-đình nông-thôn có điện dùng. Nhiều nhà có quạt điện, máy hát, máy phát-thanh và các máy dùng vào việc nội-trợ.

3. QUẶNG-MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC, GIAO-THÔNG

a) Quặng mỏ, nguồn năng-lực.

Quặng mỏ không đủ dùng, vì vàng, đồng, sắt đều ít. Điện-lực : năm 1960, điện-xuất là 950.000 Kw. Giá điện rẻ hơn ở Việt-Nam 10 lần.

b) Giao-thông.

Đường sắt : 2.000 cs. Hải-cảng : cửa biển của Đài-Bắc là Kilung và phía Nam có cửa bờ Cao-hùng.

4. TÌNH-HÌNH KINH-TẾ ĐÀI-LOAN HIỆN NAY

a) Tình-hình nông-nghiệp.

Đến nay, mặc dầu nền nông-nghiệp đã đạt được những thắng-lợi to lớn, nông-nghiệp vẫn chiếm địa-vị chính-yếu trong nền kinh-tế Đài-Loan. Trong tổng-số gần 4.000.000 người thuộc dân-số hoạt-động về năm 1964, nông-nghiệp thu-hút 50% và công-nghiệp chỉ chiếm gần 14% mà thôi. Về nguồn-lợi xuất-cảng, sản-phẩm nông-nghiệp gồm có : Đường, trà, gạo, chuối và dứa (thơm) đóng hộp, chiếm đến 81% tổng giá-trị hàng xuất-cảng (năm 1958) ; chỉ riêng đường và gạo chiếm đến 69%.

Năm 1949, chánh-phủ Trung-Hoa Quốc-Gia đã thi-hành chương-trình cải-cách điền-địa một cách ôn-hòa. Chánh-phủ đã ép những chủ điền không tự khai-thác lấy ruộng của mình phải bán ruộng đất cho 1.211.000 tá-điền rồi dần dần 468.700 gia-đình trở thành chủ ruộng nhờ có việc bán đất công. Tám mươi sáu phần trăm đất ruộng ở Đài-Loan nay thuộc hẳn về những nhà nông tự cây-cấy lấy đất đó.

1. *Lúa gạo* : Nguồn sản-xuất chánh chẳng những đủ nuôi dân-số trong xứ, lại còn có dư để xuất-cảng (từ tháng 1-1956 đến tháng 6 năm 1957 nghĩa là một năm rưỡi, Đài-Loan xuất-cảng được trên 111.000 tấn gạo). Diện-tích trồng lúa năm 1961 : 892.000 mẫu, năng-xuất mỗi mẫu được 25 tạ lúa.

2. *Mía đường* : Sản-xuất quan-trọng bậc nhì nhưng lại là nguồn-lợi lớn nhất về mặt cung cấp ngoại-tệ cho Đài-Loan, là xứ sản-xuất nhiều đường thứ nhì trên thế-giới. Về phương-diện trồng mía, Đài-Loan đã thu được những thắng-lợi về-vàng. Con số 630.000 tấn thâu-hoạch được trong năm 1949 đã vọt lên 890.000 tấn trong năm 1958.

Ngoài ra, nền công-nghiệp Đài-Loan còn cung-cấp những sản-phẩm khác cho nhu-cầu trong xứ như : Khoai, đậu phụng, đậu nành, rau cải, thuốc hút v.v... và cho việc xuất-cảng hoặc kỹ-nghệ như : trà, thơm, chuối, cây bô v.v...

b) Kỹ-nghệ cơ-khí và biển-chê.

Đài-Loan có những kỹ-nghệ nặng sau đây :

1. *Kỹ-nghệ khai-thác* : Về hầm mỏ (than, vàng, bạc, đồng, sắt v.v...) than chiếm 80% sản-lượng các khoáng-sản (3.800.000 tấn than).

2. *Kỹ-nghệ làm máy móc dụng-cụ* : Hãng « The Taiwan Machinery Manufacturing Corporation » thuộc Chánh-phủ, sản-xuất sắt, thép (dài, tròn) nhiều loại máy móc (những máy Diésel, xe đạp, máy may). Năm 1959 sản-xuất 70.000 xe đạp, 70.000 máy may và 170.000 quạt điện.

3. *Kỹ-nghệ đóng tàu* : Với những máy móc thiết-bị tự chế-tạo, có thể đóng từ những tàu đánh cá bằng cây dưới 100 tấn đến những tàu bằng thép từ 300 tấn tới 36.000 tấn.

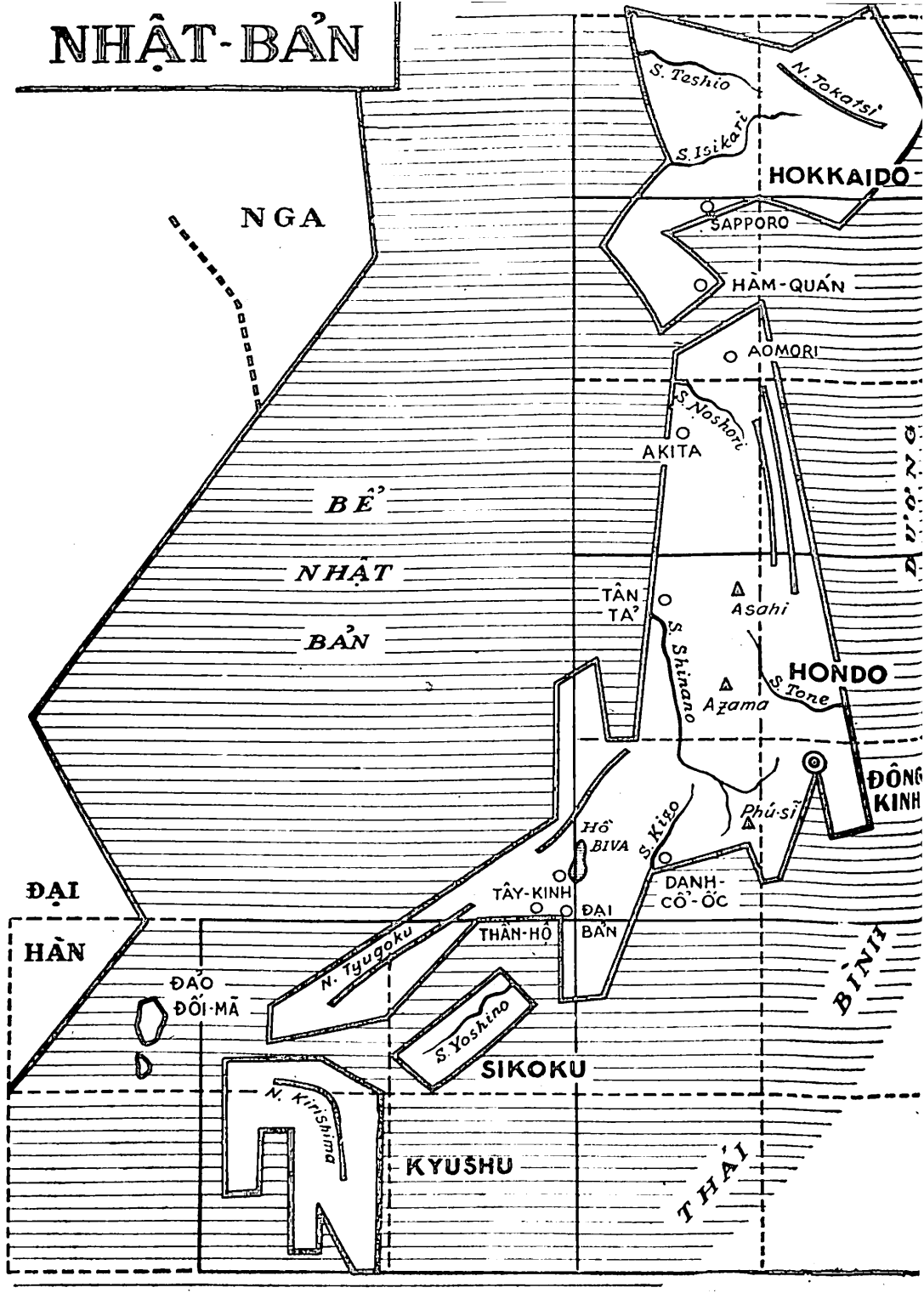
4. *Kỹ-nghệ xe hơi* : Tự chế-tạo các máy móc và từng bộ-phận máy móc, ráp lại thành những xe dùng để vận-tải hoặc chở hành khách. Kỹ-nghệ này thuộc một công-ty tư-nhân « The Yu Loong Engineering Co LTD » dùng toàn kỹ-thuật-gia và chuyên-viên Trung-Hoa.

5. *Kỹ-nghệ nhôm* : « The Taiwan Aluminium Corporation » chẳng những sản-xuất nhôm khối, nhôm lá cung-cấp cho nhu-cầu trong xứ, còn dư xuất-cảng ra ngoại-quốc. Năm 1956, Đài-Loan xuất-cảng đến gần 3.500 tấn nhôm khối và 32 tấn nhôm lá trị giá chung 2 triệu Mỹ-kim sang các nước Đông-Nam-Á, Âu-Châu và Bắc Mỹ-châu.









6. *Kỹ-nghệ xi-măng* : Thuộc công-ty « The Taiwan Cement Corporation », hiện nay có thể sản-xuất đến trên một triệu tấn xi-măng một năm, chẳng những đủ cung-cấp nhu-cầu trong xứ, mà kể từ 1958 đã xuất-cảng nhiều.

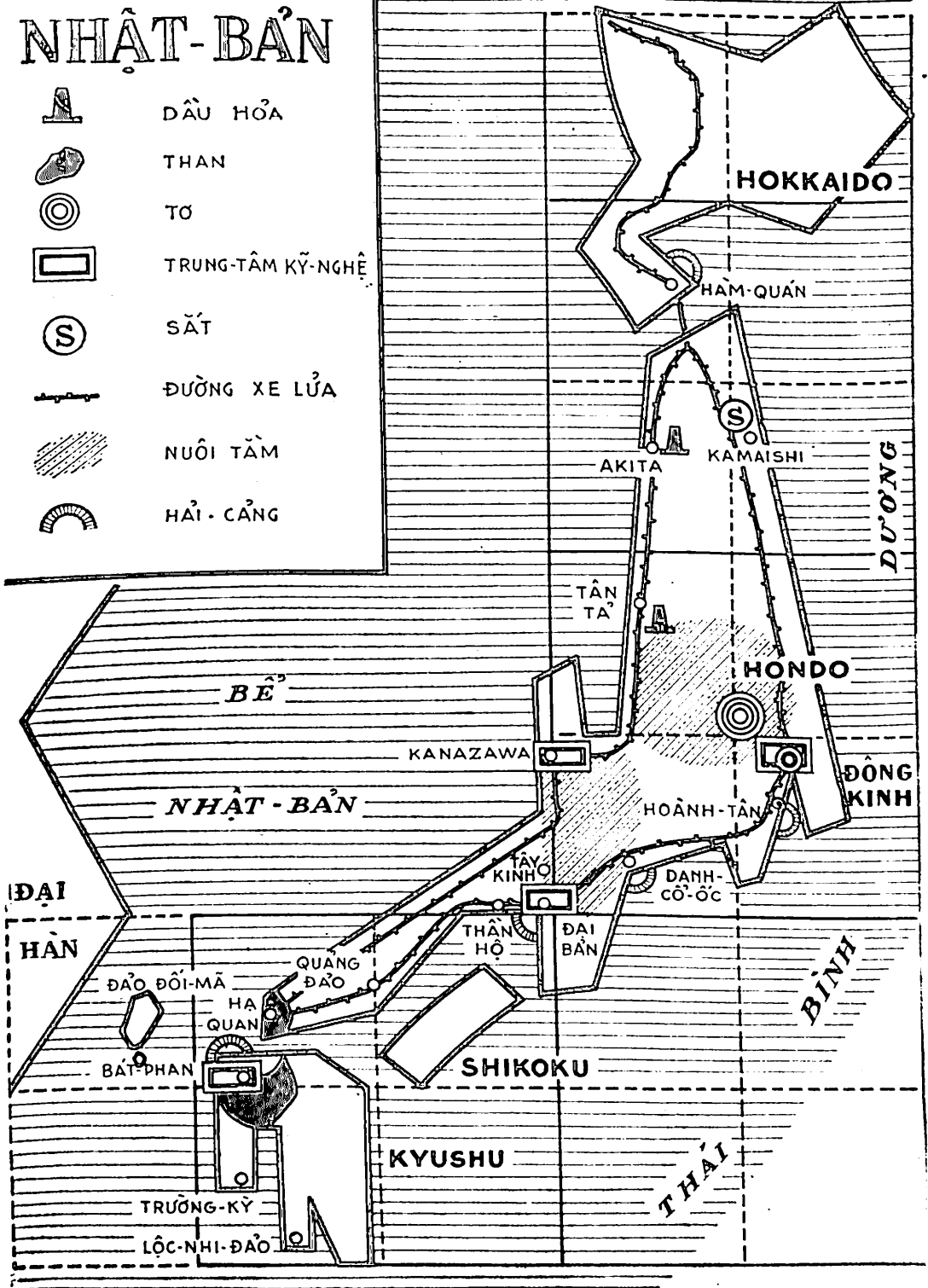
7. *Kỹ-nghệ tơ sợi và dệt* : Kỹ-nghệ phát-triển mạnh hơn hết. Đến cuối năm 1956, có tất cả 1.542 xưởng thuộc ngành tơ sợi, trong đó, ngoại trừ 3 nhà máy kéo sợi bông và một nhà máy kéo sợi len thuộc Chánh-phủ, số còn lại của tư-nhân. Hiện nay, ngành tơ sợi Đài-Loan đã có nhà máy sản-xuất tơ nhân-tạo và tơ hợp-chất. Trong giá-trị tổng-sản-lượng kỹ-nghệ Đài-Loan nói chung, ngành tơ sợi chiếm đến 21,5% (năm 1956).

NHẬT-BẢN



NHẬT-BẢN

-  DẦU HỎA
-  THAN
-  TỖ
-  TRUNG-TÂM KỸ-NGHỆ
-  SẮT
-  ĐƯỜNG XE LỬA
-  NUÔI TĂM
-  HẢI-CẢNG



CHƯƠNG II

NƯỚC NHẬT-BẢN

Sau thế-chiến II, nước Nhật chỉ còn được giữ bốn đảo chính : Bán-đảo (Hondo), Bắc-hải-đảo (Hokkaido), Tứ-quốc (Shikoku) và Cửu-châu (Kyshu).
Diện-tích : 369.000 csv.

Nhật-Bản là một nước tương-đối có nhiều núi nhất ở Cực-Đông. Dân-số Nhật lại đông, nhưng không muốn di-cư ra nước ngoài.

Nguyên-liệu thiên-nhiên của Nhật ít ỏi. Dầu vậy, kể từ đầu thế-kỷ XX, Nhật vẫn tiến mạnh về kỹ-nghệ và hàng-hải. Nhờ đó, Nhật giữ được địa-vị quan-trọng trên thế-giới.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, Chăn-nuôi, Ngư-nghiệp.
- IV. Quặng mỏ, nguồn năng-lực.
- V. Kỹ-nghệ Nhật-Bản.
- VI. Thương-mại, giao-thông.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

1. ĐỊA-ĐIỆN NHẬT-BẢN

Nhật-Bản là xứ lắm núi, hơn nữa lại có nhiều núi phun lửa. Người ta tính Nhật có hàng trăm núi phun lửa, nhưng ngày nay chỉ còn chừng 30 ngọn hiện đương hoạt-động ; nguy-hiểm nhất là ngọn Azama-yama (2.500 thước) ở phía Tây-Bắc Đông-Kinh. Ngọn núi phun lửa mới ngừng hoạt-động là ngọn *Phú-Si* (Fouji-Yama) cách Hoành-Tân 50 cs về phía Tây, cao 3 800 thước. Đây là ngọn núi cao nhất của Nhật-Bản, là núi "thánh", nơi mà du-khách thường tới viếng thăm. Ngọn núi này đặc-biệt ở chỗ giống như hình nón, trên ngọn lại có nhiều tuyết.

2. KHÍ-HẬU, THẢO-MỘC

a) Khí-hậu.

Vì Nhật-Bản là một mảnh đất hình cung bị cắt ra nhiều phần ở các bờ biển, nên ảnh-hưởng của biển rất quan-trọng đối với khí-hậu Nhật ; khí-hậu Nhật thường ẩm-thấp. Nhiệt-độ phía Nam dễ chịu hơn phía Bắc :

1. Tháng lạnh ở Đông-Kinh : + 3°

2. Tháng lạnh ở Hokkaido : - 5°

b) Thảo-mộc.

Nhật có nhiều loại cây hơn các nước láng-giềng. Ở miền Bắc có nhiều cây sồi, cây tùng-bách vừa to vừa cao. Ở miền Nam có nhiều lan, cây leo.

3. SÔNG, HỒ NHẬT-BẢN

Nhật-Bản không có sông nào dài. Con sông Shinano-gawa dài nhất được 400 cs. Tuy nhiên, Nhật có nhiều sông ngắn, sâu, chen vào giữa các dãy núi và một lưu-lượng khá mạnh. Ở Bản-đảo có hồ *Biwa* gần Thần-Hộ (Kobé), rộng gần bằng hồ Léman (840 csv).

4. BỜ BIỂN NHẬT-BẢN

Bờ biển Nhật bị cắt ở nhiều chỗ và có nhiều cá. Có hai dòng nước :

a) Dòng nước nóng Kuro-Shiwo.

Gây ảnh-hưởng cho Nhật giống như dòng nước Gulf-Stream ở Tây-Âu. Dòng nước Kuro-Shiwo chảy từ phía Đông Phi-Luật-Tân lên Đài-Loan quanh ra phía Đông nước Nhật.

b) Dòng nước lạnh Oya-Shiwo.

Đi từ Thiên-đảo Liệt-đảo (Iles Kouriles), chảy ra dòng Kuro-Shiwo và Bắc-hải-đảo (Hokkaido).

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CU NHẬT-BẢN

Năm 1965 dân-số Nhật trên 98 triệu. Về phương-diện dân-số, Nhật đứng vào bậc năm trên thế-giới, còn mật-độ thực-sự thì chiếm giải năm thế-giới (mật-độ 260), vì sau Hòa-Lan, Đài-Loan, Bỉ, Đại-Hàn.

Ở Nhật hay có nạn động đất, nhưng chỉ gây thiệt mạng số ít. Tuy nhiên năm 1923, nạn động đất lớn nhất ở Đông-Kinh đã làm chết 100.000 người và bị thương 42.000 người. Trung-bình thì cứ 6 năm có một lần động đất gây nhiều thiệt hại. Dân Nhật sinh nhiều, chết ít. Từ mấy chục năm nay, trung-bình mỗi năm tăng 800.000 người. Chúng ta có thể ghi ra đây dân-số Nhật qua các năm :

Năm 1846 : 27 triệu	Năm 1940 : 73 triệu
Năm 1920 : 56 triệu	Năm 1964 : 97 triệu

2. CHUNG-TỘC NHẬT-BẢN

Dân Nhật do nhiều chủng-tộc hợp lại. Tuy nhiên, người ta đều cho rằng, Nhật do ba thứ người chính :

a) Giống Ainous.

Dòng giống này hiện còn tới 1 triệu, sống ở Bắc-hải-đảo.

b) Giống Mông-Cô.

Đám người này từ lục-địa tràn ra và lập cư ở phía Tây Nam Bản-đảo (Hondo).

c) Giống Mã-Lai. Đến ở đảo Cửu-châu (Kysyu).

3. THÀNH-PHỐ NHẬT-BẢN

a) Thành-phố lớn.

Ở Nhật có bốn thành-phố từ 1 triệu dân trở lên, đó là : Tây-Kinh (Kyoto), Danh Cờ-Ốc (Nagoya), Đại-Bản (Osaka) và Thần-Hộ (Kobé). Tới 70% dân-số sống ở thôn-quê, săn-sóc ruộng vườn. Khi kỹ-nghệ Nhật tăng-cường, đòi hỏi nhiều nhân-công, đã thu hút một số dân quê về sống ở thành thị. Họ đến làm trong các xưởng kỹ-nghệ với số tiền lương thấp hơn ở Hoa-Kỳ 15 lần. Trong số các nhân-công, quá một nửa là đàn bà. Do đấy, ta thấy sản-phẩm của Nhật rẻ và có thể cạnh-tranh với các nước khác.

b) Thủ-dô Đông-Kinh.

Riêng thành-phố Đông-Kinh đông dân hơn hết các thành-phố trên thế-giới. Nếu kể cả vùng Hoàng-Tân (Yokohama) hợp với Đông-Kinh thì dân-số lên tới 20 triệu và rộng 2.031 csv. Người ta cho hay, hoạt-động kỹ-nghệ ở Đông-Kinh quan-trọng hơn Nữu-Ước 4 lần và hơn Ba-Lê 10 lần. Riêng thành-phố Đông-Kinh có 900.000 xe hơi.

Ở Đông-Kinh có 350.000 sinh-viên ; mỗi ngày có 120 người chết, 6 người tự tử. Dân-số Đông-Kinh tăng rất nhanh :

Năm 1930 : 1.600.000 người.

Năm 1964 : 10.640.100 người.

III. CANH-NÔNG — CHĂN-NUÔI — NGƯ-NGHIỆP

1. CANH-NÔNG NHẬT-BẢN

a) Đặc-điểm canh-nông Nhật.

Mặc dầu Nhật đã có một nền kỹ-nghệ vững chắc và khuếch-trương rộng lớn, nhưng canh-nông vẫn là *căn-bản cho nền kinh-tế* Nhật. Hiện nay 40% dân Nhật sống trực-tiếp bằng nghề nông. Đất Nhật ngày xưa phần nhiều là núi lửa, nên diện-tích trồng-trọt *chỉ được 15%* (54.700 csv). Vì vậy, người ta phải *lựa chọn hạt giống*, dùng nhiều phân bón để tăng năng-xuất và tận-dụng cả đến *đồi núi* vào việc trồng-trọt. Nếu so-sánh với số đất trồng trọt của một nông-dân Nhật và một nông-dân Đức, Hoa-Kỳ, thì nông-dân Nhật được bằng 1/6 Đức và 1/90 Hoa-Kỳ. Đàng khác, vì đất đai bị phân chia thành nhiều mảnh, nên Nhật chưa tận-dụng máy-móc vào việc canh-tác, trừ ở Bắc-hải-đảo (Hokkaido). Tuy nhiên, trong 7 năm gần đây, việc cơ-giới hóa cũng tăng gấp 8 lần.

b) Loại sản-phẩm.

Thực-phẩm căn-bản của dân Nhật vẫn là thóc gạo, nên người Nhật dùng 1/2 diện-tích trồng-trọt để cấy lúa. Năng-xuất ở Nhật cao nhất Á-châu (1 ha = 40 tạ). Một mẫu lúa Nhật sản-xuất ba, thì Trung-Hoa, Việt-Nam được hai, còn các xứ khác ở Á-Châu được một. Trước năm 1940, sức sản-xuất lúa gạo Nhật căn-cứ vào *sức mạnh nông-dân*, nhưng ngày nay căn-cứ vào *tình mẫu ruộng*, vì hiện-thời, ruộng lúa Nhật dùng nhiều phân bón hóa-học và được cơ-khí-hóa dần dần. Dầu vậy, Nhật chỉ sản-xuất được 80% nhu-cầu thực-phẩm.

Kể từ năm 1954 trở đi, nước Nhật mới sản-xuất bằng con số trước thế-chiến II và đến năm 1957, đã tăng được 20%. Sau đây các loại sản-phẩm của nông-nghiệp Nhật :

1. *Lúa gạo* : 13.000.000 tấn. Thứ ba thế-giới.
2. *Trà* : 26.000 tấn. Không đủ dùng.
3. *Mía* : Ở phía Nam.
4. *Đậu* : Thứ nhì thế-giới.
5. *Đâu* : Trồng nhiều ở giữa Bản-đảo.
6. *Cam* : 500.000 tấn trái cam.

2. CHĂN-NUÔI NHẬT-BẢN

Nghề chăn-nuôi ở Nhật không đáng coi là quan-trọng, vì đồng cỏ rất hiếm hoi. Theo sổ thống-kê năm 1958 :

1. Bò : 3.126.000 con	3. Gà : 50.000.000 con
2. Lợn : 1.649.000 con	4. Ngựa : 761.000 con

3. NGƯ-NGHIỆP NHẬT-BẢN

Các biển chung-quanh Nhật có nhiều cá. Đó là một yếu-tố quan-trọng giúp cho ngư-nghiệp Nhật-Bản trở thành kỹ-nghệ phồn-thịnh. Sánh với các nước khác, Nhật đứng thứ NHẤT. Hiện nay số ngư-phủ là 2 triệu và mục sản-xuất năm 1964 trên 6 triệu tấn cá. Hai loại đánh cá :

a) Đánh cá gần bờ biển.

Sánh với nghề đánh cá ở đại-dương, đây chỉ là tiểu công-nghệ. Có các loại : cá trích, cá mòi.

b) Đánh cá ở đại-dương.

Thực là đại kỹ-nghệ ngư-nghiệp. Họ thường bắt được mấy loại cá : Cá kinh, cá hồi, cá thu, cua lớn. Trước thế chiến 1939-1945 tàu đánh cá Nhật hoạt-động từ bờ Okhotsk đến Nam Thái-Bình-Dương, ngày nay bị hạn-chế. Sau thế-chiến II, Nhật còn bán tàu và gửi các chuyên-viên giúp các nước. Riêng năm 1957, Nhật đã ký 28 thỏa-ước với các quốc-gia về vấn-đề này (17 ở Đông-Nam-Á, 5 ở Nam-Mỹ và 6 ở Trung-Đông).

IV. QUẶNG-MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. QUẶNG-MỎ NHẬT-BẢN

a) Tình-trạng chung.

Mặc dầu Nhật có nhiều loại khoáng-sản, nhưng về lượng và phẩm của mỗi thứ đều ít quan-trọng ; vì thế kỹ-nghệ Nhật-Bản phải nhập-cảng nhiều nguyên-liệu ngoại-quốc. Quặng-mỏ Nhật-Bản chỉ có thể cung-cấp cho kỹ-nghệ trong nước được 45% thứ cần-thiết. Riêng về THAN rất quan-trọng cho kỹ-nghệ Nhật, mà Nhật có ít, nên phải nhập-cảng nhiều.

b) Sức sản-xuất.

Năm 1946, Nhật chỉ sản-xuất 51% đối với năm 1936, nhưng năm 1958 tăng lên 142% đối với năm 1936. Dưới đây là con số do quặng mỏ Nhật sản-xuất năm 1958 :

1. Vàng : 8 tấn ở Taio và Saganoseki
2. Bạc : 206 tấn ở Omodari
3. Chì : 36.700 tấn
4. Đồng : 81.000 tấn
5. Kẽm : 142.000 tấn
6. Sắt : 1.176.000 tấn, phải nhập-cảng nhiều.

Nhật không tự cung-cấp cho mình số nguyên-liệu cần-thiết, nên phải nhập-cảng :

1. Dầu hỏa từ Trung-Đông.
2. Bông sống từ Hoa-Kỳ, Mỹ-Tây-Cơ.
3. Sắt từ Ấn-Độ, Mã-Lai.
4. Lúa mì từ Gia-Nã-Đại.
5. Gạo từ Thái-Lan, Miến-Điện, Việt-Nam.
6. Đường từ Cu-Ba, Trung-Hoa.

2. NGUỒN NĂNG-LỰC Ở NHẬT

a) Than và dầu hỏa.

Năm 1962, Nhật sản-xuất 54 triệu tấn than, mà 1/3 là lấy ở Hạ-Quan (Shimonoseki). Than Nhật không tốt lắm, nên Nhật cũng phải nhập-cảng nhiều. Về dầu hỏa, Nhật mới sản-xuất 5% số cần dùng trong nước ; 4 triệu hl tại Tân-Tả (Nigata) và Akita.

b) Điện-lực.

Tại Nhật, chỉ có 2% dân chúng không dùng điện. Nước Nhật có nhiều núi, hay mưa, nên có thể lợi-dụng để tổ-chức các hệ-thống thủy-điện (70%). Các nhà máy điện một phần của nhà nước, một phần của các công-ty tư nhân. Tính đến đầu năm 1964, Nhật-Bản có trên 2.000 trung-tâm điện. Điện-lực tiêu-thụ vào năm 1963 là 100 tỷ Kwh. (60 tỷ kwh do thủy-điện). Từ năm 1957, chính-phủ đặt kế-hoạch tăng điện trong 6 năm.

V. KỸ-NGHỆ NHẬT-BẢN

1. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CHI-PHỐI KỸ-NGHỆ NHẬT

Nước Nhật bắt đầu đặt cơ-sở đại kỹ-nghệ từ năm 1880 ; đến nay Nhật đứng vào bậc nhất thế-giới và *nhịp tiến* của kỹ-nghệ Nhật vượt gấp đôi bất cứ đối với nước nào ở Âu-châu. Nhật có những trung-tâm kỹ-nghệ : Đông-Kinh, Đại-Bản, Bát-Phan, Thần-Hộ, Tân-Tả, Kanazawa. Kỹ-nghệ Nhật có những điều-kiện *thuận-lợi* và *bất-lợi* chi-phối :

a) Điều-kiện thuận-lợi.

Tóm-tắt mấy điều-kiện quan-trọng sau đây :

1. Nhân-công hạ, vì ít đòi hỏi và dùng nhiều nhân-công phụ-nữ.
2. Nhờ sự bảo-trợ của chính-phủ, nhất là về kỹ-nghệ quốc-phòng.
3. Tinh kiên-nhẫn, sự khéo-léo và tài bất chước của người Nhật.
4. Nhờ hàng-hóa rẻ, tiêu-thụ khá dễ-dàng.
5. Điện-lực được sử-dụng nhiều.

a) Điều-kiện bất-lợi.

1. *Thiếu tài-nguyên* : than, dầu hỏa, sắt.
2. *Thị-trường* : Bị các cường-quốc cạnh-tranh mạnh. Tuy nhiên, nhờ chiến-tranh từ năm 1937-1942, có thị-trường rộng lớn.

2. KỸ-NGHỆ DỆT NHẬT-BẢN

Xét về phương-diện sản-xuất cũng như xuất-cảng, kỹ-nghệ dệt giữ địa-vị quan-trọng của nền kinh-tế Nhật. Trước đây, Nhật nổi tiếng về kỹ-nghệ tơ, ngày nay bị các loại tơ hóa-học cạnh-tranh nhiều. Năm 1958, Nhật sản-xuất :

1. Len : 84.000 tấn
2. Sợi bông : 2.672 triệu m²
3. Dồ tơ : 141 triệu m²
4. Kỹ-nghệ tơ : Ở Đông-Kinh và Hoàn-Tân.
5. Kỹ-nghệ sợi : Ở Đại-Bản và Thần-Hộ.

3. KỸ-NGHỆ HÓA-HỌC NHẬT-BẢN

Mặc dầu thiếu các nguyên-liệu : muối, phốt-phát, dầu, mỡ, nhưng kỹ-nghệ hóa-học cũng là loại quan-trọng bậc nhất. Nhật chuyên-môn sản-xuất thuốc, phân bón, dầu mỡ và sợi hóa-học. Kỹ-nghệ này chiếm 11% tổng-số sản-xuất (2.516 triệu Mỹ-kim) đứng hạng ba sau việc sản-xuất vải và sắt thép.

Năm 1958, Nhật xuất-cảng đồ hóa-học 4,8% tổng-số đồ xuất-cảng và thu được 138 triệu Mỹ-kim ; trong số đó, phân bón đã chiếm 48%.

4. KỸ-NGHỆ LUYỆN-KIM VÀ CƠ-KHÍ

a) Luyện-kim.

Các xưởng luyện-kim của Nhật phải nhập-cảng một số lớn nguyên-liệu từ nước ngoài. Việc nhập-cảng này do lối thương-mại hay do việc hùn vốn vào các công-ty nhỏ ở Ấn-Độ, Mã-Lai, Phi-Luật-Tân. Năm 1964, Nhật sản-xuất trên 40 triệu tấn thép (đứng thứ 3, sau Hoa-Kỳ và Nga).

b) Cơ-khí.

Năm 1955, Nhật đã tăng mức sản-xuất lên 190% sánh với 10 năm trước. Năm 1958 lại tăng 50% sánh với năm 1955. Ngày nay, tại Á-Châu chỉ có Nhật-Bản xuất-cảng máy móc nhiều. Nhật sản-xuất đồ điện, vật-liệu hỏa-xa, đồng-hồ, các thứ máy phát-thanh, xe máy, đồ chơi, tàu thủy, xe hơi, máy in, máy dệt, máy may, máy ảnh.. Năm 1965, Nhật đứng nhất thế-giới về sản-xuất tàu thủy (45% thế-giới) và xuất cảng 70% số sản xuất. Tại Nhật cứ năm gia-đình thì một gia-đình có quạt máy và máy giặt. Riêng tổ-chức "Liên-hiệp Sản-xuất máy móc kỹ-nghệ Nhật" năm 1957, mỗi tháng xuất-cảng máy móc, thu được 73 triệu Mỹ-kim. Đây là mấy con số sản-xuất :

1. Xe hơi : 481.000 chiếc (năm 1960).
2. Máy ảnh : 1.385.000 chiếc (năm 1958).
3. Xe máy : 2.521.000 chiếc. Nhất thế-giới.
4. Máy may : 2.285.000 chiếc (năm 1958).
5. Tàu thủy : 7.800.000 tấn. Sản-xuất 45% thế-giới (1965)
6. Máy ghi âm : 1.700.000 chiếc (năm 1963).
7. Máy thu-thanh Transistor : 12.000.000 chiếc (năm 1964).
8. Vô-tuyến truyền-hình : 3.500 000 chiếc (năm 1964).

VI. THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

I. THƯƠNG-MẠI NHẬT-BẢN

Nhật có hai công-ty thương-mại, kỹ-nghệ lớn hơn cả là Tam-tinh (Mitsui) và Tam-lăng (Mitsubishi). Năm 1934, công-ty Tam-tinh nắm 1 phần 200 tài-sản quốc-gia và kiểm-soát tới 1 phần 40 tài-sản quốc-gia. Hội Đại-tướng Mac Arthur cai-trị ở Nhật (1945 — 1951), định giải-tán hai công-ty trên, nhưng không thành-công.

a) Về nội-thương.

Người dân Nhật cũng mua nhiều đồ dùng, làm cho kỹ-nghệ trong xứ phát-triển. Sở dĩ hàng-hóa tiêu-thụ trong nước cũng mạnh là nhờ :

1. Các nhà chế-tạo nghiên-cứu nhiều về sở-thích giới tiêu-thụ.
2. Kỹ-nghệ được quảng-cáo nhiều.
3. Cho mua trả góp.

b) Về ngoại-thương.

Thực ra, nền thương-mại Nhật khuếch-trương mạnh mẽ với ngoại-quốc. Đặc-diêm hàng Nhật: *nhều, rẻ, đẹp*. Năm 1930, đồng-hồ Nhật bán tại Pháp theo kg. Trước thế-chiến II, nhiều quốc-gia Á-Châu là khách hàng của Nhật. Riêng Trung-Hoa, Ấn-Độ, Indonesia nhập-cảng 40% tổng-số hàng xuất-cảng của Nhật. Sau thế-chiến II, Nhật bị mất 45% đất đai hải-ngoại, làm giảm bớt một phần khá lớn sức hoạt-động ngoại-thương. Riêng năm 1958, Nhật thu được 3.500 triệu Mỹ-Kim do công-cuộc ngoại-thương.

c) Hàng-hóa xuất nhập-cảng 1958.

1. *Nhập-cảng*: Đầu máy-móc, bông sống, len, lúa gạo, lúa mì, đường, quặng sắt (7,9 tỷ Mỹ-kim năm 1964).
2. *Xuất-cảng*: Tàu thủy, sắt, thép, bông sợi, quần áo, cá hộp, máy móc đồ điện, dụng-cụ thí-nghiệm... (6,8 tỷ Mỹ-kim năm 1964).

2. GIAO-THÔNG NHẬT-BẢN

a) Hỏa-xa.

Quan-trọng nhất là hỏa-xa. Con đường đầu tiên từ Đông-Kinh tới Hoành-tân dài 25 cs đã có từ 80 năm nay. Công-ty Hỏa-xa quốc-gia lớn nhất, vì có số vốn 5.000 triệu Mỹ-kim và lưu-thông trên quăng đường dài 35.000 cs. Ngoài ra còn 148 công-ty hỏa-xa tư-nhân xử-dụng quăng đường dài 8.000 cs. Năm 1958, riêng về đường bộ chuyên-chở 16.370 triệu hành-khách và 1.045 triệu tấn hàng-hóa. Đường hỏa-xa Tokkaïdo (dài 556 cs) từ Đông-kinh tới Đại-Bản được khánh-thành vào năm 1964, chạy với tốc-lực *manh nhất thế-giới*: 256 cs một giờ.

b) Hàng-hải.

Trước thế-chiến II, thương-thuyền Nhật đứng thứ nhì thế-giới. Hời ấy thương-thuyền Nhật có trên 6 triệu tấn; năm 1958, chỉ còn trên 5 triệu tấn. Năm 1964, Nhật đã đặt kế-hoạch tăng 7.400.000 tấn. Hiện nay, Nhật có trên 3.400 tàu buôn, trong khi đó Pháp có 790 chiếc (trọng-tải trên 100 tấn).

Những *hải-cảng* quan-trọng của Nhật là: Hoành-Tân, Đại-Bản, Bát-Phan (Yawata), Danh-Cồ-Ốc, Thần-Hộ, Sasebo.

c) Hàng-không.

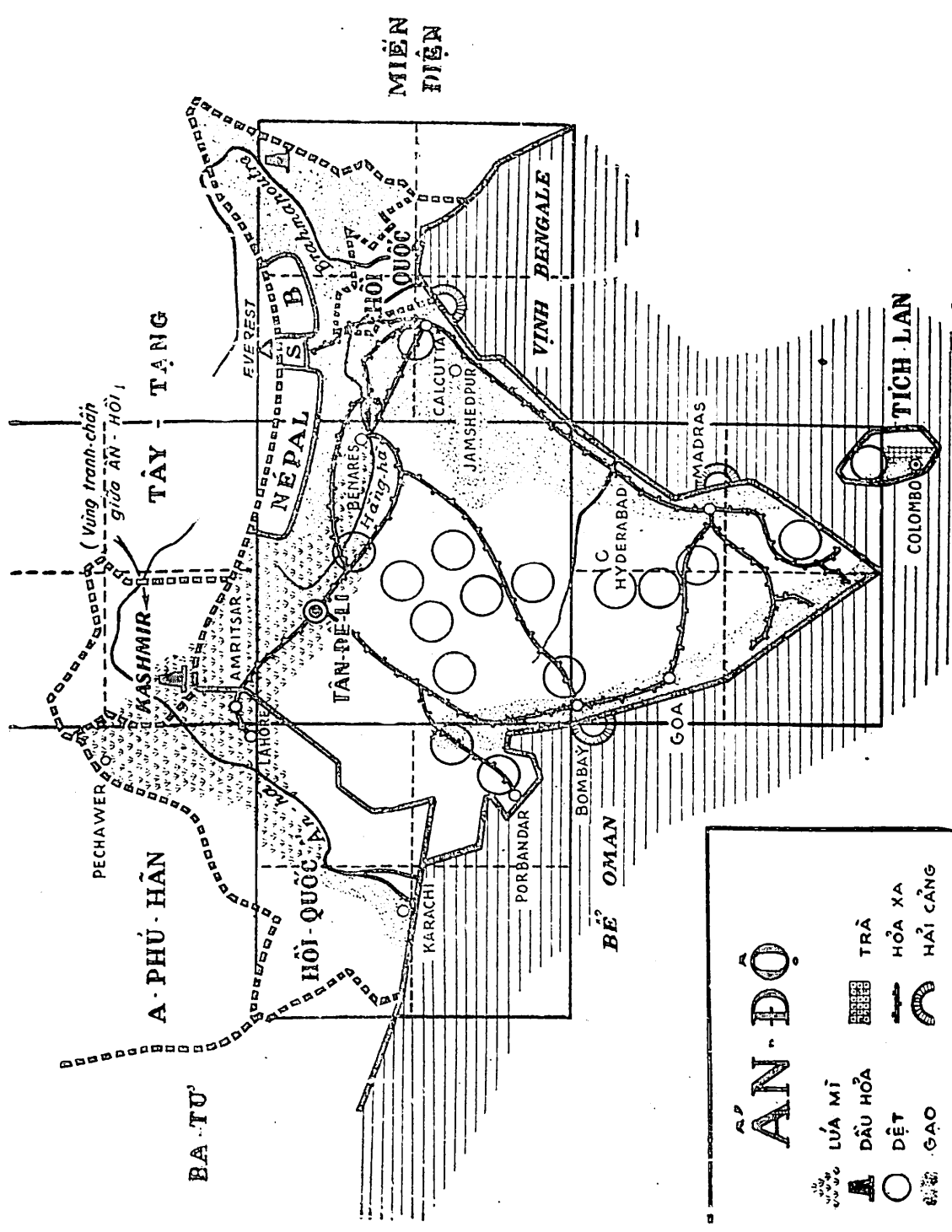
Tại phi-trường Đông-Kinh, hàng ngày có nhiều chuyến máy bay của các hãng ngoại-quốc tới. Đây là phi-trường hoạt-động nhất Á-Châu. Năm 1952, công-ty JAL (Japan Air Line) được chính-thức thành-lập. Kể từ năm 1966, công-ty JAL có ba đường bay quốc-tế như sau :

1. Từ Đông-Kinh đi *Cự-Kim-Son*, Nữ-Uớc, qua Đại-Tây-Dương sang Âu-Châu.
2. Từ Đông-Kinh theo đường *Bắc-Cực* tới Anchorage, Đan-Mạch, Luân-Đôn, Ba-Lê v.v...
3. Từ Đông-Kinh đi *Hồng-Kông*, Tân-Gia-Ba, Vọng-Các tới La-Mã, Ba-Lê, Bonn v.v...

Ngoài ra, còn có công-ty ANA và Kokouna Koku phụ-trách các đường bay khác trên đất Nhật.








d) Du-lịch.

Năm 1962, có 150.000 du khách ngoại-quốc tới Nhật, đem lại cho Nhật 115 triệu Mỹ-kim. Đứng đầu các du-khách là Hoa-Kỳ, rồi đến Anh, Trung-Hoa, Phi-Luật-Tân; Ấn-Độ, Đức, Gia-Nã-Đại.



MIỀN
ĐIỀN

AN-ĐỘ

-  LÚA MÌ
-  DẦU HỒA
-  DỆT
-  GẠO
-  TRÀ
-  HÓA XÁ
-  HẢI CẢNG

TÍCH LAN
COLOMBO

CHƯƠNG III

NƯỚC ẤN-ĐỘ

Ấn-Độ có một diện-tích rộng gấp 10 Việt-Nam, tức là 3.300.000 csv. Từ phía Đông-Ấn sang Tây-Ấn dài 2.600 cs (bằng từ Manila tới Ngưỡng-Quang) và từ Nam tới Bắc 3.000 cs (từ Djakarta tới Lạng-Son).

Ấn-Độ là trung-điểm thương-mại giữa Âu-Châu và Cực-Đông. Phía Bắc-Ấn có núi cao, ngăn cản sự giao-thông với người miền trên. Về hình-thể, Ấn-Độ có phần đơn-giản, nhưng về chủng-tộc lại phức-tạp.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, Chăn-nuôi, Quặng-mỏ.
- VI. Kỹ-nghệ Ấn-Độ.
- V. Thương-mại, Giao-thông.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

1. ĐỊA-ĐIỆN ẤN-ĐỘ

a) Cao-nguyên Dekkan.

Chiếm 3/4 số đất đai. Thời-đại đệ-nhất, cao-nguyên này nối liền với Úc, Phi-Châu ; đến thời đệ-tam, thì sụp xuống thành Ấn-Độ-Dương. Vì sự sụp đổ này mà hai bên bờ cao-nguyên nhô thành núi, gọi là núi Ghâtes. Núi Ghâtes phía Nam cao hơn phía Bắc, ngọn cao nhất trên 2.500 thước. Chung quanh cao-nguyên còn có đồng-bằng duyên-hải, chạy dưới chân núi Ghâtes.

b) Đồng-bằng Ấn-Hằng.

Trước đây là eo biển, phân cách Hy-Mã-Lạp-Sơn và Dekkan. Đồng-bằng có hình như một chữ Z nằm ngang. Dài 2.700 cs, rộng 500 cs, đồng-bằng Ấn-Hằng phì-nhiều nhờ các nước sông Ấn-Hằng và Brahmapoutre. Lưu-vực Ấn-Hằng đất xấu, chạy chệch từ Bắc xuống Nam qua Pendjab, Sind, sa-mạc Thar và một khu đồng lầy nước mặn. Lưu-vực Hằng-hà phì-nhiều hơn, chạy chệch xuống vịnh Bengale, rồi kéo sang phía Đông và nhập với vùng Assam thung-lũng sông Brahmapoutre. Phù-sa Hằng-hà và Brahmapoutre hợp lại thành đồng-bằng Bengale (80.000 csv).

Bình-nguyên Ấn-hà có các tỉnh lớn ; Pendjab, Sind, Lahore, Amristsar ; bình-nguyên Hằng-hà có các tỉnh lớn : Lucknow, Tân-Đề-Li, Bénarès.

c) Hy-Mã-Hạp-Sơn.

Dãy núi phía Bắc-Ấn, dài 3.000 cs, rộng 300 cs (ngọn Everest cao nhất thế-giới : 8.840 thước) chắn khí-hậu ở cao-nguyên Tây-Tạng (cao 4.000-5.000 th). Năm 1953, phái-đoàn thám-hiểm Anh đã lên tới đó đầu tiên.

2. KHÍ-HẬU VÀ THẢO-MỘC

a) Khí-hậu.

Nóng, thuộc khu-vực gió mùa. Về mùa hạ mưa nhiều nhất là ở Assam,

Bengale và núi Hy-Mã. Ở thung-lũng Ấn-hà hầu như không mưa, trái lại ở Bombay mưa 2 thước và sườn núi Hy-Mã mưa 12 thước. Nhiệt-độ mỗi miền khác nhau nhiều :

1. Tháng nóng ở Calcutta : + 29° ; tháng lạnh : + 18°

2. Tháng nóng ở Lahore : + 34° ; tháng lạnh : + 12°

b) Thảo-mộc.

1. *Khu-vực rừng rậm* : Mưa rất nhiều. Ở miền tây Ghâtes, Assam, sườn Hy-Mã-Lạp-Sơn có gỗ Santal, Teck. Ở sườn núi trồng trà, cao-su.

2. *Khu-vực rừng cỏ* : Chiếm phần lớn cao-nguyên Dekkan, cỏ cao từ 2 đến 4 thước, chen lẫn với tre, nứa. Khu này có voi, cạp.

3. *Khu-vực đồng cỏ* : Trong vùng bình-nguyên Ấn-Hằng. Phần lớn có bùn lầy vì gần cửa sông, nhưng dễ khai-khân.

3. SÔNG NGÒI ẤN-ĐỘ

Có nhiều sông, nhưng ba con sông quan-trọng hơn cả :

a) Ấn-hà (Indus).

Dài 3.200 cs, phát-nguyên từ Hy-Mã-Lạp-Sơn, chảy qua Pendjab rồi qua Karachi ra biển (coi trang trên : *Đồng-bằng Ấn-Hằng*).

b) Hằng-hà (Gange).

Dài 3.000 cs, có phụ-lưu là Djemna, cũng phát-nguyên từ Hy-Mã-Lạp-Sơn, chảy qua Bénarès, qua Calcutta hợp với sông Brahmapoutre rồi chảy ra biển (coi trang trên : *Đồng-bằng Ấn-Hằng*).

c) Brahmapoutre (3.000 cs).

Bắt nguồn từ ngọn núi Gartok thuộc Hy-Mã-Lạp-Sơn, chảy qua Lhassa, về Đông-Ấn rồi tới Đông-Hồi để ra biển Bengale.

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ ẤN-ĐỘ

Dân-số Ấn-Độ hiện nay là 471 triệu, sống trên miền rộng 3.300.000 csv. Mật-độ trung-bình ở Liên-hiệp Ấn-Độ là 133 (Năm 1950, dân-số Ấn-Độ là 361 triệu).

Dân Ấn sinh nhiều, mà chết cũng nhiều. Ngoài số chết khi mới sinh còn một số lớn chết vì đói, bệnh. Đầu thế-kỷ XIX, nạn đói đã giết 19 triệu trong 4 năm và bệnh dịch đã giết 6 triệu. Năm 1918, có 12 triệu người chết vì bệnh cúm. Tuy chết nhiều, nhưng mỗi năm dân Ấn tăng 8 triệu. Phần đông người Ấn là những nông-dân nghèo có mực sống rất thấp. Đền chống lại nạn đói, năm 1966, Hoa-Kỳ viện-trợ cho Ấn 6 triệu tấn lúa mì.

2. CHÙNG-TỘC Ở ẤN-ĐỘ

a) Giống Mông-Cổ.

Ở phía Đông-Bắc, trước đây từ phía Bắc tràn xuống.

b) Giống Dravidiens.

Ở phía Nam cao-nguyên Dekkan (80 triệu).

c) Giống Aryens trắng.

Ở đồng-bằng (300 triệu).

d) Giống Veddid.

Ở Cực-Nam Ấn.

3. NGÔN-NGỮ, TÔN-GIÁO, XÃ-HỘI

a) Ngôn-ngữ.

Ấn-Độ có 845 thổ-ngữ trong đó có 720 thứ tiếng mà mỗi thứ chỉ có chừng 100 ngàn người dùng. Ngôn-ngữ phổ-thông nhất là Hindoustan, nhưng cũng chỉ có 2/3 dân-số hiểu được. Chừng 324 triệu dân dùng một trong 14 Ấn-ngữ được ghi trong Hiến-pháp năm 1949. Hiện nay tại Ấn,

ngôn-ngữ chính-thức vẫn còn là tiếng Anh. Theo Hiến-pháp, từ năm 1965 sẽ không dùng tiếng Anh trong các văn-kiện chính-thức; nhưng chưa thi-hành được, vì có nhiều người biểu-tình phản-đối.

b) Tôn-giáo.

Vì vấn-đề tôn-giáo mà năm 1947, ở Ấn chia ra hai nước: Ấn-Độ và Hồi-Quốc. Hiện nay ở Ấn, có mấy thứ tôn-giáo lớn :

- | | |
|---------------------------------|--|
| 1. <i>Ấn-giáo</i> : 376.000.000 | 4. <i>Thiên-Chúa-giáo</i> : 11.000.000 |
| 2. <i>Hồi-giáo</i> : 47.000.000 | 5. <i>Sikhs</i> : 7.800.000 |
| 3. <i>Hồn-giáo</i> : 25.000.000 | 6. <i>Phật-giáo</i> : 3.200.000 |

c) Xã-hội.

Trước đây, Ấn có 2.700 giai-cấp khác nhau phù-hợp cho mọi nghề. Ai đã sinh ra từ giai-cấp nào, thì thường ăn uống, kết-hôn trong giai-cấp đó. Có bốn giai-cấp chính đáng chú-trọng :

1. *Giai-cấp Bà-la-môn* : được kính-trọng nhất (Brahmanes).
2. *Giai-cấp chiến-sĩ* (Kshatriyas).
3. *Giai-cấp công-thương* (Vaisyas).
4. *Giai-cấp dân-quê* (Soudras).

Ngoài 4 giai-cấp trên, có một thứ gọi là Tiện-dân (Parias) không thuộc giai-cấp nào cả. Thường gọi tên là Avarnas. Họ là những người ô-uế. Giai-cấp này gồm 50 triệu, bị khinh-miệt nhất. Những người thuộc giai-cấp khác đều tránh xa.

Hiến-pháp 1949 bãi bỏ mọi giai-cấp, kể cả đám Tiện-dân. Mọi người đều bình-đẳng.

4. THÀNH-PHỐ LỚN

Ở Ấn có 100 thành-phố trên 100.000 dân. Có ba thành-phố được trên 1 triệu dân : Madras, Karachi, Hyderabad. Ba thành-phố đông dân nhất:

1. *Bombay* : 4 triệu.
2. *Calcutta* : 6 triệu.
3. *Tân-Đê-Li* : 2 triệu 5.

III. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, QUẶNG MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. CANH-NÔNG TẠI ẤN-ĐỘ

a) Miền trồng cây.

Gió mùa có ảnh-hưởng nhiều đến việc trồng cây ở Ấn-Độ. Thường thường mỗi miền lớn phù-hợp cho một loại cây. Khu-vực trồng-trọt rộng 60 triệu mẫu. Tổng-số thu hoạch ngũ-cốc năm 1964 là 81 triệu tấn ; nhưng năm 1965 bị mất mùa, nên chỉ thu được 66 triệu tấn.

1. *Miền duyên-hải* : Âm-thấp và nóng, trồng lúa gạo, mía. Ở Bengale trồng đay.
2. *Miền Dekkan* : Khi-hậu khô, trồng bông, ngô.
3. *Miền Ấn-Hằng* : Trồng lúa mì.
4. *Miền trung-du* : Trồng trà, cà-phê, cao-su.

b) Loại sản-xuất.

Tại Ấn-Độ, có mấy nông-sản chính sau đây :

1. *Lúa gạo* : Thứ nhì thế-giới (43 triệu tấn).
2. *Lúa mì* : Thứ sáu thế-giới (9 triệu tấn).
3. *Bông* : Thứ tư thế-giới. Trồng ở Pendjab, Bombay, xuất-cảng nhiều.
4. *Ngô* : 2 triệu tấn, ở bình-nguyên Hằng-hà.
5. *Đay* : Thứ nhất thế-giới. Ở Bengale.
6. *Trà* : Thứ nhì thế-giới (250 ngàn tấn ; trồng ở Assam, Pendjab) trồng từ năm 1835.
7. *Vừng* : Thứ nhì thế-giới.

8. *Mía* : Thứ nhất thế-giới (1/4 thế-giới).
9. *Cà-phê* : Ở Assam.
10. *Cao-su* : Miền Tây Ghâtes.
11. *Loại cây dầu* : Thứ nhất thế-giới (50% thế-giới).

2. CHĂN NUÔI

1. *Bò* : 200 triệu con (cắm ăn thịt, ít sữa).
2. *Trâu* : 50 triệu con.
3. *Cừu chiên* : 40 triệu con.
4. *Ngựa* : 1,5 triệu con.
5. *Lạc-đà* : 500 ngàn con.

3. QUẶNG MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

a) Quặng-mỏ.

1. *Sắt* : Ở Bắc Dekkan.
2. *Mi-ca* : Tại Bombay.
3. *Manganèse* : Thứ nhì thế giới. Ở Madras.

b) Nguồn năng-lực.

1. *Than* : 56 triệu tấn. Ở Bắc Dekkan.
2. *Dầu hỏa* : 75 triệu tấn năm 1960. Tại Assam, Pechawer.
3. *Điện-lực* : 6 tỷ kwh.

IV. KỸ-NGHỆ ẤN-ĐỘ

1. KHU-VỰC KỸ-NGHỆ ẤN-ĐỘ

Tại Ấn-Độ, mỗi làng, mỗi tỉnh đều có nhiều loại tiêu công-nghệ (dệt, chạm trổ...); từ cuối thế-kỷ 19, Ấn-Độ va chạm với kỹ-nghệ nặng do người Anh đem tới. Cũng chính người Anh đã gián-tiếp tạo ra từng khu-vực kỹ-nghệ ở Ấn.

a) Khu-vực Calcutta.

Hầu như mọi loại kỹ-nghệ đều có ở Calcutta, nhưng bành-trướng nhất là kỹ-nghệ dệt, luyện-kim, hóa-học. Riêng Calcutta chứa 5 triệu dân. Tuy dân-chúng được sống bên cạnh kỹ-nghệ, song vẫn ở trạng-thái chậm-tiến.

b) Khu-vực Bombay.

Nổi tiếng về nghề dệt bông (bằng thủ-công-nghệ). Riêng tại đây, kỹ-nghệ dệt bông chiếm 50% tổng-số sức sản-xuất bông của Ấn. Tại Bombay một số gia-đình giàu-có tập-trung nhiều vốn của Ấn. Ngoài ra cũng có kỹ-nghệ luyện-kim, hóa-học, lọc dầu, thực-phẩm. Bombay là trung-tâm điện-lực quan-trọng nhất Á-Châu.

c) Khu-vực sông Damodar.

Lưu-vực này đã có diện-tích 13.600 csv, bằng 1/5 lưu-vực Tennessee, nhưng có nhiều vấn-đề đặt ra và cũng khó-khăn như trường-hợp Tennessee, vì khu này gặp phải những nạn đất đai hao mòn và nạn lụt luôn luôn đe dọa. Do đấy năm 1948, chính-phủ Ấn đã quyết-định chỉnh-trang khu-vực này. Mục-dích công việc là giải-quyết nạn lụt và khai-thác khả-năng cung-cấp thủy-diện để kỹ-nghệ-hóa khu-vực, ngoài những cơ-sở kỹ-nghệ ở Calcutta và Bombay. Đến năm 1961, Ấn-Độ đã hoàn-tất việc xây cất bốn đập nước lớn có thể sản-xuất tới 200.000 kw điện-lực. Thầm-quyền của cơ-quan quản-trị này cũng rộng-rãi tương-tự như cơ-quan quản-trị thung-lũng Tennessee.

2. LOẠI KỸ-NGHỆ ẤN-ĐỘ

a) Kỹ-nghệ dệt.

Tiêu công-nghệ ở Ấn vẫn phát-đạt, còn đại kỹ-nghệ dệt được bành-trướng từ năm 1935. Tại các làng và tỉnh nhỏ thường có tiêu công-nghệ dệt. Nhờ những sáng-kiến của người Ấn và nhà cầm-quyền Anh (trước

năm 1945), Ấn-Độ đã trở thành quốc-gia có nền kỹ-nghệ dệt quan-trọng. Hiện nay, đại kỹ-nghệ dệt Ấn-Độ có trên 3.000 nhà máy và 1 triệu nhân-công chuyên-môn. Loại đại kỹ-nghệ này cũng tập-trung ở Bombay, ngoài ra tại Madras có hoạt-động khá. Riêng kỹ-nghệ day hoạt-động ở Calcutta.

b) Kỹ-nghệ luyện-kim và cơ-khí.

Nước Ấn-Độ nhờ sẵn có sắt ở Bắc Dekkan, nên xưởng kỹ-nghệ luyện-kim Tata được thành-lập tại Jamshedpur với số vốn 146 triệu Mỹ-kim hoàn-toàn của người Ấn, thu dùng 500.000 nhân-công. Hiện nay sản-xuất còn kém (1.700.000 tấn), những kỹ-nghệ biến-chế cơ-khí tiến-triển khá nhanh. Ấn-Độ đã làm nhiều đường sắt, đóng tàu, quạt điện, máy khâu và mới bắt đầu đóng máy bay từ năm 1959.

3. KẾT-QUẢ DO VIỆC KỸ-NGHỆ-HÓA

a) Nhà máy.

Làm xuất-hiện các nhà máy tại miền đông dân trong vùng bắc Dekkan, vùng Nam-Ấn (Madras) và tại các hải-cảng Bombay, Calcutta.

b) Nhân-công.

Xưởng kỹ-nghệ dùng nhân-lực Ấn, làm cho nhiều người có việc làm, tăng sức sản-xuất (kỹ-nghệ dệt cung-cấp cho toàn-quốc 60% nhu-cầu).

c) Nhập-cảng.

Tuy nhiên, đề trang-bị máy móc, vật-liệu, Ấn-Độ phải nhập-cảng nhiều của ngoại-quốc, mà nhất là của Anh-quốc.

V. THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

1. THƯƠNG-MẠI ẤN-ĐỘ

b) Nội-thương Ấn-Độ.

Hoạt-động nội-thương được tăng-cường nhờ ở đường bộ, đường sắt, về sông ngòi. Hạ-lưu các sông Ấn-Hà, Hằng-Hà, Djemna, Brahmapoutre rất thuận-lợi cho nền nội-thương.

b) Ngoại-thương Ấn-Độ.

1. *Hải-cảng* : Hải-cảng quan-trọng nhất là Madras, Bombay, Calcutta. Ba nơi này buôn-bán nhiều với Anh-Quốc (50% hàng hóa). Ngoài ra cũng còn một số quốc-gia giao-thông với Ấn : các nước trong Liên-hiệp Anh, Hoa-Kỳ, Indonesia, Nhật, Việt-Nam... Riêng tại ba hải-cảng này, việc xuất-cảng và nhập-cảng đã chiếm tới 90% toàn quốc.

2. *Xuất-cảng* : Ấn-Độ xuất-cảng 3/4 những loại sau đây : vải, lụa, trà, thầu-dầu, cao-su, manganèse, lúa gạo, lúa mì, cà-phê. Năm 1962, thu-hoạch được 6,6 tỷ Mỹ-kim.

3. *Nhập-cảng* : Máy móc, dầu hỏa, đường. Năm 1962, phí tổn nhập-cảng tới 10 tỷ Mỹ-kim.

2. GIAO-THÔNG ẤN-ĐỘ

a) Đường bộ.

Con đường dài nhất (2.500 cs) từ Calcutta đến Pechawer, chạy từ Đông sang Tây qua đồng-bằng Ấn-Hằng. Hiện nay, Ấn-Độ có 270.000 xe hơi thương-mại và 600.000 điện-thoại.

b) Hỏa-xa.

Ấn-Độ có 55.000 cs đường sắt, do nhà cầm-quyền Anh đã làm trước năm 1945. Hệ-thống hỏa-xa này chỉ thua có Hoa-Kỳ, Nga và Gia-Nã-Đại, nhưng vì diện-tích rộng lớn, nên hệ-thống này chưa đủ cho nhu-cầu trong nước. Hệ-thống hỏa-xa trên có hai mục-đích chính :

1. Nối liền các khu-vực đông dân-cư với các tỉnh tôn-giáo ở khu-vực Ấn-Hằng (trung-tâm lữ-hành tôn-giáo).

2. Nối liền các trung-tâm kỹ-nghệ sản-xuất với những hải-cảng chính.

Thực ra, hệ-thống hỏa-xa Ấn giống như một chiếc giầy thăng nằm trên đồng-bằng Ấn-Hằng, kéo dài từ Calcutta tới Karachi qua Tân-Đề-Li, Lahore và tại một số địa-điểm có đường sắt của vùng Dekkan nối vào. Hệ-thống này có những đoạn chính : Tân-Đề-Li và Nagpur, về phía bờ bề nối với hải-cảng Madras, Bombay, Calcutta.

GIA - NÃ - ĐẠI

Hồ Superior

Hồ Huron

Hồ Ontario

Thác NIAGARA

Hồ Erie

Hồ Michigan

Hồ Leech

S. Ohio

S. Tennessee

S. Missouri

S. Arkansas

S. Mississippi

S. Mississippi

S. Mississippi

Rio Grande

MOUNTAINS

S. Colorado

C.N. COLORADO

WASATCH

ROCKY

Great Salt Lake

CASCADE

SEATTLE

S. Columbia

PORTLAND

S. FRANCISCO

LOS ANGELES

4,405 ft.

N. ELBERT

4,340'

N. WILSON

N. MITCHELL

2,050'

APPALACHIAN

BIRMINGHAM

PITTSBURGH

ST. PAUL

BOSTON

NEW-YORK

PHILADELPHIA

HOA-THINH-ĐỒN

DẠI

TÂY

ĐƯỜNG

NEW ORLEANS

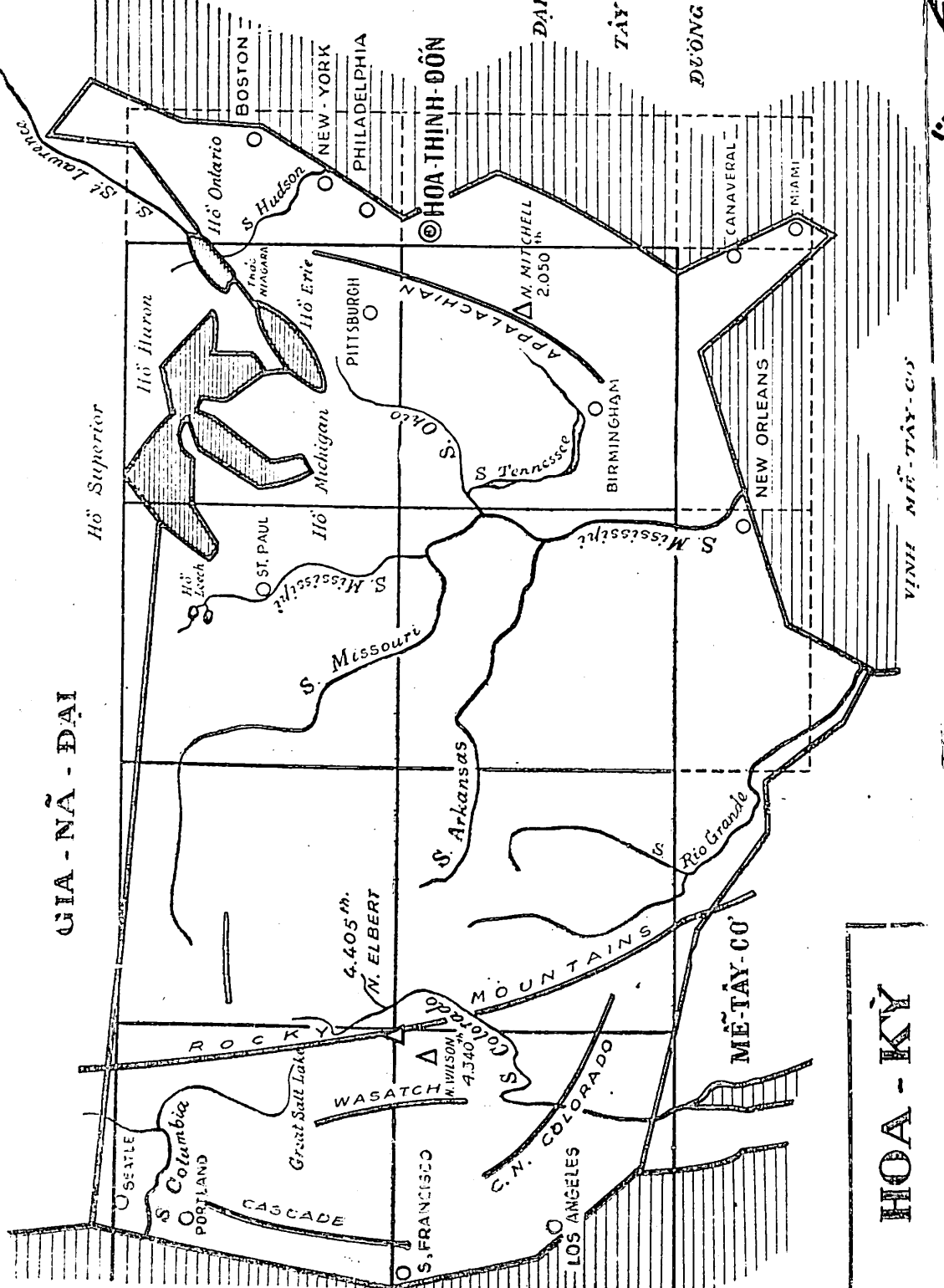
CANAVERAL

MIAMI

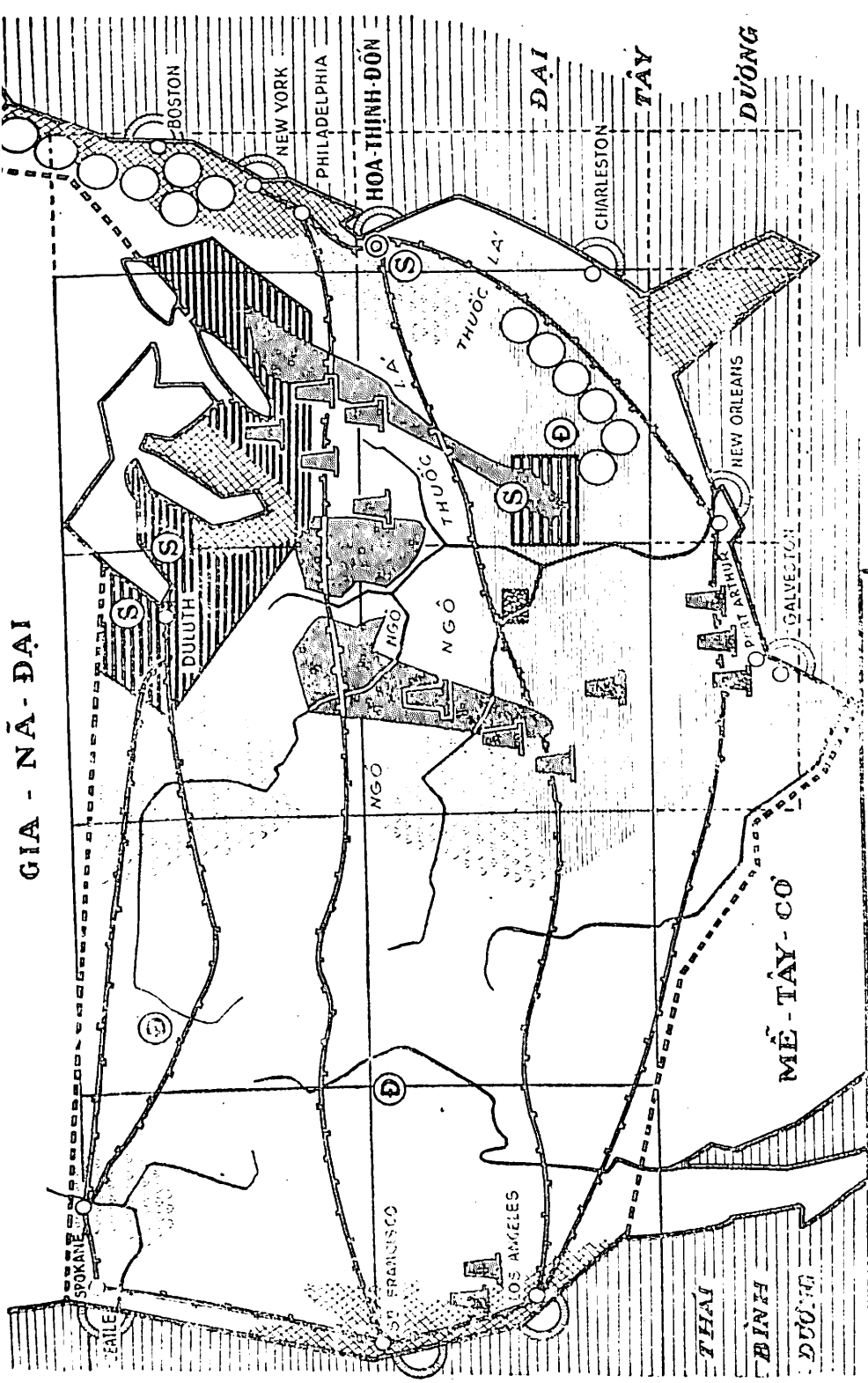
VINH

MỸ-TÂY-CO

HOA - KỲ



GIA - NÃ - ĐẠI



HOA-KỶ

- | | | | | | |
|--|---------|--|---------|--|-----------|
| | LOU MÌ | | BAUXITE | | LUYẾN KIM |
| | GỖNG | | THAN | | HẢI CẢNG |
| | RAI QUẢ | | ĐẦU HÓA | | HÒA XA |
| | | | | | |

- | | |
|--|------|
| | ĐỆT |
| | ĐỒNG |
| | SẮT |

CHƯƠNG IV

NƯỚC HOA-KỲ

Hoa-Kỳ là một nước rộng 9 triệu csv ; không kể Alaska, Hoa-Kỳ còn 7.823.000 csv. Khác với nhiều nước ở Âu và Á-Châu, đất đai Hoa-Kỳ mới được khai-phá chừng hai thế-kỷ nay. Miền Đông-Bắc và Đông-Nam Hoa-Kỳ được khai-thác sớm hơn, đông dân hơn ; trái lại miền Tây còn ít dân.

Hầu hết người dân Hoa-Kỳ hiện thời là người Âu-Châu sang lập-cư từ thế-kỷ XVI trở đi. Còn dân địa-phương bị giảm bớt dần và không có địa-vị lớn trong xã-hội.

Sau trận Nam-Bắc chiến-tranh, Hoa-Kỳ tiến mau về phương-diện kinh-tế, nhất là từ đầu thế-kỷ XX. Ngày nay, Hoa-Kỳ trở thành một nước giàu nhất thế-giới.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, Chăn-nuôi, Ngư-nghiệp.
- IV. Quặng mỏ, Nguồn năng-lực.
- V. Kỹ-nghệ Hoa-Kỳ.
- VI. Thương-mại, Giao-thông.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN.

1. ĐỊA-DIỆN HOA-KỲ

a) Miền núi phía Đông.

Dãy núi Appalachian chạy từ tiểu-bang Alabama đến Nữu-Uớc, dài 1.400 cs, rộng từ 80 đến 200 cs. Ngọn Mitchell cao 2.050 thước.

b) Miền núi phía Tây.

Dãy Rocky Mountains chạy từ Alaska xuống Mexico; ngọn Elbert cao 4.405 thước. Trong miền này, có cao-nguyên Colorado cao trung-bình 2.000 thước.

c) Miền bình-nguyên.

Ở giữa núi Appalachian và Rocky Mountains có phù-sa sông Mississippi phủ lên làm thành Đại-bình-nguyên và Bình-nguyên Trung-ương có nhiều phụ-lưu của sông này chảy qua. Tuy nhiên, ở Bình-nguyên Trung-ương về phía Tây-Nam Mississippi cũng có núi Ozark.

2. KHÍ-HẬU VÀ THẢO-MỘC

a) Khí-hậu.

Vì Hoa-Kỳ rộng, nên khí-hậu ở nhiều miền khác nhau :

1. Nữu-Uớc tháng nóng : + 24° ; tháng lạnh : - 2°
2. Tân Orléans tháng nóng : + 28° ; tháng lạnh : + 13°
3. Saint Paul tháng nóng : + 22° , tháng lạnh : - 12°

Có khi mùa lạnh ở Saint Paul xuống tới - 40°, do làn sóng lạnh đột nhiên tràn sang vài giờ. Ở ven bờ Thái-Bình-Dương khí-hậu ôn-hòa, mưa nhiều hơn.

b) Thảo-mộc.

Phía Đông Rocky Mountains có đồng cỏ tốt để nuôi loài vật. Tại miền núi California có loại cây thông cao tới 140 thước, và chu-vi 20 thước (trung-bình cao 90 thước). Loại thông này đã sống được 30 thế-kỷ.

3. SÔNG HỒ HOA-KỲ

a) Sông ngòi.

1. *Mississippi-Missouri* : Dài 6.730 cs (nhất thế-giới), phát nguồn từ trên cao-nguyên Itasca, chảy ra vịnh Mexico. Sông Mississippi rộng lớn, là một trong những đường thủy quan-trọng nhất. Sông Missouri, nhánh chính của Mississippi, cũng là sông gây nhiều tai-hại nhất tại đây: năm 1951 gây nạn lụt thiệt hại nhà cửa của 200.000 người và 41 người chết. Trái lại, phía Nam sông Mississippi rất tốt, có nhiều phụ-lưu lợi cho nền canh-nông miền Louisiana, miền Mississippi, Alabama, Texas. Khu-vực cửa sông Mississippi mưa thuận gió hòa, giúp cho đất ở đây càng tốt và có lợi cho canh-nông.

2. *Hudson* : Nối với sông St. Laurent, chảy ra Bắc Đại-Tây-Dương.

3. *Ohio* : Chảy vào sông Mississippi.

4. *Columbia* : Chảy ra phía Bắc Thái-Bình-Dương.

5. *Colorado* : Chảy ra phía Nam Thái-Bình-Dương.

6. *Rio Grande* : Chảy ra vịnh Mexico.

b) Hồ lớn.

Các hồ Ontario, Superior, Huron, Michigan, Erie (giữa biên-giới Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại). Hồ Great Salt ở phía Tây Hoa-Kỳ. Hồ Erie Ontario cách nhau bằng thác Niagara. Tổng-số diện-tích hồ là 239.000 csv. Các hồ này ảnh-hưởng tới khí-hậu địa-phương. Ở gần hồ này có các thành-phố kỹ-nghệ quan-trọng: Duluth, Chicago, Detroit, Toledo, Cleveland, Erie, Buffalo.

I. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ HOA-KỲ

Dân-cư Hoa-Kỳ năm 1965 có 193 triệu sống trên một khu đất rộng 9 triệu csv. Dân-số Hoa-Kỳ tăng rất nhanh, một phần vì sinh nhiều, một phần vì lắm người đến lập-cư; mỗi ngày sinh thêm 8.000 người. Kể từ năm 1820 — 1940, có 38 triệu người đến lập-cư ở đó. Năm 1924, Hoa-Kỳ hạn-chế số người ngoại-quốc đến lập-cư.

Dân-số Hoa-Kỳ tăng rất nhanh :

Năm 1790 :	4 triệu	Năm 1940 :	132 triệu
Năm 1880 :	50 triệu	Năm 1955 :	162 triệu
Năm 1920 :	105 triệu	Năm 1965 :	193 triệu

Dân-cư Hoa-Kỳ sống ở các thành phố đến 70%. Mật-độ trung-bình
22. Miền Đông mật-độ có nơi tới 200, miền Nam 50.

2. CHÙNG-TỘC HOA-KỲ

Có nhiều thứ chủng-tộc. Ngay tại Nữ-Uớc vào năm 1643 có 160 người nhưng nói 18 thứ tiếng. Hiện nay riêng thành phố Nữ-Uớc có tới 60 chủng-tộc. Sau đây ta kê mấy loại chính trên toàn quốc :

1. *Da trắng* : 168.000.000 từ Âu-Châu tràn sang.

2. *Da đen* : 19.000.000. Trước đây là nô-lệ ở Phi-Châu đưa tới. Vào đầu thế-kỷ 17, số người da đen từ Phi-Châu chuyển sang Hoa-Kỳ rất nhiều. Nhưng quăng đường kẻ từ Phi sang Mỹ, người da đen phải chịu cực-khổ. Người ta tính : cứ 20 triệu người khi rời Phi tới Mỹ chỉ còn sống 2 triệu.

3. *Da đỏ* : 475.000 người nguồn-gốc da đỏ.

4. *Da vàng* : 300.000 người, phần đông là người Nhật và Trung-Hoa, sống ở California.

3. THÀNH-PHỐ LỚN

a) Các thành-phố lớn.

1. *Thành-phố trên 1 triệu* : Detroit, Angelos.

2. *Thành-phố trên 4 triệu* : Chicago, Philadelphia.

Về phía Tây Hoa-Kỳ, các thành-phố hoạt-động mạnh từ đầu thế-kỷ 20. Hiện nay về phía Tây có 3 tỉnh lớn : Seattle (đóng tàu, kỹ-nghệ gỗ) ; Cựu-Kim-Sơn (có đông dân-cư) nổi tiếng vì các bãi Oakland, Berkeley ; Los Angeles, thủ-đô của kỹ-nghệ phim ảnh.

b) Thành-phố Nữu-Uớc.

Bắt đầu do người Hòa-Lan lập và đặt tên là Harlem. Sau này người Hoa-Kỳ lập thành-phố trên đảo *Manhattan*, rồi dân chúng đến ở đông dần và lan ra bên tả và hữu-ngạn sông Hudson. Mật-độ dân-cư ở Nữu-Uớc là 71.000 (Luân-Đôn 18.000, Ba-Lê 36.000). Hiện nay dân-số tới 9 triệu, nếu kể cả miền phụ-cận : 15 triệu. Nữu-Uớc có tới 40 đại-học đường, 1.000 nhà thờ, 700 rạp hát lớn, 1.300 vũ-trường, 6.000 quán rượu giải-khát và 140 thư-viện, phòng đọc sách.

Nữu-Uớc là thủ-đô tài-chính của Hoa-Kỳ, là trung-tâm thương-mại, là hải-cảng quan-trọng nhất của Hoa-Kỳ và hoạt-động mạnh nhất thế-giới (90 triệu tấn hàng). Tại đây có 42.000 công-xưởng đủ loại. Nữu-Uớc chiếm 40% xí-nghiệp thương-mại Hoa-Kỳ và 20% công-ty vận-tải. Đầu năm 1966, cuộc đình công trên 10 ngày của ngành chuyên chở công-cộng ở Nữu-Uớc, đã làm thiệt hại 1 tỷ Mỹ-kim.

III. CANH-NÔNG, CHĂN NUÔI, NGƯ-NGHIỆP

1. CANH-NÔNG HOA-KỲ

a) Đặc-điểm canh-nông.

Canh-nông Hoa-Kỳ quan-trọng và có những đặc-điểm sau đây :

1. Đất-đai mới khai-phá.
2. Đất tốt, trồng nhiều loại và loại nào cũng tốt.
3. Diện-tích trồng-trọt chiếm 1/5 diện-tích quốc-gia (1.800.000 csv).
4. Cơ-khi-hóa nông-nghiệp (có 4 triệu máy cày).
5. Dự-đề xuất-cảng : năm 1963 sản-xuất 174 triệu tấn ngũ-cốc (nhất thế-giới).

b) Miền nông-nghiệp.

Tại mỗi miền sản-xuất khác nhau.

1. *Phía Tây* : Sản-xuất trái cây, khoai, cải, bắp, thuốc.
2. *Bên vịnh Mê-Tây Cơ* : Ngô, mía (Florida).
3. *Tây-Bắc* : Nho, đào, rau, lúa mì, bông.
4. *Trung Hoa-Kỳ* : Có khí-hậu lục-địa, tiện-lợi cho việc trồng lúa mì. Các tiểu-bang Kentucky, Missouri, Kansas sản-xuất lúa mì nhiều nhất.
5. *Phía Nam* : Nhiều bông, nhất là ở Texas.

b) Những vấn-đề liên-hệ tới nông-nghiệp.

1. *Vấn-đề thương-mại* : Năm 1963, Hoa-Kỳ sản-xuất nhiều lúa mì nhất thế-giới, 85 triệu tấn ngô (nhất thế-giới : 55%) và 3 triệu rưỡi tấn bông (nhất thế-giới : 40%). Do đấy, nước Hoa-Kỳ khó lòng giữ vững được giá thị-trường cho nhà sản-xuất. Chính-phủ phải tìm cách giải-quyết sau đây :

- Lập một cơ-quan (Commodity Credit Corporation) để giải-quyết sự ứ-đọng các loại dư-thừa.
- Ấn-định giá bán trong nước và giá xuất-cảng (xuất-cảng nhiều).
- Giảm bớt việc sản-xuất lúa mì, bông khi cần.
- Ký các thương-trước với ngoại-quốc về lúa mì.

2. *Vấn-đề kỹ-thuật* : Dùng đất cho hợp các loại nông-sản. Muốn giữ đất tốt, phải tìm cách dùng phân cho hợp, cấy rừng để chống gió có thể cuốn đất màu. Hơn nữa còn phải thiết-lập các đê, đập, đê giữ nước, như việc lập Cơ-quan Quản-trị thung-lũng Tennessee năm 1933. Cơ-quan này được toàn-quyền kiểm-soát hệ-thống sông ngòi trong lưu-vực sông Tennessee và đặc-biệt chú-trọng việc lưu-thông, ngăn-ngừa nạn lụt, khai thác điện-lực, lập nhà máy làm phân bón. Ở đây có 30 đập nước nhân-tạo, giúp ích cho năm triệu dân ở vùng này (giảm bớt mỗi năm 132 triệu Mỹ-kim do nạn lụt có thể gây ra). Từ năm 1945-1961, Cơ-quan đã giúp cho việc giao-thông tăng 8 lần (từ 1933-1961 : thêm 1.003 cây số lưu-thông).

2. CHĂN NUÔI TẠI HOA-KỲ

Ngành chăn nuôi của Hoa-Kỳ quan-trọng gần bằng nông-nghiệp. Hoa-Kỳ sản-xuất sữa và thịt (năm 1963 : 16 triệu 4 tấn thịt) nhất thế-giới, về len đứng nhì thế-giới. Việc nuôi bò thịnh-hành ở các miền Trung và Đông, nơi có nhiều đồng cỏ. Hoa-Kỳ sản-xuất đủ bơ để dùng trong nước, nhưng còn thiếu về pho-mát. Tại những tỉnh sau đây có lò thịt quan-trọng : Chicago, Omaha, St. Louis, St. Joseph, St. Paul, Denver... (có nơi mỗi ngày giết 20.000 con vật). Số loài vật năm 1948 :

- | | |
|------------------------|---------------------------|
| 1. Ngựa : 10 triệu con | 4. Lợn : 80 triệu con |
| 2. Bò : 80 triệu con | 5. Lừa : 3 triệu con |
| 3. Cừu : 40 triệu con | 6. Gà vịt : 600 triệu con |

3. NGU-NGHIỆP TẠI HOA-KỲ

Hoa-Kỳ đứng NHÌ thế-giới (sau nước Nhật). Bờ biển phía Đông và phía Tây từ Nam lên Bắc đều có các thứ cá vược, cá, dơi. Về phía Đông-Bắc có nhiều cá trích và có các xưởng đóng cá hộp. Bờ biển vịnh Mễ-Tây-Cơ và vịnh Cựu-Kim-Sơn, có nghề nuôi hàu (sản-xuất 4/5 thế-giới). Dưới đây là những tỉnh có kỹ-nghệ đóng cá hộp :

- a) Phía Thái-Bình-Dương : Cựu-Kim-Sơn, Seattle, Sán Diego...
- b) Phía Đại-Tây-Dương : Gloucester, Boston, Portland...

IV. QUẶNG MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. QUẶNG MỎ TẠI HOA-KỲ

Quặng mỏ của Hoa-Kỳ thường tập-trung về phía Tây. Năm 1848 khám-phá được mỏ vàng ở California và năm 1896 ở Alaska, năm 1858 khám-phá bạc ở Nevada. Hiện nay Hoa-Kỳ đứng thứ nhì về bạc và thứ tư về vàng, nhưng tổng-số giá-trị bằng 5% các loại khác. Những quặng mỏ chính :

a) Các loại kim-thuộc :

1. Đồng : Thứ nhất thế-giới. Ở Arizona, Utah.
2. Kẽm : Thứ nhất thế-giới. Ở Colorado.
3. Chì : Thứ nhất thế-giới. Dãy núi Rocky.
4. Nhôm : Thứ nhất thế-giới.
5. Bạc : Thứ nhì thế-giới (965 tấn).
6. Vàng : Thứ tư thế-giới (59 tấn).
7. Hélium : Ở Texas.

b) Riêng về sắt.

Hoa-Kỳ có nhiều quặng sắt, nhưng lại sản-xuất khác-biệt nhau vì những điều-kiện kinh-tế. Năm 1929, một mình Hoa-Kỳ sản-xuất bằng Âu-Châu, nhưng liền đó vướng vào cuộc khủng-hoảng kinh-tế, nên từ 1929-1933, sức sản-xuất hạ từ 74 xuống 18 triệu tấn. Đến năm 1937, Hoa-Kỳ lại lấy được mực-độ cũ và tới năm 1942 sản-xuất 105 triệu tấn, ngày nay (1961) sản-xuất 100 triệu tấn. Sắt của Hoa-Kỳ nhiều nhất tại ba miền :

1. Miền *Appalachian* (Bắc: Pennsylvania; Nam: Alabama): vào thế-kỷ thứ 19 sản-xuất nhiều nhất.

2. Miền *Rocky*: Có nhiều, nhưng khai-thác ít, vì khó.

3. Hồ *Supérieur*: Khai-thác từ 1829, ngày nay sản-xuất 85% toàn-quốc.

2. NGUỒN NĂNG-LỰC HOA-KỲ

a) Than đá.

Hoa-Kỳ có nhiều mỏ than và dễ khai-thác (1/4 mỏ than lộ-thiên). Nhờ có máy-móc tối-tân và những điều-kiện thiên-nhiên thuận-lợi, nên công việc khai-thác dễ-dàng, thu được nhiều kết-quả, nhưng hơi phí-phạm (chỉ có những lớp dày được khai-thác). Năm 1929, sản-xuất 550 triệu tấn, tới năm 1944 lên 650 triệu tấn; năm 1961, còn 480 triệu tấn. Tuy nhiên, Hoa-Kỳ còn sản-xuất 1/4 thế-giới. Hầu như tại tiểu-bang nào cũng có mỏ than, nhưng nhiều nhất là ở Alabama, Pennsylvania, Kentucky, Virginia, xuất-cảng mỗi năm 40 triệu tấn.

b) Dầu hỏa.

Hoa-Kỳ giàu nhất thế-giới về dầu hỏa. Năm 1960 sản-xuất 354 triệu tấn (40% thế-giới). Năm 1939 sản-xuất 171 triệu tấn. Giếng dầu đầu tiên khai-thác vào năm 1809. Kỹ-nghệ dầu hỏa do các đại công-ty nắm quyền. Công-ty Esso (Standard Oil) do Rockefeller lập năm 1865, là công-ty lớn nhất thế-giới. Ngoài ra còn có công-ty Texaco, Gref Oil. Tuy có nhiều, nhưng mỗi năm phải nhập-cảng 80 triệu tấn từ Vénézuêla, Trung-Đông. Dưới đây là những miền dầu hỏa:

- | | |
|-------------------------------|-------|
| 1. Texas, Louisiana | : 55% |
| 2. Arkansas, Kansas, Oklahoma | : 20% |
| 3. California | : 20% |

Việc chuyên-vận dầu được thực-hiện do 270.000 cs ống dẫn dầu và 4 triệu 3 tấn trọng-tải tàu-thủy. Những miền lọc dầu là Houston Beaumont ở Louisiana nhận dầu ở các hải-cảng Galveston và Port-Arthur.

c) Điện-lực.

Nhất thế-giới: 800 tỷ Kwh. Thủy điện-lực chỉ chiếm được 2/5 tổng-số. Thủy điện-lực nhiều nhất ở sông Columbia, Colorado, vùng Tennessee.

V. KỸ-NGHỆ NƯỚC HOA-KỲ

1. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN THUẬN-LỢI CHO KỸ-NGHỆ

Kỹ-nghệ Hoa-Kỳ phát-triển mạnh nhất thế-giới nhờ những điều-kiện thuận-lợi sau đây :

a) Điều-kiện thuận-lợi.

1. *Nguyên-liệu dồi-dào* : Than, dầu hỏa, sắt.
2. *Dễ khai-thác* : Tương-dối dễ khai-thác hơn nhiều nước.
3. *Giao-thông* : Hệ-thống giao-thông lớn nhất thế-giới.
4. *Dùng nhiều điện-lực* : 800 tỷ Kwh.

b) Điều-kiện nhân-sự.

1. Nhiều chuyên-viên.
2. Tinh-thần cầu-tiến của chuyên-viên trong mọi ngành.
3. Dân-chúng tiêu-thụ nhiều, ưa đổi mới.
4. Người ngoại-quốc tiêu-thụ nhiều hàng-hóa Hoa-Kỳ.

2. KỸ-NGHỆ DỆT Ở HOA-KỲ

a) Tình-trạng chung kỹ-nghệ dệt.

Hoa-Kỳ sản-xuất mỗi năm 3 triệu 5 tấn bông, nhưng chỉ dùng một nửa, số còn lại xuất-cảng. Riêng về len tuy mỗi năm sản-xuất 110.000 tấn len sống, nhưng vẫn phải nhập-cảng thêm 180.000 tấn từ Nam-Mỹ và Úc-Đại-Lợi.

b) Miền kỹ-nghệ dệt.

Thế-kỷ 18, kỹ-nghệ dệt đã thịnh-hành ở miền *Đông*; đến nay, sức hoạt-động càng tăng nhiều. Các tỉnh Boston, Lowell, Providence, New Jersey, Lawrence, Philadelphia, Nữu-Uớc chiếm tới 70% kỹ-nghệ dệt toàn xứ. Riêng về nghề dệt tơ sợi tập-trung ở phía *Đông-Bắc*, nhất là ở Paterson gần Nữu-Uớc. Ngoài ra tại phía *Nam*, kỹ-nghệ sợi cũng hoạt-động mạnh ở Montgomery, Atlanta, Jackson, Memphis và Dallas.

3. KỸ-NGHỆ HÓA-HỌC

a) Tình-trạng chung.

Đang khuếch-trương mạnh ở Hoa-Kỳ. Hai thứ kỹ-nghệ dệt và hóa-học được mở trên toàn xứ, khác với kỹ-nghệ luyện-kim tập-trung tại mấy nơi quan-trọng.

b) Miền kỹ-nghệ hóa-học.

1. *Sản-xuất tơ sợi hóa-học* : Ni-lông, dacron được sản-xuất ở Seaford, Delaware, Nữu-Uớc, Massachussets, Cleveland, Toledo, Chicago.

2. *Sản-phẩm hóa-học khác* : Đồ nhựa do các nhà máy ở phía Đông-Bắc (1/2 tổng-số Hoa-Kỳ) và Đông-Nam ; *phốt-phát* ở Texas, Florida ; *cao-su nhân-tạo* ở Cleveland, Toledo, Chicago, Gary ; *phân bón* ở Tennessee : 33 triệu tấn.

4. KỸ-NGHỆ LUYỆN-KIM VÀ CƠ-KHÍ

a) Kỹ-nghệ luyện-kim.

Hoa-Kỳ đứng nhất thế-giới. Năm 1964, sản-xuất 115 triệu tấn thép (nhất thế-giới). Hoa-Kỳ thu một số lời lớn do kỹ-nghệ này. Năm 1960, ngành kỹ-nghệ thép thoát cơn khủng-hoảng do cuộc tranh-chấp của thợ gây ra. Cuộc đình-công kéo dài 116 ngày do 500.000 nhân-công, làm cho thợ thiệt 1.160 triệu Mỹ-kim và kỹ-nghệ Hoa-Kỳ thiệt 5 tỷ Mỹ-kim. Ở Hoa-Kỳ có bốn lò luyện thép chính :

1. Trung-tâm Pittsburgh và Bethlehem tại Pennsylvania.
2. Trung-tâm Birmingham tại Alabama.
3. Trung-tâm Duluth tại Hồ Superior.
4. Trung-tâm Chicago, Cleveland, Buffalo.

b) Kỹ-nghệ cơ-khí.

Kỹ-nghệ biến-chế hầu như tập-trung ở Đông-Bắc Hoa-Kỳ và rải rác tại nhiều tỉnh thuộc miền đó. Riêng ngành kỹ-nghệ xe hơi nổi tiếng hạng nhất và sản-xuất 70% thế-giới, nhưng trong nước dùng gần hết. Năm 1965, Hoa-Kỳ sản-xuất 11 triệu xe du lịch và vận-tải. Năm 1965, Hoa-Kỳ có tới 70 triệu xe du-lịch và thương-mại. Về *vô-tuyến truyền-hình*, cứ ba người dân Hoa-Kỳ có một chiếc, trong khi nước Nhật có 15 triệu chiếc, Anh có 12 triệu, Ý 4 triệu, Đức 8,7 triệu, Pháp 4,8 triệu.

Kỹ-nghệ Hoa-Kỳ cũng sử-dụng nhiều đồng và nhôm vì cần dùng vào việc xây cất các trung-tâm thủy điện-lực, làm máy bay (ở Los Angeles). Mỗi tỉnh có loại kỹ-nghệ chuyên-môn như ta thấy dưới đây :

1. *Dao, kéo, vật nhỏ* : Ở vùng Tân-Anh.
2. *Xe hơi* : Detroit, Cleveland.
3. *Nông-cụ* : Chicago, Dayton.
7. *Điện* : Schenectady.
4. *Xe hỏa* : Bethlehem, Philadelphia.
8. *Vỏ xe* : Akron (Ohio).
9. *Máy bay* : Paterson, Jersey, Baltimoré, Seattle...
5. *Đóng tàu* : Bãi Chesapeake
6. *Khí-giới* : New Haven.
10. *Máy dệt* : Worcester.

VI. THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

Nói tổng-quát, Hoa-Kỳ là một nước giàu nhất. Đem so-sánh với các Châu, Hoa-Kỳ giàu gấp đôi Á-Châu, gấp rưỡi Âu-Châu, vì nước Hoa-Kỳ có 40% tài-sản thế-giới. Tổng-số lợi-tức cá-nhân ở Hoa-Kỳ năm 1965 là 530 tỷ Mỹ-kim.

1. THƯƠNG-MẠI Ở HOA-KỲ

Nền thương-mại của Hoa-Kỳ quan-trọng, vì có một số xuất-nhập-cảng lớn nhất và có nhiều hải-cảng lớn. Hơn nữa, kế-hoạch viện-trợ Hoa-Kỳ cũng là cách giúp cho thương-mại của họ phồn-thịnh :

a) Xuất-nhập-cảng.

1. *Xuất-cảng* : Năm 1946, Hoa-Kỳ thu được 9 tỷ Mỹ-kim xuất-cảng, nhưng năm 1965, thu được 26 tỷ. Hoa-Kỳ xuất-cảng nhiều nhất là máy móc kỹ-nghệ, rồi đến nông-cụ, xe ủi đất, xe hơi, đồ điện, ngũ-cốc, bông sống, thuốc lá, dụng-cụ cao-su. Số xuất-cảng sang Âu-Châu gấp đôi Á-Châu và gấp đôi Nam-Mỹ. Riêng ngành xuất-cảng nông-sản năm 1965 thu trên 6 tỷ Mỹ-kim.

2. *Nhập-cảng* : Năm 1965, Hoa-Kỳ phải nhập-cảng tới 21 tỷ Mỹ-kim. Đồ nhập-cảng thuộc các loại : đồng, kềm, thiếc, dầu hỏa, gỗ, giấy, đường, da, len và tơ sống. Các thứ này được nhập-cảng nhiều nhất từ Nam-Mỹ, rồi đến Á-Châu, Phi-Châu.

b) Viện-trợ thế-giới.

Ngoài việc xuất-cảng thường-xuyên, Hoa-Kỳ còn lo viện-trợ cho các quốc-gia trên thế-giới bằng cách trực-tiếp hoặc gián-tiếp. Năm 1966—1967, ngân-sách Hoa-Kỳ là 112,8 tỷ Mỹ-kim; trong số đó, Hoa-Kỳ viện-trợ thế-giới 3.600 triệu Mỹ-kim về phương-diện dân-sự và quân-sự (riêng Việt-Nam nhận 500 triệu Mỹ-kim về viện-trợ kinh-tế).

c) Hải-cảng Hoa-Kỳ.

Trước năm 1939, Hoa-Kỳ còn kém về hàng-hải, ngày nay Hoa-Kỳ nhất thế-giới. Các hải-cảng quan-trọng:

1. Miền Đông-Bắc : Boston, Nữu-Uớc, Baltimore, Philadelphia.
2. Vịnh Mễ-Tây-Cơ : Tân Orléans, Port Arthur, Galveston.
3. Miền Tây : Los Angeles, Seattle, Cựu-Kim-Sơn.

Những hải-cảng này mỗi năm có từ 10 đến 20 triệu tấn hàng-hóa, trừ Philadelphia (40 triệu) và Nữu-Uớc (90 triệu).

2. GIAO-THÔNG Ở HOA-KỲ

Diện-tích rộng lớn của xứ-sở và trình-độ văn-minh dân-chúng đòi Hoa-Kỳ phải có những hệ-thống giao-thông hợp với tình-trạng trên. Thực ra các trục giao-thông sầm-uất hơn cả đều ở phía Đông-Bắc.

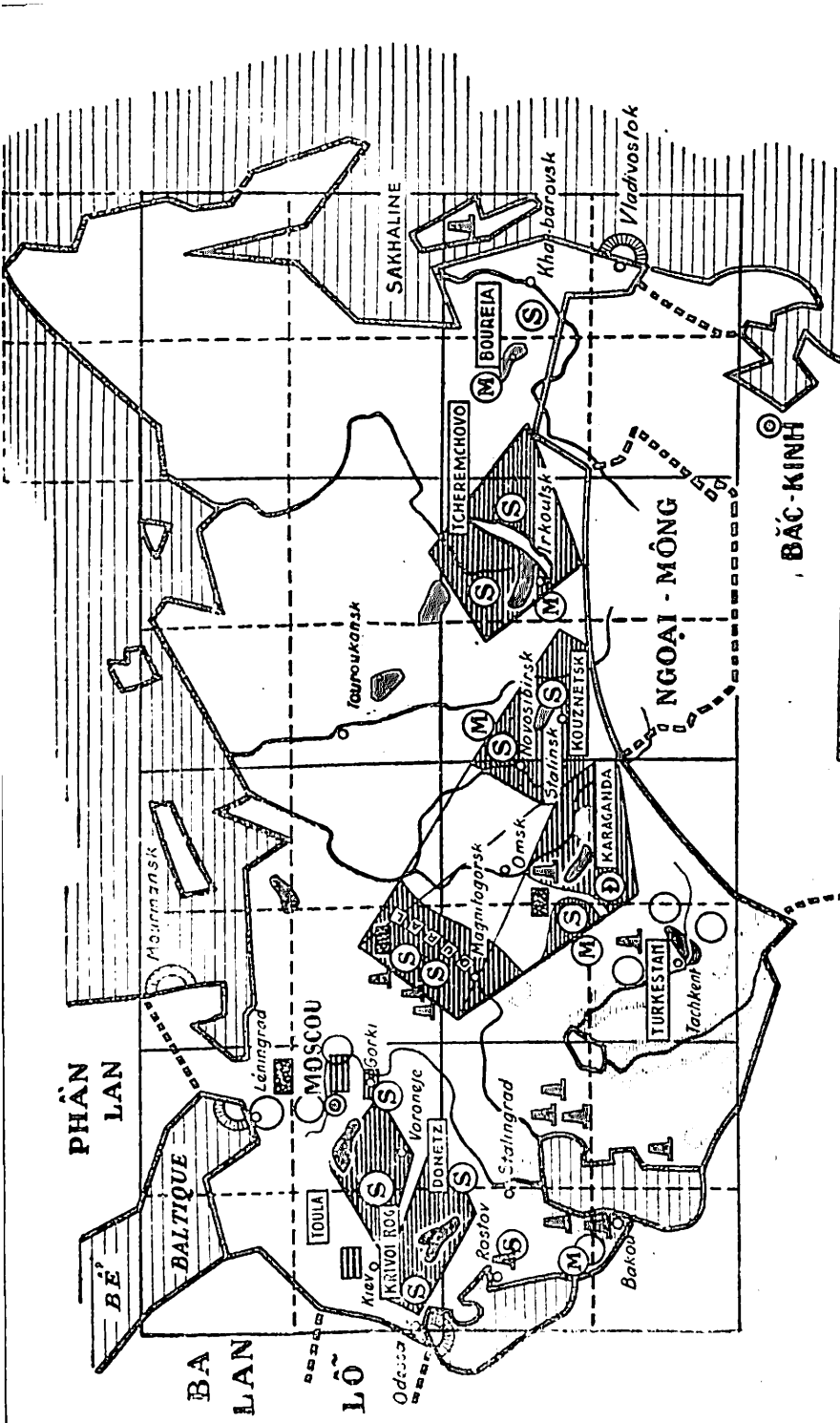
a) Đường bộ và đường sắt.

Trung-bình cứ ba người dân có một xe hơi. Đường xe hơi dài 5 triệu cs. Đường sắt dài 480.000 cs, nhiều hơn tổng-số đường sắt Âu-Châu. Hỏa-xi Hoa-Kỳ vừa nhanh, vừa đủ tiện-nghi và hàng ngày lưu-thông nhiều hơn Âu-Châu. Có mấy đường xuyên lục-địa dài: từ Nữu-Uớc đến Cựu-Kim-Sơn và từ Hoa-Thịnh-Đốn đến Los Angeles mỗi đường dài 5.000 cs.

b) Hàng-hải và hàng-không.

Hoa-Kỳ có một số tàu buôn trọng-tải là 28 triệu tấn (4.000 tàu buôn). Riêng ở khu Đại-Hồ cũng có trên 400 tàu lớn trọng-tải 3 triệu tấn, lưu-thông trên 3.780 cs theo thủy-lộ St. Lawrence (mới khánh-thành 1959). Về hàng-không, Hoa-Kỳ có 8 đường quốc-tế và 60.000 cs trong nước. Hiện nay công-ty hàng-không PAA (Pan American World Airways) giữ vai trò quan-trọng nhất ở Hoa-Kỳ. Từ năm 1963, đường hàng-không tăng gấp 4 sánh với năm 1941.

Tại Hoa-Kỳ, các thương, kỹ-nghệ dùng 35.000 máy bay nhỏ, đề di-chuyển nhanh chóng (không kể số máy bay của các công-ty chở hành-khách)



- ĐÀO HỒA
- SẮT
- LUYỆN KIM
- BÔNG
- ĐỒNG
- HẢI CẢNG
- THAN
- BAUXITE
- MANGANÊSE
- M

NGA

CHƯƠNG V

NƯỚC NGA

Nước Nga rộng 21 triệu cây số vuông, tức là chiếm 1/6 đất đai thế-giới. Tuy đất rộng, nhưng dân chỉ ở về phía Âu-Châu nhiều, còn mạn Tây Bá-Lợi-Á và mạn Bắc rất hiếm dân chúng.

Nền kỹ-nghệ, canh-nông của Nga-Sô tiến mau, kể từ khi có cuộc Cách-mạng vô-sản. Chính-phủ Nga-Sô thì giàu-có, nhưng người nông-dân và lao-động ở Nga lại nghèo-nản khổ-sở.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, chăn-nuôi, quặng mỏ, nguồn năng-lực.
- IV. Kỹ-nghệ, thương-mại, giao-thông.
- V. Những miền kỹ-nghệ.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

1. ĐỊA-ĐIỆN NGA-SÔ

a) Bình-nguyên Nga Tây-Bá-Lợi-Á.

Từ biển Baltique phía Tây tới sông Iénisséi, từ Bắc-Băng-Dương tới miền Caucase và biên-giới Ba-Tur. Miền Nam bình-nguyên có giải đất đen tốt, ở hai bên núi Oural.

b) Miền cao-nguyên.

Giữa hai sông Iénisséi và Léna, cao ngót 1.000 thước.

c) Rặng núi phía Nam và Đông.

Caucase, Indoukohuch, Pamir (ngọn Lénine, Staline, K. Marx) cao 7.000 thước.

2. KHÍ-HẬU, THẢO-MỘC

a) Khí-hậu.

Gió thổi mạnh trên những bình-nguyên bao-la. Gió từ bề Baltique thổi tới. Phía Thái-Bình-Dương có gió mùa. Mưa rất ít ; vũ-độ giảm dần từ Tây sang Đông. Nhiệt-độ ở Nga chênh-lệch :

1. Tháng nóng ở Mạc-Tư-Khoa : + 19° ; tháng lạnh : — 10°
2. Tháng nóng ở Orenbourg : + 21°6 ; tháng lạnh : — 15°4
3. Ở Verkhoïansk có khi xuống : — 69°

b) Thảo-mộc.

1. Rừng thưa : Phía Nam miền Bắc-cực có loại tùng-bách.
2. Rừng rậm : Miền núi Caucase và Pamir.
3. Đồng cỏ : Tới 2 triệu cây số vuông.

3. SÔNG NGÒI NGA-SÔ

1. Iénisséi (5.200 cs) : đổ ra Bắc-Băng-Dương.
2. Léna (4.820 cs) : đổ ra Bắc-Băng-Dương.
3. Dvina (1.060 cs) : đổ ra Bạch-Hải
4. Volga (3.694 cs) : từ Valdai đổ ra Caspienne.
5. Hắc-Long-Giang (4.400 cs) : đổ ra Thái-Bình-Dương.
6. Dnieper (2.150 cs) : từ Bắc Smolenk đổ ra Hắc-Hải.

7. *Don* (1.800 cs) : từ Nam Mạc-Tur-Khoa đồ ra biển Azov.

8. *Ob* (5.700 cs) : từ Altai đồ ra Bắc-Băng-Dương.

Ở Nga, biển Bắc-Băng-Dương đóng băng quanh năm, còn bờ Thái-Bình-Dương khu Hải-Sâm-Uy đóng băng ba tháng mỗi năm.

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ NGA-SÔ

Dân-số Nga năm 1965, là 230 triệu (kể cả những nước mới sát nhập) sống trên 22.403.000 csv. Quá 3/4 dân-số sống ở Nga Âu-Châu. Tại đó có mật-độ trung-bình là 15. Mật-độ trung-bình toàn-quốc 10 (có nơi 100). Tới 45% dân Nga là thanh-niên dưới 20 tuổi. Dân-số tăng nhanh : 26 phần ngàn (năm 1920 : 130 triệu, năm 1964 : 228 triệu).

2. CHŨNG-TỘC Ở NGA

Người Nga hiện thời gồm nhiều chủng-tộc khác nhau :

1. *Người Nga chính tông* : chiếm gần một nửa dân-số.
2. *Người Ukraine* : chiếm 11%
3. *Người Á-Châu và Bạch-Nga* : 25 triệu.

3. THÀNH-PHỐ LỚN

Dân Nga sống ở thành-thị tới 33% : trước thế-chiến I, chỉ có 10%. Ngày nay nước Nga có 135 thành-phố trên 100 000 dân.

a) Thành-phố từ 600 ngàn người.

1. *Léningrad* : 3,3 triệu người
2. *Kiev* : 1 triệu người
3. *Bakou* : 1 triệu người
4. *Gorki, Kharkov* : 945.000 người
5. *Sverdlovsk* : 770.000 người
6. *Odessa* : 660.000 người

b) Thủ-dô Mạc-Tur-Khoa.

Thành-phố được thành-lập từ thế-kỷ XII, hai bên sông Moskowa. Đến thế-kỷ XIX, thành-phố được mở rộng hơn. Mạc-Tur-Khoa là trung-tâm kỹ-

nghe dệt, cơ-khí và hóa-học của Nga. Hơn nữa, Mạc-Tư-Khoa còn là trung-tâm hỏa-xa của Nga. Dân-số Mạc-Tư-Khoa được tăng nhanh :

- Năm 1895 : 1 triệu người
 Năm 1931 : 3 triệu người
 Năm 1960 : gần 8 triệu người (kể cả ngoại-ô).

III. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, QUẶNG MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI

a) Canh-nông.

Nước Nga vẫn là nước nòi nhất ở Âu-Châu về canh-nông, vì sản-xuất lúa mì hạng nhất thế-giới nhưng sánh với Hoa-Kỳ còn kém, vì năm 1965, Nga chỉ sản-xuất được 120 triệu tấn *ngũ-cốc*. Từ ngày Staline cầm quyền, lập ra tổ-chức Kolkhoze và Sovkhoze, người dân không còn quyền sở-hữu hoàn-toàn trên đất của mình. Về loại nông-sản, Nga có :

1. *Lúa mì* : Hạng nhất thế-giới (48 triệu tấn). Ở Ukraine.
2. *Bông* : Ở phía Nam Nga Âu-Châu và Tân-Cương.
3. *Khoai* : Thứ nhì thế-giới. Ở Ukraine.
4. *Lúa mạch* : Thứ nhất thế-giới.
5. *Gai* : Thứ nhất thế-giới. Ở Ukraine và Bạch-Nga.
6. *Nho* : Ở Caucase, Tân-Cương, Crimée.
7. « *Lin* » : Thứ nhất thế-giới (70%). Ở Bạch-Nga.

b) Đặc-điểm nông-nghiệp.

1. Những yếu-tố bất lợi.

- Nhiều rừng-rậm, nhiều đồi núi và nhiều vùng đồng lầy.
- Việc cơ-khí-hóa nông-nghiệp còn ít so-sánh với việc khuếch-trương kỹ-nghệ, nhất là ở Tây-Bá-Lợi-Á.

2. Những yếu-tố có lợi.

- Nước Nga rộng, có nhiều vùng khí-hậu khác nhau, nên có thể cấy được nhiều loại.
- Nhiều vùng có đất đen tốt.
- Kế-hoạch xây nhiều đập nước, giúp cho việc canh-tác có lợi hơn.

c) Chăn nuôi.

1. *Cừu* : 133 triệu con.
2. *Bò* : 36 triệu con.
3. *Heo* : 66 triệu con.

2. QUẶNG MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

a) Quặng mỏ.

1. *Đồng* : Ở gần hồ Balkack và núi Oural.
2. *Vàng* : Ở núi Oural và ở Altaï, Kamtchatka (520 tấn năm 1957, sau Nam-Phi : 620 tấn). Có thể sẽ sản-xuất nhất thế-giới.
3. *Manganèse* : Thứ nhất thế-giới (40%). Ở Géorgie, Tây-Bá Lợi-Á.
4. *Sắt* : 80 triệu tấn. Ở Crimée, Krivoi-Rog, Mạc-Tur-Khoa, Oural, Donetz.

b) Nguồn năng-lực.

1. *Than* : Thứ nhì thế-giới (450 triệu tấn). Ở Oural, Kouzbass, Karaganda. Vùng Kouzbass là nơi hầm than nhất thế-giới.
2. *Dầu hỏa* : Thứ nhì thế-giới (243 triệu tấn năm 1965). Ở phía Đông Caucase, phía Đông Caspienne, Emba, Tân-Cương, Sakhaline.
3. *Điện-lực* : 290 tỷ kwh. Những nơi có điện-lực quan-trọng, kể cả thủy điện-lực : Mạc-Tur-Khoa, Léningrad, Caucase, Oural, Carélie, Tân-Cương.

IV. KỸ-NGHỆ, THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

1. KỸ-NGHỆ NGA

a) Kỹ-nghệ dệt.

Vi Nga có điều-kiện đất và khí-hậu khác nhau, nên có thể sản-xuất những loại « Lin », bông, len, tơ. Trước năm 1914, Nga vẫn nổi tiếng về kỹ-nghệ dệt. Đến năm 1919, Nga lại chú-trọng về kỹ-nghệ luyện-kim hơn. Tới thời đệ-nhị ngũ-niên kế-hoạch (1933 — 1938), Nga phát-triển mạnh về loại kỹ-nghệ dệt ở Tân-Cương, Ferghana, Boukhara, Tachkent, Mạc-Tur-Khoa.

b) Kỹ-nghệ luyện-kim.

Bắt đầu mở rộng từ năm 1927, nhờ việc sản-xuất than, sắt. Ở Nga có mấy trung-tâm luyện-kim và biến-chế. Năm 1965 : 91 triệu tấn thép.

1. *Luyện-kim* : Ở Donetz, Krivoi-Rog, Oural, Kouzbass.
2. *Biển-chế* : Gorki, Karan, Mạc-Tư-Khoa, Leningrad (máy dệt, võ-khí), Saratov, Volgograd (Stalingrad), Oural (xe hơi, võ-khí). Năm 1963, sản-xuất 578.000 xe hơi.
3. *Hóa-học* : Năm 1963, Nga sản-xuất 20 triệu tấn phân bón.
4. *Máy cày* : Năm 1963, Nga sản-xuất thêm 13% máy cày.

2. THƯƠNG-MẠI

a) Hải-cảng.

1. *Phía Bắc* : Hải-cảng Leningrad, Mourmansk.
2. *Hắc-Hải* : Odessa.

b) Xuất nhập-cảng.

Năm 1963, thu được 6 tỷ Mỹ-kim do việc xuất-cảng.

1. *Xuất-cảng* : Gỗ, dầu hỏa, đường sắt, da thuộc có lông.
2. *Nhập-cảng* : Năm 1963 : 6 tỷ Mỹ-kim. Cao-su, len, gạo, cà-phê, trà. Trước năm 1914 phải nhập-cảng 3/4 sắt, đến nay đã bắt đầu xuất-cảng.

3. GIAO-THÔNG

a) Đường bộ.

Loại đường này nhiều nhất ở vùng Nga phía Âu-Châu. Tổng-số 2.400.000 cs.

b) Hỏa-xa.

150.000 cs, 2/3 số này ở phần Nga Âu-Châu. Quan-trọng nhất là đường xuyên Tây-Bá-Lợi-Á dài 8.700 cs, từ Mạc-Tư-Khoa tới Hải-Sâm-Uy (Vladivostovks).

c) Hàng-không. Hoạt-động trên 220.000 cây số.

V. NHỮNG MIỀN KỸ-NGHỆ

1. MIỀN UKRAINE

Về phía Tây-Nam Nga (Âu-Châu) có vùng quan-trọng là Ukraine. Miền này chỉ bằng 1/50 diện-tích Nga, nhưng chiếm 1/5 dân-số Nga. Ukraine có những thời lịch-sử quan-trọng và có nhiều nguồn-lợi kinh-tế.

a) Địa-diện.

Vì Ukraine gần Hắc-Hải nên tương-đối mùa Đông bớt lạnh ; tại Kiev — 60, Odessa — 30 trong khi mùa đông ở Mạc-Tư-Khoa tới — 100 ; khi-hậu mùa hạ từ 190 đến 220. Ukraine có đồng cỏ rộng lớn và có hai sông Dnieper, Don chảy qua.

b) Nông-nghiệp.

Đây là vùng trồng-trọt quan-trọng nhất của Nga. Hai cửa bể Odessa và Rostov dùng để xuất-nhập-cảng thực-phẩm. Việc trồng-trọt đã được cơ-giới-hóa và có những tổ-chức Kolkhozes, Sovkhozes. Mấy chục năm gần đây, người ta trồng thêm : cải đường, bông. Riêng Ukraine sản-xuất 1/3 đường, 1/4 lúa mì, 1/4 khoai, 1/4 lợn, 1/5 bò của Nga.

c) Kỹ-nghệ.

Giàu về than, sắt, điện. Xưởng Donetsk-Krivoi-Rog coi như là xưởng duy-nhất sản-xuất gang, thép và dụng-cụ hỏa-xa.

2. MIỀN TÂY-BÁ-LỢI-Á

Nhiều người đến ở đây từ khi hoàn-thành đường hỏa-xa xuyên Tây-Bá-Lợi. Dầu vậy, dân-cư cũng chỉ ở những khu-vực bớt lạnh hơn : Đông-Nam Oural, Kouznetsk, Irkoutsk và Province Maritime. Nhưng hai khu-vực Nam Oural và Kouznetsk quan-trọng hơn về ba phương-diện :

a) Nông-nghiệp.

Trồng ngũ-cốc từ Oural đến sông Ob, ngoài ra còn nuôi bò lấy sữa để xuất-cảng qua Âu-Châu.

b) Hầm mỏ.

Nhiều than (40% than của Nga). Mỏ than ở Kouznetsk và mỏ sắt ở Oural đã tạo thành kỹ-nghệ luyện-kim và biến-chế quan-trọng. Trước năm 1930, cung-cấp 1/4 gang và thép, ngày nay cung-cấp một nửa.

3. MIỀN TÂN-CƯƠNG

Miền Tân-Cương Nga được chính-quyền Nga chính-thức kiểm-soát từ giữa thế-kỷ 19. Sau năm 1914 trở đi, miền Tân-Cương mỗi ngày bành-trướng mạnh về kinh-tế.

a) Nông-nghiệp.

Khi-hậu Tân-Cương thuận-lợi cho việc trồng các loại cây nhiệt-đới ; hơn nữa, nhờ có những dòng sông đưa nước từ các núi cao xuống.

b) Hàm mỏ.

Lăn than, đồng, manganèse ở Karaganda và hồ Balkach ; mỏ dầu gần biển Caspienne và lưu-vực sông Sy-Daria.

4. MIỀN OURAL

Vì Oural có nhiều mỏ quý, nên hoạt-động kỹ-nghệ ở đây được mở rộng từ lâu. Hơn nữa núi Oural cao vừa phải (ngọn cao nhất 1.700 th) nên dân-cư đông đúc. Ngày nay vùng Oural giữ vai trò quan-trọng bậc nhất trong nền kinh-tế Nga.

a) Hàm mỏ.

Ở đây sản-xuất nhiều vàng, đồng (gần Perm), sắt (phía Nam Oural), gần tỉnh Magnitogorsk có nhiều nam-châm. Thêm vào đó, có mỏ than gần Sverdlovsk, dầu hỏa giữa vùng Perm và Oufa.

b) Kỹ-nghệ.

Vì có nhiều hàm mỏ quý, nên kỹ-nghệ ở đây thịnh-vượng. Trong thời đại-chiến II, kỹ-nghệ tại Oural càng bành-trướng mạnh. Về kỹ-nghệ nặng : sản-xuất gang, thép ; tổ-chức thành « liên kỹ-nghệ » như Oural-Kouzbass và Oural-Karaganda. Về kỹ-nghệ cơ-khí : dụng-cụ hỏa-xa, máy ủi đất, dụng-cụ nhỏ, vũ-khí (ở Nijni-Taghilsk, Sverdlovsk chiếm 30% cơ-khí Nga). Vì kỹ-nghệ bành-trướng, nên dân-cư tăng rất nhanh ở mấy tỉnh : Magnitogorsk (300.000 dân), Tcheliabisk (600.000 dân), Sverdlovsk (770.000 dân).

5. MIỀN CAUCASE

Miền Caucase giữa hai biển Caspienne và Hắc-Hải. Vùng Caucase mới được chính-quyền Nga chú-trọng từ giữa thế-kỷ 19, với mục-dịch nhìn vào Ba-Tur và các quốc-gia Hồi-giáo. Caucase trở nên quan-trọng từ khi khám-phá ra mỏ dầu (1863). Caucase cung-cấp dầu cho Nga tới 50% (năm 1928 chiếm 80%). Một hệ-thống dẫn dầu nổi ra hải-cảng Batoun (Hắc-Hải) và tới Volgograd (Stalingrad).

Miền này còn là lối qua Tân-Cương tiện-lợi : thiết-lộ xuyên Caspienne (nhờ có thiết-lộ hạm : ferry-boat) từ Bakou tới Krasnovodsk. Dân-cư tại đây tăng nhiều từ đầu thế-kỷ 20. Riêng thành-phố Bakou tới 1 triệu dân.

ĐỨC

DAN MACH

BÉ² BALTIQUE

BẮC HẢI

HÀ

LAN

S. Weser

S. Elbe

Hambourg

S. Oder

BA LINH

Hanovre

S. Lippe

ESSEN

S. Ruhr

Cologne

BONN

FRANCFORT

RHÖN

Dresde

TIỆP

S. Moselle

N. HUNSRIICK

S. Main

JURA de SOUABE

KHẮC

PHÁP

S. Danube

C. N. BAVIÈRE

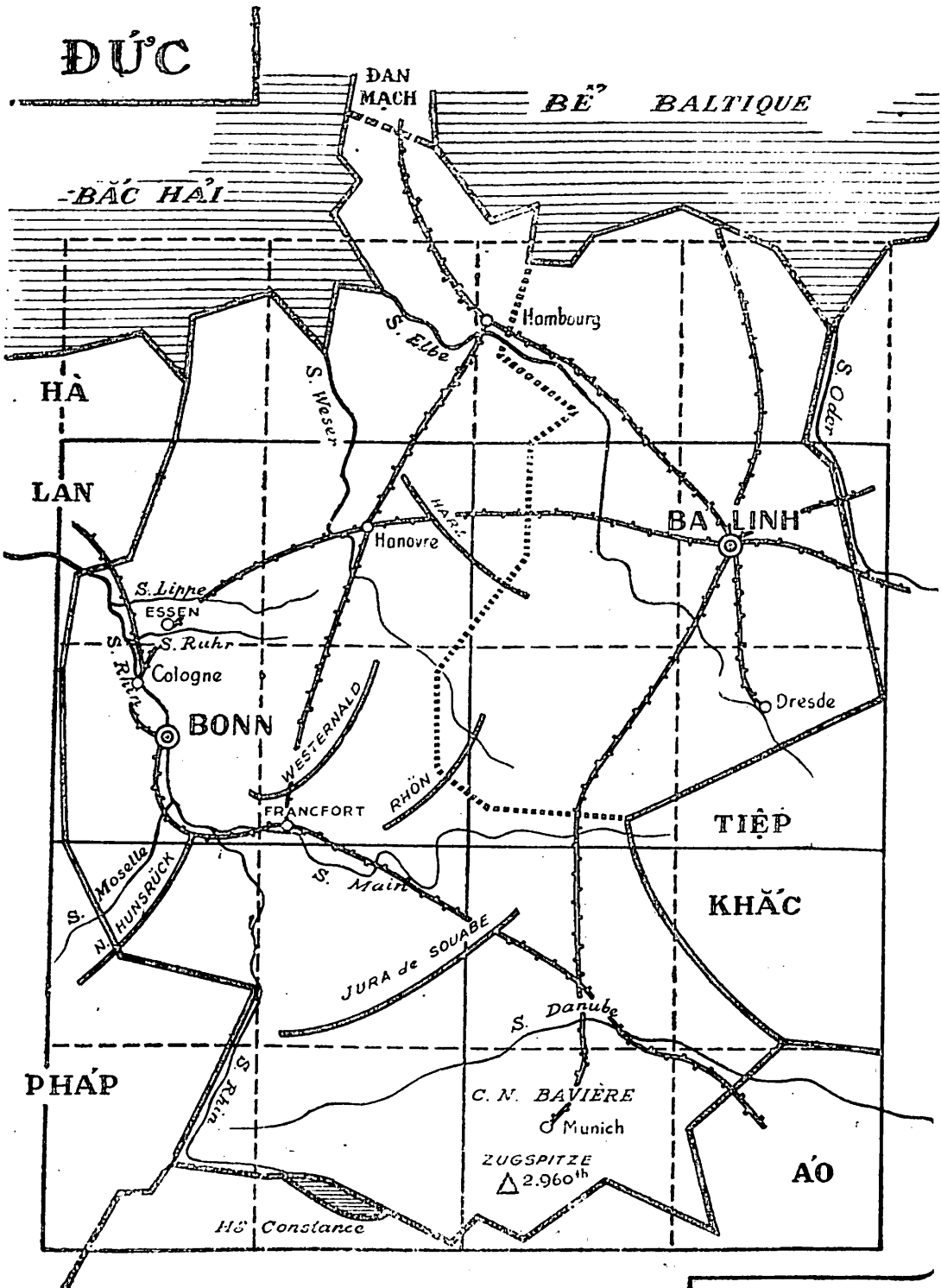
Munich

ZUGSPITZE
△ 2.960th

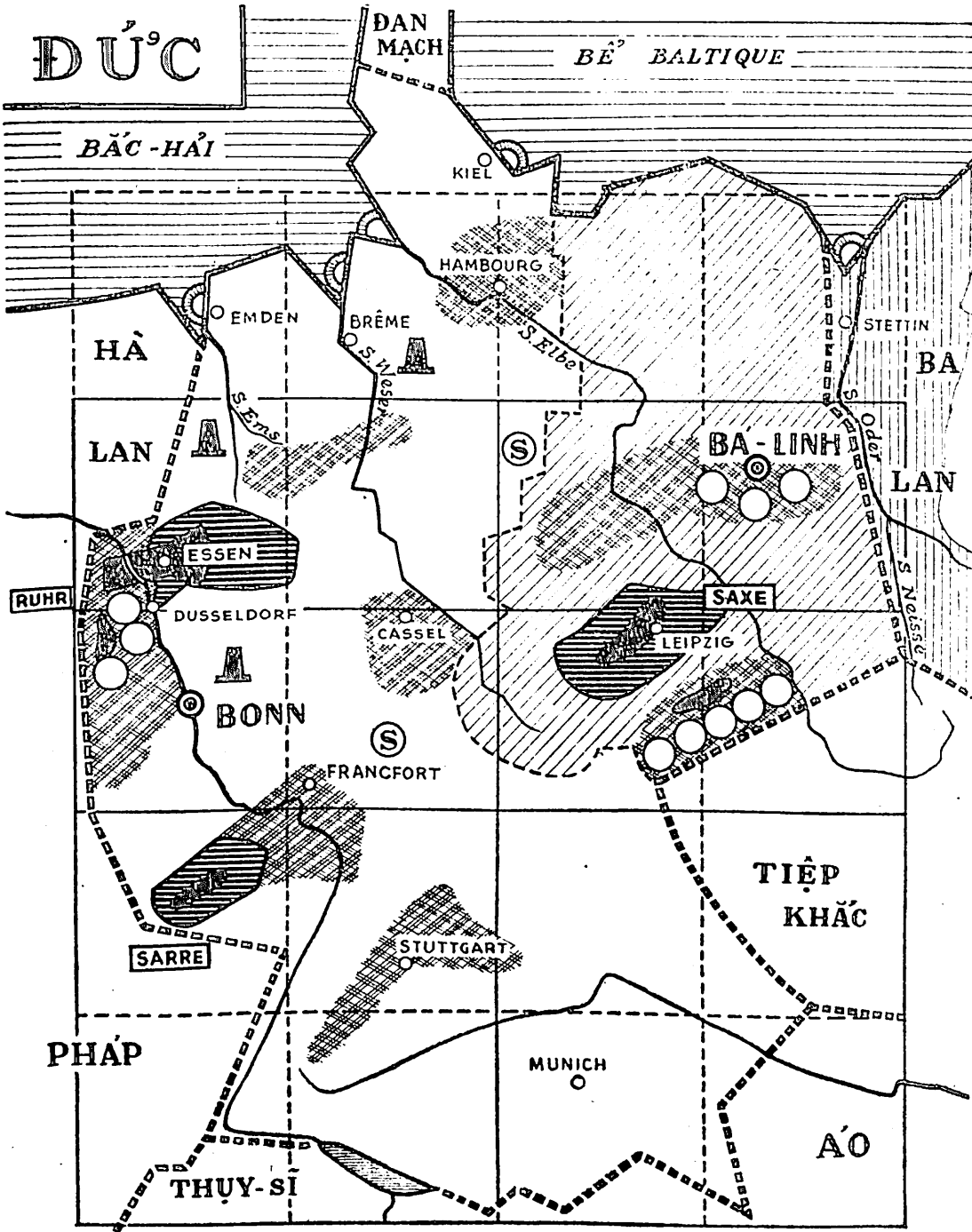
ÁO










Hồ Constance

HỒA SA



ĐỨC



- | | | | | | |
|---|----------|---|----------|---|---------------------|
|  | ĐỒNG ĐỨC |  | HẢI CẢNG |  | LUYỆN KIM |
|  | THAN |  | DẦU HỎA |  | VÙNG KỸ-NGHỆ |
|  | ĐỆT |  | SẮT |  | ĐẤT BỊ MẤT SAU 1945 |

CHƯƠNG VI

NƯỚC ĐỨC

Sau trận thế-chiến I, nước Đức mất 72.000 cây số vuông, số diện-tích còn lại là 470.000 cây số vuông. Đến hết trận thế-chiến II, Đức chỉ còn gần 360.000 cây số vuông ; hơn nữa, nước Đức bị cắt làm hai : Đông-Đức và Tây-Đức.

Tuy nước Đức bị vướng vào hoàn-cảnh chính-trị khó-khăn, nhưng 73 triệu dân Đức nhờ có nền văn-minh chắc-chắn và nhờ cuộc phục-hồi kỹ-nghệ nhanh-chóng, nên họ vẫn có thể cạnh-tranh kinh-tế với các nước Âu-Châu.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, Chăn nuôi.
- IV. Quặng mỏ, Nguồn năng-lực.
- V. Kỹ-nghệ nước Đức.
- VI. Thương-mại, Giao-thông.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

1. ĐỊA-ĐIỆN NƯỚC ĐỨC

a) Miền Nam Đức (miền Alpes).

Ở phía Nam sông Danube, có ngọn núi Zugspitze cao 2.963 thước. Cao-nguyên Bavière có nhiều hồ nhỏ, lắm sỏi, đất xấu.

b) Miền Trung Đức.

Quan-trọng nhất là bình-nguyên sông Rhin, rất phì-nhiêu. Có mỏ sắt, thiếc, đồng, than. Mỏ than khá quan-trọng ở hạt Sarre.

c) Miền Bắc Đức.

Bình-nguyên rộng tới 1/3 diện-tích. Ít nơi cao quá 200 th. Ở chân núi gần Trung Đức, đồng bằng Westphalie, Hanovre, Saxe có hoàng-thò bao phủ, rất tốt. Ở Westphalie, có hạt Rhur giàu nhất về than đá.

2. KHÍ-HẬU NƯỚC ĐỨC

Gió thổi từ phía Đông lại, mưa nhiều; ở nơi cao thường mưa tới 1m70, còn những nơi khác trung-bình 50 cm. Miền Bắc và Nam lạnh. Nhiệt-độ từ Tây sang Đông và Bắc xuống Nam tăng dần :

1. Tháng nóng ở Cologne (Tây Bắc) : + 19° ; tháng lạnh : + 2°
2. Tháng nóng ở Munich (Nam) : + 17° ; tháng lạnh : - 2°6

3. SÔNG NGÒI NƯỚC ĐỨC

1. *Sông Danube* (2.850 cs) : chảy ra Hắc-Hải.

2. *Sông Older* (860 cs) : chảy ra bề Baltique. Từ năm 1945, sông này phân ranh-giới giữa Đức và Ba-Lan.

3. *Sông Rhin* (1.300 cs) : Phát-nguyên từ Thụy-Si, chảy ra Bắc-Hải. Lưu-thông tiện-lợi cho cả miền Trung-Âu. Thủy-lộ đẹp. Từ Cologne tới bề, sông rộng, lưu-lượng 2.000 thước khối, chảy đều và chậm. Sông Rhin có các phụ-lưu đẹp : Main, Neckar, Moselle. Vận-tải hàng-hóa trên sông Rhin rất quan-trọng : mỗi năm 80 triệu tấn. Thường thường chở than từ miền dưới lên và chở quặng mỏ, dầu, ngũ-cốc từ miền trên xuống dưới.

4. *Sông Weser* : Nối với sông Rhin và Elbe. Rất thuận-lợi cho việc giao-thương. Chảy ra Bắc-Hải.

5. *Sông Elbe* (1.110 cs) : Chảy ra Bắc-Hải. Bắt nguồn từ Bohême (Tiệp-Khắc). Dễ lưu-thông, vì mực nước đều-đặn. Elbe ít phụ-lưu lớn, trừ có phụ-lưu Saab ở tả-ngạn và Havel ở hữu-ngạn. Sông Elbe cũng như sông Rhin giữ vai-trò quan-trọng của nền kinh-tế Đức. Sông Elbe chảy đều-đặn, êm, nên dễ lưu-thông. Sông Elbe chuyên-chở các sản-phẩm cho miền Saxe và Dresde, đồng thời cũng chở các hàng nhập-cảng từ Hambourg vào nội-địa Đức.

4. BỜ BIỂN NƯỚC ĐỨC

a) Bắc-Hải.

Thấp, phẳng và toàn cát, có nhiều bãi lầy do phù-sa sông ngòi bồi đắp ở bờ bề.

b) Biển Baltique.

Lồi lõm nhiều. Có vũng đẹp như ở Kiel, về mùa Đông bị đóng băng từ 1 đến 2 tháng.

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ NƯỚC ĐỨC

Hiện nay nước Đức bị phân làm hai miền, Đông-Đức (17 triệu dân, 107.582 csv và Tây-Đức 58 triệu dân, 248.000 csv). Mật-độ dân-cư Đức cao khá (197). Thực ra dân Đức sống ở thành-phố (70%) và tập-trung ở các miền kỹ-nghệ nhiều hơn. Dân Đức tăng nhanh vì sinh-sản nhiều. Hơn nữa, sau năm 1945, nhiều người Đức ở ngoại-quốc lại trở về nước, bù vào con số 5 triệu người thiệt mạng trong trận thế-chiến II.

2. CHỦNG-TỘC ĐỨC

Người Đức thuộc ngành Nhật-Nhĩ-Mãn, nhưng đã bị pha lộn với các giống : Franconie, Saxe, Thuringe, Souabe, Bavière... Người Đức hơi nặng nề. Người Bắc Đức không nhanh nhẹn bằng người Nam Đức, nhưng chăm chỉ, cần-kiệm, cương-ngạnh, thông-minh và có tinh-thần kỷ-luật.

3. THÀNH-PHỐ LỚN

a) Thành-phố trên 100.000 dân.

Ở Đức có 47 thành-phố trên 100.000 dân, trong số đó có những thành-phố quan-trọng sau đây :

- | | | | |
|----------------------|---------------|---------------------|--------------|
| 1. <i>Hambourg</i> : | 1.800.000 dân | 3. <i>Essen</i> : | 638.000 dân. |
| 2. <i>Munich</i> : | 880.000 dân | 4. <i>Leipzig</i> : | 608.000 dân. |

b) Thủ-dô Bá-Linh.

Nguyên là thủ-dô của nước Phò (Prusse) và Liên-bang Đức từ năm 1871. Dân-số Bá-Linh tăng nhanh. Năm 1861 : 500 ngàn ; năm 1963 : 3,4 triệu. Sau thế-chiến II, Bá-Linh bị phân đôi : Tây Bá-Linh do các nước Đồng-Minh Dân-Chủ cai-trị (2.300.000 dân), Đông Bá-Linh do chính-phủ Cộng-Sản Đức và Nga cai-trị (1.100.000 dân).

4. CUỘC DI-CƯ CỦA DÂN ĐỨC

a) Di-cư từ 1945 — 1946.

Sau khi Đức đầu hàng, theo lời yêu-cầu của Nga-Sô và sự chấp-thuận của Đồng-Minh, tất cả những người nguồn gốc Đức sống ở Ba-Lan, Tiệp, Hung đều phải di-cư về Đông-Đức. Riêng số người trốn hay di-cư sang Tây-Đức từ 1945 — 1946 lên tới 9.300.000 người.

b) Cuộc di-cư từ 1946 trở đi.

Số người di-cư từ Đông-Đức sang Tây-Đức tới 2 triệu rưỡi (nhiều nhất là năm 1953 : 331.000 người). Theo bảng thống-kê mới nhất, thì số người di-cư này có từ 20 đến 35% là thành-phần trí-thức, chia ra như sau :

- | | |
|--------------------------|--------------|
| 1. Kỹ-sư và chuyên-môn : | 20.745 người |
| 2. Bác-sĩ, dược-sư : | 6.575 người |
| 3. Thâm-phán, luật-sư : | 1.767 người |
| 4. Giáo-sư, giáo-viên : | 23.611 người |
| 5. Sinh-viên : | 15.703 người |

Trong số di-cư này có 48% dưới 25 tuổi và 65% dưới 40 tuổi. Đó là dân-số trẻ tuổi khỏe-mạnh nhất trong dân-số hoạt-động sáng-tạo của nước Đức. Dân-số trên cộng với dân-số di-cư từ 1946 về trước là một yếu-tố góp phần mạnh-mẽ vào cuộc phục-hưng kinh-tế nhanh-chóng tại Tây-Đức.

III. CANH-NÔNG, CHĂN NUÔI

1. CANH-NÔNG TẠI ĐỨC

a) Tình-trạng chung.

Thật ra những điều-kiện thiên-nhiên ít thuận-lợi cho nền nông-nghiệp Đức, vì có những khu-vực rộng lớn cằn-cỗi và khí-hậu không tốt. Nước Đức nhờ có một nền kỹ-nghệ cơ-giới hùng-mạnh, nên số người theo đuổi nghề nông chỉ cần tới 25%.

1. *Cơ-sở khai-thác*: Trung-bình các cơ-sở khai-thác nông-nghiệp ở Đức không chiếm một diện-tích quá 7 mẫu tây, trong khi đó một cơ-sở khai-thác nông-nghiệp trung-bình ở Hoa-Kỳ là 78 mẫu. Đức tự cung-cấp 70% nhu-cầu thực-phẩm.

2. *Đặc-diểm canh-nông ở Đức.*

— Cây nhiều loại cây.

— Canh-nông và chăn-nuôi đi liền với nhau.

— Tối-tân-hóa phương-pháp canh-nông bằng việc dùng nhiều máy móc. Riêng ở Tây-Đức có 900.000 máy cày. Nhờ việc dùng phân bón hóa-học và cơ-giới-hóa nông-nghiệp, Đức thu được một kết-quả lớn (tại Westphalie, mỗi mẫu sản-xuất 19 tạ lúa mì; tại Saxe, mỗi mẫu sản-xuất 400 tạ khoai).

b) Các loại nông-sản.

Tại Đức có mấy loại nông-sản sau đây :

1. *Lúa mì*: Mỗi năm sản-xuất 3 triệu tấn. Nhiều nhất ở Westphalie và các xứ Magdebourg, Halle, Halberstaadt. Tại Đông-Đức, Cộng-Sản tổ-chức 6.000 công-xã sản-xuất nông-nghiệp rập theo khuôn-mẫu Kolkhoze của Nga.

2. *Khoai*: Thứ nhì thế-giới. Các vùng sản-xuất là: Saxe, Rhénanie và Brahdebourg.

3. *Củ cải đường*: Đứng hạng nhất Âu-Châu (1.800.000 tấn).

2. CHĂN-NUÔI TẠI ĐỨC

Tại Đức nơi nào cũng nuôi heo; ngoài ra, họ còn nuôi bò theo lối khoa-học, mà nhiều nhất ở ven núi miền Nam. Tại Oldenbourg và miền Nam Saxe

nuôi nhiều ngựa. Tuy Đức có 18 triệu con bò và 15 triệu con heo, nhưng chỉ cung-cấp được 75% nhu-cầu thực-phẩm. Do vậy, họ còn phải nhập-cảng thêm.

3. NGƯ-NGHIỆP TẠI ĐỨC

Ngư-nghiệp Đức không hoạt-động nhiều trên sông và ven bờ biển. Từ phía cửa sông Elbe và Weser ra ngoài khơi là vùng hoạt-động mạnh về ngư-nghiệp. Các địa-điểm Ems, Hambourg, Altona, Wesermünde, Cuxhaven là những nơi bán nhiều cá tươi và cá hộp. Vùng Vegesack (gần Brême) và Emden chuyên-môn đánh cá thu. Trung-bình mỗi năm Đức thu được từ 600.000 đến 700.000 tấn cá.

IV. QUẶNG-MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. QUẶNG-MỎ TẠI ĐỨC

Ở Đức có nhiều than, nhưng lại hiếm về sắt. Riêng về chì và kẽm (ở Aix, Ems) Đức chiếm bậc nhất Âu-Châu. Về các loại khác, Đức có ít, hơn nữa lại khó khai-thác. Mặc dầu Đức đã dùng mọi phương-pháp để khai-thác những loại trên, nhưng vẫn còn thiếu hụt 2/3.

2. NGUỒN NĂNG-LỰC TẠI ĐỨC

a) Than.

Năm 1965 sản-xuất 140 triệu tấn (thứ tư thế-giới). Số than của Đức nhiều nhất là ở Rhur (75%) còn lại ở các miền Sarre và Silésie (từ 1945 thuộc Ba-Lan). Vào năm 1938, Đức sản-xuất 186 triệu tấn than (thứ ba thế-giới).

b) Dầu hỏa.

5.500.000 tấn (Hanovre, Hambourg, Emsland), Đức là nước sản-xuất về dầu nhất Tây-Âu. Xưởng lọc dầu lớn nhất tại Misbourg và Emsland (gần Hòa-Lan).

c) Điện-lực.

Thứ ba thế-giới : 122 tỷ Kwh.

V. KỸ-NGHỆ NƯỚC ĐỨC

1. NGUYÊN-NHÂN PHỤC HỒI KINH-TẾ

Nền kỹ-nghệ Đức bị tàn phá do cuộc thế-chiến II ; nhưng khi hòa-bình trở lại, nước Đức đã biết lợi-dụng mọi hoàn-cảnh để phục-hồi kỹ-nghệ. Nhờ vậy, nền kinh-tế Đức trở nên thịnh-vượng nhanh chóng, chiếm địa-vị thứ 3 trên thế-giới, sau Hoa-Kỳ và Nga. Đứng trước sự phục-hồi đó, người ta đã gọi là « Phép lạ Đức ».

Sau đây, có thể kể ra mấy nguyên-nhân chính sự phục-hồi kinh-tế Đức.

a) Nguyên-nhân chính-trị.

Sau cuộc thất-bại quân-sự và chính-trị, dân Đức biết lợi-dụng tình-trạng này để phục-hồi kinh-tế.

1. *Công việc ưu-tiên : kiến-thiết* : Bị thất trận và tàn phá, dân Đức tập-trung nỗ-lực vào việc kiến-thiết trước mọi công việc khác.

2. *Lợi-dụng dân tỵ-nạn* : Nước Đức bị phân đôi, đất đai miền Đông — Bắc Đức bị sát nhập vào Ba-Lan, làm cho 13 triệu dân Đông-Đức trốn sang Tây-Đức. Người Tây-Đức liền thu dụng đa số dân tỵ-nạn này làm trong các xưởng kỹ-nghệ.

3. *Lợi-dụng kẻ chiến-thắng* : Nước Đức hiểu rằng, những kẻ thắng trận cần tới mình, để làm lực-lượng phòng-thủ. Vì thế, Tây-Đức càng có thêm cơ-hội để kẻ chiến thắng giúp mình.

b) Nguyên-nhân kinh-tế.

Ngoài những nguyên-nhân chính-trị, phải kể đến những nguyên-nhân kinh-tế.

1. *Đề phòng nạn lạm-phát* : Nước Đức đã có kinh-nghiệm cuộc lạm-phát sau thế-chiến I, nên các nghiệp-đoàn biết hy-sinh quyền-lợi riêng tư cho công-ích. Tất cả đều cố gắng tránh nạn tăng giá hàng-hóa. Từ năm 1958-1963, hàng-hóa Đức chỉ tăng 16% ; trong khi ở Pháp tăng 30%.

2. *Tổ-chức kinh-tế chặt-chẽ* : Các đại xí-nghiệp và ngân-hàng, cũng như các xí-nghiệp nhỏ, đều liên-kết chặt-chẽ, hết sức tránh những cuộc cạnh-tranh có thể nguy hại cho nền kinh-tế chung.

3. *Tăng-gia đầu-tư* : Dân Đức đã biết dè sẻn trong việc tiêu xài, để dùng vào việc đầu-tư kỹ-nghệ. Người Đức đã đầu-tư 1 phần tư số của cải, trong khi người Pháp chỉ đầu-tư 1 phần năm.

2. MIỀN ĐẠI KỸ-NGHỆ

a) Miền kỹ-nghệ Rhur.

Riêng miền Rhur mỗi năm sản-xuất 70% than. Mỏ than ăn từ Nam lên Bắc (từ Wupper tới Lippe) và từ sông Rhur tới Emscher. Lịch-sử kỹ-nghệ miền Rhur bắt đầu từ khi người Đức biết dùng than vào kỹ-nghệ (thế-kỷ 19). Kỹ-nghệ ở đây tiến nhờ có nhiều đường hỏa-xa (bành-trướng từ 1871) và các kênh đào nối các hệ-thống sông. Mặc dầu thế-chiến thứ hai có phá-hoại nhiều cơ-sở kỹ-nghệ tại Rhur, nhưng nhờ chính-quyền giúp đỡ và nhân-công dồi-dào, nên các xưởng Krupp, Thyssen, Bayer lại hoạt-động khá mạnh.

1. *Các tỉnh Nam Rhur* : Ngày nay coi như miền Nam không còn sản-xuất than, nhưng nổi tiếng về mấy loại : máy móc, dao kéo, đồ sắt nhỏ, máy dệt. Thủ-đô kinh-tế miền Nam Rhur là *Cologne*. Miền Nam sản-xuất 85% máy-móc nhỏ.

2. *Các tỉnh Trung Rhur* : Đây mới là trung-tâm than và xưởng luyện-kim. Hoạt-động mạnh từ năm 1880. Ở vùng này tương-đối dân-cư đông nhất nước Đức. Thủ-đô kinh-tế Trung Rhur là *Essen*. Miền Trung sản-xuất 80% than, 75% về luyện thép, 60% đồ hóa-học và 65% đồ nhôm.

3. *Các tỉnh Bắc Rhur* : Mới hoạt-động nhiều về kỹ-nghệ từ 1925. Tại miền này có xưởng luyện-kim Thyssen (ở Hamborn-Brückhausen).

b) Miền kỹ-nghệ Saxe.

Miền Saxe từ Bohême (phía Nam) và núi Thuringe, Harz (phía Tây). Cũng như Silésie, trước đây Saxe là một miền hoạt-động mạnh về kỹ-nghệ dệt và luyện-kim. Ngày nay miền Saxe chuyên về đồng-hồ, máy-móc, đồ thêu. Từ thế-kỷ thứ XX, Saxe là trung-tâm sản-xuất điện-lực, đồ hóa-học. Saxe là vùng kinh-tế quan-trọng nhất của Đông-Đức. Dân-số đông-đức (mật-độ trên 100). Tại miền này có 5 thành-phố trên 200.000 dân. Riêng Dresde có 468.000 dân và Leipzig có 608.000 dân.

3. LOẠI KỸ-NGHỆ

a) Kỹ-nghệ dệt.

Đức có một nền kỹ-nghệ dệt cò-truyền. Hiện nay Đức mở rộng kỹ-nghệ dệt bằng máy móc tối-tân.

1. *Dệt len* : Nghề dệt len tập-trung tại Saxe và Silésie. Ngoài ra tại lưu-vực sông Wupper thuộc miền Rhur cũng có kỹ-nghệ len.

2. *Dệt bông* : Hoạt-động ở Rhénanie, nhưng nhiều nhất ở Saxe, Lusace Glogau. Dệt tơ ở miền Rhur.

Nói tổng-quát, Đức ở vào bậc nhì Âu-Châu về nghề dệt. Thời Quốc-Xã, nhà cầm-quyền muốn giảm bớt nhập-cảng nguyên-liệu dệt, nên đã khuyến-trương sợi hóa-học.

b) Kỹ-nghệ kim-loại.

Về loại này, Đức được sắp hạng tư trên thế-giới sau Nhật-Bản. Năm 1959, ở Đông-Đức sản-xuất 2,6 triệu tấn thép và Tây-Đức 29,5 triệu tấn thép. Năm 1960, khối-lượng sản-xuất đã tăng được 25%. Năm 1964, cả hai miền Đức sản-xuất 37 triệu tấn. Nếu đem so-sánh với Anh, Pháp, ta thấy nước Đức vượt cả hai nước kia (Pháp : 19 triệu tấn, Anh 26 triệu).

Ngành luyện-kim tại Đức phát-triển mạnh-mẽ là do sự đòi hỏi cấp-bách của khách hàng. Phần nhiều các cơ-sở kỹ-nghệ luyện-kim đều hoạt-động tới mức tối-đa, vì các xưởng kỹ-nghệ thép đều có một tổng-số phiếu đặt hàng khoảng 7 triệu tấn. Khối-lượng này là khối-lượng sản-xuất 3 tháng hoạt-động hoàn-toàn của các cơ-xưởng : Krupp, Thyssen v.v...

c) Kỹ-nghệ cơ-khí.

1. *Máy in* : Tại Leipzig và Offenbach

2. *Máy nông-cụ* : Tại Magdebourg, Leipzig

3. *Xe hơi* : Thứ nhì thế-giới (năm 1964 Tây-Đức sản-xuất 2,4 triệu xe ; xuất-cảng : 1,1 triệu)

4. *Xe hỏa* : Bá-Linh, Munich, Cassel

5. *Máy bay* : Dresde, Leipzig ..

6. *Tàu thủy* : Hambourg, Brême, Kiel.

VI. THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

1. THƯƠNG-MẠI NƯỚC ĐỨC

a) Xuất-nhập-cảng.

1. *Xuất-cảng* : Năm 1964, Tây-Đức thu được trên 66 tỷ Marks về xuất-cảng (tức là 14,2 tỷ Mỹ-kim). Thường xuất-cảng máy móc, dụng-cụ khoa-học, thuốc. Đức giữ địa-vị quan-trọng trên thị-trường ngoại-quốc về tàu thủy, xe hơi và dược-phẩm. Ngoài ra số-lượng gang, thép xuất-cảng theo thể-thức trực-xuất là 25% khối-lượng sản-xuất. Nếu kể cả dụng-cụ gang thép chế-biến, thì tỷ-số xuất-cảng là 45% tổng-số lượng gang thép Đức.

2. *Nhập-cảng* : Đức thiếu thực-phẩm và nguyên-liệu dệt, nên phải nhập-cảng lúa mì, thịt, dầu, bông... Năm 1964 chi tiêu về nhập-cảng : 60 tỷ Marks.

b) Hải-cảng Đức.

Từ thời Trung-cổ, Đức đã nổi tiếng về hàng-hải. Ngày nay các hải-cảng ở bờ biển Baltique bị giảm sút, trừ Stettin, nhưng hải-cảng Bắc-Hải lại quan-trọng :

1. *Hải-cảng Emden* : cửa sông Ems.
2. *Hải-cảng Brême* : cửa sông Weser.
3. *Hải-cảng Hambourg* : cửa sông Elbe.

Hải-cảng Hambourg chiếm 50% hoạt-động hải-cảng toàn-quốc. Năm 1964, Hambourg có trên 30 triệu tấn hàng (20 triệu nhập-cảng).

2. GIAO-THÔNG NƯỚC ĐỨC

Vì giữa các trung-tâm kỹ-nghệ và hải-cảng xa nhau, nên hệ-thống giao-thông của Đức có phần phức-tạp. Nói chung, đường bộ của Đức ít quan-trọng (kém nước Pháp) mặc dầu có 135.000 cs cho xe hơi dùng.

a) Hỏa-xa.

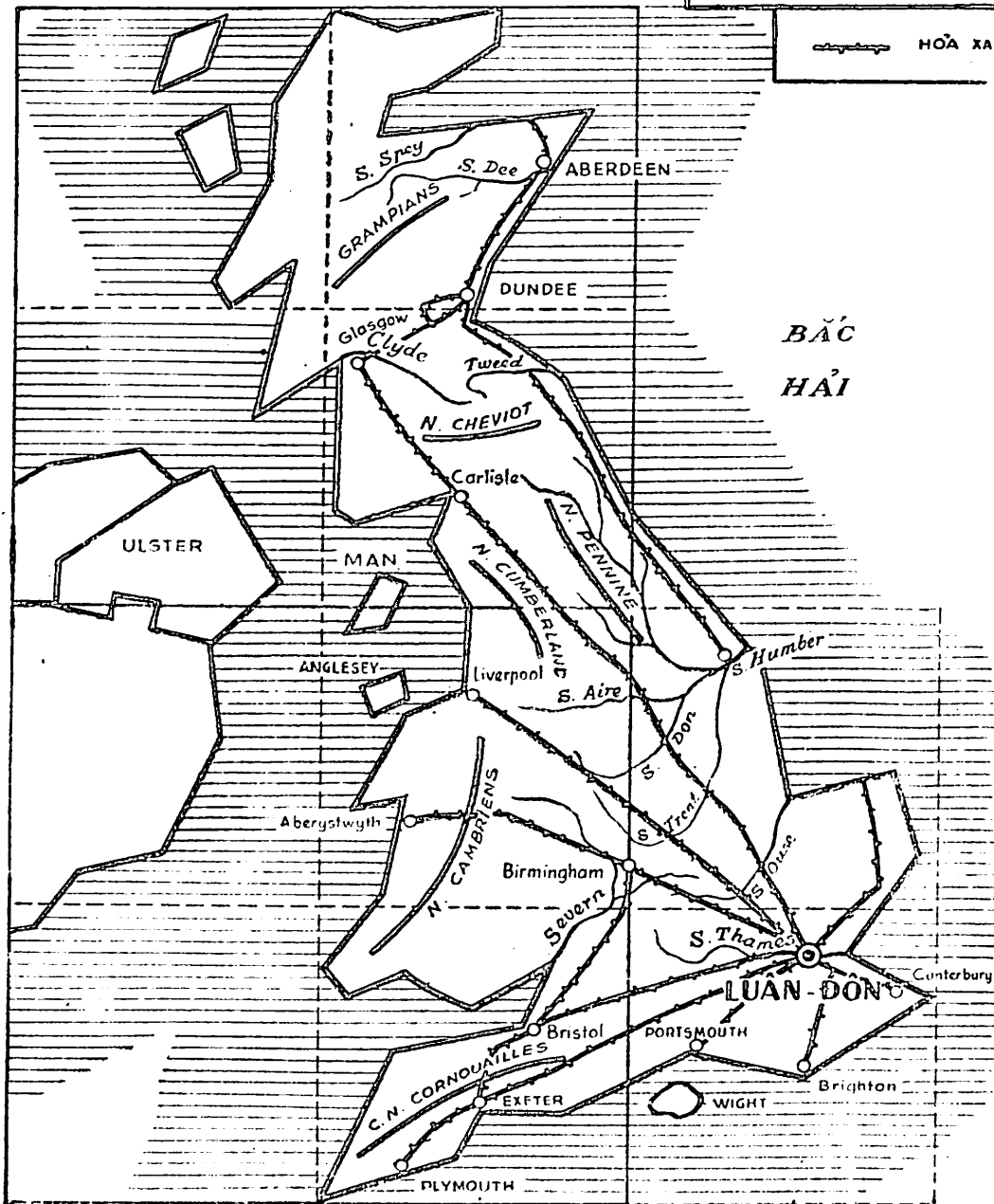
Mở rộng từ cuối thế-kỷ 19 (13 cs trong 100 cs). Năm 1938 hoạt-động nhất Âu-Châu. Hệ-thống hỏa-xa quan-trọng ở ba khu-vực : Bá-Linh, Francfort-sur-le-Main và Dusseldorf. Riêng Tây-Đức có trên 30.000 cs.

b) Đường thủy.

Thứ nhất Âu-Châu (15.000 cs). Tới 4/6 sông ngòi lưu-thông tốt : Rhin, Ems. Weser. Elbe và Oder đề liên-lạc Bắc-Nam ; Danube liên-lạc Đông-Tây.

ANH

HỒA XÁ



BẮC
HẢI

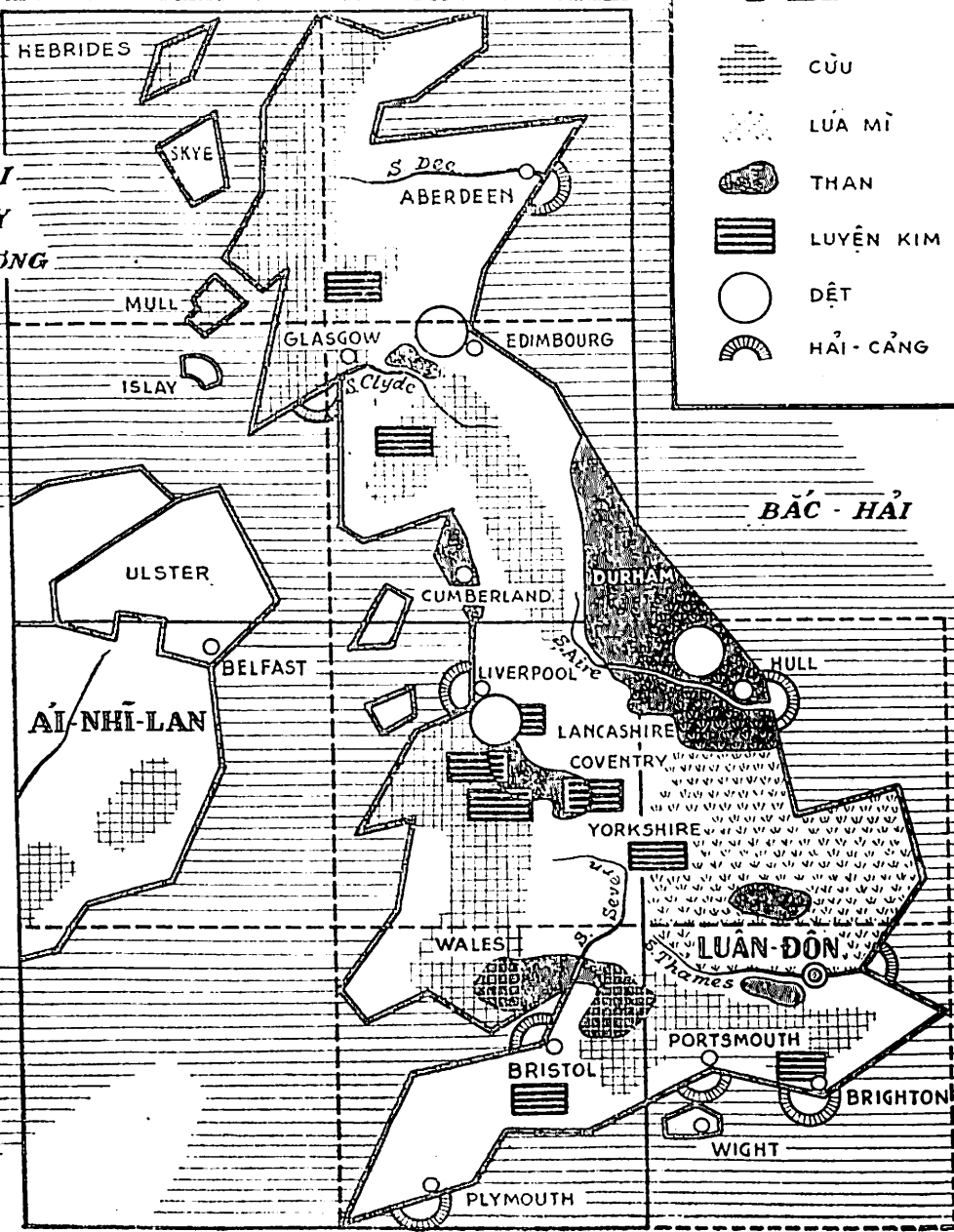
BÊ² MANCHE

ANH

ĐẠI
TÂY
DƯƠNG

-  CỬU
-  LƯA MÌ
-  THAN
-  LUYỆN KIM
-  ĐỆT
-  HẢI - CẢNG

BẮC - HẢI



AI-NHI-LAN

LUAN-ĐÓN

BÉ MANCHE

CHƯƠNG VII

NƯỚC ANH

Nước Anh rộng 244.000 cv, kè cả Bắc Ái-Nhĩ-Lan. Đất đai nước Anh hiện thời gồm : chính xứ England, xứ Wales, xứ Scotland và miền Bắc Ái-Nhĩ-Lan (từ năm 1949, nước Ái-Nhĩ-Lan hoàn-toàn tách khỏi Anh).

Dân-cư Anh phân-phối không đều, vì miền núi ít người, còn miền kỹ-nghệ lại đông dân.

Nước Anh hoạt-động thương-mại hạng nhì thế-giới, nhờ có ngành hàng-hải chắc-chắn. Do đấy, nền kinh-tế của Anh tiến-triển đều đặn hơn nhiều nước Âu-Châu.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, Chăn-nuôi, Ngư-nghiệp.
- IV. Quặng-mỏ, Nguồn năng-lực.
- V. Kỹ-nghệ Anh-Quốc.
- VI. Thương-mại, Giao-thông.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-THIÊN

1. ĐỊA-DIỆN NƯỚC ANH

a) Miền Scotland ở phía Bắc.

Một phần đất cao ở phía Bắc (Highlands), có núi Ben Nevis cao 1.340 th, khí-hậu âm-thấp, đất xấu, dân-cư thưa-thớt. Một phần đất cao ở phía Nam (Southern Uplands) có rặng núi Cheviot ; khí-hậu tốt hơn miền Bắc và nguồn-lợi chính là cừu. Ở giữa Bắc-Nam là bình-nguyên Lowlands, đất tốt, đồng cỏ xanh, trồng cây trái nhiều, có kỹ-nghệ kim-khí và đông dân (Glasgow : trên 1 triệu).

b) Miền Tây và Tây-Nam.

Có rặng núi Pennine cao 900 th theo hướng Bắc-Nam và rặng núi Cumberlands cao 1.000 thước.

c) Bình-nguyên Luân-Đôn.

Đất tốt, trồng lúa mì, củ cải đường, có nhiều mỏ : sắt, than. Bình-nguyên này nắm địa-vị chính về nông-nghiệp Anh. Hầu hết đều trồng cây hoặc chăn nuôi. Ở đây có đủ những điều-kiện kinh-tế chính, nên bình-nguyên Luân-Đôn có một nền kinh-tế quân-bình. Trong bình-nguyên có hai thành-phố quan-trọng là : Bristol, Luân-Đôn.

d) Xứ Wales.

Có rặng núi cỡ Wales, Cambriens, không cao lắm, đồng cỏ tốt dùng nuôi bò. Có mỏ than và kỹ-nghệ luyện-kim, làm giấy.

e) Bắc Ái-Nhĩ-Lan (Ulster).

Trương-đối đất tốt. Có mỏ than, sắt. Ở Belfast trồng đay, nuôi bò sữa, kỹ-nghệ đay, kim-khí và đóng tàu.

2. KHÍ-HẬU, THẢO-MỘC

a) Khí-hậu.

Gió Tây và Tây-Nam mang lại nhiều nước, nhất là về mùa Đông. Càng về phía Đông, mưa càng giảm. Ở phía Tây, thường mưa 2 m, nhưng phía Đông-Nam chỉ độ 60 cm vì có núi ngăn-cản. Riêng thành-phố Luân-Đôn sương mù hợp với khói xương máy nhiều khi ngăn-cản sự lưu-thông.

b) Thảo-mộc.

Đồng cỏ Anh nhiều và rộng hơn đồng ruộng. Tại Anh có trên 1 triệu mẫu rừng (5,4% diện-tích) mà 1/2 rừng có cây tùng-bách. Rừng Anh ít có lợi.

3. SÔNG NGÒI ANH

Sông ở Anh ngắn, lưu-vực hẹp, nước chảy đều, cửa sông tiện-lợi cho việc xây cất nhà ở. Có mấy con sông sau đây :

1. *Clyde, Forth, Dee, Spey* và *Nith* : Ở Scotland.
2. *Humber, Aire, Trent, Ouse, Severn* : Ở miền England.

3. *Sông Thames* (339 cs) : Bắt nguồn từ đồi Costwold, là sông quan-trọng của Anh, chảy qua các thị-trấn Oxford, Windsor, Hampton, Luân-Đôn về ra Bắc-Hải. Các phụ-lưu : Isis, Kennet, Wey. Từ Luân-Đôn ra tới bờ dọc theo sông Thames là hải-cảng tốt. Tuy nhiên, sương mù sông Thames thường cản-trở cho tàu bè. Nhờ con sông này, Luân-Đôn trở thành hải-cảng quan-trọng bậc nhất thế-giới.

Riêng bờ biển Anh được 4.500 cây số. Chung-quanh nước Anh còn một số đảo nhỏ thuộc chủ-quyền Anh : đảo Wight trong biển Manche, quần-đảo Shetland và Orkney ở Bắc-Hải, quần-đảo Hebrides ở Đại-Tây-Dương, đảo Nam và Anglesey ở biển Ái-Nhĩ-Lan.

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ NƯỚC ANH

Năm 1965, nước Anh có 54 triệu dân. Dân-số Anh tiến nhanh (1800, Anh mới có 15 triệu) vì dân Anh sinh nhiều (không vì lý-do nhập-cư như ở Hoa-Kỳ).

Mật-độ dân-cư là 215. Thực ra dân-cư Anh không được phân-phối đều. Người Anh tập-trung 90% ở thành-phố, còn các miền quê thì ít. Ở miền Bắc Scotland và nửa xứ Wales, mật-độ chỉ tới 20. Ta có thể ghi mật-độ dân Anh tại 4 miền :

1. *Miền núi* : mật-độ 10 (vì khí-hậu và đất xấu).
2. *Miền kỹ-nghệ* : mật-độ 1.000 (hoạt-động nhiều về kỹ-nghệ).
3. *Miền bờ biển* : mật-độ 150 (hoạt-động nhiều về hàng-hải).
4. *Miền trồng cấy* : mật-độ 50 (ít hoạt-động về nông-nghiệp).

2. CHÙNG-TỘC ANH

Người Anh là con cháu giống Celtes đã từ Trung-Âu tràn sang và đến ở đất Ái-Nhì-Lan. Ngày xưa người La-Mã gọi đám dân này là "Bretons". Từ thế-kỷ V đến XI, chủng-tộc này bị pha lộn với các chủng-tộc Đan-Mạch, Pháp, Normands, vì những cuộc xâm-lãng vào đất Anh của mấy chủng-tộc trên. Người Anh khỏe-mạnh, ưa tự-do, có nghị-lực, tính lạnh-lùng, bền chí và thích kinh-doanh nơi xa-lạ.

3. THÀNH-PHỐ LỚN

a) Thủ-đô trên 100.000 dân.

Ở Anh có 57 thành-phố trên 100.000 dân, trong số đó có hai thành phố trên 1 triệu, tức là Birmingham và Glasglow.

b) Thủ-đô Luân-Đôn.

Thành-phố lâu đời, đã nổi tiếng về thương-mại từ thời Trung-cổ. Luân-Đôn là hải-cảng quan-trọng nhất của Anh. Hiện thời, dân-số gần 9 triệu (kể cả vùng ngoại-ô). Mật-độ đến 18.000 người. Năm 1900, Luân-Đôn có 3,5 triệu dân. Luân-Đôn là trung-tâm chính-trị, văn-hóa, tài-chính, thương-mại của Anh. Về kỹ-nghệ, Luân-Đôn có nhiều xưởng nhỏ làm xa-xi phàm, có kỹ-nghệ nặng (lọc dầu, luyện-kim, điện-lực) và kỹ-nghệ biến-chế, cơ-khí (cao-su, xe hơi). Về tài-chính có ngân-hàng Anh, thị-trường chứng-khoán. Tại đây nhập-cảng thực-phẩm, sản-phẩm thuộc-địa và các nguyên-liệu (than, quặng, cao-su, dầu, len). Năm 1956, Luân-Đôn nhập-cảng 55 triệu tấn hàng-hóa.

III. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, NGU-NGHIỆP

1. CANH-NÔNG TẠI ANH-QUỐC

a) Tình-trạng nông-nghiệp.

Anh-Quốc chỉ sản-xuất 3 triệu tấn lúa mì cung-cấp 45% nhu-cầu. Nông-nghiệp của Anh kém, nên phải nhập-cảng nhiều. Nguyên-nhân sự kém cỏi đó do các điều-kiện địa-dư và xã-hội gây ra:

1. *Ít đất phì-nhiều*: Chỉ có miền đất thấp ở Scotland về phía Đông, bình-nguyên Thames và vùng Feus là đất tốt (6,5 triệu mẫu tây). Trái lại, đồng cỏ chiếm một diện-tích 15 triệu mẫu; do đấy, nghề chăn-nuôi phát-đạt hơn nghề nông.

2. *Khí-hậu âm-thấp*: Có lợi cho đồng cỏ, nhưng lại bất-lợi cho việc trồng trọt.

3. *Điều-kiện xã-hội*: Từ lâu, người Anh coi thường nông-nghiệp và trọng kỹ-nghệ. Kỹ-nghệ phát-triển lôi kéo một số lớn nông-dân hướng về các xưởng kỹ-nghệ. Từ năm 1846, do sự tự-do mậu-dịch, nên nhiều thực-phẩm ngoại-quốc đã được nhập-cảng vào Anh.

Muốn giảm bớt sự thiếu-hụt thực-phẩm (nhất là trong trận thế-chiến II), chính-quyền Anh phải tăng-cường về phân bón, cơ-giới-hóa và giúp đỡ trực-tiếp nông-dân bằng tiền hoặc bảo-đảm giá thực-phẩm.

b) Khu-vực và loại nông-sản.

1. *Khu-vực nông-sản*: Miền Scotland sản-xuất lúa mì, lúa mạch, củ cải đường, khoai và trái cây. Việc trồng cây ăn trái tập-trung quanh các thành-phố. Miền Đông Anh, tại Humber và bình-nguyên Luân-Đôn trồng lúa mì, lúa mạch lẫn với khu-vực trồng củ cải đường. Miền Kent, lưu-vực Severn (Worcester), miền Hereford và Devon chuyên về chăn nuôi và trồng cây ăn trái. Miền Tây ít nguồn-lợi, phần nhiều trồng rau.

2. *Loại nông-sản*: Tại Anh-Quốc, năm 1963 sản-xuất tổng-số các loại: 9 triệu tấn ngũ-cốc. Riêng về lúa mì: 3 triệu tấn; củ cải đường và khoai: 6 triệu tấn.

2. CHĂN NUÔI TẠI ANH-QUỐC

a) Nuôi cừu.

Tại Tây-Nam Scotland chuyên nuôi cừu (núi Cheviot, lưu-vực Tweed), ngoài ra chung quanh núi Pennine, cao-nguyên Wales và đồi sỏi Downs cũng có nhiều cừu. Số cừu chừng 11 triệu con.

b) Nuôi bò.

Người Anh nuôi cừu ở vùng núi, nhưng nuôi bò tại các đồng cỏ ở Lancashire, Trent, Severn. Năm 1963, có 13 triệu bò sản-xuất 12 triệu tấn sữa. Tuy nhiên tới 1/2 thịt và 3/4 phó-mát được nhập-cảng từ các thuộc-địa.

3. NGƯ-NHIỆP TẠI ANH-QUỐC

Chung quanh biên-giới Anh là bờ biển, nên ngư-nghiệp phát-triển khá. Mỗi năm sản-xuất 1 triệu tấn cá (thứ nhì Âu-Châu). Hai khu-vực hoạt-động nhiều nhất là Grimsby, Aberdeen. Năm 1955, Anh có 5.000 tàu buồm, 9.200 tàu hơi nước và 100.000 ngư-phủ.

IV. QUẶNG-MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. QUẶNG-MỎ Ở ANH

Nước Anh tuy giàu về mỏ sắt nhưng vẫn phải nhập-cảng tới 1/3. Làm thế, không phải vì Anh thiếu quặng sắt, nhưng vì quặng-mỏ của Thụy-Điễn, Tây-Ban-Nha, Algérie và Tunisie cần và hợp cho một số kỹ-nghệ của Anh hơn. Những mỏ sắt của Anh ở núi Cumberland và miền Cotswold. Sản-xuất 15 triệu tấn.

2. NGUỒN NĂNG-LỰC

a) Than đá.

1. *Trước thế-chiến II* : Nước Anh có nhiều mỏ than, rải rác ở các chân núi cỏ và gần bờ biển. Vào thế-kỷ 19 và đầu thế-kỷ 20, Anh sản-xuất nhiều nhất thế-giới (năm 1913 : 300 triệu tấn) và xuất-cảng 100 triệu tấn. Những nơi sau đây có mỏ than quan-trọng : Cumberland, Midlands, Northumberland, núi Pennine, miền Scotland, miền Nam Wales.

2. *Từ thế-chiến II* : Từ năm 1938 trở đi, Anh sản-xuất ít dần, và hồi đó còn xuất-cảng 50 triệu tấn. Năm 1956, Anh chỉ sản-xuất 215 triệu tấn và hầu như không xuất-cảng. Nguyên do một phần vì không tuyển-mộ được nhân-công (giảm 1/3 từ 1913), vì thế, họ phải tìm nhân-công ngoại-quốc thay thế. Sau thế-chiến II, chính-phủ quốc-hữu-hóa một số mỏ than và canh-tân việc khai-thác. Tuy nhiên, than Anh ngày nay ít quan-trọng hơn trước, vì người ta dùng điện, dầu nhiều ; hơn nữa, bị các nước Hoa-Kỳ, Đức, Ba-Lan, Pháp cạnh-tranh.

b) Sự quan-trọng dầu hỏa.

Từ đầu thế-kỷ XX, năng-xuất than của Anh kém hơn trước. Năm 1947, Anh lập « National Coal Board » để cải-tiến ngành mỏ than. Dầu vậy, đến năm 1962, chỉ sản-xuất 216 triệu tấn và từ 1956 coi như không xuất-cảng. Trái lại, *dầu hỏa* lại tiến khá nhanh từ năm 1951, vì Anh khai-khẩn các mỏ ở Ba-Tur, Irak, Koweit, Phi-Châu và hợp lực với Gia-Nã-Đại (lưu-vực Turner). Ngoài ra, Anh còn kiến-thiết nhiều xưởng lọc dầu. Năm 1954, Anh khai-thác 48 triệu tấn ở Koweit và 54% số dầu Ba-Tur.

c) Điện-lực. 49 tỷ kwh.

V. KỸ-NGHỆ ANH-QUỐC

1. KỸ-NGHỆ DỆT TẠI ANH

a) Vấn-đề nguyên-liệu.

Tại Anh-quốc mỗi năm có thể cung-cấp được 43.000 tấn len, còn về bông lại phải nhập-cảng từ Ấn-Độ, Ai-Cập, Soudan.

b) Khu-vực kỹ-nghệ dệt.

Thật ra, kỹ-nghệ dệt Anh là một kỹ-nghệ nổi tiếng từ thời Trung-cổ.

1. *Kỹ-nghệ len* : Ngày xưa, kỹ-nghệ len hoạt-động nhiều ở thôn-quê, nhất là chung-quanh York. Ngày nay, lan rộng trong quận Yorkshire (ở Leeds và Bradford kéo sợi, tơ ; ở Nottingham chuyên dệt áo). Ngoài ra, nghề dệt len ở Glasgow và Luân-Đôn cũng nổi tiếng.

2. *Kỹ-nghệ bông sợi* : Từ thế-kỷ 17, nghề dệt bông sợi đã hoạt-động ở Manchester, Lancaster, Bolton, Wigan. Tại Dundee nổi tiếng về kỹ-nghệ đay. Dệt tơ ở Sheffield và Nottingham. Vào năm 1870, xuất-cảng bông sợi tới 50% tổng-số xuất-cảng. Ngày nay, Anh chỉ còn sản-xuất 25% bông sợi thế-giới.

2. KỸ-NGHỆ LUYỆN-KIM

a) Vấn-dề nguyên-liệu.

Mỗi năm Anh tự cung-cấp 15 triệu tấn sắt. Tuy nhiên, trung-bình mỗi năm còn phải nhập-cảng tới 1/3 nguyên-liệu sắt, mới đủ cung-cấp cho các loại kỹ-nghệ cơ-khí trong nước.

b) Khu-vực kỹ-nghệ luyện-kim.

Nhờ có nguồn năng-lực dồi-dào, vốn, chuyên-viên và máy-móc, nên kỹ-nghệ luyện-kim phát-triển nhanh. Anh bán các sản-phẩm cơ-khí để đổi lấy thực-phẩm và nguyên-liệu. Sau đây là 5 khu-vực quan-trọng :

1. Tại Scotland : Glásgow.
2. Tại Đông-Bắc : Middlesbrough.
3. Tại Cumberland : Barrow-in-Furness.
4. Tại Wales : Swansea và Cardiff.
5. Tây Nam : Sheffield và Birmingham.

Ngành kỹ-nghệ này đứng nhất thế-giới vào năm 1890. Vì bị Đức, Nhật, Nga, Hoa-Kỳ cạnh-tranh, nên hiện nay Anh chỉ còn giữ hàng thứ năm thế-giới (27 triệu tấn năm 1965).

c) Khu-vực kỹ-nghệ cơ-khí.

1. Đóng tàu : Ở Clyde, Tyne, Cumberland.
2. Máy dệt : Yorkshire và Lancashire.
3. Xe hơi (1963 : 1,6 triệu) : Luân-Đôn.
4. Đồ điện, máy bay, nông-cụ : Luân-Đôn.

3. NHỮNG KHÓ-KHĂN KỸ-NGHỆ ANH

a) Kỹ-nghệ dệt.

1. Máy cũ, việc sản-xuất không tập-trung.
2. Ấn và Ai-Cập xuất-cảng ít nguyên-liệu sang Anh.
3. Đức và Nhật cạnh-tranh với Anh.

b) Kỹ-nghệ luyện-kim, cơ-khí.

1. Quặng mỏ cạn dần.
2. Hoa-Kỳ, Nga, Đức cạnh-tranh với Anh.

Đề giải-quyết những khó-khẩn này, Anh phải khuếch-trương việc trồng bông ở Đông Phi-Châu, tối-tân-hóa kỹ-nghệ dệt và tìm thị-trường ở Nga, Trung-Hoa. Về luyện-kim, phải trang-bị máy móc tự-động, thay thế các máy cũ và từ năm 1945 đến 1951, quốc-hữu-hóa một số cơ-sở kỹ-nghệ.

VI. THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

1. THƯƠNG-MẠI Ở ANH-QUỐC

Ngày nay, nền thương-mại của Anh vẫn phồn-thịnh, nhờ có nhiều *thuộc-địa cũ*, ngành *thương-thuyền* phát-đạt và nhiều *hải-cảng tốt* :

a) Thương-thuyền.

Do vị-trí và hướng đi của nền kinh-tế xứ-sở, nước Anh phải mở-mang nhiều về thương-thuyền. Ngành thương-thuyền Anh có mấy đặc-tính này :

1. Số tàu đóng quá nhu-cầu trong nước và rất ít chuyên-viên ngoại-quốc phục-vụ về ngành này tại Anh ;
2. Được nổi tiếng từ lâu (1812) ;
3. Có mặt khắp nơi trên thế-giới ;
4. Có nhiều công-ty nhỏ bên cạnh công-ty lớn.

Từ năm 1939, nước Anh bị các nước Hoa-Kỳ, Na-Uy, Đức, Nhật, Ý cạnh-tranh, nên chỉ còn chiếm 26% số trọng-tải thế-giới (1939 : 50%) Ngay trong trận thế-chiến II, Anh cũng bị mất 2.000 tàu. Đến năm 1945, Anh chỉ còn lại một nửa trong khi Hoa-Kỳ tăng gấp bốn. Hiện nay Anh có một số tàu trọng-tải 20 triệu tấn, đứng thứ nhì thế-giới (sau Hoa-Kỳ).

b) Hải-cảng.

Nước Anh có mấy loại hải-cảng sau đây :

1. *Quân-cảng* : Plymouth, Portsmouth.
2. *Ngư-cảng* : Aberdeen, Hull, Grimsby.
3. *Than* : Newcastle, Swansea, Cardiff.
4. *Hành-khách* : Liverpool, Southampton, Luân-Đôn.
5. *Tạp loại* : Bristol, Dundee, Hull.

c) Xuất nhập-cảng.

Nước Anh mở ngoại-thương nhiều nhất với các xứ trong khối Thịnh-vượng Anh, Trung-Đông, Nam-Mỹ và một số quốc-gia khác. Ở đây ta có thể kể ra những loại xuất-nhập-cảng của Anh :

1. *Xuất-cảng* : Năm 1963, thu 11 tỷ Mỹ-kim.

— Dầu đã lọc : bán cho các xứ Bắc-Âu.

— Sản-phẩm cơ-khí : bán cho Tây-Âu, Nam-Mỹ, các xứ trong khối Thịnh-vượng Anh.

2. *Nhập-cảng* : Năm 1963, 12,50 tỷ Mỹ-kim.

— Bông, đay : Ấn, Hồi-Quốc, Ba-Tây.

— Cao-su : Mã-Lai, Tích-Lan.

— Quặng : Mã-Lai, Rhodésie.

— Dầu : Trung-Đông, Vénézuêla.

— Máy móc : Hoa-Kỳ.

— Ngũ-cốc thực-phẩm : Gia-Nã-Đại, Úc, Tân-Tây-Lan, Tây Phi-Châu (nhập-cảng 4/5 lúa mì, 1/2 thịt)

2. GIAO-THÔNG Ở ANH-QUỐC

a) Hỏa-xa.

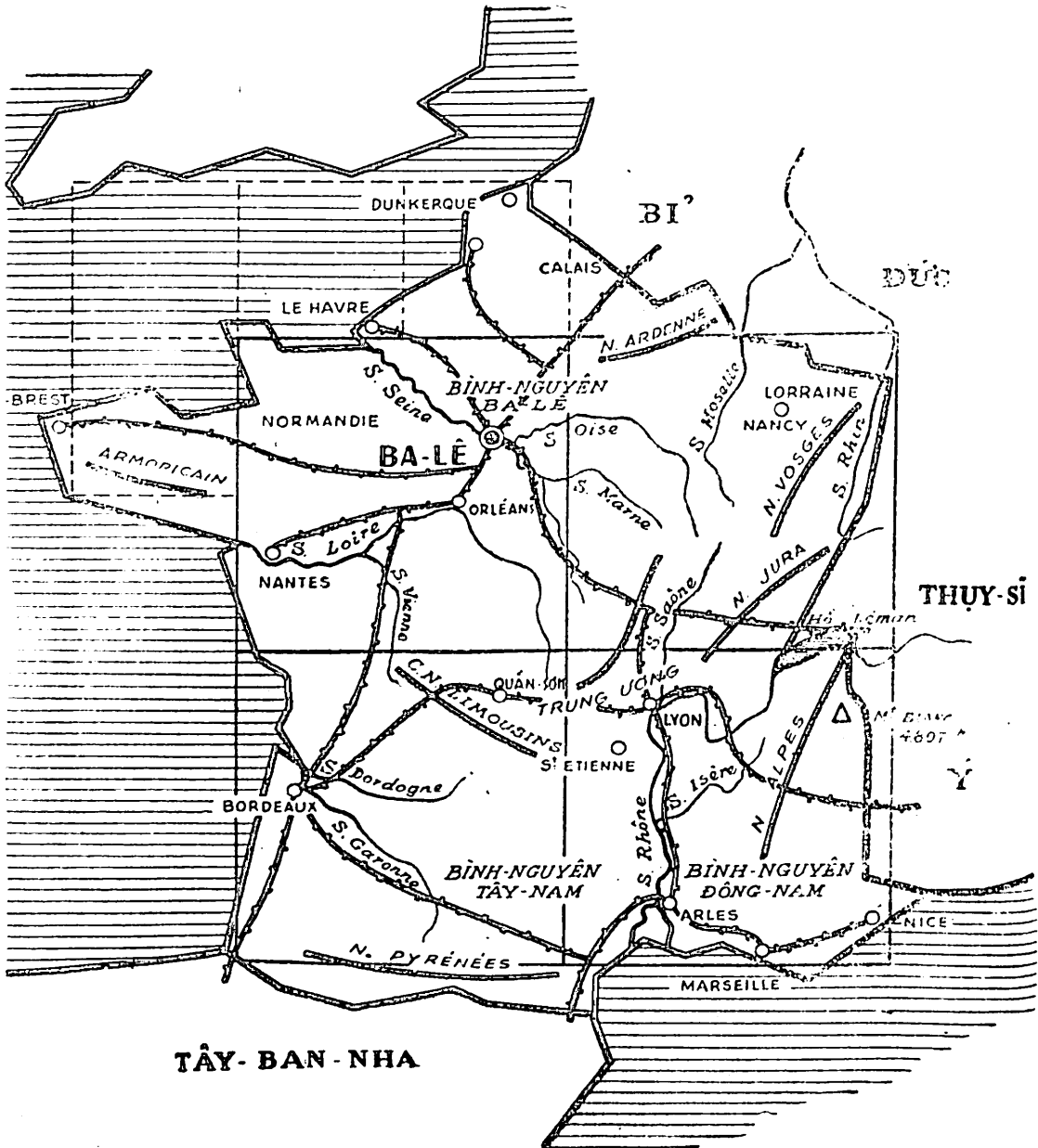
Hiện nay hỏa-xa nước Anh tiến *bậc nhất thế-giới*. Trung-bình chuyên-chở một năm là 1.000 triệu hành-khách và 275 triệu tấn hàng. Từ năm 1959, chính-phủ Anh quyết-định sửa lại một số đường sắt (tổng-số 31.080 cây số) và đến năm 1970 sẽ trang-bị lại hoàn-toàn mới.

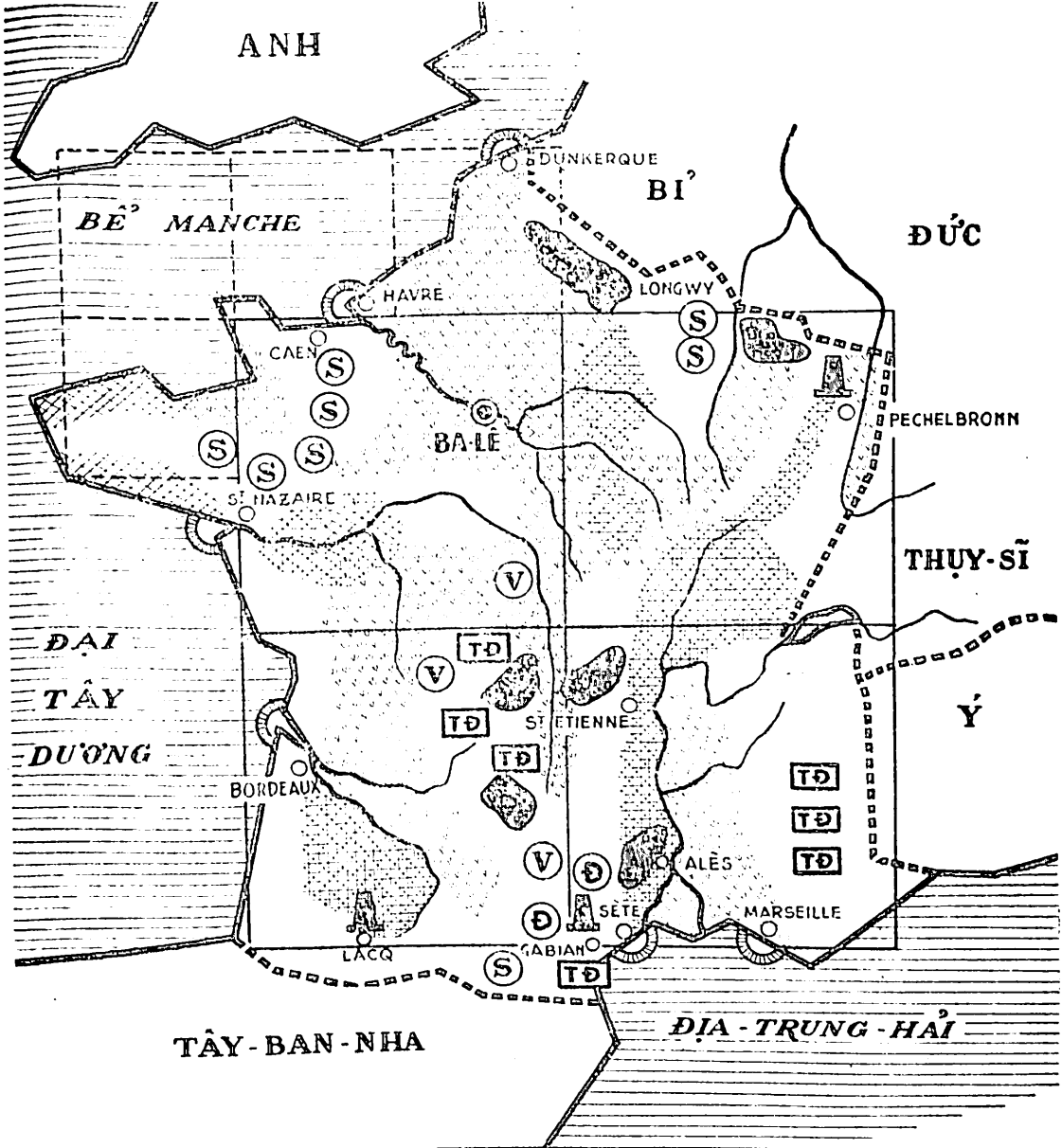
b) Hàng-không.

Hai công-ty BOAC (British Overseas Airways Corporation) và BEA (British European Airways) đều cố-gắng tăng-cường mọi phương-diện về hàng-không. Từ năm 1960, hai công-ty đã dùng hai loại phản-lực Comet 4B, Vanguard, còn loại DH Trident dùng từ năm 1963. Hiện nay hoạt-động hàng-không của Anh đứng thứ nhì sau Hoa-Kỳ.

c) Đường bộ.

Năm 1959, Anh có 8,5 triệu xe hơi; như vậy số xe hơi đã tăng 2 triệu trong 4 năm (năm 1963, sản-xuất 1,6 triệu xe hơi). Từ 1955—1959, Anh chi-tiêu 280 triệu Anh-kim vào việc xây đắp đường bộ.





PHÁP



NHỎ
ĐÔNG
THAN



LÚA MÌ
SẮT
VŨNG



HẢI-CẢNG
RAU
DẦU HỎA
RỪNG, ĐỒNG CỎ
THỦY ĐIỆN

CHƯƠNG VIII

NƯỚC PHÁP

Pháp rộng 550.986 csv, là một nước có diện-tích rộng hơn nhiều nước ở Trung-Âu và Tây-Âu. Biên-giới nước Pháp từ năm 1870 đến nay chỉ thay đổi ở miền Alsace và Lorraine (tranh-giành giữa Đức, Pháp), còn những miền giáp Tây-Ban-Nha, Bỉ, Lục-Xâm-Bảo, Thụy-Si và Ý không thay đổi.

Sánh với các nước trên thế-giới, dân-số Pháp tiến rất chậm, có khi còn lùi nữa là khác, vì số sinh-sản ít mà số chết lại nhiều.

Kinh-tế của Pháp tiến chậm, không phát-triển nhanh-chóng bằng Hoa-Kỳ, Nhật ; hơn nữa, cũng không theo đuổi kịp các nước Anh, Đức.

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, Chăn-nuôi.
- IV. Quặng mỏ, Nguồn năng-lực.
- V. Kỹ-nghệ nước Pháp.
- VI. Thương-mại, Giao-thông.

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

1. ĐỊA-DIỆN NƯỚC PHÁP

a) Những dãy núi.

Ở Pháp có hai loại núi : núi già và trẻ. Loại núi già ở bốn dãy sau đây : Armoricaïn, Ardenne, Vosges, và Quần-sơn Trung-ương. Quần-sơn Trung-ương là một khoảng đất cao, gồm cao-nguyên Limousin... (Tây), núi Morvan, Charolais... (Đông), cao-nguyên Lacaune, Ségale... (Nam). Núi Vosges có nhiều ngọn núi bằng. Núi Ardenne là một cao-nguyên không cao lắm. Loại núi trẻ gồm những dãy : Pyrénées dài 435 es, có nơi cao nhất là 3.298 thước (ở Vignemale), dãy *Mont Blanc* cao 4.807 thước và núi đá vôi *Jura*.

b) Những bình-nguyên.

Chiếm quá 1/2 diện-tích Pháp,

1. Bình-nguyên Ba-Lê.
2. Bình-nguyên Tây-Nam.
3. Bình-nguyên Đông-Nam.

2. KHÍ-HẬU THẢO MỘC

a) Khi-hậu.

Pháp thuộc vùng ôn-đới, khí-hậu ôn-hòa nhờ ở vị-trị địa-dur và ảnh-hưởng của biển. Phần nhiều gió thổi từ phía Tây ; miền Tây mưa nhiều hơn miền Đông. Nhiệt-độ các miền ở Pháp không cách nhau lắm. Có thể chia làm ba miền khí-hậu :

1. *Đại-đương* : Mùa đông dịu, mùa hạ mát.
2. *Lục-dịa* : Mùa đông lạnh, mùa hạ nóng.
3. *Địa-Trung-Hải* : Mùa đông ấm, mùa hạ mát.

b) Thảo-mộc.

Ở Pháp cũng như nhiều nước Âu-Châu, thảo-mộc mỗi vùng lệ-thuộc vào một số điều-kiện như : đất, sức nóng, ánh-sáng, nước v.v... Hiện nay ta có thể phân ra hai vùng thảo-mộc khác nhau :

1. *Vùng Địa-Trung-Hải* : Giống như vùng Địa-Trung-Hải các nước khác, có nhiều cây rậm-rạp : ô-liu, vải, dứa, giẻ. Tại Provence, Nice có nhiều cam và cây dầu-gió.

2. *Vùng ôn-dới phía Bắc* : Vùng này giống như nhiều vùng ở Âu-Châu : có các loại cây sồi, giẻ, liễu, thông.

3. BỜ BIỂN VÀ SÔNG NGÒI

a) Bờ biển.

Nước Pháp có 2.700 cs bờ biển, trong số này 2.075 cs ở Đại-Dương, còn 625 cs ở Địa-Trung-Hải. Bờ biển Pháp có nhiều khung-cảnh thay đổi nhau. Về phía Bắc (72 cs) bờ biển thấp, có hải-cảng Dunkerque. Bờ biển Manche cũng thấp, lấm cát, có nhiều vịnh và đảo nhỏ. Phía Đại-Tây-Dương bờ biển thấp ở miền Vendée. Bờ Địa-Trung-Hải chia hai phần : phía Tây thấp, phía Đông cao, có đá.

b) Sông ngòi.

Gồm những sông chính sau đây :

1. *Sông Rhin* : Ở trên đất Pháp 181 cs về miền Alsace, nước chảy mạnh. Có thể lưu-thông tiện-lợi từ Strasbourg. Phụ-lưu là *Ill* chảy đều-đặn tuy có nhiều thác. Sông Rhin còn nhận một số nước từ các sông ở núi Vosges dẫn đến.

2. *Sông Seine* : Phát-nguyên từ Bourgogne trên cao 471 th, dài 770cs, chảy chậm, đều, qua Ba-Lê, Rouen ra hải-cảng La Havre. Seine là con sông có lưu-lượng điều-hòa nhất của Pháp. Được như vậy là nhờ có bình-nguyên Ba-Lê và các vùng đất chung quanh lưu-vực. Trong số 79.000 csv của bình-nguyên Ba-Lê, có 59.000 csv được hưởng nước sông Seine. Hai phụ-lưu quan-trọng của sông Seine là Oise và Marne. Những cơn mưa về mùa Xuân đôi khi làm cho nước sông Seine gây hại đến bình-nguyên. Vì con sông này chảy qua Ba-Lê, nên trở thành một sông quan-trọng về phương-diện kinh-tế.

3. *Sông Loire* : Phát-nguyên từ Quần-sơn Trung-trương, dài 1.012cs.

4. *Sông Garonne* : Phát-nguyên từ Pyrénées, dài 575 cs.

5. *Sông Rhône* : Phát-nguyên từ Alpes, dài 812 cs.

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ NƯỚC PHÁP

Năm 1965, dân số Pháp được 49 triệu người, trong số đó 50% sống ở thành-phố. Mật-độ trung-bình 87. Nước Pháp có nhiều người già hơn các nước khác. Ta thấy ở Pháp cứ 1/3 người thanh-niên là người già, ở Anh 1/4, Hoa-Kỳ 1/5, Nga 1/7. Sánh với nhiều nước trên thế-giới, dân-số Pháp tiến rất chậm, có khi còn thụt lùi. Năm 1914 : 41.700.000 người, 1921 : 39.000.000 người. Hiện nay, tình-trạng dân-số tiến-triển khá-quan hơn.

2. CHÙNG-TỘC PHÁP

Dân Pháp thuộc nhiều giống người đã tới Pháp từ lâu. Bắt đầu là dân Celtes và Gaulois. Khi người La-Mã chiếm Pháp, thì lại có dân La-Tinh đến ở. Về sau, có những giống Nhật-Nhi-Mãn, Normands, Á-Rập và Sarrasins tới. Các dân-tộc trên đây đã hợp lại và chung đúc thành giống Pháp ngày nay.

3. THÀNH-PHỐ QUAN-TRỌNG

Nước Pháp có 95 tỉnh, 407 thành-phố trên 10 ngàn dân và 22 thành-phố trên 100 ngàn dân. Ở Pháp có 1,5 triệu ngoại-kiều, nhiều nhất là người Ý, Thụy-sĩ, Đức, Nga (phần nhiều sống ở thành-phố).

a) Thành-phố lớn.

1. <i>Marseille</i> :	800.000 dân	4. <i>Bordeaux</i> :	465.000 dân
2. <i>Lyon</i> :	890.000 dân	5. <i>Nice</i> :	310.000 dân
3. <i>Toulouse</i> :	330.000 dân	6. <i>Lille</i> :	432.000 dân

b) Thành-phố Ba-Lê.

Dân-số Ba-Lê chừng 2,8 triệu, nếu kể cả vùng ngoại-ô, thì được 5,5 triệu. Diện-tích Ba-Lê 86 csv, tức là 1/6 tỉnh Seine. Ba-Lê là trung-tâm văn-hóa Pháp và được coi là quan-trọng. Ba-Lê là trụ-sở của các cơ-quan chính-trị, hành-chính, kinh-tế và tài-chính của Pháp. Tại Ba-Lê, có nhiều nhân-công, nhiều phương-diện vận-tải và số tư-bản tập-trung ở đó, nên mọi loại kỹ-nghệ đều có mặt ở Ba-Lê : kỹ-nghệ xe hơi và máy bay ở Ba-Lê quan-trọng nhất nước Pháp. Ba-Lê có khí-hậu tốt và nền thương-mại kỹ-nghệ phát-đạt là nhờ phần nào có sông Seine và hai phụ-lưu Oise, Marne

III. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, NGƯ-NGHIỆP

1. CANH-NÔNG TẠI PHÁP

a) Tình-hình chung.

Pháp là một xứ có nền kinh-tế hỗn-hợp, mà canh-nông giữ vai-trò khá quan-trọng, Pháp sản-xuất đủ nhu-cầu quốc-gia và tới 1/2 dân-số hoạt-động chuyên về canh-nông (7,5 triệu). Diện-tích trồng trọt lên tới 50 triệu mẫu. Riêng diện-tích trồng lúa mì đã bị giảm sút sau thế-chiến II và thay thế vào đó người ta trồng rau, cây ăn trái và đồng cỏ.

b) Loại nông-sản (năm 1965):

1. *Lúa mì*: Loại nông-sản quan-trọng nhất của Pháp (chiếm 13% diện-tích). Lúa mì trồng suốt từ Đông tới Tây và Bắc tới Nam Pháp. Ngay cả trên sườn núi Alps, người ta cũng trồng lúa mì. Tuy-nhiên, những vùng chính-thức trồng loại này là: bình-nguyên Ba-Lê, Alsace, Flandre. Năm 1965 số sản-xuất là 14 triệu tấn, đứng hàng thứ năm thế-giới sau Nga, Hoa-Kỳ, Trung-Hoa và Gia-Nã-Đại. Năm 1964, Pháp xuất-cảng sang Trung-Cộng 1 triệu tấn lúa mì.

2. *Khoai*: Hầu hết gia-đình nông-dân nào cũng trồng khoai; nhiều nhất là ở vùng Alsace, Bretagne, Auvergne, Limousin. Sản-xuất 10 triệu tấn (1/2 dùng làm thực-phẩm cho người). Trước thế-chiến II, Pháp đứng thứ ba thế-giới.

3. *Củ cải đường*: Sau thế-chiến II, việc trồng loại này lại được lan rộng như trước. Sản-xuất 17 triệu tấn năm 1965.

4. *Nho*: Trồng trên diện-tích 1,5 triệu mẫu. Năm 1965 thu-hoạch trên 66 triệu tấn, sản-xuất trên 60 triệu hl rượu. Pháp đứng vào bậc nhất về phẩm và lượng. Hiện nay trồng nhiều ở phía giáp Địa-Trung-Hải, Champagne, Bourgogne và Bordelais.

5. *Cây kỹ-nghệ*: Ngoài củ cải đường, dân Pháp còn trồng gai, thuốc và cây lấy dầu. Hàng năm sản-xuất 5.000 tấn gai và 1,5 triệu tấn sản-phẩm cây dầu.

2. CHĂN-NUÔI VÀ NGƯ-NGHIỆP

a) Chăn-nuôi tại Pháp.

1. *Bò*: Hầu hết ở miền nào cũng nuôi nhiều bò. Tổng-số bò lên

tới 16 triệu con. Tại Limousin, Vendée, Flandre nuôi bò ăn thịt ; tại Bretagne, Normandie, Charente và miền núi nuôi bò sữa.

2. *Chiên, cừu* : Từ 80 năm về đây, việc nuôi chiên cừu bị giảm sút vì sự cạnh-tranh của ngoại-quốc. Hiện nay chỉ được chừng 7 triệu con ở vùng Languedoc, Provence..

3. *Ngựa* : Đủ dùng trong nước (2 triệu con). Nuôi ở vùng Normandie, Bretagne, Perche.

b) Ngư-nghiệp tại Pháp.

Trước thế-chiến II, Pháp có nhiều tàu đánh cá, tổng-số trọng-tải 250.000 tấn. Gần 1/2 trong số này chuyên đánh cá ở các đại-dương : Terre-Neuve, Bắc-Hải, Ích-Lan. Có các ngư-cảng quan-trọng : St. Malo, Paimpol, Dunkerque, Granville. Năm 1965 thu-hoạch được 430.000 tấn cá. Dân chài lưới nổi tiếng nhất là dân Bretagne.

IV. QUẶNG-MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. QUẶNG-MỎ TẠI PHÁP

a) Quặng sắt.

Pháp giàu nhất về mỏ sắt, than và bauxite sánh với các quốc-gia ở Âu-Châu. Hầu hết sắt Pháp nằm ở vùng Briey-Longvy (Meurthe-et-Moselle), Metz, Thionville. Tại ba nơi này có chừng 20 công-ty khai-thác sắt, đầu-dụng tới 30.000 nhân-công. Ngày nay sản-xuất mỗi năm chừng 62 triệu tấn (1929 : 50 triệu tấn) và đứng vào bậc ba thế-giới.

b) Quặng bauxite.

Danh-từ bauxite, bởi tên làng Baux ở Provence, gần Arles. Ngoài mỏ bauxite ở làng Baux, còn có hai mỏ ở Var và Hérault. Năm 1962, sản-xuất 2.100.000 tấn và chỉ cung-cấp đủ nhu-cầu trong xứ.

c) Các loại quặng khác.

Ngoài quặng sắt, bauxite, Pháp chỉ có một số các loại khác : vàng, kẽm, chì... Trước thế-chiến II, sản-xuất 2 tấn vàng.

9. NGUỒN NĂNG-LỰC TẠI PHÁP

a) Than.

Hiện nay Pháp có chừng 600 mỏ than với diện-tích 6.500 csv ở miền Bắc và Pas-de-Calais, Creusot, Tarn, Gard, miền Trung và Moselle, nhưng vẫn không đủ cho nhu-cầu quốc-gia, nên phải nhập-cảng nhiều. Sánh với Hoa-Kỳ, Đức, Nga thì Pháp còn kém xa về phương-pháp và dụng-cụ khai-thác. Năm 1946, Pháp phải sửa lại việc khai-thác tốn kém 100 tỷ quan-cũ. Năm 1965 Pháp sản-xuất 54 triệu tấn than và dùng tới 150 000 nhân-công. Muốn bớt phần nhập-cảng, Pháp phải tăng-cường hệ-thống điện-lực. Dầu vậy, Pháp vẫn phải dùng nhiều than Coke của hạt Rhur, một loại than cần thiết cho kỹ-nghệ luyện-kim. Năm 1965, Pháp nhập-cảng 17 triệu tấn than.

b) Dầu hỏa.

Trên đất Pháp, sản-xuất rất ít dầu hỏa (năm 1965 : 3 triệu tấn). Mỏ dầu ở vùng Lacq, Gabian không thể cung-cấp đủ cho Pháp, nên từ năm 1955, Pháp tăng-cường việc khai-thác mỏ dầu ở Sahara (năm 1965 : 26 triệu tấn). Năm 1965, Pháp tiêu-thụ 47 triệu tấn.

c) Điện lực.

Từ năm 1947, Pháp tăng-cường hệ-thống thủy-diện và nhiệt-diện. Năm 1965, số điện tiêu-thụ tới 102 tỷ Kwh.

V. KỸ-NGHỆ NƯỚC PHÁP

1. KỸ-NGHỆ DỆT TẠI PHÁP

a) Miền kỹ-nghệ dệt.

Ở Pháp có nhiều vùng kỹ-nghệ dệt và có 2.000.000 nhân-công. Mỗi năm Pháp xuất-cảng tới 1/9 tổng-số xuất-cảng. Hiện nay có thể phân-biệt ra bốn miền :

1. Lyon, St. Etienne : Dệt tơ.
2. Alsace và Lorraine : Dệt bông.
3. Flandre, Artois : Dệt len, bông.
4. Normandie : Dệt vải, bông.

b) Loại kỹ-nghệ dệt.

1. *Kỹ-nghệ len* : Nước Pháp đứng thứ nhì thế-giới, sau nước Anh. Về nguyên-liệu, Pháp phải nhập-cảng tới 80% từ các xứ Á-Căn-Đình, Uruguay, Úc-Đại-Lợi, Cap và Bắc-Phi. Riêng về kỹ-nghệ len dùng tới 150.000 thợ.

2. *Kỹ-nghệ tơ* : Nhập-cảng nguyên-liệu từ Trung-Hoa, Nhật, Ý, Việt-Nam. Các nước rất ưa đồ tơ của Pháp vì hợp-thời và có nhiều loại khác nhau.

3. *Kỹ-nghệ vải bông* : Loại kỹ-nghệ này dùng tới 150.000 nhân-công, mỗi năm sản-xuất 400.000 tấn.

2. KỸ-NGHỆ LUYỆN-KIM

a) Miền kỹ-nghệ.

Tập-trung ở năm miền :

1. *Miền Đông* : Briey, Longwy, Nancy.
2. *Miền Bắc* : Calais, Boulogne.
3. *Miền Trung* : St. Etienne.
4. *Miền Tây* : Caën, Loire.
5. *Miền Nam* : Alès.

b) Mức sản-xuất.

Pháp có tới 200 xưởng luyện kim, nhưng trong số đó chỉ có 28 xưởng lớn. Trước thế-chiến II, Pháp còn thiếu nhiều máy tự-động, đến nay đã được trang-bị cho hợp. Năm 1965, sản-xuất 16 triệu tấn gang và trên 19 triệu tấn thép.

3. KỸ-NGHỆ CƠ-KHÍ VÀ HÓA-HỌC

a) Kỹ-nghệ cơ-khí.

1. *Vơ-khí* : Ở Creuzot, St. Etienne.
2. *Xe hỏa, máy dệt* : Ở Lille, St. Quentin.
3. *Đóng tàu* : Ở Seine, Bordeaux, Havre, Dunkerque.
4. *Máy bay* : 732 chiếc (sản-xuất năm 1962).
5. Riêng vùng Ba-Lê có đủ loại kỹ-nghệ, nhiều nhất là xe hơi. Năm 1965, Pháp sản-xuất 1.375.000 xe hơi (xuất-cảng 530.000).

b) Kỹ-nghệ hóa-học.

Ngoài các sản-phẩm hóa-học thường dùng, từ sau thế-chiến II, Pháp khuếch-trương về ngành phân-bón, đồ nhựa và cao-su nhân-tạo.

c) Kỹ-nghệ thực-phẩm.

Sau kỹ-nghệ cơ-khí và hóa-học, phải kể đến kỹ-nghệ thực-phẩm mà quan-trọng nhất là *cá hộp*. Các miền có kỹ-nghệ đồ hộp là Dunkerque, Marseille, Nantes, Bordeaux. Số nhân-công tới 20.000 người. Tiếp đến kỹ-nghệ đường bánh-trường ở phía Bắc, vì làm củ cải đường. Kỹ-nghệ sữa lan rộng tất cả những vùng chăn-nuôi, mà nhiều nhất là ở Jura Savoie, Poitou, Normandie. Trước thế-chiến II, Pháp sản-xuất nhiều bơ.

4. ĐIỀU-KIỆN CHI-PHỐI KỸ-NGHỆ

Những điều-kiện sau đây chi-phối kỹ-nghệ Pháp :

- giàu nhất Âu-Châu về sắt ;
- nhờ các thuộc-địa cũ cung-cấp nguyên-liệu ;
- 35% dân-số hoạt-động kỹ-nghệ ;
- điện-lực nhiều ;
- tuy nhiên, thiếu than và nhất là dầu hỏa.

Năm 1965, mức sản-xuất của Pháp lên tới 144 (năm 1959 = 100).

VI. THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

1. THƯƠNG MẠI Ở PHÁP

a) Thương-thuyền và hải-cảng.

Về thương-thuyền, hiện nay Pháp đứng thứ năm thế-giới, sau các nước Hoa-Kỳ, Anh, Na-Uy, Nhật. Dầu Pháp cố-gắng tăng-cường về thương-thuyền, nhưng ảnh-hưởng của ngoại-quốc tại các hải-cảng Pháp và hải-cảng thuộc-địa mỗi ngày vẫn tăng thêm. Sau thế-chiến, trọng-tải về thương-thuyền còn 1,8 triệu tấn, đến năm 1964 tăng lên 5,2 triệu tấn. Pháp có 790 tàu buôn loại trọng-tải trên 100 tấn (thứ 10 thế-giới). Sau đây là mấy hải-cảng lớn :

1. *Marseille* : quan-trọng nhất (50 triệu tấn hàng).
2. *Rouen* : 7,5 triệu tấn hàng.
3. *Dunkerque* : 5 triệu tấn hàng.
4. *Havre* : 3,5 triệu tấn hàng.

b) Xuất-nhập-cảng.

1. *Xuất-cảng* : Mỗi năm xuất-cảng 34 triệu tấn hàng tới các xứ : Đức, Anh, Bỉ, Lục-Xâm-Bảo, Thụy-Si, Hoa-Kỳ, Hòa-Lan và các vùng thuộc-địa hoặc cựu thuộc-địa. Đồ xuất-cảng của Pháp thường là rượu, trái cây, rau, tơ, sợi, len, sắt, thép, xe hơi, xe đạp. Trong các loại này tới 40% là đồ sắt, thép, rồi đến 25% là rượu. Năm 1965, thu 42 tỷ quan mới.

2. *Nhập-cảng* : Mỗi năm nhập-cảng tới 50 triệu tấn hàng hóa từ các xứ : Anh, Hoa-Kỳ, Úc-Đại-Lợi, Đức, Bỉ, Trung-Đông (dầu), Việt-Nam (cao-su) và các cựu thuộc-địa (nguyên-liệu). Các quốc-gia dưới quyền cai-trị của Pháp trước đây, mỗi năm xuất-cảng sang Pháp tới 60% hàng-hóa. Đồ nhập-cảng thường là : ngũ-cốc, sản-phẩm cây dầu, dầu hỏa, bông và len sống, cao-su. Năm 1965, số tiền nhập-cảng là 42,4 tỷ quan mới.

2. GIAO-THÔNG NƯỚC PHÁP

a) Đường bộ.

Pháp có 776.000 cs đường và trên 100.000 xe vận-tải. Hiện nay số xe hơi Pháp được 6 triệu chiếc.

b) Hỏa-xa.

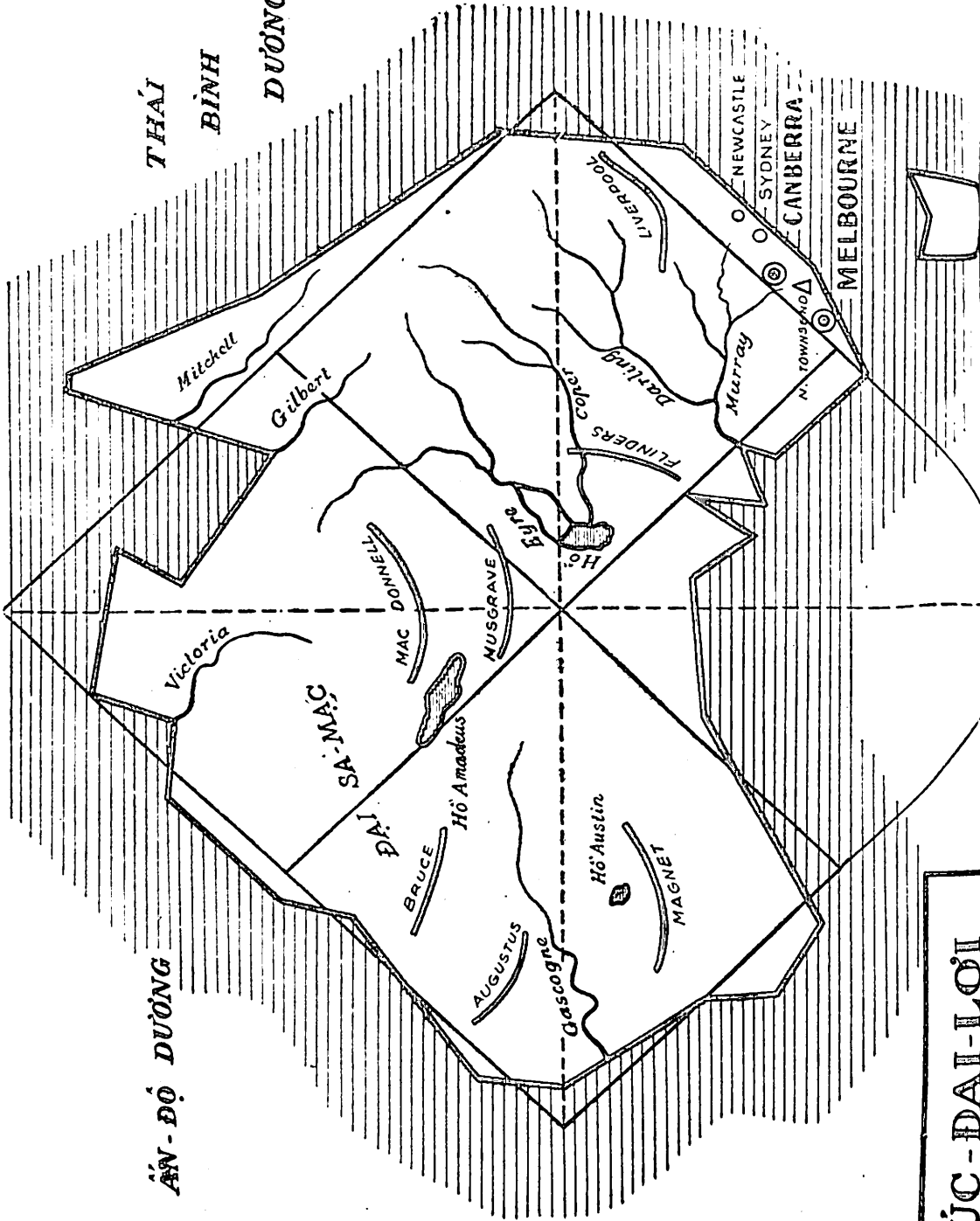
Có 42.000 cs đường sắt. Từ năm 1952, tăng thêm 2.500 cs đường sắt. Số hành-khách hỏa-xa năm 1965 lên tới 618 triệu người.

c) Hàng-không.

Hoạt-động 200.000 cs và có 24 đường nối Ba-Lê với các Thủ-đô : Bắc-Trung-Âu, Mỹ, Phi và Á-Châu.

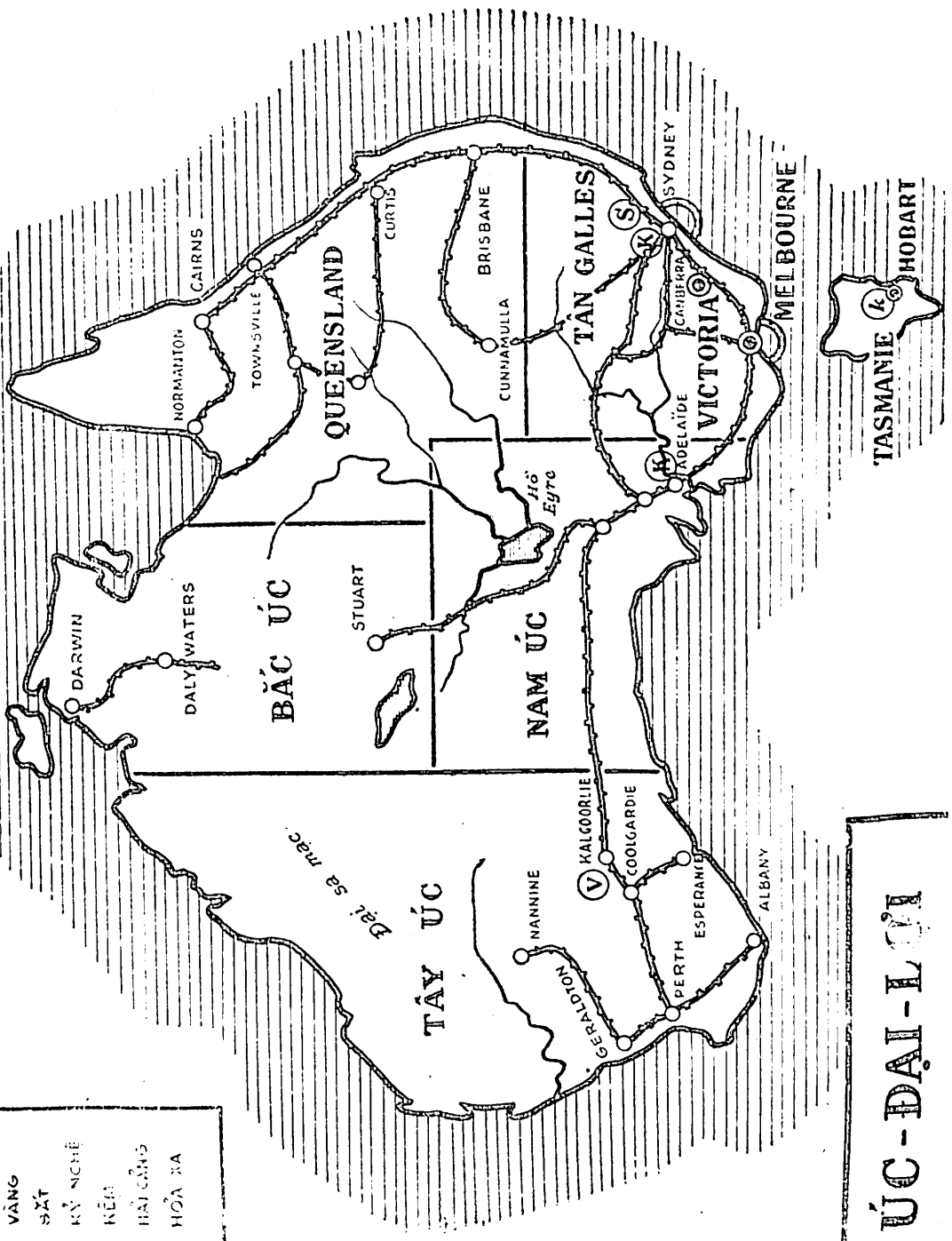
ẤN-ĐỘ DƯƠNG

THÁI
BÌNH
DƯƠNG



ÚC-ĐẠI-LỢI

- (V) VÀNG
- (S) SẮT
- (K) KỸ NGHỆ
- (L) KÈM
- (H) HẢI CẢNG
- (H) HỒ SÁ



ÚC-ĐẠI-LỢI

CHƯƠNG IX

NƯỚC ÚC-ĐẠI-LỢI

Năm 1606, người Hòa-Lan khám-phá ra Úc-Đại-Lợi ; sau này người Anh đến Úc đông hơn, đẩy lui dân địa-phương vào phía trong. Năm 1900, Anh nhận cho 6 thuộc-địa Úc trở nên 6 tiểu-bang : Tây-Úc, Nam-Úc, Queensland, Tân Wales miền Nam, Victoria, Tasmania, cùng với hai lãnh-thô (Bắc-Úc, khu-vực thủ-đô Canberra) hợp thành Liên-bang.

Nước Úc ở trong khối Thịnh-vượng Anh. Đứng đầu là vị Toàn-quyền do Anh-Hoàng bổ-nhiệm. Quyền hành-pháp do một hội-đồng hành-pháp Liên-bang, có Thủ-tướng làm đầu. Quyền lập-pháp do Thượng Nghị-viện (60 người) và Phòng Đại-diện (124 người) bầu trong ba năm.

Chúng ta vừa sơ-lược về lịch-sử và tổ-chức chính-trị ở Úc. Về phương-diện địa-lý, chúng ta sẽ trình-bày theo đây :

Trong chương này sẽ bàn về :

- I. Địa-lý thiên-nhiên.
- II. Địa-lý nhân-văn.
- III. Canh-nông, Chăn-nuôi, Quặng mỏ, Nguồn năng-lực.
- IV. Kỹ-nghệ, Thương-mại, Giao-thông.
- V. Tân-Tây-Lan (Đại-Dương-Châu).

I. ĐỊA-LÝ THIÊN-NHIÊN

1. ĐỊA-DIỆN NƯỚC ÚC

Nước Úc giống như Nam-Phi, trừ có mấy điểm sau đây :

a) Bị cô-lập.

Úc ở về phía Nam bán-cầu, được coi như một hòn đảo. Giữa Úc và Á-Châu nối bằng một số quần-đảo.

b) Diện-tích.

Nước Úc rộng gấp đôi Nam-Phi và bằng 4/5 Âu-Châu (gần 8 triệu csv).

c) Có hai miền núi.

1. *Phía Tây* : Miền núi cò, cao từ 400 đến 600 thước.

2. *Phía Đông* : Miền núi cò, ngọn cao nhất : Townsend, 2.241 th.

d) Dân số.

Tuy ở vào vùng nhiệt-đới, nhưng rất ít người.

2. KHÍ-HẬU, THẢO-MỘC

a) Khí-hậu.

Phía Bắc có khí-hậu vùng nhiệt-đới. Miền giữa có khí-hậu sa-mạc, vì ở gần Nam chí-tuyến. Miền Nam có khí-hậu Địa-Trung-Hải (mùa Hạ khô, mùa Đông hay có mưa). Nói chung, tới 3/4 Úc thiếu mưa, nhất là phía Tây lại càng khô khan. Nhiệt-độ ở Úc chênh-lệch, vì ở phía trong, ban ngày có khi lên tới + 50°.

b) Thảo-mộc.

Một phần nửa Úc là rừng rậm, sản-xuất nhiều gỗ quý và các thứ cây dè làm giấy. Ở đây cũng có nhiều loại rau cỏ vì khí-hậu thích-hợp. Phía Đông-Bắc, thảo-mộc tốt.

3. SÔNG HỒ NƯỚC ÚC

a) Sông Murray.

Dài 2.700 cs, phát-nguyên ở miền núi phía Đông.

b) Sông Darling.

Dài 3.100 cs, là phụ-lưu của sông Murray.

c) Sông Murrumbidgee.

Dài 2.200 cs, cũng là phụ-lưu sông Murray.

Ở Úc còn có hai hồ đáng chú-trọng là hồ Amadeus và Eyre nằm trong vùng sa-mạc Gibson và Victoria.

II. ĐỊA-LÝ NHÂN-VĂN

1. DÂN-CƯ NƯỚC ÚC

Năm 1965, dân-số Úc được 11.185.167 (năm 1850 : 400 ngàn); sống trên một diện-tích gần 8 triệu csv. Như vậy mật-độ ở Úc kém hơn hết các miền trên thế-giới. Vùng sa-mạc bên trong không có người ở ; còn miền duyên-hải Tây-Nam, Đông-Nam và Đông-Bắc mật-độ từ 3 đến 6. Ở Úc tới 70% dân sống trong các thành-phố.

Năm 1911, Úc hạn-chế gặt-gao việc nhập-cư để giữ lương cao cho nhân-công. Từ sau thế-chiến II, hằng năm nhập-cư 70.000 người.

2. CHÙNG-TỘC TẠI ÚC

Hiện nay Úc có chừng 600.000 thổ-dân, sống trong rừng rú. Người ta nhận thấy ở Úc có hai hạng người chính-thức :

a) Người da đen Papous.

Số người này chừng 40.000, còn sống đơn-giản. Những người Papous miền Bắc không mặc quần áo, còn người Papous miền Nam (lạnh hơn) mặc da đại-thú. Lớp người này sống bằng nghề săn bắn và chài lưới, ở với nhau từng bộ-lạc. Ngôn-ngữ nghèo nàn, chỉ biết đếm từ 1 đến 4 là cùng. Họ bị tiêu-diệt dần.

b) Người Âu-Châu (95^o/_o).

Hầu hết là người Anh. Lúc đầu họ là những người bị đày khổ sai (1788), rồi đến những nhà chăn-nuôi (1820) và những người đi tìm vàng (1851). Vào năm 1850, số người Âu-Châu ở Úc mới được 400.000, đến nay trên 10 triệu.

3. THÀNH-PHỐ LỚN

Tới 2/3 dân Úc ở sáu thành-phố lớn sau đây :

1. *Sydney* : 2.100.000 người.
2. *Melbourne* : 1.900.000 người.
3. *Canberra* : 56.000 người. Thủ-đô nước Úc.
4. *Brisbane, Adelaide, Perth* : mỗi thành-phố 500.000 người.

III. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI, QUẶNG-MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC

1. CANH-NÔNG, CHĂN-NUÔI

a) Canh-nông.

Diện-tích trồng-trọt chiếm 1% đất Úc. Ở Úc có hai miền trồng cây :

1. *Miền nhiệt-dới* : Mía, bông (ở Đông và Bắc-Úc).
2. *Miền ôn-dới* : Lúa mì (ở Đông-Nam và Tây-Nam). Mỗi năm 5 triệu tấn. Xuất-cảng hơn 2 triệu tấn lúa mì.

b) Chăn-nuôi.

Ở Úc, chăn-nuôi có một địa-vị quan-trọng trong nền kinh-tế ; nổi nhất là nghề nuôi cừu, có những chủ trại (Squatters) nuôi tới 100.000 cừu. Nghề nuôi cừu được bành-trướng từ khi Úc sản-xuất ít vàng. Các chủ trại thường nuôi ở phía nội-địa Úc, tới hồ Eyre. Về phía Tây-Úc có ít người nuôi cừu, trừ ở gần Perth. Phía Bắc, việc nuôi cừu thừa-thớt. Nhưng việc chăn cừu gặp phải nạn thổ rừng đến phá cỏ và nạn khan nước. Vì thế, người ta phải đào nhiều giếng (5.000 chiếc lớn) và làm bẫy giết thổ. Nhờ có nghề nuôi cừu này mà Úc thành một xứ sản-xuất

nhieu len nhất thế-giới: 660.000 tấn (chiếm 34% thế-giới). Hầu hết xuất-cảng sang nước Anh. Ngoài nghề chăn cừu, dân Úc còn chăn nuôi bò, thỏ :

1. *Cừu* : 158 triệu con (năm 1962).
2. *Bò* : 14 triệu con.
3. *Ngựa* : 1 triệu con.
4. *Thỏ* : Hàng ngàn triệu con.

2. QUẶNG MỎ, NGUỒN NĂNG-LỰC (năm 1962)

a) Quặng mỏ.

Úc giàu về quặng mỏ. Trong các thứ quặng mỏ, thì mỏ vàng quan-trọng hơn hết, rồi đến mỏ bạc, đồng, kẽm, sắt :

1. *Vàng* : 33 tấn (năm 1905 : 140 tấn) ở Coolgardie, Kalgoorlie.
2. *Bạc* : 325 tấn. Ở núi Farrel.
3. *Đồng* : 100.000 tấn. Ở Tasmania, núi Isa.
4. *Kẽm* : 120.000 tấn. Ở Tasmania (thứ nhì thế-giới).
5. *Sắt* : 5 triệu tấn. Ở phía Nam.

b) Nguồn năng-lực.

1. *Than* : 24 triệu tấn. Ở Newcastle.
2. *Dầu hỏa* : Có ít ở phía Tây Brisbane.
3. *Điện-lực* : 26 tỷ kwh.

IV. KỸ-NGHỆ, THƯƠNG-MẠI, GIAO-THÔNG

1. KỸ-NGHỆ NƯỚC ÚC

Kỹ-nghệ Úc được phát-triển mạnh sau hai trận thế-chiến vừa qua. Không những Úc mở-mang loại kỹ-nghệ dẹt và thực-phẩm mà còn bành-trướng cả về kỹ-nghệ luyện-kim.

a) Kỹ-nghệ len, thực-phẩm.

1. *Len* : Thứ nhất thế-giới (660.000 tấn). Tại Sydney, Melbourne và Adelaide. Có 150 xưởng dùng 22.500 thợ.
2. *Thực-phẩm* : Đồ hộp, sữa, bơ, đường, rượu.

b) **Kỹ-nghệ luyện-kim xe hơi (1962).**

Hoạt-động mạnh nhất là ở Sydney, Newcastle, Melbourne, Adelaide :

1. *Thép* : 4 triệu tấn.
2. *Gang* : 3 triệu tấn.
3. *Xe hơi*: 225.000 chiếc một năm.

Tại Úc cũng có kỹ-nghệ đóng tàu (Melbourne, Sydney), xe hơi (Melbourne, Woodville), xi-măng (1 triệu tấn), máy bay (Melbourne).

2. THƯƠNG-MẠI NƯỚC ÚC

a) **Hải-cảng** : Tổng-cộng 35 triệu tấn hàng-hóa :

1. *Sydney* : Hải-cảng đẹp.
2. *Newcastle*: Hải-cảng than.
3. *Melbourne*: Hải-cảng len.

b) **Xuất-nhập-cảng (1962).**

Buôn-bán nhiều nhất với Anh, Hoa-Kỳ.

1. *Xuất-cảng* : 1 tỷ Úc-kim (160 tỷ VN). Len, bột, da, tơ, bơ, phó-mát, thịt, đường. Số tiền xuất-cảng nông-sản chiếm 17%.

2. *Nhập-cảng* : 885 triệu Úc-kim. Dầu-hỏa, cao-su, bông và hóa-phẩm.

3. GIAO-THÔNG NƯỚC ÚC

a) **Đường bộ.**

3 triệu xe. Hơn 800.000 cs đường bộ.

b) **Hàng-không.**

Hoạt-động một năm : 68 triệu cs, 2,6 triệu hành-khách, có 476 sân bay.

c) **Hỏa-xa.**

52.000 cs. Đường xuyên Úc nối Perth (Tây) với Townsville (Đông) qua Coolgardie, Kalgoorlie, Adelaide, Melbourne, Sydney, Brisbane và nhiều đường nhánh tới sa-mạc, chuyên-chở 490 triệu hành-khách.

V. TÂN-TÂY-LAN (TRONG ĐẠI-DƯƠNG-CHÂU).

Tuy Tân-Tây-Lan ngày nay là một nước độc-lập, không còn bị coi là một đảo lệ-thuộc vào Úc-Đại-Lợi nữa, nhưng để hiểu biết rộng hơn về kinh-tế Đại-Dương-Châu, cũng nên nhắc qua đến Tân-Tây-Lan.

1. LỊCH-SỬ VÀ TỔ-CHỨC CHÍNH-TRỊ

a) Lịch-sử Tân-Tây-Lan.

Do ông Cook khám-phá năm 1770 rồi bị chính-phủ Anh hoàn-toàn chiếm giữ làm thuộc-địa từ năm 1840, sau khi phải chiến-đấu với người địa-phương Maoris. Từ đó, Tân-Tây-Lan chia thành 9 tỉnh. Năm 1907, được trở thành một quốc-gia trong khối Thịnh-vượng Anh.

b) Tổ-chức Chính-trị.

Là một quốc-gia thuộc khối Thịnh-vượng Anh, quyền Hành-pháp Tân-Tây-Lan thuộc Hoàng-đế Anh. Hoàng-đế Anh cử một viên Toàn-quyền (do Chính-phủ Tân-Tây-Lan đề-nghị) đại-diện nhà vua. Thực ra, Thủ-tướng và các Tổng-trưởng có toàn-quyền về Hành-pháp. Về Lập-Pháp, có một Phòng Đại-biêu gồm 80 người (4 người Maoris) được bầu trong ba năm do một cuộc phổ-thông đầu-phiếu trực-tiếp, dành cho các công-dân nam nữ đủ 21 tuổi.

2. ĐỊA-LÝ TÂN-TÂY-LAN

a) Địa-lý thiên-nhiên, nhân-văn.

1. *Thiên-nhiên* : Gồm hai đảo lớn cách nhau bằng eo biển Cook, Tân-Tây-Lan rộng 267.000 csv ; nếu tính cả mấy đảo lệ-thuộc, diện-tích là 270.000 csv. Cả hai đảo, từ Bắc xuống Nam đều có dãy núi chạy dài theo ven biển. Ngọn cao nhất là Rouapehou 2.800 th (đảo phía Bắc) và ngọn Cook 3.768 th (đảo phía Nam). Tại đây, khí-hậu dễ chịu do vị-trí hai đảo tạo ra. Có hai sông quan-trọng là : Autha và Wakaia ; riêng sông Waikato ở phía Auckland bắt nguồn từ Mokai chảy qua phía Tây, tạo thành bãi bờ rất đẹp.

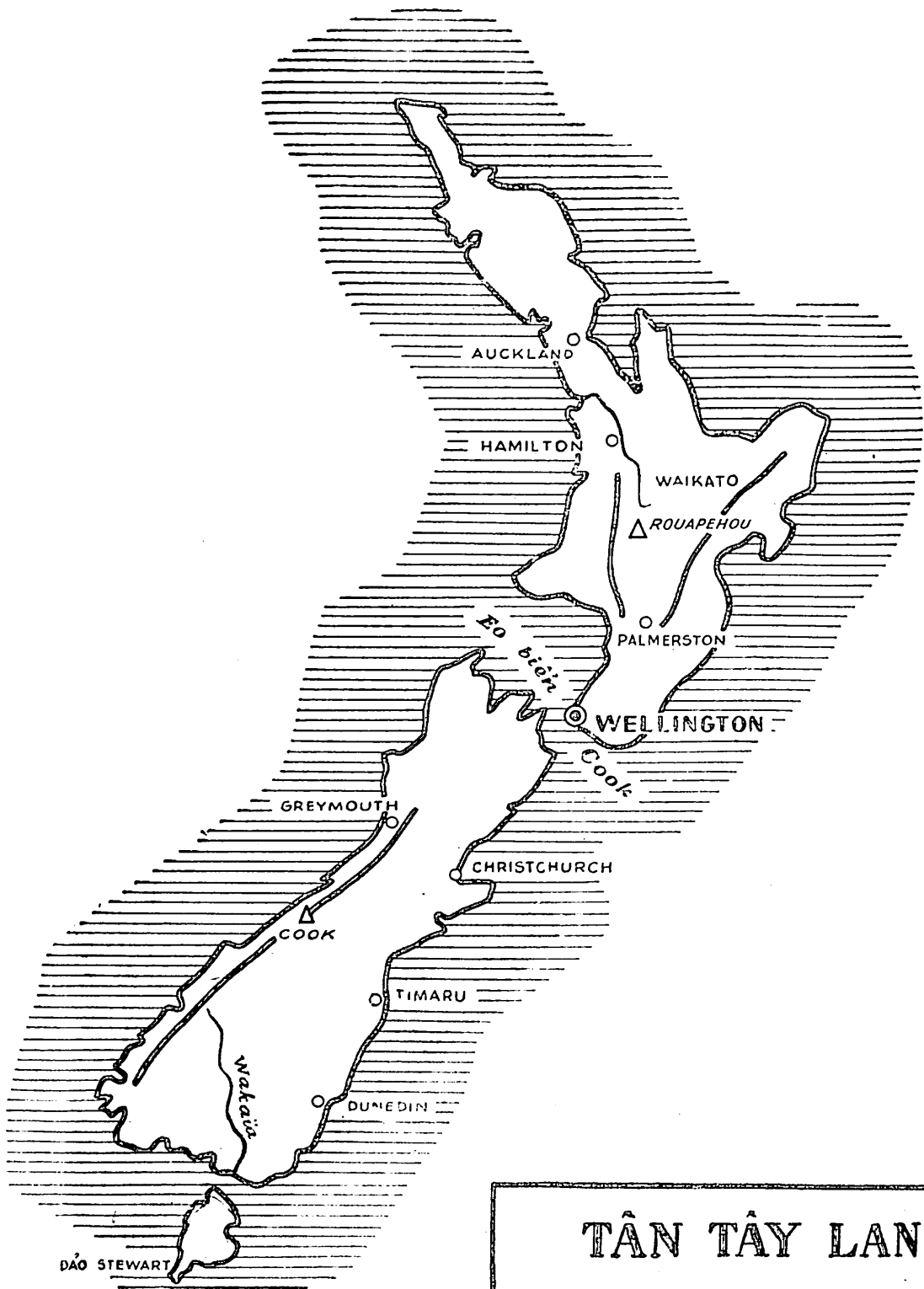
2. *Nhân-văn* : Dân-số ngày nay là 2.440.000 người, trong số đó tới 1.730.000 gốc người Anh. Quá 100.000 người sống ở Thủ-đô Wellington. Tại Auckland, Dunedin, Palmerston, Hamilton, dân-cư cũng đông.

b) Địa-lý kinh-tế.

1. *Nông-nghiệp, chăn-nuôi, ngư-nghiệp* : Tới 3,8% diện-tích dùng vào việc trồng-trọt và 49% chăn-nuôi. Thường trồng lúa mì, khoai, trái cây, nuôi cừu (50 triệu), bò (4 triệu), ngựa (1/2 triệu). Mỗi năm sản-xuất 1.600.000 tạ len. Về ngư-nghiệp, mỗi năm được 32.000 tấn cá.

2. *Quặng-mỏ, kỹ-nghệ* : Quặng-mỏ Tân-Tây-Lan có lợi hơn trồng trọt : Than (972.000 tấn), vàng (4.400 kg), bạc (7.000 kg). Về kỹ-nghệ : làm nhiều đồ dùng và máy móc nhỏ (trước đây phải lệ-thuộc Anh nhiều). Ngày nay kỹ-nghệ dệt len, thực-phẩm và đóng giầy bành-trướng mạnh.

3. *Giao-thông* : Có trên 80 tàu trọng-trải 123.000 tấn. Các hải-cảng Auckland, Wellington hoạt-động nhiều. Về đường sắt có 5.540 cây số và có 306.000 xe hơi.



AUCKLAND

HAMILTON

WAIKATO

△ ROUAPEHU

PALMERSTON

● WELLINGTON

GREYMOUTH

CHRISTCHURCH

TIMARU

DUNEDIN

Wakaiti

Eo biển

Cook

COOK

ĐẢO STEWART

TÂN TÂY LAN

CHƯƠNG I

TRUNG-HOA

- Bài II — 1. Tại sao dân-chúng Trung-Hoa ở miền quê nhiều hơn ở thành-thị ?
- III — 2. Những điều-kiện thiên-nhiên lợi cho nền canh-nông Trung-Hoa ?
3. Sau khi Cộng-Sản chiếm Trung-Hoa, họ đã biến-đổi « chế-độ » nông-nghiệp thế nào ?
4. Tại sao nông-nghiệp ở Trung-Hoa còn rất quan-trọng ?
- V — 5. Sơ-lược sự tiến-triển nông-nghiệp ở Đài-Loan.
6. Đài-Loan thường xuất-cảng những loại nào ?

CHƯƠNG II

NHẬT-BẢN

- Bài III — 7. Nhờ những điều-kiện nào, sức sản-xuất nông-sản của Nhật lại cao nhất Á-Châu ?
8. Tại sao Nhật không sản-xuất đủ lúa gạo cho nhu-cầu dân-số ?
- V — 9. Những đặc-điểm sản-phẩm kỹ-nghệ Nhật ?
10. Kỹ-nghệ dệt Nhật-Bản. /
(Tứ-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1964)
11. Những điều-kiện nào chi-phối nền kỹ-nghệ Nhật-Bản ?
(Tứ-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1963)
12. Những đặc-điểm nền kỹ-nghệ Nhật.
(Tứ-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1964)
- VI — 13. Từ năm 1950, nước Nhật tiến mạnh về thương-mại nhờ những hoàn-cảnh nào ?
14. Vẽ bản-đồ bốn đảo chính Nhật-Bản, ghi các khu kỹ-nghệ và thương-cảng quan-trọng.
(Tứ-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1964)
15. Tình-trạng chung nền thương-mại Nhật-Bản ?
16. Vẽ lược-đồ Nhật-Bản có ghi rõ tên các đảo lớn, các biển bao

quanh, vị-trí của núi Phú-Si (Fyji-Yama) và thủ-đô Đông-Kinh (Tokyo).

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1963)

CHƯƠNG III

ẤN-ĐỘ

- Bài II — 17. Sơ-lược giai-cấp trong xã-hội Ấn-Độ.
 III — 18. Ấn-Độ sản-xuất nhiều nhất về những nông-sản nào ?
 IV — 19. Sơ-lược tình-hình dân-số, kỹ-nghệ, ngoại-thương và giao-thông ở Calcutta.
 20. Trình-bày hai thành-phố kỹ-nghệ quan-trọng của Ấn-Độ.

CHƯƠNG IV

HOA - KỲ

- Bài II — 21. Theo thực-tế, trên toàn-thê Hoa-Kỳ, đã giải-quyết hoàn-toàn vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc chưa ? Tại sao ?
 III — 22. Nhờ những điều-kiện nào, nông-nghiệp Hoa-Kỳ phát-triển mạnh ?
 23. Đặc-điểm của nền canh-nông Hoa-Kỳ.
 (Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1963)
 IV — 24. Quặng mỏ ở Hoa-Kỳ có quan-trọng không ? Chứng-minh.
 25. Các nguồn năng-lực ở Hoa-Kỳ.
 (Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1964)
 V — 26. Đặc-điểm kỹ-nghệ luyện-kim ở Hoa-Kỳ ?
 27. Kề những điều-kiện thuận-lợi cho nền kỹ-nghệ Hoa-Kỳ ?
 (Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1963)
 VI — 28. Việc xuất-nhập-cảng của Hoa-Kỳ có quân-bình không ? Tại sao ?
 29. Sau thế-chiến II, Hoa-Kỳ mở rộng ngoại-thương tại những khu-vực nào ?
 30. Đường giao-thông của nước Hoa-Kỳ (thủy, bộ, hàng-không).
 Vẽ bản-đồ Hoa-Kỳ, ghi những đường hỏa-xa quan-trọng.
 (Tú-tài II, Ban AB, khóa II năm 1964)
 31. Vẽ bản-đồ Hoa-Kỳ, ghi các núi, sông, hồ và đặt vị-trí 10 thành-phố và hải-cảng quan-trọng nhất trong nước.

(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1964)

CHƯƠNG V
NGA - SÔ

- Bài I — 32. *Kề tên những sông ngòi của Liên-Bang Sô-Viết.*
(Tú-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1963)
- III — 33. *Đặc-diểm nông-nghiệp ở Nga.*
(Tú-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1964)
34. *Nông-nghiệp ở Nga-sô.*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1964)
35. *Sơ-lược chế-độ nông-xã Kolkhozes và Sovkhozes của Nga-Sô.*
36. *So-sánh số điện-lực tiêu-thụ giữa 3 nước Nga, Nhật, Hoa-Kỳ.*
- V — 37. *So-sánh miền Ukraine với miền Oural về phương-diện kinh-tế.*

CHƯƠNG VI
NƯỚC ĐỨC

- Bài I — 38. *Sự phục-hưng kinh-tế của Đức-quốc đã nhờ những điều-kiện thuận-lợi nào ?*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1964)
39. *Trong nền kinh-tế Đức-quốc, sông Rhin giữ vai trò quan-trọng như thế nào ?*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1963)
- II — 40. *So-sánh cuộc di-cư của Đức sau thế-chiến II với cuộc di-cư ở Việt-Nam năm 1954.*
- III — 41. *Đặc-diểm canh-nông ở Đức.*
- V — 42. *So-sánh miền kỹ-nghệ Rhur với miền kỹ-nghệ Saxé.*
43. *Ngành kỹ-nghệ luyện-kim Đức tiến mạnh nhờ những điều-kiện nào ?*
44. *Ghi trên bản-đồ nước Đức : các sông ngòi và các vị-trí của các hải-cảng quan-trọng.*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1963)

CHƯƠNG VII
NƯỚC ANH

- Bài I — 45. *Tại sao dân Anh ở thành-thị nhiều hơn ở thôn-quê ?*
- III — 46. *Nước Anh có sản-xuất đủ lúa mì cho nhu-cầu dân Anh ? Tại sao ?*
47. *Nền canh-nông Anh-quốc gặp những điều-kiện bất-lợi nào ?*
(Tú-Tài II, Ban AB, khóa I năm 1963)

- Bài IV — 48. *Sự sản-xuất than đá của Anh-quốc.*
(Tú-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1963)
- V — 49. *Những khó-khăn của kỹ-nghệ Anh ?*
- VI — 50. *Đặc-tính ngành thương-thuyền Anh-quốc ?*
51. *Ghi trên một lược-đồ Anh-quốc : vị-trí của 6 hải-cảng lớn.*
(Tú-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1963)
52. *Sự quan-trọng của nền thương-mại ở Anh-quốc.*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1964)
53. *Vẽ bản-đồ Anh-quốc, ghi các khu kỹ-nghệ và các thương-cảng quan-trọng.*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1964)

CHƯƠNG VIII

NƯỚC PHÁP

- Bài II — 54. *So-sánh sự tăng giảm dân-số ở Hoa-Kỳ và Pháp. Tại sao có sự tăng giảm này ?*
- IV — 55. *So-sánh hai nguồn năng-lực của Pháp và Anh.*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1963)
56. *Các nguồn năng-lực ở Pháp.*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa II năm 1964)
- V — 57. *Kỹ-nghệ kim-khí nước Pháp.*
(Tú-Tài II, Ban AB, khóa II năm 1964)
58. *Nói qua về kỹ-nghệ thực-phẩm của Pháp.*
59. *Kỹ-nghệ dệt của Pháp có quan-trọng không ? Tại sao ?*
- VI — 60. *Việc xuất-nhập-cảng của Pháp có quân-bình không ? Chứng-minh.*

CHƯƠNG IX

ÚC-ĐẠI-LỢI

- Bài II — 61. *Phân động dân-cư Úc-Đại-Lợi từ đâu tới ?*
- III — 62. *Tại Úc-Đại-Lợi trong hai nghề nông và chăn-nuôi, nghề nào quan-trọng hơn ? Chứng-minh.*
63. *Ngành chăn nuôi có địa-vị gì trong nền kinh-tế Úc-Đại-Lợi ?*
(Tú-Tài II, Ban CD, khóa I năm 1963)
64. *Quặng mỏ ở Úc-Đại-Lợi có quan-trọng không ?*
- IV — 65. *Nhờ những yếu-tố nào mà kỹ-nghệ dệt len của Úc quan-trọng nhất thế-giới ?*

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

(Phần Việt-Sử)

- ALBERTI (J. B.)* L'Indochine d'autrefois et d'aujourd'hui, Paris 1934.
- ANH-MINH* Kỳ-ngoại-Hầu Cừơng-Đề với Phan-bội-Châu, Phan-châu-Trinh, Huỳnh-thúc-Kháng, Sài-gòn 1951.
- BERNARD (Paul)* Nouveaux aspects du problème économique indochinois, Paris 1937.
- BOUINAIS (A.)* L'Indochine Française contemporaine, T. II, Paris 1885.
- CHESNEAUX (Jean)* Contribution à l'histoire de la nation Vietnamienne, Paris 1955.
- DESCHAMPS (Philippe)* Histoire du Viet-Nam de 1940 à 1952, Paris 1952.
- BUBOC (Colonel)* L'Indochine contemporaine, Paris 1932.
- DƯƠNG-CHÂU* Vĩ-tuyển 17, Sài-gòn 1956.
- DUPUIS (Jean)* Le Tonkin de 1872 à 1886, Paris 1910.
- ĐÀO-TRINH-NHẤT* Lương-ngọc-Quyển và cuộc khởi-nghĩa Thái-Nguyên 1917, Sài-gòn 1957.
- ĐÀO-TRINH-NHẤT* Phan-đình-Phùng, Sài-gòn 1957.
- FONDETTES (P.)* Solution pour l'Indochine ? Paris 1952.
- HENRI-BIABAUD* Deux ans en Indochine, Paris 1939.
- HÒÀNG-XUÂN-HÃN* Hội-nghị Việt-Pháp Đà-lạt, Hà-nội 1949.
- JOSEPH BUTTINGER* The Smaller Dragon, New-York 1958.
- L'ANIEL (Jos)* Le drame Indochinois de Điện-Biên-Phủ au pari de Genève, Paris 1957.
- LÊ-THÀNH-KHÔI* Le Viet-Nam, histoire et civilisation. Paris 1955.
- MAYBON (Albert)* L'Indochine, Paris 1931.
- MARCHAND (Colonel)* L'Indochine dans le cadre de l'Asie et ses problèmes actuels, Paris 1949.

MASSON (André)	Histoire du Việt-Nam, Paris 1960.
MERCIER (A. Fr.)	Faut-il abandonner l'Indochine ? Paris 1954
NGUYỄN-DUY-HINH	Đề-Thám, con Hùm Yên-thế, Sài-gòn 1961
PHẠM-VĂN-SƠN	Việt-Nam tranh-đấu sử, Sài-gòn 1959.
PHAN-BỘI-CHÂU	Tự-phán, Sài-gòn 1957.
PHAN-CHÂU-TRINH	Thư Thất-Điều, Huế 1958.
PHAN-SÀO-NAM	Cao-Đảng Quốc-Dân, Huế 1957.
PHAN-TRẦN-CHỨC	Vua Hàm-nghi, Hà-nội 1951
PINTO (Roger)	Aspects de l'Évolution gouvernementale de l'Indochine française, Paris 1946.
SABATTIER (Général)	Le destin de l'Indochine, Paris 1952.
THẾ-NGUYỄN	Phan-châu-Trinh, Sài-gòn 1956.
TOUZET (André)	L'Économie indochinoise et la grande crise universelle, Paris 1934.
TÙNG-LÂM	Cuộc đời cách-mạnh Cường-Đề, Sài-gòn 1957.
VĂN-HÀ	Tán-thuật, Bãi-sậy khởi-nghĩa, Sài-gòn 1951.
VĂN-QUANG	Hoàng-hoa-Thám, Sài-gòn 1957.
(VÔ DANH)	Indochina, a french point of view, Paris 1957.
(VÔ DANH)	Vade Mecum Annamite, Sài-gòn 1921.

- Convention d'application (accords Franco-Vietnamien du 8-3-1949) Sài-gòn 1950.
- Convention inter-Etats, Sài-gòn 1951.
- Recueil général des actes relatifs à l'organisation et à la réglementation de l'Indochine, Sài-gòn 1911-1919.
- Báo L'Éveil économique de l'Indochine, xuất-bản tại Hà-nội từ năm 1923-1931.
- Báo Cứu-Quốc, cơ-quan tuyên-truyền kháng-chiến của Tổng-Bộ Việt-Minh, xuất-bản tại Liên-Khu 3, từ năm 1948-1950.
- Báo Công-Dân, cơ-quan tuyên-truyền, thông-tin của Việt-Minh, xuất-bản tại Liên-Khu 3, từ năm 1947-1949.

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

(Phần Thê-giới-sử)

- ALEM (Jean Pierre)* Le Moyen-Orient, Press. Univ., Paris 1961.
- AUXION DE RUFFÉ (R. d')* Chine et Japon, Editions Berger-Levrault, Paris 1939.
- BRIEUX (J. J.)* La Chine du Nationalisme au Communisme, Paris 1950.
- BRUHAT (Jean)* Présentation de L' U.R.S.S., Editions Jacques Vautrain, Paris 1947.
- BÙI-TUỜNG-CHIỀU* Tờ-chức Liờn-Hiệp-Quốc, Sài-gòn 1949.
- CÉRÉ (Roger)* La seconde guerre mondiale, Press., Univ., Paris 1958.
- CHASSIN'* Lịch-sử thê-giới chiến-tranh lần thứ hai (T. m. Tiết dích), Sài-gòn 1952.
- CHAUMONT (Charles)* L' O.N.U., Paris 1957.
- CHAVICHVILY* Patrie, Prisons, Exil, Paris 1946.
- CHAVIRÉ (Roger)* Histoire de l'Irlande, Press., Univ., Paris 1949
- CHURCHILL (Winston)* Triomphe et Tragédie, 2^e patrie, Le rideau de fer, Paris 1954.
- CROKAERT (Jacques)* Histoire du Commonwealth Britanique, Press. Univ., Paris 1949.
- CROUZET (Maurice)* Histoire général des civilisations, T.VII, L'Epoque contemporaine, Paris 1957.
- DALLIN (D. J.)* Đê-quốc Sô-Viêt, Sài-gòn 1952
- DREVET (Camille)* Gandhi et l'Inde nouvelle, Editions du Centurion, Paris 1949.
- DAVID (cl.)* L'Allemagne de Hitler, Press. Univ., Paris 1938.
- DESCHAMPS (H.)* L'Union française, Paris 1952
- DROZ (Jacques)* Histoire de l'Allemagne, Press. Univ., Paris 1958.
- DUBOSCQ (A.)* L'Elite chinoise, Paris 1945.
- ĐÀO-DUY-ANH* Trung-Hoa sử-cương, Sài-gòn 1954.
- EBERHARD (W.)* Histoire de la Chine, Payot, Paris 1952.
- ESCARRA (Jean)* L'Honorable paix japonaise, Paris 1938.
- FEDOROFF (Mitchel)* La Russie sous le Régime communiste, Nouvelle Librairie nationale, Paris 1926.

- GANDHI* La Jeune Inde, Libr. Stock, Paris 1924.
- GLASS (Max)* L'Amérique ébranlée, Editions Monde Nouveau, Paris 1949.
- GRECARD (Ferland)* La Révolution Russe, Lib. Armand Colin, Paris 1933.
- HERSEY (John)* Hiroshima, Bantam Books, New-York 1946.
- KEIM (J. A.)* Mon Japon du demi siècle, Paris 1952.
- LAFFAY (Jean)* L'Europe, SEFI, Paris 1946.
- LÊ-CÔNG* Nước Nhật ngày nay, Sài-gòn 1957.
- LEMONNIER-GRUIER* Parachutés le 6 Juin, Paris 1949.
- LÊ-VĂN-SÁU* Đông-Á trên trường chính-trị quốc-tế (1840-1950), Paris 1951.
- LESTIEN* La Première guerre mondiale, Press., Univ., Paris 1949.
- LÉVY (Roger)* Regards sur L'Asie, Lib. Armand Colin, Paris 1952.
- MEILE (Pierre)* Histoire de l'Inde, Press. Univ., Paris 1951.
- MENDE (Tibor)* L'Inde devant l'orage, Editions du Seuil, Paris 1950.
- MOURER (Henri)* Les Amériques et l'empire des Aïrs, Paris 1949.
- MINDER (Robert)* Allemagnes et Allemands, T. I, Paris 1949.
- NGUYỄN-XUÂN-QUANG* Xứ Ấn-Độ ngày nay, Sài-gòn 1952.
- PERNOT (Maurice)* Inquiétude de l'Orient sur la Route de l'Inde, Libr. Hachette, Paris 1927.
- QUANG-CHÍNH* Chính-trị Nhật-Bản, Sài-gòn 1959.
- RADIN (Paul)* Histoire de la Civilisation Indienne, Payot, Paris 1953.
- RAIN (Pierre)* Organisation de la Paix en Europe depuis les Origines jusqu'à l'O.N.U. La Table Ronde, Paris 1946.
- RAUSCHNING* L'Allemagne entre l'Ouest et l'Est, Paris 1952.
- RENOUVIN (P.)* La question d'Extrême-Orient (1840-1940), Paris 1946.
- SANSOM (G.B.)* Le Japon, Histoire de la Civilisation Japonaise, Payot, Paris 1938.
- SCHUSCHNING* Requiem — Editions SFELT, Paris 1947
- SOUKHOMLINE (V.)* Les Procès célèbres de la Russie, Payot, Paris 1937.

- TCHANG KAI CHEK* Destin de la Chine, Paris 1951.
TCHANG KAI CHEK Nga-sô tại Trung-Quốc. (Bản dịch của Ngô-tâm-Lý), Sài-gòn 1958.
THÁI-BÀNG Ấn-Độ, quê-hương Thánh Gandhi, quyển 1, Sài-gòn 1958.
VATH (R.P.) Histoire de l'Inde et sa Culture, Payot, Paris 1937.
VISCHKA (Ant.) Le Japon dans le monde, l'expansion nipponne 1854-1934, Payot, Paris 1934.
(VÔ DANH) Hiến-pháp mới của Liên-Sô, Hà-nội 1946.

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

(Phần Địa-Lý)

- AUDOIN-DUBREUIL* La Croisière jaune — Plon édit.
BLANCHARD (R.) L'Amérique du Nord — Fayard édit.
BUREAU DE L'I.P.A.C. Le Japon d'Aujourd'hui, Tokyo 1961.
CLOZIER (R.) L'Allemagne et l'Europe centrale germanique, Press. Univ. édit.
CRESSEY Géographie humaine et économique de la Chine, Payot édit.
CROUZEI (F.) L'Économie du Commonwealth — Press. Univ. édit.
HAMBIS (Louis) La Sibérie, Press. Univ., Paris 1957.
HARRY HANSEN The World Almanac 1963.
HUETZ DE LEMPS (A.) Australie et Nouvelle-Zélande, Press. Univ. édit.
MEYNIER (A.) L'Économie britannique, Information.
MENDE (Tibor) L'Inde devant l'orage, Edt. du Seuil.
OSSENDOWSKI A travers le pays des hommes, des bêtes et des dieux, Plon édit.
MOREAU (Maurice) L'Économie du Japon, Press. Univ., Paris 1959.
PHILIP (A.) L'Inde moderne, F. Alcan édit.
SIEGFRIED (A.) Les Etats-Unis, A. Colin édit.
SOURDILLAT (J.-M.) Géographie agricole de la France, Press. Univ. édit.
L'NG-TRUNG Hoa-Kỳ và người Mỹ, Sài-gòn 1949.

- *SEP* Encyclopédie géographique de poche, Société parisienne d'édition.
- *USIS* USA its geography and Growth, New-York 1961.
- *YEFIME* Japon, Paris 1960.
- *BÁO MISSI* Năm 1956, 1958, 1960, 1964, 1965.
- *CENTRAL O.I.* Economic development in the Commonwealth, London 1960.
- *GEOFFREY CORER* Les Américains, Calmam-Levy, Paris 1949.
- *BÁO QUÊ-HƯƠNG* Xuất-bản tại Sài-gòn 1960-1961.
- *BÁO LE MONDE* Xuất-bản tại Ba-Lê 1958-1963, 1965.
- *CENTRE DE RECHERCHES*
SOCIO-RELIGIEUSES Bilan du monde, Tome II, Casterman, Belgique 1960.
- *SOCIÉTÉ DES REVUES*
DE TAIWAN Taiwan aujourd'hui, Taiwan 1961.
- *A. N. I. B.* Australia 1963 (Handbook).
- *ALLEMAGNE* Bulletin bimestriel d'information
Septembre — Décembre 1965.
-

MỤC-LỤC

	Trang
Lời nói đầu	5
Chương-trình	6

PHẦN THỨ NHẤT VIỆT-SỬ

CHƯƠNG I. Việt-Nam dưới thời Pháp-thuộc.

I. Pháp thi-hành hòa-ước 1884	10
II. Tờ-chức chính-trị	11
III. Tờ-chức hành-chính	13
IV. Tờ-chức tư-pháp	14
V. Tờ-chức quân-đội	16
VI. Tờ-chức kinh-tế	17
VII. Tờ-chức tài-chính	19
VIII. Tờ-chức giáo-dục	20
IX. Xã-hội Việt-Nam thời Pháp-thuộc	22
X. Xã-hội Việt-Nam bị thay đổi	24

CHƯƠNG II. Việt-Nam tranh-đấu độc-lập thời-kỳ thứ nhất (1884-1930)

I. Phong-trào Cần-vương	27
II. Phan-đình-Phùng chống Pháp	28
III. Nguyễn-Thiện-Thuật và Đinh-Công-Tráng chống Pháp	30
IV. Hoàng-Hoa-Thám chống Pháp	31
V. Phong-trào Đông-du với Phan-Bội-Châu	33
VI. Phong-trào Duy-Tân với Phan-Châu-Trinh	34
VII. Đông-kinh nghĩa-thục	36
VIII. Việt-Nam Quang-Phục hội khởi-nghĩa	37
IX. Khởi-nghĩa ở Thái-nguyên năm 1917	39
X. Mưu-sát Merlin.	40
XI. Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng	42

**CHƯƠNG III. Việt-Nam tranh-đấu độc-lập
thời-kỳ thứ hai (1930-1945)**

- | | | |
|------|--------------------------------------|----|
| I. | Đông-Dương Cộng-Sản đảng | 46 |
| II. | Nhật lập căn-cứ ở Đông-Dương | 47 |
| III. | Cuộc đảo-chính 9-3-1945 | 48 |
| IV. | Cao-trào tranh-thủ độc-lập phát-khởi | 50 |

**CHƯƠNG IV. Việt-Nam tranh-đấu độc-lập
thời-kỳ thứ ba (1945-1955)**

- | | | |
|------|--|-------|
| I. | Hiệp-định sơ-bộ 6-3-1946 | 53 |
| II. | Tạm-ước 14-9-1946 | 54 |
| III. | Sơ-ước Hạ-Long 5-6-1948 | 55 |
| IV. | Hiệp-định Élysée, Pháp trả Nam-Kỳ cho Việt-Nam | 57 |
| V. | Hiệp-ước Độc-lập và Liên-kết 4-6-1954 | 58 |
| VI. | Thỏa-hiệp Genève 20-7-1954 | 60 |
| | Câu hỏi giáo-khoa | 62-66 |

PHẦN THỨ HAI

THẾ-GIỚI-SỬ

Chương-trình 69

**CHƯƠNG I. Các cường-quốc Á-Châu :
Trung-Hoa, Nhật-Bản, Ấn-Độ**

- | | | |
|------|--|----|
| I. | Trung-Hoa : Từ cuộc cách-mạng Tân-Hợi đến khi thống-nhất | 72 |
| II. | Trung-Hoa dân-quốc thời Tưởng-Giới-Thạch | 74 |
| III. | Nhật-Bản sau thời Minh-Trị và thời bành-trướng đế-quốc | 75 |
| IV. | Nhật-Bản bại trận. | 78 |
| V. | Phong-trào tranh-đấu dành độc-lập của Ấn-Độ | 79 |
| VI. | Liên-hiệp Ấn-Độ ngày nay | 80 |

**CHƯƠNG II. Những khó-khăn của các cường quốc :
Hoa-Kỳ, Anh, Pháp (giữa hai trận thế chiến)**

I.	Khó-khăn kinh-tế của Hoa-Kỳ : Khủng-hoảng kinh-tế	83
II.	Những khó-khăn chính-trị của Hoa-Kỳ : Cạnh-tranh ở Âu-Châu và Á-Đông	84
III.	Những khó-khăn của Anh tại chính-quốc	86
IV.	Những khó-khăn của Anh tại các thuộc-quốc	87
V.	Những khó-khăn của Pháp tại chính-quốc	88
VI.	Những khó-khăn của Pháp tại các thuộc-quốc	90
VII.	Khủng-hoảng kinh-tế thế-giới 1929	91

**CHƯƠNG III. Các chế-độ độc-tài :
Cộng-Sản, Phát-Xít, Quốc-Xã**

I.	Chủ-nghĩa Cộng-Sản thực-hiện ở Nga	94
II.	Nước Nga dưới chế-độ độc-tài Cộng-Sản	95
III.	Chủ-nghĩa Phát-Xít này sinh ở Ý	97
IV.	Nước Ý dưới chế-độ độc-tài Phát-Xít	98
V.	Chủ-nghĩa Quốc-Xã này sinh ở Đức	99
VI.	Nước Đức dưới chế-độ độc-tài Quốc-Xã	101

CHƯƠNG IV. Hai trận thế-chiến : 1914-1918 và 1939-1945

I.	Nguyên-nhân, đặc-tính đại-chiến I (1914-1918)	104
II.	Hậu-quả thế-chiến thứ nhất	105
III.	Hội Quốc-Liên	108
IV.	Nguyên-nhân thế-chiến II	109
V.	Hậu quả thế-chiến thứ hai (1939-1945)	111
VI.	Liên-Hiệp-Quốc	113

	Trang
CHƯƠNG V. Những cuộc tiến-triển hiện thời	
I. Sự giải-phóng các dân-tộc bị-trì	117
II. Tính-chất chung nền văn-minh hiện-đại và tiến-triển của khoa-học	118
III. Triết-học và Văn-nghệ	121
Câu hỏi giáo-khoa	123-126

PHẦN THỨ BA

ĐỊA - LÝ

<i>Chương - trình</i>	129
CHƯƠNG I. Nước Trung-Hoa	
I. Địa-lý thiên-nhiên	133
II. Địa-lý nhân-văn	135
III. Canh-nông, chăn-nuôi, quặng-mỏ, nguồn năng-lực	136
IV. Kỹ-nghệ, thương-mại, giao-thông	137
V. Đảo Đài-Loan	139
CHƯƠNG II. Nước Nhật-Bản	
I. Địa-lý thiên-nhiên	145
II. Địa-lý nhân-văn	146
III. Canh-nông, chăn-nuôi, ngư-nghiệp	148
IV. Quặng mỏ, nguồn năng-lực	149
V. Kỹ-nghệ Nhật-Bản	151
VI. Thương-mại, giao-thông	153
CHƯƠNG III. Nước Ấn-Độ	
I. Địa-lý thiên-nhiên	159
II. Địa-lý nhân-văn	161
III. Canh-nông, chăn-nuôi, quặng mỏ, nguồn năng-lực	163
IV. Kỹ-nghệ Ấn-Độ	165
V. Thương-mại, giao-thông	166

CHƯƠNG IV. Nước Hoa-Kỳ

I. Địa-lý thiên-nhiên	171
II. Địa-lý nhân-văn	172
III. Canh-nông, chăn-nuôi, ngư-nghiệp	174
IV. Quặng mỏ, nguồn năng-lực	176
V. Kỹ-nghệ Hoa-Kỳ	178
VI. Thương-mại, giao-thông	180

CHƯƠNG V. Nước Nga

I. Địa-lý thiên-nhiên	185
II. Địa-lý nhân-văn	186
III. Canh-nông, chăn nuôi, quặng mỏ, nguồn năng-lực	187
IV. Kỹ-nghệ, thương-mại, giao-thông	188
V. Những miền kỹ-nghệ	189

CHƯƠNG VI. Nước Đức

I. Địa-lý thiên-nhiên	195
II. Địa-lý nhân-văn	196
III. Canh-nông, chăn nuôi	198
IV. Quặng mỏ, nguồn năng-lực	199
V. Kỹ-nghệ nước Đức	200
VI. Thương-mại, giao-thông	203

CHƯƠNG VII. Nước Anh

I. Địa-lý thiên-nhiên	207
II. Địa-lý nhân-văn	208
III. Canh nông, chăn nuôi, ngư-nghiệp	210
IV. Quặng mỏ, nguồn năng-lực	211
V. Kỹ-nghệ Anh-quốc	212
VI. Thương-mại, giao-thông	214

CHƯƠNG VIII. Nước Pháp

I. Địa-lý thiên-nhiên	219
II. Địa-lý nhân-văn	221
III. Canh-nông, chăn nuôi, ngư-nghiệp	222
IV. Quặng mỏ, nguồn năng-lực	223
V. Kỹ-nghệ nước Pháp	224
VI. Thương-mại, giao-thông	226

CHƯƠNG IX. Nước Úc-Đại-Lợi

I. Địa-lý thiên-nhiên	231
II. Địa-lý nhân-văn	232
III. Canh-nông, chăn nuôi, quặng mỏ, nguồn năng-lực	233
IV. Kỹ-nghệ, thương-mại, giao-thông	234
V. Tân-Tây-Lan (trong Đại-Dương-Châu)	236
Câu hỏi giáo-khoa	239-242

Nhà xuất-bản ĐƯỜNG SÁNG

55/14, Đường Phát-Diệm — SAIGON

Những sách giáo-khoa được ấn-hành và tái-bản trong niên-khoá 66 - 67

ĐỀ NHẤT

— Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Đại-số-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Lượng-giác-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Bài giải Toán Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Bài giải Toán Đại-số	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Hóa-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Vật-lý-học	<i>của</i>	PHẠM-HUY-NGÀ
— Sử-dịa	<i>của</i>	ĐỖ-QUANG-CHÍNH

ĐỀ NHỊ

— Quang-học	<i>của</i>	PHẠM-HUY-NGÀ và ĐÌNH-CÔNG-HOẠT
— Điện-học	<i>của</i>	PHẠM-HUY-NGÀ và ĐÌNH-CÔNG-HOẠT
— Bài giải Toán Quang-học	<i>của</i>	PHẠM-HUY-NGÀ và ĐÌNH-CÔNG-HOẠT
— Bài giải Toán Điện-học	<i>của</i>	PHẠM-HUY-NGÀ và ĐÌNH-CÔNG-HOẠT
— Câu hỏi giáo-khoa Lýh.	<i>của</i>	ĐÌNH-CÔNG-HOẠT
— Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Đại-số-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Lượng-giác-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Bài giải Toán Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Bài giải Toán Đại-số	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Bài giải T. Lượng-giác	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Câu hỏi giáo-khoa Toán	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Câu hỏi giáo-khoa V. vật	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-LONG và PHAN-ĐÌNH-Ý
— Bài tập H. H. K. G. II A.B	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Bài tập Đại số II A-B	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ
— Sử-dịa	<i>của</i>	ĐỖ-QUANG-CHÍNH
— Giải đáp 300 C. h. V. văn	<i>của</i>	VŨ-KÝ
— Luận V. chương — P. t	<i>của</i>	VŨ-KÝ

ĐỀ TAM

— Vạn-vật-học	<i>của</i>	LÊ-DUY-NGHIỆP và NGUYỄN-LẬP-THỎA
— Đại-số-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ

THƯ - MỤC ĐƯỜNG SÁNG

ĐỀ TỬ

— Vạn-vật-học	<i>của</i>	NGÔ-ĐÌNH-HOÀN
— Vật-lý-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Hóa-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Đại-số-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Bài giải Toán Đại-số	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Bài giải Toán Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Luận Quốc-văn	<i>của</i>	CHU-ĐĂNG-SƠN
— Văn-phạm Anh-văn	<i>của</i>	NGUYỄN-HỮU-QUYỀN
— Khảo-sát Anh-văn	<i>của</i>	HOÀNG-CHÂU và NGUYỄN-HỮU-QUYỀN

ĐỀ NGŨ

— Vạn-vật-học	<i>của</i>	NGUYỄN-LẬP-THỎA và LÊ-DUY-NGHIỆP
— Vật-lý-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Hóa-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Đại-số-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Việt-sử	<i>của</i>	ĐỖ-QUANG-CHÍNH

ĐỀ LỤC

— Vạn-vật-học	<i>của</i>	NGUYỄN-LẬP-THỎA và LÊ-DUY-NGHIỆP
— Vật-lý-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Hóa-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Đại-số-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Việt-sử	<i>của</i>	ĐỖ-QUANG-CHÍNH

ĐỀ THẤT

— Vạn-vật-học	<i>của</i>	NGUYỄN-LẬP-THỎA và LÊ-DUY-NGHIỆP
— Vật-lý-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Hóa-học	<i>của</i>	TRƯƠNG-ĐÌNH-NGŨ
— Đại-số-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Hình-học	<i>của</i>	NGUYỄN-VĂN-PHÚ và NGUYỄN-TÁ
— Việt-sử	<i>của</i>	ĐỖ-QUANG-CHÍNH

GIÁ : 85\$

Giấy phép số 777/BTT/BC3/XB ngày 15-3-66